

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LƯU THỊ TUYẾT

PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LƯU THỊ TUYẾT

PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

Chuyên ngành : Luật Kinh tế

Mã số : 9 38 01 07

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS,TS. Bùi Nguyên Khánh

2. TS. Nguyễn Thị Yến

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các kết quả nêu trong luận án này chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong luận án này là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của luận án này.

Tác giả luận án

Lưu Thị Tuyết

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu sinh xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới hai thầy cô hướng dẫn khoa học của mình là PGS,TS. Bùi Nguyên Khánh và TS. Nguyễn Thị Yến. Các thầy cô đã hướng dẫn, giúp đỡ nghiên cứu sinh rất nhiều trong quá trình nghiên cứu luận án, không chỉ ở góc độ khoa học của đề tài mà còn động viên, khích lệ để nghiên cứu sinh có thể vượt qua mọi khó khăn, thách thức trên con đường tìm kiếm tri thức của mình.

Nghiên cứu sinh cũng xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các thầy, cô giáo trong Ban giám hiệu, Khoa Pháp luật Kinh tế, Phòng Đào tạo Sau đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội; Ban lãnh đạo, Khoa Luật Kinh tế - Học viện Chính sách và Phát triển; người thân và bạn bè đồng nghiệp đã luôn quan tâm, chia sẻ, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu sinh hoàn thành được luận án.

Tác giả luận án

Lưu Thị Tuyết

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	vii
DANH MỤC CÁC HÌNH	viii
LỜI NÓI ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Phương pháp nghiên cứu	5
5. Những đóng góp mới của luận án	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.....	6
7. Kết cấu của luận án	6
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU.....	7
1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	7
1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	7
1.2. Nhóm công trình liên quan đến đánh giá thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	14
1.3. Nhóm công trình liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	16

2. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	21
2.1. Khái quát về kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học ngoài nước và trong nước đã được công bố liên quan đến đề tài	21
2.2. Những vấn đề chưa được các học giả đề cập hoặc còn tranh luận	22
2.3. Những thành tựu trong nghiên cứu mà luận án kế thừa và tiếp tục phát triển.....	23
2.4. Những vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được giải quyết thấu đáo cần tiếp tục triển khai nghiên cứu	24
3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU, CÂU HỎI VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU.....	25
3.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu.....	25
3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu:	27
KẾT LUẬN PHẦN TỔNG QUAN.....	29
Chương 1: LÝ LUẬN VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	30
1.1. LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI VÀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	30
1.1.1. Lý luận về doanh nghiệp xã hội	30
1.1.2. Lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	42
1.2. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI.....	54
1.2.1. Khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội	54
1.2.2. Cấu trúc về hình thức của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội	55
1.2.3. Cấu trúc về nội dung của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội	57
1.2.4. Vai trò của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	63
1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	65
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	69

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM.....	71
2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI DOANH NGHIỆP XÃ HỘI.....	71
2.1.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư	71
2.1.2. Ngành nghề, địa bàn hưởng ưu đãi	73
2.1.3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư	79
2.1.4. Các hình thức ưu đãi	82
2.1.5. Thủ tục hưởng ưu đãi.....	96
2.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI.....	99
2.2.1. Hỗ trợ về vốn.....	100
2.2.2. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực	114
2.2.3. Hỗ trợ các thủ tục hành chính, pháp lý	120
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	132
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM.....	134
3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	134
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo tính bền vững	134
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo tính khả thi	134
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải gắn với việc hoàn thiện tổng thể pháp luật về doanh nghiệp xã hội và phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế, xã hội đất nước	136
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế	137

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	139
3.2.1. Hoàn thiện quy định về ưu đãi doanh nghiệp xã hội	139
3.2.2. Hoàn thiện quy định về hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	147
3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	155
3.3.1. Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội	156
3.3.2. Giao cơ quan chuyên trách quản lý doanh nghiệp xã hội.....	157
3.3.3. Nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.....	160
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	162
KẾT LUẬN	163
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	166
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	167
PHỤ LỤC.....	176

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CIEM	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương
CSIP	Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
DNTM	Doanh nghiệp thương mại
DNXH	Doanh nghiệp xã hội
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCN	Giấy chứng nhận
GCN ĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
KoSE	Cơ quan xúc tiến Doanh nghiệp xã hội Hàn Quốc
NCS	Nghiên cứu sinh
NIC	Trung tâm Đổi mới và Sáng tạo quốc gia
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

DANH MỤC CÁC HÌNH

	<i>Trang</i>
Hình 1.1. Tình hình lãi, lỗ của các DNXH Việt Nam năm 2018	38
Hình 1.2. Doanh số của Doanh nghiệp xã hội Việt Nam năm 2018	39
Hình 1.3. Mục tiêu doanh nghiệp xã hội tại Ấn Độ.....	41
Hình 1.4. Mục tiêu của các DNXH tại Việt Nam.....	41
Hình 1.5. Mục tiêu của các DNXH được khảo sát tại Trung Quốc.....	42
Hình 1.6. Các vấn đề xã hội được giải quyết bởi khu vực DN tạo tác động xã hội.....	51
Hình 1.7. Tổng vốn viện trợ chính thức (ODA) ở Việt Nam (2000 - 2017).....	53
Hình 1.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến DNXH	64
Hình 2.1. Cơ cấu nguồn vốn vay và tài trợ của các DNXH ở Việt Nam (2015-2019).....	105
Hình 2.2. Các khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay của DNXH tại Việt Nam	109

LỜI NÓI ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Trên thế giới, DNXH là mô hình kinh doanh đã hình thành từ rất lâu, với mục tiêu hoạt động là vì lợi ích cộng đồng của các doanh nhân xã hội. Có thể nói, vương quốc Anh là “cái nôi” hình thành mô hình doanh nghiệp này và hiện nay, Anh vẫn là quốc gia có phong trào phát triển DNXH mạnh mẽ nhất. Tại Việt Nam, tuy mô hình kinh doanh vì mục tiêu xã hội đã manh nha xuất hiện từ thời kỳ bao cấp (dưới hình thức hoạt động là mô hình hợp tác xã) nhưng xét ở góc độ pháp lý, mãi đến năm 2014, thuật ngữ DNXH mới chính thức được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp 2014 và tiếp tục được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp 2020.

Theo khảo sát thực tế của CIEM, các DN có mục tiêu xã hội ở Việt Nam hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên, số doanh nghiệp đăng ký chính thức theo Luật Doanh nghiệp chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với số lượng thực sự đang hoạt động. Theo thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến tháng 03/2024, cả nước có 223 DN đăng ký hoạt động với tư cách DNXH. Đa số các DNXH có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ; đồng thời với đặc điểm là các tổ chức, doanh nghiệp trẻ, do đó, hầu hết các DNXH còn thiếu kinh nghiệm, năng lực tổ chức và kỹ năng quản lý điều hành kinh doanh. Nghiên cứu của CIEM cũng cho thấy, DNXH tại Việt Nam đang hoạt động đa dạng trên các lĩnh vực như giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe, thủ công mỹ nghệ, truyền thông cộng đồng, nông nghiệp, bảo vệ môi trường... Trong đó, 68% số DNXH có hoạt động hướng tới xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống và nâng cao thu nhập cho nhóm người yếu thế thông qua giáo dục đào tạo nghề, tăng cường kỹ năng và kiến thức¹.

Việt Nam là quốc gia có hàng triệu người yếu thế nên thị trường cho DNXH và doanh nghiệp tạo tác động xã hội là rất lớn. Thực tế, Nhà nước cũng đã dành nguồn lực rất lớn để giải quyết các vấn đề xã hội, tuy nhiên, nếu chúng ta dành nguồn lực đó và tìm kiếm những cách thức tốt hơn, bền vững hơn thông qua DNXH để thực hiện những chính sách xã hội thì sẽ đạt được những kết quả cao hơn. Hay

¹ <https://dangcongsan.vn/kinh-te/doanh-nghiep-xa-hoi-va-phat-trien-ben-vung-533277.html>, truy cập ngày 05/1/2022

nói cách khác, để giải quyết những vấn đề xã hội một cách hiệu quả và công bằng hơn, việc quan tâm phát triển mô hình DNXH là rất cần thiết ở nước ta.

Về cơ sở lý luận, mặc dù địa vị pháp lý của DNXH đã được ghi nhận, Nhà nước cũng khẳng định: “*Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội*”², tuy nhiên, thực tế hiện nay, ở nước ta, hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH còn rất hạn chế. Các DNXH hiện chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ như các DNTM truyền thống nếu đáp ứng được các điều kiện về quy mô hoặc ngành nghề, địa bàn đầu tư thì có thể hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định chung của pháp luật như Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa với các chính sách đặc thù, như đầu tư trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công, bảo vệ môi trường, đầu tư tại địa bàn miền núi hay cho nhóm đối tượng yếu thế (người nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa,...), Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp... Các DNXH hoạt động trong lĩnh vực xã hội và môi trường có thể được hưởng các chính sách ưu đãi theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Mặc dù thực tế cho thấy, cộng đồng DNXH ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển sơ khai nhưng với tính chất, đặc thù văn hóa và bản chất của mô hình DN này thì tiềm năng phát triển của DNXH ở nước ta còn rất lớn. Mô hình DNXH đã và đang góp phần chia sẻ trách nhiệm và gánh nặng xã hội với Nhà nước bằng con đường riêng đầy sáng tạo, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả, đồng thời giúp bù đắp được một khiếm khuyết khó khắc phục của cơ chế thị trường là vận hành bởi động cơ lợi nhuận. DNXH đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho những người yếu thế cũng như góp phần bảo vệ môi trường. Cùng với xu thế phát triển bền vững, ngày càng có nhiều doanh nghiệp quan tâm đến trách nhiệm đối với xã hội. Xu thế phát triển doanh nghiệp định hướng xã hội đang ngày càng rõ nét và cần được tạo dựng môi trường bền vững để phát triển.

² Khoản 4 điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020

Chính vì vậy, nhu cầu hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ để phát triển mô hình DNXH là rất cấp bách.

Tại Việt Nam, việc nghiên cứu về DNXH dưới góc độ khoa học pháp lý không còn quá mới mẻ. Tính đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới dạng luận văn, luận án, đề tài, đề án, các bài đăng tạp chí của nhiều tác giả nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn của DNXH. Những công trình này đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận. Tuy vậy, các công trình khoa học có nội dung nghiên cứu sâu về quy chế ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH còn rất hạn chế, trong khi đó, có thể nói, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ chính là nội dung pháp lý quan trọng nhất để khuyến khích các DNXH ra đời, hoạt động và phát triển cũng như phát huy các giá trị cốt lõi của mô hình doanh nghiệp này đối với xã hội.

Xuất phát từ lý do trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài ***“Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam”*** làm đề tài nghiên cứu trong khuôn khổ Luận án tiến sỹ luật học. Đề tài sẽ góp phần tạo nên một nghiên cứu có tính chất tổng thể về những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hệ thống quy định pháp lý về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, cũng như đưa ra các khuyến nghị để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nhằm tạo điều kiện tối đa để phát huy những giá trị và lợi ích mà mô hình doanh nghiệp này có thể mang tới cho xã hội, cho cộng đồng.

2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là tìm ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, thông qua đó khuyến khích mô hình DNXH phát triển ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu hướng đến thực hiện các nhiệm vụ quan trọng như sau:

- Tổng quan tình hình các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu, từ đó nghiên cứu sinh có thể chỉ ra được các vấn đề, luận điểm cần được triển khai làm rõ trong đề tài nghiên cứu;

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH để làm sáng tỏ khái niệm, vai trò và nội dung của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH;

- Ngoài ra, luận án còn tập trung tổng hợp, nghiên cứu, so sánh kinh nghiệm trong quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở một số nước trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

- Khái quát, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong nội dung pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam trong thời gian qua.

- Cuối cùng là đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, cũng như thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: Luận án giới hạn nghiên cứu về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH. Nghiên cứu về DNXH có rất nhiều khía cạnh pháp lý nhưng trong luận án này chỉ tập trung nghiên cứu hệ thống pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ. Quá trình nghiên cứu, luận án có thể đề cập đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp, tuy nhiên, mục tiêu vẫn là hướng tới hệ thống hóa các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với mô hình DNXH.

- Về mặt không gian: Nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài trong phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam, ngoài ra cũng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài trong pháp luật của một số quốc gia khác trên thế giới nhằm thu thập thông tin tham khảo và làm bài học kinh nghiệm để đề xuất hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

- Về thời gian: Đề tài nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH kể từ năm 2014 (thời điểm địa vị pháp lý của DNXH chính thức được ghi nhận trong pháp Luật Doanh nghiệp Việt Nam) đến nay.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, nghiên cứu sinh sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau trong từng chương. Cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt trong luận án và đặc biệt sử dụng nhiều trong chương 1 và chương 2. Mục đích của phương pháp này là nhằm phân tích các tài liệu lý luận và pháp lý về các vấn đề lý luận mà luận án sử dụng từ đó rút ra những kết luận khoa học làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH và thực tiễn thi hành pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH tại chương 2.

- Phương pháp so sánh: sử dụng chủ yếu trong chương 2 để làm rõ thực trạng và hạn chế của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở nước ta hiện nay, trên cơ sở so sánh giữa thực trạng pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia điển hình đã phát triển mô hình DNXH (những quốc gia tiêu biểu đã trình bày ở chương 1).

- Phương pháp thống kê: sử dụng ở chương 2 để liệt kê các số liệu thu được từ kết quả khảo sát, điều tra các DNXH điển hình. Trên cơ sở đó, có sự đánh giá, tổng kết các số liệu làm cơ sở đề xuất hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH.

- Phương pháp tổng hợp: Phương pháp tổng hợp được sử dụng cuối mỗi chương và một số mục chương 2 và 3 để rút ra các kết luận và xác định các giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH ở Việt Nam.

- Phương pháp khảo sát, điều tra: được sử dụng chủ yếu ở chương 2 để thu thập thông tin từ các DNXH và các chủ thể kinh doanh khác đang hoạt động có mục tiêu xã hội, làm cơ sở phân tích thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về DNXH nói chung và pháp luật về ưu đãi hỗ trợ DNXH nói riêng tại Việt Nam.

5. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Thứ nhất, luận án là công trình khoa học có vai trò quan trọng trong việc phân tích, đánh giá một cách có hệ thống các vấn đề lý luận của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH.

Thứ hai, luận án phân tích, đánh giá những hạn chế, bất cập của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH cũng như thực tiễn thi hành pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam.

Thứ ba, luận án đề xuất những quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Các giải pháp được đề xuất trong đề tài nghiên cứu có giá trị tham khảo và có khả năng được áp dụng nhằm hoàn thiện pháp luật về DNXH nói chung và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH nói riêng ở Việt Nam.

6. Ý NGHĨA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN

Luận án góp phần làm phong phú, đa dạng thêm những giá trị khoa học về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp nói chung và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH nói riêng. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án còn là sự gợi mở cho những nghiên cứu mới liên quan đến DNXH trong thực tiễn tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cho các chủ thể có thẩm quyền một bức tranh tổng thể quy định và thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH tại Việt Nam. Các kết quả này của luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho những dự định cải cách sắp tới nếu được các chủ thể có thẩm quyền đồng thuận. Luận án còn là nguồn tài liệu tham khảo thiết thực cho hoạt động học tập, nghiên cứu, giảng dạy những vấn đề có liên quan đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài Lời nói đầu, Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án được bố cục thành 3 chương và có kết luận cho từng chương như sau:

Chương 1. Lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam.

Chương 3. Định hướng, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Doanh nghiệp xã hội với đặc thù là mô hình doanh nghiệp hướng tới mục tiêu kinh doanh và giải quyết các vấn đề xã hội, vì vậy, mô hình doanh nghiệp này đã và đang phát triển tại rất nhiều quốc gia trên thế giới. Hiện nay nghiên cứu về DNXH và các quy định pháp lý về ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH đã được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp cận sách chuyên khảo, giáo trình, bài viết tạp chí, luận án, các báo cáo nghiên cứu... của một số học giả trong và ngoài nước, tác giả thực hiện tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án dưới các góc độ nghiên cứu như sau:

1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến những vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu khái niệm ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH:

Theo đánh giá sơ bộ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, hiện nay chưa có khái niệm riêng về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH và vì vậy, cũng chưa có một công trình nghiên cứu nào trực tiếp đề cập đến các vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Nhìn chung, các nhà nghiên cứu tập trung khai thác khái niệm ưu đãi, hỗ trợ dưới góc độ pháp Luật Đầu tư nói chung hoặc ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho doanh nghiệp đang hoạt động trong phạm vi quy mô hoặc thỏa mãn điều kiện nhất định như ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Như vậy có thể thấy, các vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH như khái niệm, đặc điểm, vai trò của ưu đãi, hỗ trợ DNXH hầu như chưa được khai thác nghiên cứu. Một số công trình có đề cập đến ưu đãi, hỗ trợ DNXH như một phần trong tổng thể nội dung nghiên cứu nhưng chủ yếu tập trung phân tích thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, các vấn đề lý luận về đối tượng này chưa được khái quát hóa.

Thứ hai, tổng quan tình hình nghiên cứu về cơ sở và cấu trúc (nội dung và hình thức) của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH:

- Trong chương 15 cuốn sách “*Government, SMEs and Entrepreneurship Development - Policy, Practice and Challenges*” (Chính phủ, Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Phát triển doanh nhân - chính sách, thực tiễn và thách thức), tác giả Fergus Lyon và Leandro Sepulveda đã thảo luận về lý do để khu vực công quan tâm đến hỗ trợ DNXH, xem xét điều này khác nhau như thế nào giữa các quốc gia và theo thời gian. Đồng thời, các tác giả cũng đề cập đến nội dung các hình thức hỗ trợ dành cho DNXH, bao gồm: khuyến khích tinh thần kinh doanh xã hội và thái độ đối với việc bắt đầu một DNXH; dịch vụ đào tạo và tư vấn cho các công ty khởi nghiệp và cho những người muốn phát triển hoặc tồn tại; đầu tư xã hội và tài chính; DNXH và mua sắm khu vực công; chuyển giao tài sản công cho các DNXH.

- Trong cuốn sách “*Business with purpose, advancing social enterprise*” (Kinh doanh có mục đích, thúc đẩy doanh nghiệp xã hội) xuất bản năm 2020, tác giả Melodena Stephens đã khẳng định vai trò và những đóng góp giá trị của DNXH cho nền kinh tế một quốc gia. Chẳng hạn, DNXH ở Anh đã đóng góp tới 2% GDP đất nước và ở Hoa Kỳ là 3%-5% GDP cả nước. DNXH sẽ không còn là cái móc dùm để che giấu các DN kém cỏi. Các DNXH tốt nhất sẽ mang lại lợi tức đầu tư cho xã hội tốt hơn so với hiệp hội vì lợi nhuận, công cộng hoặc từ thiện. Bằng cách tạo ra thu nhập nhưng vẫn ưu tiên xã hội hơn lợi nhuận tài chính của các DNXH tốt nhất sẽ cung cấp những ví dụ nổi bật về ý nghĩa thực sự của tác động xã hội tích cực.

- Trong “*Một số nguyên tắc đặc thù trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay*”, đăng trên Tạp chí Giáo dục và Xã hội số tháng 10/2020, tác giả Nguyễn Thị Diễm Anh đã khẳng định một trong số các nguyên tắc đặc thù trong tổ chức và hoạt động của DNXH theo pháp luật Việt Nam hiện nay là nguyên tắc DNXH được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước và cộng đồng để phát triển. Nguyên tắc này xuất phát từ các lý do: (i) thể hiện sự khuyến khích, quan tâm của Nhà nước và cộng đồng dành cho DNXH; (ii) thể hiện sự bình đẳng trong tổ chức và hoạt động của DNXH so với DNTM.

- Trong Chuyên đề “*Chính sách, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH*” (Báo cáo nghiên cứu “*Pháp luật về doanh nghiệp xã hội và thực tiễn thi hành tại*

Việt Nam” - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2017), Lê Xuân Hiền và Phạm Thị Huyền đã trình bày cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Trong đó, cơ sở lý luận gồm: thứ nhất, DNXH giúp giải quyết triệt để các vấn đề xã hội; thứ hai, DNXH giúp chia sẻ “gánh nặng” với Nhà nước và thứ ba, Nhà nước dành cho DNXH những ưu đãi, hỗ trợ nhằm bảo đảm “sân chơi bình đẳng” của DNXH với những doanh nghiệp khác. Trong chuyên đề này, nhóm tác giả cũng trình bày về cấu trúc nội dung pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH gồm 2 nhóm: pháp luật về hỗ trợ đối với DNXH và pháp luật về ưu đãi đối với DNXH. Trong đó, nhóm quy định về hỗ trợ DNXH bao gồm các hình thức hỗ trợ: hỗ trợ thành lập DNXH, hỗ trợ về tiếp nhận viện trợ, tài trợ; hỗ trợ về vay vốn tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác. Nhóm quy định về ưu đãi đối với DNXH gồm các hình thức: ưu đãi về thuế; ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Theo một hướng khác, trong cuốn sách chuyên khảo *“Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam”* do PGS. Bùi Đức Thọ và PGS. Trương Thị Nam Thắng đồng chủ biên (xuất bản năm 2021), nhóm tác giả nghiên cứu nội dung hỗ trợ DNXH dưới góc độ các chính sách đối với từng nhóm doanh nghiệp cụ thể và nhận định nội dung chính sách hỗ trợ DNXH hiện nay gồm các nhóm: chính sách hỗ trợ DN tham gia xã hội hóa các dịch vụ công; chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa, DN khởi nghiệp; chính sách hỗ trợ các DN tham gia đầu tư vào các khu vực, lĩnh vực và phục vụ đối tượng khó khăn.

- Trong Báo cáo “Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp xã hội”³, nhóm tác giả Bùi Duy Hoàng và Phạm Thị Diệu Linh đã nghiên cứu rà soát các cơ chế, chính sách nói chung để phát triển DNXH, thông qua đó tổng hợp các văn bản pháp luật hiện đang có giá trị điều chỉnh DNXH. Những văn bản này góp phần hoàn thiện cấu trúc hình thức của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Trong đó, các văn bản pháp luật được nhóm tác giả liệt kê bao gồm: Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh

³ Kỳ yếu Hội thảo Khoa học *“Thực trạng phát triển doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam”* do Đại học Kinh tế quốc dân tiến hành trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (2019), tr.93

nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đất đai... Ngoài ra, nhóm tác giả cũng khẳng định, nhiều tỉnh thành cũng dựa trên các quy định của văn bản pháp luật cấp trên ban hành mà ban hành các chính sách khuyến khích riêng của địa phương. Qua việc điếm lại các luật và văn bản pháp lý đang điều chỉnh DNXH, nhóm tác giả cũng khẳng định: các luật và văn bản pháp lý mà DNXH đang chịu sự chi phối là khá lớn, có tính trách nhiệm ràng buộc nhiều hơn là cơ chế hỗ trợ.

Thứ ba, tổng quan tình hình nghiên cứu khái niệm pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH

Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH là một phần nội dung của pháp luật về DNXH. Hiện nay, các công trình nghiên cứu chung về pháp luật đối với DNXH rất đa dạng, nhiều nhà nghiên cứu đã khai thác đề tài này và rút ra các khái niệm khác nhau của pháp luật về DNXH. Tuy vậy, nghiên cứu trong phạm vi hẹp hơn, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một đề tài còn khá mới mẻ, chính vì vậy, cho đến nay chưa có công trình khoa học nào đưa ra khái niệm về vấn đề này. Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH là một nội dung chưa được pháp luật quy định cụ thể và nhìn chung, các nhà nghiên cứu nhìn nhận và đánh giá khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH dựa trên cơ sở các chính sách, các quy định hiện hành của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Trong thực tế nghiên cứu, một số khái niệm liên quan gần cũng đã được rút ra và có thể làm cơ sở tham khảo như khái niệm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong Giáo trình Luật Đầu tư của Đại học Mở Hà Nội (2020); khái niệm pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ...

Thứ tư, tổng quan nghiên cứu về vai trò của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH

Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối DNXH là một đề tài khá mới mẻ và gần như chưa có công trình khoa học nghiên cứu toàn diện về vấn đề này, chính vì vậy, rất ít công trình nghiên cứu tổng hợp về vai trò của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Tuy vậy, một số công trình liên quan đã có nhắc đến vấn đề ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp nói chung, làm cơ sở để các DNXH được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định chung như sau:

- Báo cáo Đề tài “*Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*” - đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường (2019), Trường Đại học Luật Hà Nội do Trần Thị Bảo Ánh là chủ nhiệm đề tài. Trong đề tài, nhóm tác giả đã phân tích sự cần thiết phải hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xuất phát từ vai trò quan trọng và những hạn chế của doanh nghiệp nhỏ và vừa; xuất phát từ vai trò của pháp luật nên sự hỗ trợ bằng pháp luật là công cụ hữu hiệu trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mặc dù đề tài không trực tiếp nhắc đến vai trò của pháp luật hỗ trợ đối với DNXH, tuy nhiên, với đặc thù về DNXH ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa nên nội dung của đề tài có thể là tài liệu tham khảo khi tác giả nghiên cứu về vai trò của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH.

- Trong cuốn sách chuyên khảo “*Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam*” do PGS. Bùi Đức Thọ và PGS. Trương Thị Nam Thắng đồng chủ biên (2021), nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 450 DNXH ở các tỉnh, thành phố và dựa trên việc phân tích dữ liệu, tổng hợp kết quả khảo sát các yếu tố tác động đến khu vực DNXH, nhóm nghiên cứu khẳng định việc thực hiện các chính sách và quy định ưu đãi dành cho DNXH giúp các DNXH không những đạt kết quả tài chính tốt hơn mà còn đóng góp nhiều hơn vào quá trình các DNXH mở rộng quy mô hoạt động và đạt được hiệu quả tài chính cao hơn nhờ vào những chính sách cụ thể về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, vay vốn với lãi suất ưu đãi và miễn, giảm tiền thuê đất. Thông qua đó, các DNXH tạo ra nhiều việc làm hơn và đầu tư nhiều hơn lợi nhuận để lại cho sự phát triển của DNXH.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về ưu đãi, hỗ trợ DNXH

- Trong “*Social economy and support to social enterprises in the European Union*” (Kinh tế xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội tại khu vực châu Âu) của Luc Schmeber, Rene Tonnisson & Mart Veliste tháng 01/2021, tác giả trình bày sự cần thiết phải có các hỗ trợ tài chính cho DNXH và dẫn chứng cụ thể tới các chính sách hỗ trợ cụ thể của chính phủ các quốc gia như Đức, Ý, Scotland, Thụy Điển...

- Bài viết “*Providing Social Enterprises with Better Access to Public Procurement: The Development of Supportive Legal Frameworks*” (Cung cấp cho

Doanh nghiệp xã hội khả năng tiếp cận tốt hơn đối với Mua sắm công: Sự phát triển của Khung pháp lý hỗ trợ), của Aikaterini Argyrou, đăng trên tạp chí EPPPL số 3/2017 thảo luận về vấn đề DNXH được tiếp cận với mua sắm công, các quy trình và hợp đồng ở cấp độ EU và quốc gia. Bài viết chủ yếu xem xét các cơ hội cho DNXH tiếp cận các hợp đồng mua sắm công được cung cấp theo Chỉ thị Mua sắm 2014/24/EU (Chỉ thị Mua sắm Công), đồng thời nghiên cứu các biện pháp do chính phủ Hy Lạp đưa ra để cung cấp cho các DNXH khả năng tiếp cận các hợp đồng dịch vụ công ở cấp quốc gia thông qua luật phù hợp, cụ thể là Kinh tế xã hội và Luật Doanh nhân xã hội năm 2011 (sửa đổi năm 2016).

- Bài viết “*Social Enterprise and Taxation Policy: A Systematic Literature Review*” (Doanh nghiệp xã hội và chính sách thuế, nghiên cứu tổng quan có hệ thống) của tác giả Mohd Rizal Palil, Ida Suriya Ismail, Nor Hazila Mohd Zain, Allif Anwar Abu Bakar, đăng trên tạp chí BestuuR, số 2/2021. Nghiên cứu thực hiện thông qua tổng quan tài liệu có hệ thống về DNXH và thuế từ quan điểm của Malaysia. Nhóm tác giả đánh giá DNXH từ các khía cạnh khác nhau, bao gồm các đặc điểm hiện có của DNXH. Hơn nữa, quan điểm về giảm thuế cho các DNXH ở Malaysia đã được nêu bật. Mặc dù Malaysia đã đưa ra chính sách mới để hỗ trợ các DNXH thông qua việc công nhận DNXH, nhưng nhóm tác giả cho rằng cần phải có một cách tiếp cận chính sách hoặc ưu đãi thuế quan trọng hơn để hỗ trợ các DNXH ở Malaysia.

Bên cạnh nghiên cứu của các học giả nước ngoài về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH ở nhiều quốc gia thì nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về DNXH cũng là một nội dung được nhiều nhà khoa học trong nước quan tâm, trong đó có vấn đề nghiên cứu về các ưu đãi, hỗ trợ mà pháp luật các quốc gia dành cho DNXH.

- Trong Báo cáo “*Tăng cường phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam*” do UNDP, Trung tâm Khởi nghiệp và Sáng tạo xã hội (CSIE), thuộc trường Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học Northampton thực hiện năm 2018 có đề cập đến các cơ chế ưu đãi và phạt đối với DNXH tại Thái Lan, chính sách phát triển DNXH tại Hàn Quốc...

- Trong bài viết “*DNXH theo pháp luật Hàn Quốc và những gợi mở cho Việt Nam*” của Lê Nhật Bảo và Danh Phạm Mỹ Duyên, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu

Lập pháp số 16 (440), tháng 8/2021, tại Hàn Quốc, DNXH có quy định riêng về thủ tục đăng ký thành lập DNXH, cơ chế kiểm tra giám sát DNXH, các chính sách ưu đãi hỗ trợ cho DNXH... Thủ tục đăng ký DNXH tại Hàn Quốc do Hội đồng Chính sách việc làm trực tiếp thực hiện việc thẩm định hồ sơ trước khi trình cho Bộ trưởng Lao động và Việc làm xem xét lần cuối, những doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trở thành DNXH sẽ được Bộ trưởng Lao động và Việc làm ra quyết định cấp Giấy chứng nhận DNXH.

- Trong *“Thực trạng phát triển Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam”* - Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ, Trường đại học Kinh tế quốc dân thực hiện năm 2019, tác giả Đỗ Hải Hoàn đã trình bày chuyên đề *“Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội ở Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam”*. Trong bài viết, tác giả giới thiệu về tình hình phát triển DNXH tại Ấn Độ và trình bày các nhân tố tham gia Hệ sinh thái hỗ trợ DNXH ở Ấn Độ, bao gồm 05 cấu phần: Chính sách - Đào tạo, nghiên cứu - Hỗ trợ tài chính và các nhà đầu tư tác động - Hỗ trợ trung gian - Truyền thông. Về vấn đề chính sách, Chính phủ Ấn Độ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích các DN tạo tác động xã hội, trong đó đã nói lỏng một số quy định, quy trình đăng ký và hoạt động của DNXH. Về hỗ trợ tài chính, hiện nay Ấn Độ có khoảng hơn 50 nhà đầu tư tác động và quỹ tác động xã hội đang hoạt động, trong đó các nguồn quỹ từ các cơ quan, tổ chức, sự kiện, giải thưởng được sử dụng để tuyên truyền phổ biến về đổi mới xã hội và DNXH.

- Trong *“Chuyên đề kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào Việt Nam trong thành lập, hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội”* của Lê Thanh Tú, đăng trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngày 19/10/2015⁴, tác giả đã trình bày hệ thống quy định pháp lý điều chỉnh DNXH của các quốc gia. Trong đó, tác giả trình bày tổng quát về các chính sách ưu đãi, hỗ trợ DNXH của Anh, Hàn Quốc và Singapore. Mỗi quốc gia có những quy định ưu đãi, hỗ trợ DNXH khác nhau, ví dụ: năm 2006, chính phủ Anh đưa ra kế hoạch hành động về DNXH, trong đó có sự tham gia liên ngành của 12 bộ, ngành khác nhau và Văn phòng khu vực thứ Ba để

⁴ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/599/3543/chuyen-de-kinh-nghiem-quoc-te-va-ap-dung-va-o-viet-nam-trong-thanh-lap--hoat-dong-va-ho-tro-doanh-nghiep-xa-hoi.aspx>

thúc đẩy và hỗ trợ DNXH thông qua hàng loạt chính sách hỗ trợ DNXH; Chính phủ Hàn Quốc thì thực hiện đa dạng chính sách hỗ trợ dành cho DNXH như hỗ trợ mua ưu đãi từ các tổ chức công, giảm hoặc miễn trừ thuế và hỗ trợ bảo hiểm xã hội, hỗ trợ về tài chính cho các DNXH cung cấp dịch vụ xã hội...; Singapore thành lập các quỹ hỗ trợ DNXH.

1.2. Nhóm công trình liên quan đến đánh giá thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

- Trong chuyên đề “*Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển DNXH*” (kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Thực trạng phát triển Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam*” do Trường đại học Kinh tế quốc dân tiến hành năm 2019) tác giả Bùi Huy Hoàng và Phạm Thị Diệu Linh đã khẳng định: hiện nay, các văn bản pháp lý mà DNXH đang chịu sự chi phối là khá lớn, có tính quy định trách nhiệm ràng buộc nhiều hơn là cơ chế hỗ trợ. Một doanh nghiệp kinh doanh thông thường có thể đăng ký kinh doanh một nơi nhưng hoạt động trên địa bàn (phạm vi) cả nước với các quy định như nhau. Nhưng với DNXH mỗi tỉnh lại có các quy định khuyến khích khác nhau, dẫn đến khả năng tìm hiểu và thông suốt mạch hoạt động là khó khăn và không đồng nhất.

- Trong “*Chính sách ưu đãi về thuế nhằm khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp xã hội Việt Nam dưới góc nhìn pháp lý*” của Lê Đình Quang Phúc (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “*Hệ thống Tài chính - Ngân hàng với sự phát triển kinh tế - xã hội miền Trung - Tây Nguyên trong bối cảnh cách mạng công nghệ*” - DCFB 2020), tác giả nhận định: hiện nay chưa có văn bản quy định cụ thể chính sách ưu đãi về thuế dành cho DNXH. Tuy nhiên, căn cứ vào các quy định hiện hành, đặc biệt là pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các đặc trưng của DNXH, có thể hệ thống hóa các chính sách ưu đãi về thuế dành cho DNXH theo các nhóm: đối với DN thực hiện các hoạt động kinh doanh tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn; đối với DN thực hiện các hoạt động nhằm hỗ trợ người yếu thế; đối với DN thực hiện các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực như nông nghiệp, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, y tế, thể thao, môi trường và lĩnh vực xã hội hóa khác; đối với DN nhận các khoản tài trợ để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

- Trong “*Một số giải pháp để Việt Nam phát triển mô hình doanh nghiệp xã hội*” - Tạp chí Công thương năm 2020, tác giả Trần Minh Đức đã phân tích những khó khăn để phát triển mô hình DNXH tại Việt Nam hiện nay, trong đó có những khó khăn về vấn đề ưu đãi, hỗ trợ như Việt Nam hiện chưa có một khung pháp lý về quản lý tài chính cho các loại hình tổ chức XH khác nhau, DNXH đang gặp khó khăn về tiếp cận nguồn vốn xã hội.

- Trong chuyên đề “*Tiếp tục xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh tạo động lực cho sự ra đời và phát triển của các DNXH ở Việt Nam*” - Kỷ yếu Hội thảo “Thực trạng phát triển Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam” năm 2019, tác giả Võ Thị Hoài đã khẳng định: một trong những khó khăn hiện nay của DNXH là thiếu vốn và khả năng huy động vốn hạn chế. Các DNXH có thể có một số gói vay vốn nhưng thường số tiền vay không nhiều dẫn đến họ không đủ tiền để có thể thực hiện tốt được các dự án của mình.

- Trong báo cáo “*Hiện trạng doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*” của Hội đồng Anh, Tổ chức Doanh nghiệp Xã hội Vương quốc Anh và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) (2019), bên cạnh những thông tin, số liệu thống kê rất hữu ích đối với mô hình DNXH nói riêng và hệ sinh thái DNXH nói chung tại Việt Nam hiện nay, báo cáo này cũng đưa ra những đánh giá và nhận định về các chính sách quan trọng đã và đang hỗ trợ các DNXH. Nội dung báo cáo dành riêng một mục để nghiên cứu luật pháp và chính sách liên quan đến DNXH tại Việt Nam, trong đó phân tích rõ các ưu đãi, hỗ trợ trong từng lĩnh vực, quy định trong từng văn bản pháp lý hiện hành. Thông qua kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu cũng khẳng định: Các chính sách hỗ trợ DNXH chủ yếu theo quy định chung của Luật Doanh nghiệp và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhìn chung cho đến nay, tác động của các ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH còn rất hạn chế.

Đánh giá chung nhóm công trình liên quan đến thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có thể thấy: hầu hết các công trình nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ dưới góc độ ưu đãi, hỗ trợ nói chung dành cho các DN, trong đó, số công trình nghiên cứu sâu về các quy định ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH là rất hạn chế. Nội dung này thường được các tác giả đề cập như một phần trong các nghiên cứu chung về pháp luật DNXH. Hơn thế nữa, chưa có các nghiên cứu riêng về từng nội

dung của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Qua các nghiên cứu trên, các tác giả đều có khẳng định chung: chế độ ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH tại nước ta hiện nay còn rất hạn chế, quyền lợi của DNXH gần như không có gì khác so với các doanh nghiệp thông thường.

1.3. Nhóm công trình liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Thứ nhất, các công trình liên quan đến hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH

- Swiss Agency for Development and Cooperation (SDC), *Roots of impact (2016), Social Impact Incentives (SIINC) White Paper (Các khuyến khích tác động xã hội (SIINC) Sách trắng)*. Khuyến khích tác động xã hội (SIINC) là một mô hình Tài chính hỗn hợp mới cho phép các DNXH tác động cao cải thiện lợi nhuận và tăng cường quy mô hoạt động bằng cách trả tiền cho các kết quả đã được chứng minh. Với SIINC, DNXH được khen thưởng vì tác động thực sự đạt được. DNXH được tăng lợi nhuận khi hiệu suất tác động được hoàn thành. Sự thúc đẩy lợi nhuận này ngược lại sẽ thu hút nhà đầu tư cung cấp vốn cần thiết cho việc mở rộng quy mô của DNXH. Các khoản thanh toán phí bảo hiểm cho tác động thực sự đạt được có thể thu hẹp khoảng cách giữa cung và cầu một cách có hệ thống. Với Khuyến khích Tác động Xã hội (SIINC), các DNXH được trao quyền để huy động lượng đầu tư lớn và tăng trưởng bền vững đồng thời tạo ra tác động xã hội tích cực trên quy mô lớn. Bài nghiên cứu có giá trị tham khảo cao, hỗ trợ mục tiêu đề xuất giải pháp tăng cường ưu đãi cho DNXH tại Việt Nam.

- Vince Heaney, Katie Hill, *“Investing in Social Enterprise: The role of tax incentives”* (đầu tư trong DNXH: quy tắc của ưu đãi thuế). Bài nghiên cứu hướng tới mục tiêu xem xét vai trò của các ưu đãi thuế trong việc giúp xúc tiến đầu tư vào các DNXH, nội dung gồm 2 phần. Phần đầu tiên của báo cáo xem xét các chương trình khuyến khích hiện có và những hạn chế đối với các DNXH, đề xuất các giải pháp để tăng khả năng ứng dụng của các chương trình khuyến khích DNXH. Hình thức pháp lý cụ thể của DNXH là yếu tố quyết định đến khả năng hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi thuế khác nhau. Do đó, cần xem xét hình thức pháp lý của DNXH khi xác định các chính sách ưu đãi thuế. Hầu hết các chính sách thuế hiện hành

được thiết kế để ưu đãi đầu tư cổ phần ngắn hạn và trung hạn, nhưng nhiều DNXH không thể phát hành cổ phiếu do cơ cấu pháp lý của họ. Các khoản giảm thuế có sẵn đối với đầu tư cổ phiếu và có các khoản giảm thuế đối với việc viện trợ quà tặng, tuy nhiên, cấu trúc pháp lý cần thiết để có được khoản hỗ trợ sau thường ngăn cản việc giảm thuế. Điều này có nghĩa là nhiều DNXH phải đánh đổi giữa việc có được lợi thế về thuế để hoạt động bình thường và tiếp cận nguồn vốn tăng trưởng. Phần thứ hai của báo cáo dựa trên các khuyến nghị được đưa ra trong phần một và đặt việc sử dụng các biện pháp khuyến khích trong bối cảnh rộng lớn hơn của cơ sở hạ tầng của khu vực DNXH. Cuối cùng, một khu vực DNXH phát triển mạnh sẽ không chỉ phụ thuộc vào việc các nhà đầu tư được khuyến khích phân bổ vốn cho nó, mà còn phụ thuộc vào việc có các sản phẩm, trung gian và cơ sở hạ tầng thị trường mà thông qua đó họ có thể phân bổ các khoản đầu tư của mình. Thông qua việc phát triển các sản phẩm và cơ sở hạ tầng mới, cơ sở nhà đầu tư tiềm năng có thể được mở rộng để bao gồm nhiều hơn nữa trong lĩnh vực bán lẻ cũng như các nhà đầu tư tổ chức không chuyên về đầu tư xã hội.

- Michelle M. Kwon, *“To Tax or Not to Tax Social Enterprises”* (Thuế hay không thuế cho doanh nghiệp xã hội), 20 Transactions: TENN. J. Bus. L. 815 (2019). Bài viết trả lời câu hỏi liệu các DNXH có nên được giảm thuế - cụ thể là miễn thuế thu nhập liên bang - cho các hoạt động từ thiện của DNXH hay không. Trong phạm vi các DNXH cung cấp hàng hoá hoặc dịch vụ công, sự biện minh phổ biến cho việc miễn thuế cung cấp một số cơ sở để trả lời câu hỏi đó. Nhưng nếu không có các quy tắc bổ sung để bảo vệ chống lại việc lạm dụng và tiếp cận quá mức, thì nguy cơ thất thoát doanh thu còn lớn. Khả năng các doanh nghiệp xã hội có thể chấp nhận để giảm thiểu rủi ro này dường như khó xảy ra nếu làm như vậy vi phạm cách thức kinh doanh của họ. DNXH vẫn là doanh nghiệp tìm kiếm lợi nhuận ngay cả khi lợi nhuận đó hướng đến lợi ích xã hội. Tác giả cho rằng, mặc dù Luật Quản lý thuế liên bang không - cũng không nên - miễn một phần thuế cho các DNXH vì lợi nhuận, kết quả thuế tương tự vẫn có thể đạt được thông qua các quy định của luật hiện hành.

- Lauren Ker (2014), *“The concept of social enterprise: An analysis of the current tax environment and proposed enabling tax incentives to aid the social*

enterprise” (Khái niệm về doanh nghiệp xã hội: Phân tích môi trường thuế hiện tại và đề xuất khuyến khích thuế để hỗ trợ doanh nghiệp xã hội”), Luận văn thạc sỹ ngành thương mại, Đại học Cape Town (UCT). Luận văn phân tích các tác động thuế của một DNXH hoạt động ở Nam Phi (trường hợp điển hình là Tập đoàn UnEarth). Đồng thời, tác giả cũng thực hiện đánh giá các loại thay đổi cần thiết trong Luật Quản lý thuế thu nhập của Nam Phi để hỗ trợ các DNXH. Đánh giá này bao gồm phân tích về các DNXH đang hoạt động ở các quốc gia khác và cụ thể hơn là các chính sách ở Vương quốc Anh. Luận văn đề xuất sửa đổi pháp Luật Quản lý thuế hiện hành trong đó có các ưu đãi về thuế nhằm hỗ trợ Chính phủ xây dựng khuôn khổ hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi hơn để DNXH hoạt động.

- Trong “*State Aid to Social Enterprises: The Polish Case*” của Aleksandra Szymanska và Marc Jegers (2015), công trình đã chỉ ra rằng theo pháp luật Ba Lan, việc trở thành một DNXH không phải là một điều kiện đủ để nhận viện trợ của Nhà nước. Thay vào đó, các hoạt động do DNXH thực hiện, dựa theo một số quy tắc nhất định (Quy tắc GBER và SGEI) là căn cứ để DNXH được nhận hỗ trợ của Nhà nước.

- Trong “*Hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp xã hội*” đăng trên Tạp chí Luật học, số 3/2015, tác giả Vũ Thị Hòa Như đề xuất cần xây dựng lộ trình mở rộng phạm vi hoạt động của DNXH sang một số ngành nghề Nhà nước giữ vị trí độc quyền.

- Trong Báo cáo “*Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam - Khái niệm, bối cảnh và chính sách*”, nhóm nghiên cứu kiến nghị các cơ chế, chính sách nhằm phát triển DNXH ở Việt Nam, trong đó nhóm nghiên cứu đã đề xuất miễn/giảm thuế cho các DNXH trong một số lĩnh vực Nhà nước khuyến khích,

Thứ hai, các công trình liên quan đến giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

- Trong “*Measuring Performance in Social Enterprise*”, Nonprofit & Voluntary Sector Q. 149 (2011), Luca Bagnoli và Cecilia Megali đề cập đến chủ đề kiểm soát quản lý và cố gắng tạo ra một hệ thống đo lường hiệu quả hoạt động của các DNXH, tức là cách thức đo lường thành công. Ba trường tham chiếu để quản lý được phân tích: (a) kinh tế - tài chính; (b) hiệu quả xã hội, để đo lường số lượng và

chất lượng công việc được thực hiện và xác định tác động của nó đối với những người thụ hưởng dự kiến và cộng đồng; (c) tính hợp pháp của thể chế, xác minh sự phù hợp với luật pháp và tuyên bố sứ mệnh. Việc xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả hoạt động của DNXH là căn cứ cần thiết và quan trọng để xác định các ưu đãi, hỗ trợ mà DNXH được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Trong *“The design and social enterprise ecosystem: How can design be applied to a developing social enterprise ecosystem?”* Design Research Society 2018, Hyejin Kwon, Youngok Choi và Busayawan Lam cho rằng, một hệ sinh thái DNXH phải có 4 thành phần quan trọng: (1) khung chính sách và quy định; (2) Tài chính và đầu tư; (3) Các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh doanh và (4) Hợp tác và kết nối mạng. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng chỉ ra các bên liên quan trong hệ sinh thái hỗ trợ DNXH gồm Chính phủ, các tổ chức trung gian khác nhau, các đơn vị, tổ chức hỗ trợ hoạt động kinh doanh thực tế của DNXH và một số tổ chức trung gian tham gia vào việc vận động yếu tố hợp tác và kết nối của hệ sinh thái DNXH.

- Trong *“Một số giải pháp tăng cường quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp xã hội”* đăng trên Tạp chí Quản lý Nhà nước tháng 11/2019, Khoa Anh Thắng đã nhận định: để DNXH tiếp tục phát triển bền vững và đúng hướng, cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với DNXH theo các hướng: (1) nâng cao nhận thức về vị trí và vai trò của DNXH tại Việt Nam; (2) hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý Nhà nước theo hướng xây dựng hệ thống sinh thái cho DNXH phát triển trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; (3) xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển DNXH; (4) nâng cao năng lực quản lý Nhà nước đối với DNXH, cụ thể tác giả đề xuất sớm thành lập Ủy ban quốc gia phát triển DNXH để thống nhất quản lý, hỗ trợ các DNXH, đồng thời sớm thành lập Hiệp hội phát triển DNXH Việt Nam; (5) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các DNXH và phát triển nguồn nhân lực cho DNXH; (6) tăng cường hợp tác quốc tế phát triển DNXH và (7) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phát triển dịch vụ công đối với DNXH.

- Báo cáo *“Tăng cường phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam”* của UNDP, Trung tâm Khởi nghiệp và Sáng tạo xã hội (CSIE), thuộc trường Đại học Kinh tế quốc dân và Đại học Northampton (2018). Đây là công trình

nghiên cứu khoa học đầu tiên tại Việt Nam đề cập đến khái niệm “Doanh nghiệp tạo tác động xã hội” và những đóng góp, vai trò, tiềm năng phát triển của DN tạo tác động xã hội đối với nền kinh tế Việt Nam. DN tạo tác động xã hội (SIB) được hiểu là những tổ chức có cả hoạt động thương mại là chính yếu, cân bằng giữa việc giải quyết vấn đề xã hội và tạo lợi nhuận. Như vậy, về bản chất, DN tạo tác động xã hội có mục tiêu hoạt động giống DNXH, tuy nhiên về hình thức pháp lý của các DN tạo tác động xã hội thì cởi mở và đa dạng hơn. Theo nhóm nghiên cứu, DN tạo tác động xã hội có thể bao gồm tổ chức phi lợi nhuận có hoạt động thương mại, DNXH, Hợp tác xã, kinh doanh xã hội, doanh nghiệp kinh doanh với người có thu nhập thấp, doanh nghiệp khởi nghiệp tạo tác động xã hội, các doanh nghiệp thương mại vì mục tiêu phát triển bền vững. Báo cáo đề xuất nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội nói chung tại Việt Nam, trong đó, hướng tới những ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho khu vực DNXH nói riêng, ví dụ như khuyến nghị xây dựng bộ tiêu chí rõ ràng hơn về DNXH để từ đó áp dụng các cơ chế ưu đãi về thuế cho phù hợp; hỗ trợ mở rộng thị trường thông qua các hoạt động cụ thể như tăng cường mua sắm công, nâng cao năng lực của doanh nghiệp có khả năng tham gia đấu thầu... Đặc biệt, để có thể đưa ra các khuyến nghị ưu đãi, hỗ trợ cho DN tạo tác động xã hội tại Việt Nam.

- Trong bài viết “*Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội*” của TS. Đặng Thị Kim Thoa (đăng trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Thực trạng phát triển DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam” do ĐH. KTQD tổ chức năm 2019), tác giả đề xuất để phát triển DNXH, Việt Nam cần học tập mô hình của các quốc gia đã phát triển mô hình doanh nghiệp này như Anh, Ấn Độ, kết hợp với thực tiễn đất nước, từ đó không chỉ hoàn thiện pháp luật mà còn cần xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái hỗ trợ DNXH tại Việt Nam. Tác giả phân tích Hệ sinh thái hỗ trợ DNXH tại Việt Nam thông qua các yếu tố bao gồm: khung pháp lý và chính sách, các định chế tài chính và đầu tư, các hoạt động hỗ trợ ươm tạo và cung cấp không gian làm việc; các hoạt động nghiên cứu, đào tạo về DNXH của các tổ chức trung gian.

2. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Thông qua việc nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu đã được công bố của các học giả trong và ngoài nước liên quan đến DNXH và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH, tác giả có những đánh giá chung về các công trình nghiên cứu trên như sau:

2.1. Khái quát về kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học ngoài nước và trong nước đã được công bố liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu về DNXH trong và ngoài nước đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về mặt lý luận và thực tiễn, cụ thể như sau:

- Các vấn đề lý luận chung về DNXH như khái niệm, đặc điểm, vai trò của DNXH đã được làm rõ. Các tác giả đều thống nhất quan điểm khi cho rằng khái niệm và hình thức pháp lý của DNXH ở các quốc gia được quy định là khác nhau, trong đó có quốc gia quy định DNXH bắt buộc phải đăng ký doanh nghiệp (Ví dụ Việt Nam) nhưng nhiều tổ chức quốc tế và các quốc gia khác lại quan niệm các tổ chức kinh tế có mục tiêu xã hội đều được coi là DNXH và có thể tồn tại theo hình thức các công ty, hợp tác xã, tổ chức phi chính phủ và các hình thức kinh doanh khác (ví dụ quy định của OECD, pháp luật của Anh...). Bên cạnh đó, việc đặt ra các tiêu chí để xác định một tổ chức kinh tế là DNXH tại các quốc gia cũng rất khác nhau. Ví dụ, tại Việt Nam, DNXH được nhận diện dựa theo 3 tiêu chí quy định tại Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: 1. Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 2. Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; 3. Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký. Tuy nhiên, theo quan điểm của Mạng lưới nghiên cứu châu Âu (EMES), để xác định một tổ chức kinh tế là DNXH cần dựa trên hai bộ chỉ số: Bộ 4 chỉ số kinh tế và Bộ 5 chỉ số xã hội⁵. Tương tự như vậy, cũng có nhiều cách nhận diện DNXH khác theo quy định pháp lý của các quốc gia khác nhau. Mặc dù không thống nhất về hình thức pháp lý và tiêu chí nhận diện DNXH nhưng quan điểm của tất cả các quốc gia đều cho rằng: DNXH không hoạt động vì mục

⁵ Tô Thị Đông Hà, *Đánh giá các tiêu chí của DNXH trong Luật Doanh nghiệp 2014 theo mô hình DNXH lý tưởng của mạng lưới nghiên cứu châu Âu (EMES)*, Kỷ yếu Hội nghị khoa học của cán bộ, giảng viên trẻ và người học sau đại học, Trường ĐH Kinh tế - Luật, 2019

tiêu tối đa hóa lợi nhuận và luôn đặt nhiệm vụ giải quyết các vấn đề xã hội vì lợi ích của cộng đồng lên hàng đầu. Xét về vai trò của DNXH, các bài nghiên cứu cũng đều thống nhất khẳng định tầm quan trọng và sự cần thiết phát triển mô hình DNXH trong nền kinh tế của các quốc gia hiện nay.

- Lịch sử hình thành và phát triển DNXH trên thế giới và ở Việt Nam cũng được trình bày tương đối đầy đủ. Theo đó, các tác giả đều thống nhất quan điểm DNXH có nguồn gốc ra đời từ nước Anh vào thế kỷ 17. Tại Việt Nam, những năm 1950 - 1960, mặc dù về mặt luật pháp chưa thừa nhận nhưng mô hình DNXH sơ khai đã manh nha xuất hiện dưới dạng các hợp tác xã ở miền Bắc và ngày càng phát triển nhanh khi nước ta bước vào giai đoạn đổi mới (1986). DNXH chính thức được ghi nhận địa vị pháp lý từ Luật Doanh nghiệp năm 2014.

- Các đề tài cũng đã đưa ra được các đánh giá và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về DNXH tại Việt Nam. Theo đó, hầu hết các tác giả nhận định: pháp luật về DNXH ở Việt Nam còn chưa hoàn thiện, đặc biệt còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập trong chế độ ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH.

- Về mặt thực tiễn, một số công trình nghiên cứu đã đánh giá, phân tích, so sánh để nêu bật được những điểm giống, khác nhau và mức độ phát triển mô hình DNXH tại các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước đã tiến hành khảo sát, điều tra, phỏng vấn, thông qua đó mô tả chính xác tình hình hoạt động thực tế của khu vực DNXH tại Việt Nam hiện nay.

2.2. Những vấn đề chưa được các học giả đề cập hoặc còn tranh luận

- Mặc dù một số bài nghiên cứu đã đề cập đến các hạn chế trong quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH, tuy nhiên, do chưa có bất kỳ công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về vấn đề này nên các nội dung cơ bản mang tính lý luận về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH như khái niệm, vai trò, nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chưa được làm sáng tỏ. Một số biện pháp ưu đãi, hỗ trợ DNXH đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu, tuy nhiên, các nội dung này còn mang tính rải rác, liệt kê, chưa thống nhất và bao quát toàn bộ nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH.

- Khi nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, nhiều công trình nghiên cứu đã đề cập đến một số hình thức ưu đãi, hỗ trợ cụ thể như hỗ trợ về pháp

lý, hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế.... Tuy nhiên, hiện vẫn còn nhiều tranh luận về các phương thức ưu đãi, hỗ trợ này. Các công trình chưa phân biệt rõ ưu đãi và hỗ trợ; các phương thức ưu đãi, hỗ trợ được đề cập cũng chưa có sự thống nhất về tên gọi; và đặc biệt, nhiều phương thức ưu đãi, hỗ trợ chưa được đề xuất giải pháp cụ thể.

- Do có sự khác biệt về các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội giữa các quốc gia, nên việc tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm trong quy định pháp luật của các quốc gia về vấn đề ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng còn nhiều hạn chế bởi mỗi quốc gia quy định các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH là khác nhau. Sẽ có những quy định của một vài quốc gia mà pháp luật Việt Nam có sự tương đồng, nhưng cũng có những quy định mà pháp luật Việt Nam lại có sự khác biệt. Vậy nên việc học hỏi và tiếp thu kinh nghiệm xây dựng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cần đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn tình hình kinh tế, xã hội, đạo đức, phù hợp định hướng xây dựng và phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước, phù hợp với đối tượng áp dụng...

- Về mặt thực tiễn, DNXH được ghi nhận địa vị pháp lý tại Việt Nam từ Luật Doanh nghiệp 2014 và tiếp tục được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp 2020. Việc phân tích, đánh giá pháp luật về DNXH nói chung và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói riêng cần sự cập nhật, phản ánh chính xác thực trạng các quy định pháp luật hiện hành và những vấn đề thực tiễn các DNXH đang vướng mắc, chính vì vậy, nhiều công trình nghiên cứu tuy được các tác giả thực hiện rất công phu nhưng có thể sẽ không còn phản ánh chính xác thực trạng hoạt động của mô hình DNXH tại Việt Nam trong những năm gần đây.

2.3. Những thành tựu trong nghiên cứu mà luận án kế thừa và tiếp tục phát triển

Trên cơ sở đánh giá các công trình nghiên cứu có liên quan đến DNXH và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở nước ngoài và ở Việt Nam mà tác giả đã trình bày ở trên trong quá trình thực hiện Luận án, tác giả sẽ tiếp tục kế thừa các thành tựu nghiên cứu của các công trình kể trên, cụ thể như sau:

Về mặt lý luận: Luận án kế thừa các nội dung sau: sự ra đời và phát triển của mô hình DNXH trên thế giới và tại Việt Nam; khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNXH đối với kinh tế và xã hội.

Về mặt thực tiễn: Luận án kế thừa các nội dung sau:

- (i) Các kết quả nghiên cứu pháp luật điều chỉnh DNXH của một số quốc gia trên thế giới
- (ii) Các kết quả đề cập đến thực trạng một số quy định về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH theo pháp luật Việt Nam;
- (iii) Các kết quả khảo sát, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH của một số tác giả/nhóm tác giả trong những năm gần đây.

2.4. Những vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được giải quyết thấu đáo cần tiếp tục triển khai nghiên cứu

Thông qua các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về DNXH, trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những vấn đề lý luận cơ bản, mang tính nền tảng của pháp luật về DNXH nói chung và một số nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói riêng, tác giả sẽ tiếp tục triển khai và hoàn thiện đề tài “*Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*” bao gồm những vấn đề sau đây:

- Làm rõ các vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ DNXH và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH, trong đó đặc biệt quan tâm đến cơ sở lý luận của đề tài: khái niệm, vai trò (tính cấp thiết) của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH.
- Làm rõ cấu trúc của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH;
- Nghiên cứu, so sánh pháp luật của một số khu vực và quốc gia về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nhằm mục tiêu tham khảo có chọn lọc để đề xuất hoàn thiện pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH của Việt Nam.
- Đánh giá thực trạng nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH trong mối quan hệ với các yêu cầu trong tình hình mới và thực tiễn thực hiện pháp luật ở Việt Nam để chỉ ra các ưu điểm cũng như hạn chế, từ đó xác định yêu cầu cần thiết phải hoàn thiện.
- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực tiễn áp dụng pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH tại Việt Nam hiện nay thông qua việc thu thập ý kiến khảo sát, điều tra của các DNXH điển hình đang hoạt động.
- Nghiên cứu, đưa ra các quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, hướng tới phát triển mô hình DNXH tại Việt Nam.

- Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận án đề xuất định hướng một số quan điểm và giải pháp hoàn thiện nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng như nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH tại Việt Nam.

3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU, CÂU HỎI VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Việc nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nhằm tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích, thúc đẩy DNXH phát triển, đồng thời gia tăng giá trị các đóng góp xã hội của mô hình DNXH. Nghiên cứu này không nhằm tạo ra sự bất bình đẳng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Việc ghi nhận địa vị pháp lý của DNXH từ Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2014 là một trong các minh chứng của quyền tự do kinh doanh, đồng thời, cũng là sự khẳng định quan điểm và định hướng phát triển kinh tế, gắn liền với đảm bảo an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án dựa trên các lý thuyết nghiên cứu sau đây:

Một là, lý thuyết về kinh tế thị trường: Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mà trong đó người mua và người bán tác động với nhau theo quy luật cung cầu. Một trong những hạn chế của kinh tế thị trường là cơ chế phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế thị trường có thể dẫn tới bất bình đẳng trong xã hội. Trong một số tình huống, thị trường tự do đi ngược lại lợi ích chung của xã hội. Việc quá đề cao tính thị trường mà không có sự điều tiết của Nhà nước sẽ tạo cơ hội cho sự ích kỷ cá nhân, vì lợi ích cá nhân mà vô cảm cộng đồng, nhất là trong những tình huống ngặt nghèo thì sẽ có những người vì lòng tham lợi nhuận mà sẵn sàng gây tổn hại cho xã hội. Trong thực tế hiện nay, để hạn chế mặt trái của kinh tế thị trường, chính phủ các quốc gia cần thiết phải can thiệp vào thị trường dù ít hay nhiều, thông qua đó đảm bảo cân bằng được lợi ích của xã hội, đặc biệt đảm bảo được quyền lợi của nhóm người yếu thế và các lợi ích chung của xã hội.

Hai là, lý thuyết về doanh nghiệp và doanh nghiệp xã hội. Doanh nghiệp là chủ thể kinh doanh có những đặc điểm riêng so với các chủ thể kinh doanh khác và mục tiêu của doanh nghiệp là thực hiện hoạt động kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận cho các nhà đầu tư. Trong khi đó, doanh nghiệp xã hội là những chủ thể cũng thực

hiện hoạt động kinh doanh nhưng hướng tới mục tiêu sử dụng lợi nhuận kinh doanh để phục vụ cho cộng đồng và xã hội. Để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH thì cần phải xuất phát từ lý thuyết về DN và DNXH để hiểu rõ các đặc điểm nói chung của DN cũng như các đặc thù riêng của DNXH. Trên cơ sở đó, hiểu được DNXH đang thiếu và cần được hỗ trợ hay hưởng ưu đãi gì.

Ba là, lý thuyết về chức năng của Nhà nước: Theo Từ điển Luật học: “Chức năng của Nhà nước được phân thành hai chức năng cơ bản là chức năng đối nội và chức năng đối ngoại”⁶. Trong đó, chức năng đối nội gồm: chức năng kinh tế; chức năng xã hội; chức năng giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân. Như vậy, Nhà nước vừa có chức năng kinh tế nhưng đồng thời cũng có chức năng xã hội. Để đảm bảo chức năng xã hội, Hiến pháp Việt Nam 2013 đã quy định “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác” (Điều 59, Khoản 2). Vấn đề về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được đề cập trong các trách nhiệm của Nhà nước được quy định tại Điều 63⁷. Chính vì chức năng xã hội nên Nhà nước bên cạnh việc đảm bảo các mục tiêu kinh tế cần khuyến khích các mô hình kinh doanh hướng tới mục tiêu hỗ trợ các nhóm yếu thế, giải quyết việc làm và vì mục tiêu xã hội.

Bốn là, lý thuyết về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Trách nhiệm xã hội của DN (Corporate Social Responsibility - CSR) là sự cam kết của DN về những đóng góp của DN đối với sự phát triển bền vững của đất nước, thông qua những hoạt động cụ thể của DN nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, cho cộng đồng và cho toàn xã hội theo cách có lợi cho DN cũng như vì sự phát triển chung của xã hội. Một số mục tiêu CSR phổ biến có thể kể đến như: giảm thiểu tác động đến môi trường, quyên góp cho các tổ chức từ thiện... Nhìn chung các DN nói chung đều cần phải đảm bảo trách nhiệm xã hội, tuy nhiên, với mô hình DNXH thì trách nhiệm xã hội ở mức độ cao hơn và mang tính cam kết pháp lý, ràng buộc với hoạt động của DN trong suốt quá trình hoạt động.

⁶ Từ điển Luật học, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1999, tr.98.

⁷ Quốc hội: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.24-30.

Năm là, lý thuyết về ưu đãi, hỗ trợ: ưu đãi, hỗ trợ là những biện pháp, cách thức được quy định trong các văn bản pháp luật nhằm tạo ra các lợi ích nhất định hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể được hưởng ưu đãi, hỗ trợ. Tuy nhiên, quy định về ưu đãi, hỗ trợ cần trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, của nền kinh tế xã hội và của các chủ thể kinh doanh khác.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu:

Với đề tài luận án “*Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*”, các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu được đặt ra như sau:

- Câu hỏi nghiên cứu 1: Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH là gì? Tại sao cần nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH?

Giả thuyết nghiên cứu: Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một bộ phận của pháp luật về DNXH. Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh chung các vấn đề về ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích, tạo điều kiện để DNXH ra đời và phát triển. Việc khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để DNXH phát triển về số lượng và nâng cao về quy mô hoạt động là rất cần thiết. Do đó, nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trong đó, về mặt lý luận, nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH góp phần thể chế hóa quan điểm “thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân”⁸ của Đảng ta, đồng thời góp phần khích lệ, động viên, ghi nhận sự cống hiến của DNXH trong việc chia sẻ gánh nặng với Nhà nước để giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường; về mặt thực tiễn, nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ góp phần tạo điều kiện để DNXH có thể tháo gỡ khó khăn và hoàn thành tốt trách nhiệm của mình đối với xã hội.

- Câu hỏi nghiên cứu 2: Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có cấu trúc như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu: Cấu trúc pháp luật gồm cấu trúc về hình thức và cấu trúc về nội dung. Trong đó, cấu trúc về hình thức là các hình thức thể hiện, hàm chứa các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Cấu trúc nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH gồm các nhóm quy định cụ thể, bao gồm nhóm quy định để nhận diện

⁸ Xem Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 20/1/2016 đến ngày 28/1/2016 tại Thủ đô Hà Nội

DNXH và nhóm quy định về ưu đãi, hỗ trợ. Trong cấu trúc nội dung, nhóm quy định để nhận diện DNXH được coi là bộ phận nền tảng của nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, bởi trên cơ sở phải đáp ứng các điều kiện mà pháp luật quy định, DNXH mới được xét hưởng ưu đãi, hỗ trợ; trong khi đó, nhóm quy định về các ưu đãi, hỗ trợ DNXH nội dung chính, trọng tâm nghiên cứu của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, bao gồm các quy định về hình thức, thủ tục và địa bàn hưởng ưu đãi, hỗ trợ.

- Câu hỏi nghiên cứu 3: Thực trạng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở nước ta hiện nay như thế nào?

Giả thuyết nghiên cứu: Pháp luật Việt Nam có lẽ là chưa có quy định cụ thể về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, mặc dù định hướng chung mang tính nguyên tắc về việc khuyến khích, hỗ trợ DNXH đã được nhắc đến⁹. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp nói chung (trong đó bao gồm cả DNXH) có thể đã được đề cập trong rải rác nhiều văn bản pháp lý như Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, pháp luật đầu tư, pháp luật thuế, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đất đai, ... Tuy nhiên, quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chắc chắn chưa được hệ thống hóa và cụ thể hóa, do vậy, chưa khuyến khích được mô hình DNXH phát triển.

- Câu hỏi nghiên cứu 4: Để khuyến khích DNXH, Nhà nước cần có những quan điểm và giải pháp gì để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH?

Giả thuyết nghiên cứu: Ở Việt Nam hiện nay có rất ít các công trình nghiên cứu về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Nếu có đề cập thì các công trình khoa học chủ yếu chỉ trình bày mang tính nguyên tắc chung, chưa làm rõ được quan điểm, giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. NCS cho rằng, việc hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cần phải được trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, phải gắn với việc hoàn thiện pháp luật về DNXH và phù hợp với nền kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo được tính khả thi trong thực tiễn cũng như phù hợp với xu hướng quốc tế. Những giải pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cần dựa trên cơ sở lý luận, thực trạng đã được phân tích để đạt được hiệu quả hoàn thiện pháp luật một cách đồng bộ, thống nhất và minh bạch.

⁹ Xem khoản 4 điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020

KẾT LUẬN PHÂN TỔNG QUAN

Hiện nay, pháp luật về DNXH đã được đề cập trong nhiều công trình khoa học, tuy nhiên, liên quan đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH thì số lượng công trình nghiên cứu chuyên sâu còn rất hạn chế. Thực tế thành lập và hoạt động DNXH cho thấy, quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là vấn đề pháp lý quan trọng, tác động trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH có ý nghĩa cả về tính lý luận và thực tiễn.

Qua rà soát tình hình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thấy một số vấn đề về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng đã được một số nhà nghiên cứu quan tâm, đề cập, tuy nhiên, các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH mới chỉ được đề cập trong phạm vi một bài đăng tạp chí khoa học hoặc là một nội dung nhỏ trong công trình nghiên cứu tổng thể về DNXH. Các công trình nghiên cứu đề cập đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở mỗi khía cạnh khác nhau, hướng tiếp cận đi từ cơ sở lý luận đến đánh giá thực trạng pháp luật. Nhìn chung, những hướng nghiên cứu của các học giả liên quan đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói chung đều có ý nghĩa quan trọng đối với nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận án, gợi mở cho nghiên cứu sinh những hướng nghiên cứu tiếp theo. Trên cơ sở các công trình của các học giả đã triển khai, nghiên cứu sinh khái quát hóa các kết quả, thành tựu mà các công trình đã đạt được, đồng thời chỉ ra những vấn đề mà luận án kế thừa, phát triển và tiếp tục đặt ra mục tiêu nghiên cứu ở các chương tiếp theo.

Kế thừa những thành quả nghiên cứu của các công trình khoa học liên quan, kết hợp với lý thuyết nghiên cứu và cùng với việc đặt ra các câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, nghiên cứu sinh đặt ra các định hướng nghiên cứu tiếp theo, bao gồm: (i) Nghiên cứu bổ sung các vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ DNXH và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, bao gồm: làm rõ khái niệm, vai trò và nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH; (ii) Phân tích, đánh giá được thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam; (iii) Đưa ra quan điểm và các giải pháp nhằm hoàn thiện nội dung pháp luật, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1.1. LÝ LUẬN VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI VÀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1.1.1. Lý luận về doanh nghiệp xã hội

1.1.1.1. *Khái niệm, đặc điểm doanh nghiệp xã hội*

Khi bàn về DNXH, các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước đều chỉ ra rằng: có nhiều quan niệm, định nghĩa khác nhau về DNXH. Mỗi quốc gia, tổ chức quốc tế, tùy theo quan điểm rộng hay hẹp về hình thức pháp lý của DNXH sẽ đưa ra một định nghĩa khác nhau. Tại Italia, theo quy định của Luật Doanh nghiệp xã hội ban hành năm 2005, DNXH được xác định là tổ chức phi lợi nhuận thực hiện hoạt động kinh doanh để giải quyết vấn đề xã hội vì lợi ích cộng đồng. Năm 2006, Chính phủ Ý ban hành Nghị định số 155 ngày 24/3/2006 chính thức đưa ra định nghĩa về DNXH, theo đó “*tất cả các tổ chức tư nhân, bao gồm các tổ chức quy định tại Quyển 5 của Bộ luật dân sự, thực hiện các hoạt động kinh doanh có tổ chức và bền vững để giải quyết các vấn đề xã hội vì lợi ích cộng đồng và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 2,3,4 được xác định là DNXH*”.

Một định nghĩa khác về DNXH được đề cập trong Chiến lược phát triển DNXH năm 2002 của Chính phủ Anh, theo đó: “*DNXH là một mô hình kinh doanh được thành lập nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội và sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu*”¹⁰. Cách định nghĩa này đã bám sát theo những đặc điểm cơ bản của DNXH, đó là đặc điểm về hoạt động kinh doanh, mục tiêu xã hội và nguyên tắc phân phối lợi nhuận của DNXH. Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) lại đưa ra định nghĩa DNXH (Social enterprises) là “*bất kỳ hoạt động tư nhân nào được tiến hành vì lợi ích cộng đồng, được tổ chức với chiến lược kinh doanh, với mục đích chính không phải là tối đa hóa lợi nhuận mà là đạt được các mục tiêu kinh tế và*

¹⁰ The United Kingdom, *The Social Enterprise Development Strategy*, 2002

xã hội nhất định và có khả năng mang lại các giải pháp sáng tạo cho các vấn đề xã hội và thất nghiệp”¹¹.

Còn tại Malaysia, quốc gia này chưa đưa ra định nghĩa chính thức về DNXH tuy nhiên chính phủ Malaysia lại rất quan tâm đến việc nghiên cứu và thúc đẩy sự phát triển của DNXH, vì vậy, chính phủ Malaysia đã thành lập Trung tâm đổi mới và sáng tạo Toàn cầu Malaysia (The Malaysian Global Innovation and Creativity Central - MaGIC). MaGIC là tổ chức được Chính phủ Malaysia cấp ngân sách để nghiên cứu các cơ chế thúc đẩy DNXH. Theo quan điểm của MaGIC: *“DNXH là một thực thể được tổ chức để giải quyết vấn đề xã hội thông qua việc sử dụng mô hình kinh doanh”*¹².

Như vậy có thể thấy điểm chung trong quan điểm của pháp luật Ý, Anh và Malaysia hay tổ chức OECD là đều coi DNXH là “một thực thể”, “một mô hình kinh doanh”... Hay nói cách khác, pháp luật của các quốc gia và OECD đều thừa nhận sự tồn tại đa dạng về hình thức pháp lý của DNXH, một tổ chức nếu đảm bảo mục tiêu hoạt động vì xã hội và cộng đồng thì đều được nhận diện là DNXH.

Tại Việt Nam, DNXH chính thức được ghi nhận kể từ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và tiếp tục được ghi nhận tại Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020. Tuy đã được luật hóa nhưng pháp Luật Doanh nghiệp Việt Nam không đưa ra khái niệm cụ thể về DNXH mà chỉ nêu 03 tiêu chí để nhận diện DNXH, bao gồm: a) *Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*; b) *Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng*; c) *Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký*¹³.

Mặc dù pháp luật chưa có khái niệm cụ thể về DNXH nhưng một số nhóm nghiên cứu tại Việt Nam đã đưa ra các quan điểm riêng về khái niệm DNXH. Nhóm nghiên cứu của Nguyễn Toàn Thắng (2017) định nghĩa: *DNXH là một mô hình kinh doanh được thành lập dưới nhiều hình thức pháp lý khác nhau để giải*

¹¹<https://www.oecd.org/cfe/leed/social-economy/social-entrepreneurship.htm#:~:text=Social%20enterprises%20are%20identified%20by,capacity%20for%20bringing%20innovative%20solutions>, truy cập ngày 15/2/2022

¹² The Malaysian Global Innovation and Creativity Central (MaGIC), Social Enterprise 101 at 4

¹³ Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020

*quyết các vấn đề xã hội vì lợi ích cộng đồng, sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên của doanh nghiệp*¹⁴. Nhóm nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Yên lại đưa ra định nghĩa: “*DNXH là một trong các loại hình DN theo quy định của Luật DN năm 2014, hoạt động không vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà được thành lập với mục tiêu là để giải quyết một/các vấn đề xã hội nhất định mà DN này theo đuổi, bên cạnh mục tiêu kinh tế. Phần lớn lợi nhuận thu được của DN dùng để phục vụ mục tiêu xã hội, ngoài ra DNXH có thể cung cấp các dịch vụ cộng đồng như: giáo dục, văn hóa, môi, trường, đào tạo nghề...*”¹⁵.

Như vậy có thể thấy, ngay trong chính các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý Việt Nam cũng có những quan điểm khác nhau về định nghĩa DNXH, có tác giả cho rằng DNXH bắt buộc phải là “loại hình DN”, trong khi đó, có tác giả cho rằng DNXH là “mô hình kinh doanh”.

Cũng liên quan đến chủ đề này, năm 2018, nhóm nghiên cứu của PGS, TS. Trương Thị Nam Thắng đã giới thiệu một khái niệm mới có liên quan mật thiết đến DNXH, đó là khái niệm doanh nghiệp tạo tác động xã hội. Theo đó, doanh nghiệp tạo tác động xã hội là “*tổ chức ở đó hoạt động thương mại và cam kết tạo tác động tích cực lên xã hội/môi trường là hai nguyên lý trung tâm của chiến lược vận hành tổ chức. Việc cân bằng giữa mục tiêu xã hội/môi trường với mô hình thương mại cho phép loại hình tổ chức này có thể giải quyết các thách thức xã hội và môi trường một cách bền vững*”¹⁶. DN tạo tác động xã hội không bị hạn chế về hình thức pháp lý hoạt động, nhưng vẫn lấy mô hình doanh nghiệp là trọng tâm. DN tạo tác động xã hội được coi là khái niệm cởi mở và linh hoạt của khái niệm DNXH đã được xác định bởi Luật Doanh nghiệp. Nói cách khác, DNXH theo Luật Doanh nghiệp là một trong các hình thức pháp lý nằm trong khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội.

¹⁴ Nguyễn Toàn Thắng và nhóm nghiên cứu, “*Nghiên cứu so sánh chế định doanh nghiệp xã hội trong hệ thống pháp luật của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*” - đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Luật Hà Nội năm 2017.

¹⁵ Nguyễn Thị Yên và nhóm nghiên cứu, “*Pháp luật về doanh nghiệp xã hội và thực tiễn thi hành tại Việt Nam*” - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Đại học Luật Hà Nội năm 2017.

¹⁶ Trương Thị Nam Thắng và nhóm nghiên cứu, “*Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam*”, Đại học Kinh tế Quốc dân và Chương trình phát triển Liên hiệp Quốc tại Việt Nam, 2018.

Qua những quan điểm trên có thể thấy, ở Việt Nam hiện nay tồn tại song song khái niệm DNXH và khái niệm DN tạo tác động xã hội. Theo đó, DNXH đề chỉ các tổ chức đăng ký là DN và hoạt động có mục tiêu xã hội, còn khái niệm DN tạo tác động xã hội bao gồm tất cả các tổ chức kinh doanh với nhiều hình thức pháp lý khác nhau (như DN, Hợp tác xã, Hộ kinh doanh...) hoạt động vì mục tiêu tạo tác động xã hội. Như đã trình bày ở trên, tại một số quốc gia hiện nay (như Anh, Malaysia, Italia), khái niệm DNXH đang được hiểu tương đương như khái niệm DN tạo tác động xã hội tại Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa quan điểm về DNXH của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, trong phạm vi luận án, tác giả quan niệm về DNXH theo nghĩa rộng, cụ thể: *“DNXH là tổ chức được thành lập để tiến hành các hoạt động kinh doanh, lấy kinh doanh làm nền tảng để phục vụ mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội.”*

Mặc dù khái niệm DNXH hiện nay rất đa dạng, phong phú, tùy thuộc trình độ phát triển của mỗi quốc gia và khu vực, cũng như đặc thù và ưu tiên của từng tổ chức mà các chủ thể đưa ra các định nghĩa khác nhau về DNXH. Tuy nhiên, để phân biệt DNXH với các mô hình kinh doanh truyền thống thì đa phần các nhà nghiên cứu đều thống nhất về một số đặc điểm cơ bản sau đây của DNXH:

(i) DNXH hoạt động kinh doanh nhưng luôn đặt mục tiêu xã hội lên hàng đầu

DNXH trước hết với tư cách là một chủ thể kinh doanh vì vậy phải thành lập và hoạt động vì mục đích kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh hoạt động kinh doanh, DNXH phải lấy mục tiêu xã hội làm sứ mệnh hoạt động tối thượng ngay từ khi thành lập, và điều này phải được tuyên bố một cách công khai, rõ ràng, minh bạch. Nói cách khác, mỗi DNXH được lập ra vì mục tiêu xã hội cụ thể của mình. Thậm chí, hoạt động kinh doanh còn được xác định là công cụ, là phương thức để DNXH tạo ra lợi nhuận phục vụ mục tiêu, sứ mệnh xã hội.

Điểm khác biệt giữa DNXH và DN truyền thống là các doanh nghiệp truyền thống sử dụng việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng hay tìm đến các giải pháp xã hội như một công cụ nhằm đạt được lợi nhuận cho chủ sở hữu của doanh nghiệp. Ngược lại, DNXH sử dụng hình thức kinh doanh như một công cụ để đạt được các mục tiêu xã hội của mình.

(ii) *DNXH thực hiện tái phân phối lợi nhuận để phục vụ mục tiêu xã hội*

Đối với các DN thương mại truyền thống, lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trích lập vào một số quỹ theo tỷ lệ do công ty quyết định như quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi... thì được sử dụng để chia cho các thành viên hoặc dùng để tái đầu tư, kinh doanh. Còn đối với DNXH, với tư cách là một doanh nghiệp cũng thực hiện hoạt động kinh doanh và thu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đó, tuy nhiên, DNXH lại không thực hiện việc phân phối lợi nhuận như DN thông thường mà sử dụng lợi nhuận đó để tái đầu tư vào mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội mà DN theo đuổi. Pháp luật mỗi quốc gia quy định về tỷ lệ lợi nhuận DN dùng để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội là khác nhau, chẳng hạn, Luật Doanh nghiệp Việt Nam quy định: DNXH bắt buộc phải trích ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký; pháp luật Thái Lan thì quy định DNXH phải tái đầu tư ít nhất 70% lợi nhuận của mình hoặc sử dụng nó cho lợi ích của nông dân, người tàn tật hoặc cho bất kỳ lợi ích chung khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính¹⁷. Thậm chí, Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 còn quy định, DNXH là pháp nhân phi thương mại¹⁸. Theo đó, tại khoản 1 điều 76 Bộ luật Dân sự 2015 cũng khẳng định: *Pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên.*

Như vậy, mô hình DNXH đòi hỏi lợi nhuận phải được tái phân phối trở lại cho hoạt động của tổ chức hoặc cho cộng đồng là đối tượng hưởng lợi. DNXH không thể được coi là một con đường làm giàu. Muốn làm giàu cá nhân phải tìm kiếm ở mô hình kinh doanh truyền thống.

(iii) *Đối tượng hưởng lợi chính của DNXH là nhóm người yếu thế và mục tiêu hoạt động chủ yếu của DNXH là giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường*

Có thể nói, sự tồn tại của nhóm người yếu thế là tất yếu của mọi xã hội, đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, kéo theo hàng loạt các vấn đề xã hội phức tạp như

¹⁷ PLF Law Firm, *Corporate Income Tax Exemption for Social Enterprises (Miễn thuế TNDN cho DNXH)*, xem tại <https://plf.vn/corporate-income-tax-exemption-for-social-enterprises/5/>, truy cập ngày 15/5/2022

¹⁸ Khoản 1,2 Điều 76 Bộ Luật Dân sự 2015

đói nghèo, bệnh tật, thất nghiệp, bất bình đẳng xã hội... Những vấn đề này nếu không được giải quyết triệt để sẽ tạo thành lực cản vô hình kìm hãm sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia và của toàn thế giới. Thực tế cho thấy, Nhà nước với chức năng quản lý, điều hành đất nước, bên cạnh việc đảm bảo trật tự, định hướng phát triển kinh tế và các chức năng đối nội, đối ngoại khác của quốc gia, Nhà nước rất khó đảm bảo đầy đủ về an sinh xã hội cho toàn bộ người dân, đặc biệt là điều kiện an sinh xã hội cho nhóm người yếu thế. Các DNTM trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng thường bỏ qua nhóm này vì đối tượng phục vụ họ hướng tới là nhóm khách hàng mục tiêu với khả năng chi trả cao hơn. Bởi vậy, DNXH đóng vai trò quan trọng, hoạt động hướng đến những thị trường ngách, góp phần khắc phục “thất bại thị trường” và “thất bại Nhà nước” thông qua việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ với giá rẻ cho đối tượng nhóm đáy của tháp xã hội¹⁹.

Bên cạnh đó, khi đề cập đến mục tiêu phát triển bền vững, một trong những nội dung không thể không nhắc đến là vấn đề bảo vệ môi trường. Khi một nền kinh tế càng phát triển thì đồng thời xuất hiện và gia tăng ngày càng nhiều những vấn đề xã hội và môi trường mà Chính phủ cần giải quyết. Nhà nước có thể đã rất nỗ lực trong việc giúp đỡ, hỗ trợ nhóm người yếu thế, cũng như giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, tuy nhiên nếu chỉ có Nhà nước đứng ra thực hiện thì có thể hiệu quả không cao, vì vậy, việc giải quyết các vấn đề này rất cần sự chung tay của các cá nhân, tổ chức trong xã hội, trong đó đặc biệt là vai trò của các DNXH. Theo khảo sát của Hội đồng Anh, CIEM và CSIP thì *“68% DNXH theo cách nào đó hướng tới việc đóng góp cho xóa đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống và nâng cao thu nhập thông qua giáo dục, đào tạo nghề, tăng cường kỹ năng, thiết bị và kiến thức. Ngoài ra có tới 48% DNXH còn có mục tiêu liên quan đến môi trường, chẳng hạn như cung cấp sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường, hoạt động theo cách thức thân thiện với môi trường và tăng cường nhận thức trong cộng đồng về vấn đề môi trường”*²⁰. Theo một khảo sát khác được tiến hành năm 2018 của nhóm nghiên cứu do PGS, TS. Trương Thị Nam Thắng làm trưởng nhóm thực hiện về khu

¹⁹ British Council, CIEM, Đại học Kinh tế Quốc dân, *Diễn hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, 2016, tr.13

²⁰ CIEM (2012), *Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam - Khái niệm, bối cảnh và chính sách*, Hà Nội, tr.25

vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội²¹ (trong đó bao gồm DNXH) thì có đến 50% số doanh nghiệp tham gia khảo sát có mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, tiếp đó là 46,7% có mục tiêu tạo cơ hội việc làm cho nhóm ngoài lề, 32% doanh nghiệp có mục tiêu bảo vệ môi trường....

Như vậy có thể thấy, DNXH chính là chủ thể đặc lực hỗ trợ Nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu xã hội, hướng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

(iv) Chủ thể thành lập doanh nghiệp xã hội chủ yếu là những doanh nhân xã hội

Hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường là mục tiêu kép vô cùng khó khăn của DNXH, cũng như người điều hành DNXH. Chính vì vậy, để DNXH ra đời và phát triển, đòi hỏi những người thành lập và điều hành DNXH không chỉ cần có vốn mà quan trọng hơn hết còn cần có ý tưởng kinh doanh mới lạ, xác định rõ mục tiêu xã hội mà doanh nghiệp sẽ theo đuổi và có lòng nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng và xã hội. Thực tế cho thấy, xã hội cũng có nhiều cá nhân, tổ chức đứng ra kêu gọi quyên góp, ủng hộ từ thiện cho các trường hợp, hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên, những hoạt động này thường mang tính tự phát và không ổn định, lâu dài. Các hoạt động quyên góp, từ thiện thường khởi phát trong những thời điểm nhất định như khi thời tiết bão lũ, hay quyên góp áo ấm cho trẻ vùng cao, hỗ trợ các suất quà cho người khó khăn trong các dịp lễ tết.... Trong khi đó, rất nhiều các nhóm người yếu thế cần có sự hỗ trợ, động viên, giúp đỡ thường xuyên hoặc thậm chí nếu được quan tâm và tạo điều kiện phù hợp, những nhóm người yếu thế vẫn hoàn toàn có thể làm việc, thậm chí làm tốt các công việc, chủ động tạo ra thu nhập cải thiện cuộc sống của họ. Chính vì vậy, các chủ sở hữu DNXH, với tư cách vừa là những người hoạt động kinh doanh, vừa là những người có tấm lòng muốn giúp đỡ, chia sẻ khó khăn có thể đồng hành và hỗ trợ lâu dài, tích cực cho nhóm người yếu thế, tạo công ăn việc làm cho họ hay dùng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để tái đầu tư lâu dài vào các hoạt động xã hội. Một số quốc gia trên thế giới như Anh, Mỹ, Hàn Quốc... gọi những người tham gia thành lập DNXH, lấy hoạt động kinh doanh làm cơ sở để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội là Doanh nhân xã hội.

²¹ Trương Thị Nam Thắng, *Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam*, 2018.

Thuật ngữ Doanh nhân xã hội (trong tiếng Anh là Social Entrepreneur) bắt đầu xuất hiện trong những năm cuối của thế kỷ XX và phát triển mạnh trong hai thập kỷ gần đây. Một doanh nhân xã hội là người theo đuổi các sáng kiến mới lạ, có tiềm năng để giải quyết các vấn đề liên quan tới cộng đồng. Những cá nhân này sẵn sàng chấp nhận rủi ro và nỗ lực để tạo ra những thay đổi tích cực trong xã hội thông qua các sáng kiến của họ²². Mục tiêu chính của một doanh nhân xã hội không phải là kiếm được lợi nhuận, mà là để thực hiện những cải thiện trong đời sống xã hội. Nếu doanh nhân thương mại chỉ tập trung phát triển doanh nghiệp, lấy mục tiêu lợi nhuận làm chính yếu còn trách nhiệm xã hội có thể có nhưng không phải mục tiêu trong quá trình hoạt động thì mục tiêu của doanh nhân xã hội là làm thế nào để giải quyết triệt để một vấn đề xã hội cụ thể, hơn nữa, hoạt động này cần phải được nhân rộng để gia tăng số người được hưởng lợi từ các hoạt động đó.

Như vậy, DNXH có những điểm đặc thù khác với các doanh nghiệp thông thường và các tổ chức phi lợi nhuận. DNXH là mô hình kết hợp hài hòa cả hình thức và nội dung của hai loại hình tổ chức trên, lấy kinh doanh là hoạt động chính nhưng không vì mục tiêu lợi nhuận mà mục tiêu chính là giải quyết các vấn đề xã hội.

1.1.1.2. Vai trò của doanh nghiệp xã hội

Từ thực tiễn tổ chức và hoạt động của DNXH trên thế giới và tại Việt Nam thời gian qua, có thể thấy DNXH đã đóng góp giá trị rất lớn cho nền kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia.

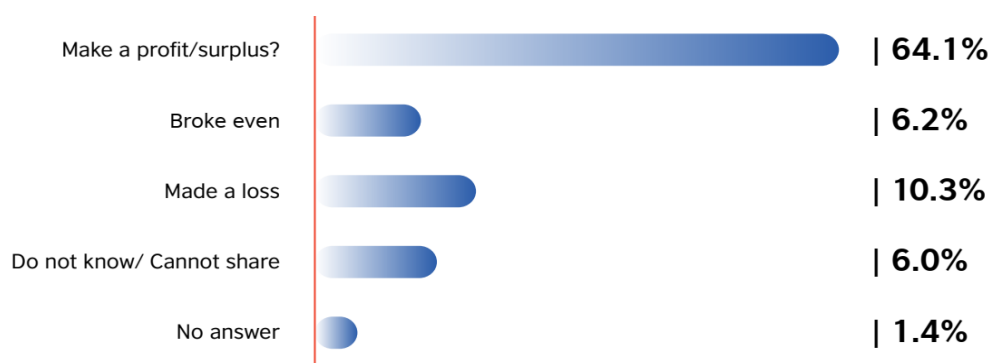
- *Xét về khía cạnh kinh tế:*

Cũng như các doanh nghiệp khác, DNXH trên cơ sở tiến hành các hoạt động kinh doanh sẽ tìm kiếm lợi nhuận để giải quyết các vấn đề xã hội, bên cạnh đó, DNXH cũng phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đóng góp tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, mô hình DNXH đã phát triển từ nhiều năm và Nhà nước có các chiến lược, kế hoạch phát

²² Lê Huy, *Doanh nhân xã hội (Social Entrepreneur) là ai? Tinh thần doanh nhân xã hội*, xem tại: <https://vietnambiz.vn/doanh-nhan-xa-hoi-social-entrepreneur-la-ai-tinh-than-doanh-nhan-xa-hoi-20200622033434865.htm>, truy cập ngày 4/3/2022.

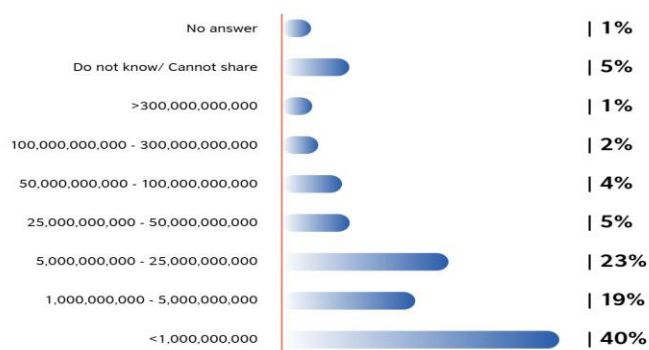
triển DNXH, do vậy, DNXH đã đóng góp được đáng kể vào nền kinh tế của đất nước. Tại Pháp năm 2015, khu vực kinh tế xã hội và đoàn kết chiếm 223.000 DN, 2,34 triệu nhân viên và 10,3% việc làm quốc gia. Nó cũng chiếm gần 8% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Khu vực DNXH của Vương quốc Anh đóng góp cho nền kinh tế gấp ba lần so với khu vực nông nghiệp, theo báo cáo năm 2018 của Social Enterprise UK (SEUK's) - 'Cuộc cách mạng ẩn giấu'. Nó quan trọng hơn nhiều so với ước tính trước đây. Các DNXH trị giá 60 tỷ bảng cho nền kinh tế Vương quốc Anh, 3% GDP và 5% tổng số việc làm. Báo cáo cũng cho thấy 5 hợp tác xã hàng đầu của Anh - một hình thức DNXH - nộp thuế nhiều hơn cả Amazon, Facebook, Apple, eBay và Starbucks cộng lại²³.

Tại Việt Nam, theo Báo cáo Hiện trạng doanh nghiệp xã hội Việt Nam năm 2019 của Hội đồng Anh, Tổ chức DNXH Vương quốc Anh và CIEM, 64,1% các DNXH Việt Nam đang kinh doanh có lợi nhuận, 6,2% số DNXH đạt mức hòa vốn và chỉ có 10,3% thua lỗ. Trong đó, 40% DNXH có doanh thu trên dưới 1 tỷ VNĐ; 19% DNXH có doanh thu 1-5 tỷ VNĐ, 23% DNXH báo doanh thu 5-25 tỷ VNĐ và 12% báo doanh thu trên 25 tỷ VNĐ. Với thực trạng phát triển DNXH tại nước ta còn nhiều hạn chế, khó khăn như hiện nay, đồng thời quy mô của các DNXH chủ yếu là quy mô nhỏ và vừa thì những con số trên thực sự rất ấn tượng đối với nền kinh tế.



Hình 1.1. Tình hình lãi, lỗ của các DNXH Việt Nam năm 2018

²³ Richard Summerfield, *The impact of social entrepreneurship on economic growth (Tác động của doanh nghiệp xã hội đến tăng trưởng kinh tế)*, Tạp chí Toàn cầu tài chính, tháng 5/2020;



Hình 1.2. Doanh số của Doanh nghiệp xã hội Việt Nam năm 2018

• *Xét về khía cạnh xã hội:*

Các DNXH có đóng góp rất lớn cho xã hội, không chỉ bằng những lợi ích kinh tế tính bằng số tiền đóng góp vào ngân sách Nhà nước hay giá trị sản phẩm, mà DNXH còn đóng góp thông qua các lĩnh vực hoạt động, các nhóm đối tượng mà khu vực DNTM thường bỏ qua. Theo Mario Calderini, Magali Fia, Francesco, “Doanh nghiệp xã hội có thể đóng vai trò là chất xúc tác cho đổi mới mang tính thay đổi đối với những người bị thiệt thòi về mặt địa lý và xã hội. Việc đưa DNXH vào các chính sách đổi mới mang tính chuyển đổi có thể giảm thiểu những tác động tiêu cực của tăng trưởng dựa trên đổi mới, làm cho các chính sách trở nên toàn diện hơn về mặt xã hội và địa lý”²⁴.

Bên cạnh việc tạo ra nguồn thu và đóng góp vào ngân sách Nhà nước thì thông qua hoạt động của mình, DNXH còn tạo ra việc làm và cơ hội đào tạo kỹ năng làm việc cho người lao động, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội như người khuyết tật, trẻ em lang thang, cơ nhỡ, đồng bào dân tộc thiểu số... Với sự hỗ trợ và đào tạo phù hợp, những nhóm người yếu thế hoàn toàn có thể tự tạo ra nguồn thu nhập cho bản thân, đồng thời đóng góp cho cộng đồng. Ví dụ tại Hàn Quốc, tính đến tháng 4/2019, số lượng người lao động tại hơn 2000 DNXH là 46.000 người, trong đó có khoảng 28.000 người lao động đến từ nhóm yếu thế, chiếm tỷ lệ 60% trong tổng số lao động của DNXH. Lương trung bình của người lao động tại các

²⁴ Mario Calderini, Magali Fia, Francesco, “*Organizing for transformative innovation policies: The role of social enterprises. Theoretical insights and evidence from Italy*” (Tổ chức thực hiện các chính sách đổi mới mang tính chuyển đổi: Vai trò của doanh nghiệp xã hội. Những hiểu biết lý thuyết và bằng chứng từ Ý), *Research Policy* 52 (2023) 104818

DNXH là 1,62 triệu Won²⁵. Không chỉ giúp đảm bảo vấn đề an sinh xã hội của nhóm yếu thế trong xã hội, các DNXH còn góp phần bảo vệ môi trường. Trong quá trình phát triển nhằm đạt mục tiêu xã hội của mình, DNXH thường cố gắng không làm gia tăng hoặc rất hạn chế làm gia tăng các phát thải môi trường.

Tương ứng với mục tiêu, sứ mệnh của mình, thông thường các DNXH được thành lập nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể trong xã hội, phục vụ vì lợi ích của một cộng đồng hay một nhóm đối tượng cụ thể. Các vấn đề mà DNXH quan tâm giải quyết rất đa dạng, bao gồm các lĩnh vực như môi trường, giáo dục, văn hóa, y tế, tạo việc làm, hỗ trợ sinh kế cho nhóm yếu thế.... Nhìn chung, một quốc gia khó có thể đạt được sự phát triển bền vững nếu không thể đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của người dân như nguồn cung thực phẩm, nước sạch, nhà ở, tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục... DNXH đóng vai trò quan trọng trong việc làm dịu những vấn đề mà xã hội đang gặp phải, đặc biệt ở những cộng đồng thuộc nhóm yếu thế, bằng cách giúp họ xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn. DNXH không chỉ giúp những đối tượng này được đáp ứng nhu cầu cơ bản mà còn giúp họ thể hiện được tiềm năng của bản thân, xây dựng đời sống bền vững và có những đóng góp tích cực cho xã hội.

Nói đến vai trò của DNXH không thể không nhắc tới những thành quả mà khu vực DNXH đã đóng góp cho đất nước Ấn Độ. Có thể nói, Ấn Độ là một trong những quốc gia có mức chênh lệch giàu nghèo rất lớn. Có đến 70% dân số Ấn Độ ở nông thôn không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như dịch vụ y tế, điện, vệ sinh cơ bản... Theo kết quả nghiên cứu tổng thể của British Council (2016), Ấn Độ là quốc gia có khoảng 40% người nghèo trên toàn thế giới, trong nước có gần 30% sống dưới mức nghèo. Với sự phát triển mạnh mẽ của khu vực DNXH đã đóng góp rất lớn vào sự thay đổi diện mạo của đất nước này. Theo đó, 62% DNXH tham gia khảo sát hướng tới mục tiêu tạo cơ hội việc làm, 41% DNXH hướng tới mục tiêu cải thiện sức khỏe cho người dân, 40% DNXH hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường và 33% DNXH hỗ trợ phụ nữ và nhiều mục tiêu xã hội khác mà các DNXH tại Ấn Độ hướng tới.

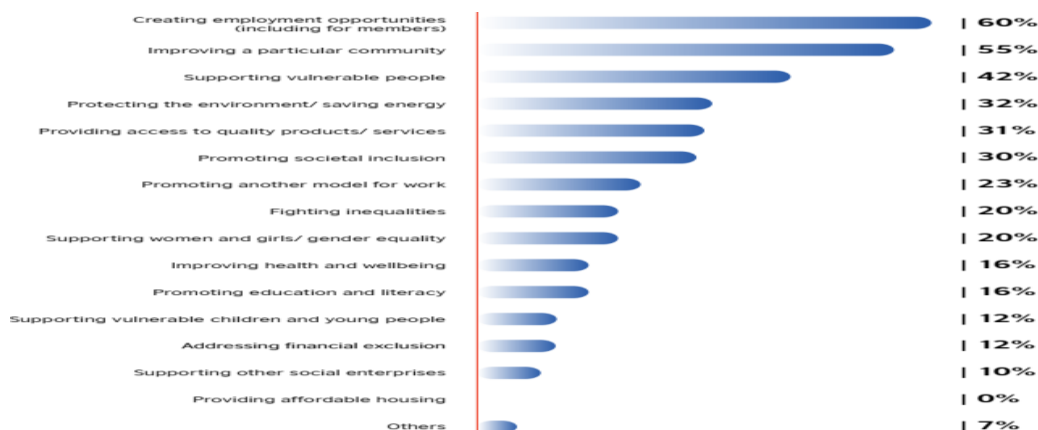
²⁵ Bùi Đức Thọ và Trương Thị Nam Thắng, *Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2021, tr.66

Objective	Respondents (%)
Creating employment opportunities	62%
Improving health and well-being	41%
Addressing social exclusion	40%
Protecting the environment	40%
Supporting agriculture and allied activities	36%
Empowering and uplifting women	33%
Promoting education and literacy	32%
Addressing financial exclusion	31%
Supporting other social enterprises and organisations	20%
Supporting vulnerable children and young persons	15%
Providing affordable housing	9%

Hình 1.3. Mục tiêu doanh nghiệp xã hội tại Ấn Độ

Nguồn: Tổng hợp từ British Council, 2016²⁶

Tương tự như Ấn Độ, tại Việt Nam, theo Báo cáo Hiện trạng doanh nghiệp xã hội Việt Nam năm 2019 của Hội đồng Anh, Tổ chức DNXH Vương quốc Anh và CIEM, mục tiêu phổ biến nhất của các DNXH là tạo cơ hội việc làm (60%), tiếp theo là cải thiện một cộng đồng cụ thể (55%) và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương (42%). Các chủ đề phổ biến khác bao gồm bảo vệ môi trường/tiết kiệm năng lượng (32%), cung cấp khả năng tiếp cận các sản phẩm/dịch vụ chất lượng (31%) và thúc đẩy sự gắn kết xã hội (30%).

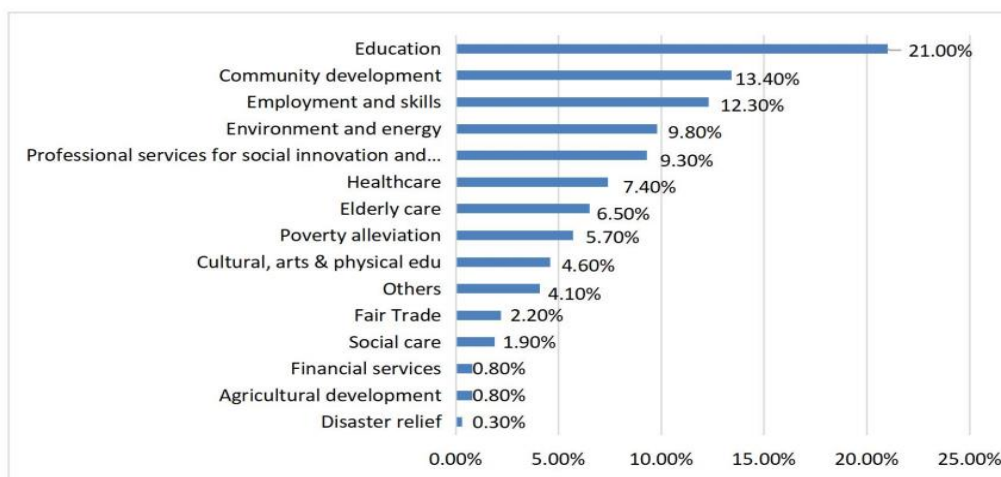


Hình 1.4. Mục tiêu của các DNXH tại Việt Nam

Còn tại Trung Quốc, theo Báo cáo đầu tư xã hội và DNXH năm 2019 của Trung Quốc, gần một nửa số DNXH “tự xác định” nói rằng sứ mệnh của họ là phục vụ lợi ích của công chúng hoặc cộng đồng. Tám lĩnh vực xã hội hàng đầu mà các DNXH được khảo sát tham gia là Giáo dục (21%), Phát triển cộng đồng (13,4%),

²⁶ British Council, *Báo cáo Thực trạng DNXH tại Ấn Độ*, 2016, tr.12. Truy cập, https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/bc-report-ch4-india-digital_0.pdf, ngày 20/12/2022

Việc làm và kỹ năng (12,3%), Môi trường và năng lượng (9,8%), Dịch vụ chuyên nghiệp cho đổi mới xã hội và khởi nghiệp (9,3%), Chăm sóc sức khỏe (7,4%), Chăm sóc người cao tuổi (6,5%) và Giảm nghèo (5,7%). 72,2% DNXH phục vụ các nhóm yếu thế, bao gồm người khuyết tật, bệnh tật dài ngày hoặc sống trong nghèo đói. Đặc biệt, một số các DNXH dựa trên Internet cung cấp các dịch vụ tiếp cận thông tin mang lại lợi ích cho một tỷ lệ lớn dân số có hoàn cảnh khó khăn.



Hình 1.5. Mục tiêu của các DNXH được khảo sát tại Trung Quốc

Nguồn: Báo cáo đầu tư tác động và DNXH tại Trung Quốc năm 2019²⁷

Từ những phân tích trên cho thấy, DNXH có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Hoạt động của DNXH không chỉ góp phần vào phát triển nền kinh tế đất nước, ổn định chính trị quốc gia mà còn góp phần chia sẻ gánh nặng, áp lực với Nhà nước để giải quyết các vấn đề môi trường, xã hội vì lợi ích cộng đồng.

1.1.2. Lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

1.1.2.1. Khái niệm ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Trong hoạt động đầu tư kinh doanh, bất cứ nhà đầu tư nào cũng mong muốn dự án đầu tư sẽ thu được lợi nhuận và đương nhiên, để tối đa hóa lợi nhuận thì việc hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho doanh nghiệp (một số tài liệu sử dụng thuật ngữ có ý nghĩa tương tự là “khuyến khích đầu tư”²⁸) là vấn đề

²⁷ China Social Enterprise and Impact Investment Forum, Narada Foundation, *China Social Enterprise and Social Investment Landscape Report 2019* (Báo cáo tổng quan về DNXH và đầu tư xã hội của Trung Quốc năm 2019), tr.6.

²⁸ Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Đầu tư*, 2011, NXB. Công an nhân dân.

được tất cả các nhà đầu tư quan tâm. Đặc biệt như đã phân tích, DNXH là mô hình kinh doanh kết hợp thực hiện các sứ mệnh, mục tiêu xã hội. Thậm chí, mục tiêu xã hội còn được coi là mục tiêu hàng đầu của doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh chỉ là phương tiện để doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận phục vụ mục tiêu xã hội lâu dài của doanh nghiệp. Chính vì sứ mệnh đó, các doanh nhân xã hội khi xác định mục tiêu, dự án đầu tư cũng rất quan tâm đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà doanh nghiệp sẽ được hưởng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, cạnh tranh cùng các doanh nghiệp thương mại khác - những doanh nghiệp có nhiều lợi thế kinh doanh hơn.

Trong từ điển tiếng Việt, “ưu đãi” được giải thích là “dành cho những điều kiện, quyền lợi đặc biệt hơn so với những đối tượng khác”²⁹. Đối với mỗi đối tượng, mỗi giai đoạn phát triển, pháp luật các quốc gia lại đưa ra các hình thức ưu đãi, lựa chọn mức độ ưu đãi, thời gian, điều kiện hưởng ưu đãi là khác nhau, phù hợp với tiêu chí phát triển, định hướng kinh tế của mỗi quốc gia.

Trong thuật ngữ pháp lý, hình thức “ưu đãi” thường được nhắc đến dưới góc độ ưu đãi đầu tư. Ưu đãi đầu tư là một trong những cách thức Nhà nước áp dụng nhằm khuyến khích đầu tư để thu hút vốn đầu tư. Qua đó, nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào những địa bàn, lĩnh vực nằm trong danh mục ưu đãi đầu tư mà Nhà nước ban hành sẽ được hưởng những điều kiện thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư khác theo quy định. Hình thức ưu đãi có thể là ưu đãi về thuế, ưu đãi về tiền thuê đất, mặt nước hay những ưu đãi khác mà Nhà nước cam kết dành cho nhà đầu tư khi tiến hành hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam. DNXH hiện nay, với tư cách là tổ chức kinh tế, hoạt động kinh doanh nhưng lại vì mục tiêu xã hội, bảo vệ và hỗ trợ nhóm người yếu thế, cải thiện môi trường sống chung của cộng đồng, chính vì vậy, việc nghiên cứu các hình thức ưu đãi dành cho DNXH là việc làm rất cần thiết.

Bên cạnh thuật ngữ “ưu đãi” nhằm nói đến những điều kiện, quyền lợi đặc biệt mà một đối tượng được hưởng thì thuật ngữ “hỗ trợ” cũng là một thuật ngữ rất có thể gây nhầm lẫn với ý nghĩa tương tự. Tuy vậy, theo các sách Từ điển tiếng Việt, “hỗ trợ” là sự tương trợ, giúp đỡ thêm, nghĩa của từ “hỗ trợ” tương đương và đồng nghĩa với từ “giúp đỡ”. Nếu ưu đãi là các quy định để đối tượng hưởng ưu đãi được tạo điều kiện, hưởng một số quyền hoặc giảm trừ một số nghĩa vụ thì hỗ trợ là

²⁹ Viện ngôn ngữ học (2018), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội, tr 1385

các quy định để đối tượng hỗ trợ được Nhà nước giúp đỡ toàn bộ hoặc một phần, một số hạng mục công việc mà đáng lẽ ra thuộc trách nhiệm của đối tượng hưởng hỗ trợ, việc hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn, hiệu quả hơn cho DNXH trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh.

Tương tự như thuật ngữ “ưu đãi”, trong pháp luật Việt Nam, thuật ngữ “hỗ trợ” cũng thường được nghiên cứu dưới góc độ pháp Luật Đầu tư. Theo Nguyễn Thị Ánh Nguyệt³⁰, hỗ trợ đầu tư là toàn bộ sự giúp đỡ, ủng hộ, tạo điều kiện theo hướng dễ dàng hơn, thuận lợi hơn, hiệu quả hơn từ phía Nhà nước, tổ chức hay cá nhân có thẩm quyền hoặc được giao quyền đối với nhà đầu tư trong việc nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư, xây dựng hoàn thiện dự án, đăng ký cấp phép và triển khai đầu tư... được pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện. Nhiều tác giả khác cũng đưa ra các khái niệm riêng về “hỗ trợ đầu tư”, tuy nhiên, các tác giả đều thống nhất quan điểm khi cho rằng: “hỗ trợ đầu tư” là việc Nhà nước và các chủ thể có liên quan tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ các nhà đầu tư trong quá trình tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh. Để hỗ trợ phát triển khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, năm 2018, Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo quy định của văn bản luật này, các hình thức hỗ trợ có thể bao gồm: hỗ trợ thông tin, tư vấn, pháp lý, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ mở rộng thị trường, hỗ trợ mặt bằng sản xuất. Có thể nói, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện đang là cơ sở pháp lý quan trọng để hỗ trợ những DNXH có quy mô phù hợp với đối tượng điều chỉnh của văn bản pháp lý này, đồng thời cũng là cơ sở tham khảo quan trọng để đề xuất các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH trong thời gian tới.

Để thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh thì việc áp dụng các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt với những mô hình doanh nghiệp kinh doanh như DNXH là rất cần thiết. Tuy nhiên, quy định ưu đãi, hỗ trợ cần đảm bảo cân bằng được giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích chung của nền kinh tế xã hội và của các chủ thể đầu tư khác nhau, tránh việc phân biệt đối xử gây tình trạng bất bình đẳng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

³⁰ Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (2017), *Các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội

Từ những khái niệm trên, *ưu đãi, hỗ trợ DNXH được hiểu là toàn bộ những biện pháp, cách thức được quy định trong các văn bản pháp luật nhằm tạo ra các lợi ích nhất định hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho các DNXH, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, của nền kinh tế xã hội và của các chủ thể kinh doanh.* Trong đó, ưu đãi DNXH là những biện pháp, cách thức mà thông qua đó, Nhà nước tạo điều kiện để DNXH được hưởng một số quyền hoặc giảm trừ một số nghĩa vụ nhất định; hỗ trợ DNXH là việc Nhà nước và các chủ thể khác giúp đỡ toàn bộ hoặc một phần, một số hạng mục công việc mà đáng lẽ ra thuộc trách nhiệm của DNXH. Ưu đãi và hỗ trợ DNXH đều nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn, hiệu quả hơn cho DNXH trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh.

1.1.2.2. Cơ sở của việc ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH là một nội dung pháp lý quan trọng để thúc đẩy DNXH phát triển và không ngừng đóng góp các giá trị cho đất nước và cộng đồng. Việc ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là hết sức cần thiết, xuất phát từ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn sau đây:

- *Cơ sở lý luận:*

Thứ nhất, quy định ưu đãi, hỗ trợ DNXH phù hợp với tinh thần chỉ đạo chung của Đảng và Nhà nước Việt Nam về đảm bảo công bằng xã hội và phát triển bền vững.

Việc quy định ưu đãi, hỗ trợ DNXH là hoàn toàn phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Trang Jakarta Globe đánh giá, sau 35 năm tiên hành công cuộc Đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ. Việt Nam là một trong 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới trong hơn 30 năm qua³¹. Tuy nhiên, khi nền kinh tế càng phát triển, các vấn đề xã hội càng phức tạp, đặc biệt là các vấn đề về môi trường và công bằng xã hội. Chính vì vậy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong phát triển kinh tế, xã hội luôn đặt mục tiêu hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững Việt Nam³². Về vấn đề xã hội, Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban

³¹ Hoàng Vũ, *Tiềm năng to lớn của nền kinh tế số Việt Nam*, xem tại: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/tiem-nang-to-lon-cua-nen-kinh-te-so-viet-nam-678400>, truy cập ngày 24/4/2022

³² Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 1216/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ban hành ngày 05/9/2012;

Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 đã thể hiện quan điểm về việc xã hội hóa thực hiện an sinh xã hội: “*Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa và khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia*”. Nhận thấy những quan điểm xã hội hóa trong Nghị quyết của BCH TW Đảng (khóa XI) vẫn phù hợp với giai đoạn hiện nay nên ngày 05/11/2020, Bộ Chính trị đã thông qua Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Về vấn đề môi trường, nội dung các giải pháp tổng thể trong Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ cũng nêu rõ: “*Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư cho bảo vệ môi trường. Có cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường huy động vốn cho bảo vệ môi trường, nhất là các nguồn vốn ngoài ngân sách.*” Như vậy có thể thấy, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đều đánh giá vai trò của doanh nghiệp trong giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường là rất quan trọng. Trong đó, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, thông qua đó thúc đẩy khu vực DNXH gia tăng cả về số lượng và chất lượng cũng là một trong các giải pháp quan trọng để giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đó.

Thứ hai, việc ưu đãi, hỗ trợ DNXH là không vi phạm nguyên tắc bình đẳng trong nền kinh tế thị trường

Trong kinh doanh, bình đẳng vừa là một trong những nguyên tắc cơ bản bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, vừa là giá trị phổ biến của nền kinh tế thị trường. Nguyên tắc đối xử bình đẳng không chỉ được áp dụng đối với các doanh nghiệp Việt Nam mà còn là nguyên tắc chung được áp dụng đối với các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam. Trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia hoặc là thành viên, song phương hay đa phương đều có cam kết về nguyên tắc đảm bảo đối xử bình đẳng và thỏa đáng, bảo hộ an toàn cho các nhà đầu tư của các quốc gia tham gia Hiệp định. Cụ thể, theo Hiệp định bảo hộ đầu tư

giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVIPA), mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ, liên quan đến hoạt động của các khoản đầu tư được bảo hộ, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và các khoản đầu tư của mình trong hoàn cảnh tương tự³³. Như vậy, nguyên tắc đảm bảo đối xử bình đẳng là một nguyên tắc quan trọng, cơ bản trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Tuy nhiên, bình đẳng giữa các doanh nghiệp không có nghĩa là mọi doanh nghiệp đều có quyền và nghĩa vụ như nhau. Bởi lẽ, trong quá trình tổ chức hoạt động, mức độ đóng góp hay những thiệt hại mà doanh nghiệp gây ra hoặc đe dọa gây ra cho xã hội là không hoàn toàn giống nhau. Như đã phân tích ở mục 1.1.1.2 về vai trò của DNXH đối với kinh tế và xã hội thì so với các DNTM, mức độ đóng góp của DNXH đối với Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường lại lớn hơn rất nhiều. Do đó, các doanh nghiệp chỉ thực sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ khi có cùng điều kiện kinh doanh như nhau. Tuy vậy, do khác biệt trong mục tiêu, sứ mệnh hoạt động nên nếu không được Nhà nước đảm bảo các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ thì các DNXH và DNTM khó đảm bảo được sự bình đẳng này.

Không thể phủ nhận, mặc dù các DNTM truyền thống cũng đóng góp nhiều hiệu quả kinh tế, xã hội tích cực, tuy nhiên, điểm khác biệt so với DNXH chính là việc các DNTM truyền thống sử dụng mục tiêu đáp ứng nhu cầu của khách hàng hay tìm đến các giải pháp xã hội như một công cụ nhằm đạt được lợi nhuận cho chủ sở hữu của doanh nghiệp. Ngược lại, DNXH sử dụng hình thức kinh doanh như một công cụ để đạt được các mục tiêu xã hội của mình. Trong khi các DNTM tìm mọi cách để đạt được mục đích cuối cùng là lợi nhuận thì mục tiêu tối cao của DNXH là giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích chung của cả cộng đồng. Khi vấn đề xã hội được giải quyết thì cho dù DNXH không thu về được lợi nhuận, thậm chí bị thua lỗ nhưng mục tiêu hoạt động của DNXH cũng đã đạt được. Để thực hiện mục tiêu xã hội đã đặt ra, nhiều DNXH sẵn sàng tuyển dụng và đào tạo những người khuyết tật, hoặc những người lao động chưa có kỹ năng, tay nghề, dẫn đến DN tổn kém thêm chi phí đào tạo, bồi dưỡng lao động. Mặt khác, lợi nhuận mà

³³ Điều 2.5 Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA)

DNXH có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được dùng để tái đầu tư vào DN với mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội mà DNXH đang theo đuổi.

Như vậy, DNXH và DNTM cùng thực hiện hành vi kinh doanh, cùng chịu sự tác động của các quy luật kinh tế trên thị trường, cùng có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo pháp luật, Tuy nhiên, DNXH vừa kinh doanh vừa giải quyết các vấn đề xã hội hay nói cách khác là đang góp phần giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước, chính vì vậy để đảm bảo tính công bằng trong hoạt động kinh doanh, DNXH cần được nhận các ưu đãi, hỗ trợ phù hợp. Việc được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước cũng như từ cộng đồng xã hội sẽ giúp DNXH phần nào bù đắp được những thiếu hụt về tài chính do sự khác biệt về mục tiêu kinh doanh so với các DNTM thông thường. Tuy vậy, để đảm bảo tính bình đẳng trong kinh doanh giữa DNXH và DNTM thì bên cạnh cơ chế ưu đãi, hỗ trợ, Nhà nước cũng cần xây dựng cơ chế kiểm soát quá trình thực thi các hình thức ưu đãi và hỗ trợ, đồng thời có phương pháp đánh giá mức độ giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường của DNXH để đảm bảo quy định về ưu đãi, hỗ trợ không bị các DNXH lạm dụng.

Thứ ba, ưu đãi, hỗ trợ DNXH là cách Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để DNXH phát triển, thông qua đó, DNXH hỗ trợ Nhà nước khắc phục các “khuyết tật của thị trường”

Kinh tế thị trường có những ưu điểm và đem lại hiệu quả mà không có cơ chế nào hoàn toàn thay thế được, ví dụ: cơ chế thị trường kích thích hoạt động của chủ thể kinh tế và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh tự do, làm cho nền kinh tế phát triển năng động, có hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đó thì chúng ta cũng phải chấp nhận những hạn chế của kinh tế thị trường, hay nhiều nhà khoa học gọi đó là các “khuyết tật của thị trường”. Mục đích hoạt động của các DNTM là tối đa hóa lợi ích, vì vậy họ có thể lạm dụng tài nguyên của xã hội gây ô nhiễm môi trường sống của con người, do đó hiệu quả kinh tế - xã hội không được đảm bảo. Bên cạnh đó, do phân phối thu nhập không công bằng, sự tác động của cơ chế thị trường sẽ dẫn tới sự phân hoá giàu nghèo, phân cực về của cải... Nhà nước và DNTM đều không khắc phục được những “khuyết tật của thị trường”. Doanh nghiệp do mục tiêu lợi nhuận nên chỉ làm những gì khi có lợi nhuận và không muốn đầu tư cho xã hội nếu không đem lại lợi nhuận. Nhà nước có thể

phần nào khắc phục được khuyết tật này thông qua đầu tư công, thu thuế và phân phối lại nguồn lực, song Nhà nước không có khả năng giám sát hoạt động của khu vực tư nhân cũng như không đáp ứng được hết các nhu cầu đặc thù của các nhóm dân cư trong phát triển xã hội. Ngược lại, DNXH có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường, góp phần giúp Nhà nước phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Nếu như không có DNXH, Nhà nước phải trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Đương nhiên, để giải quyết được các vấn đề đó, Nhà nước phải thực hiện các khoản chi, tạo thêm gánh nặng lên ngân sách Nhà nước. Sự ra đời của DNXH giúp chia sẻ bớt trách nhiệm của Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia sau khi ban hành các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH đã tạo động lực để khu vực DNXH phát triển nhanh chóng và hiệu quả vượt trội. Ví dụ như Hàn Quốc, sau 12 năm triển khai Luật Hỗ trợ DNXH, số lượng DNXH đăng ký tại Hàn Quốc đã tăng từ 55 DN năm 2007 lên 2.372 DN năm 2019 (gấp 43 lần). Tính đến ngày 08/11/2019, số lượng người lao động tại hơn 2000 DNXH của Hàn Quốc là 46.665 người, trong đó có khoảng 28.263 người lao động đến từ nhóm yếu thế³⁴. Những con số này là minh chứng rõ ràng ủng hộ quan điểm cần có những ưu đãi, hỗ trợ cụ thể để thúc đẩy DNXH phát triển, tăng cường hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

Trước những thách thức về kinh tế, xã hội, môi trường mà DNXH phải giải quyết, nếu không dành cho DNXH những ưu đãi, hỗ trợ nhất định, thì không thể khuyến khích, thúc đẩy sự ra đời và phát triển của DNXH. Xuất phát từ tính đặc thù của DNXH và những cống hiến to lớn của mô hình DN này đối với nền kinh tế và xã hội, cho nên, ngoài những chính sách ưu đãi chung như các DNTM, DNXH còn cần được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ riêng. Thực tế cho thấy, để đạt được mục tiêu hoạt động, các doanh nhân xã hội không chỉ cống hiến về sức lực, mà còn hy sinh cả lợi ích vật chất của bản thân mình. Các quy định ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH được ban hành không chỉ thể hiện nhu cầu của Nhà nước đối với sự tồn tại và phát triển của mô hình DN này, mà còn thể hiện sự bù đắp của Nhà nước đối với mục tiêu xã hội mà các DNXH hướng tới.

³⁴ Korea Social Enterprise Promotion Agency, *Korea Social Economy*, 2019, p.9

- *Cơ sở thực tiễn:*

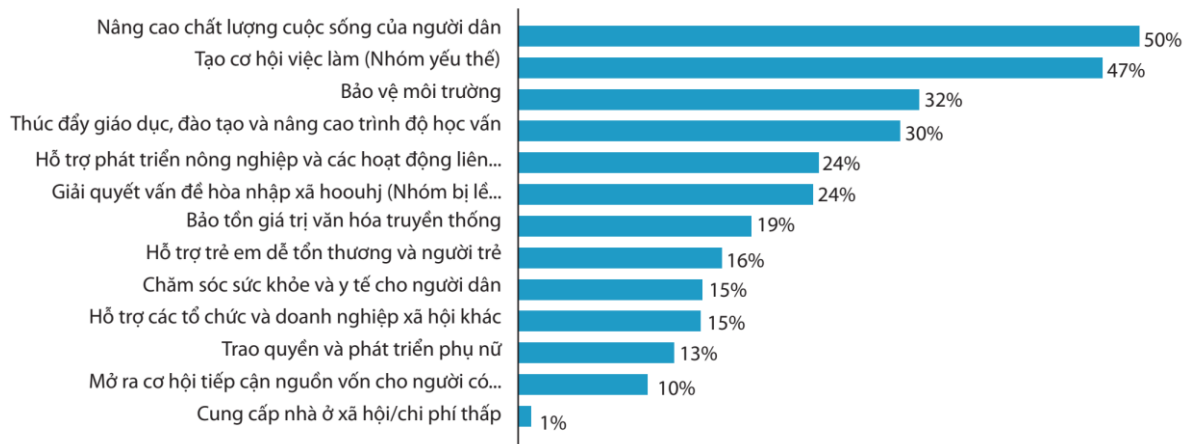
Thứ nhất, mặc dù chưa thực sự phát triển về số lượng và quy mô nhưng các DNXH cũng đã có những đóng góp nhất định cho nền kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo số liệu từ hệ thống của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 21/03/2024, cả nước có 213 DNXH đăng ký hoạt động với cơ quan đăng ký kinh doanh trên phạm vi cả nước. Như vậy có thể thấy, kể từ khi chính thức được ghi nhận về địa vị pháp lý trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 cho đến nay, số lượng DNXH chính thức đăng ký và hoạt động tại Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Tuy vậy, các DNXH đã và đang có những đóng góp không nhỏ cho nền kinh tế và đặc biệt là những đóng góp của DNXH ở góc độ xã hội. Theo Báo cáo hiện trạng DNXH tại Việt Nam, hầu hết các DNXH ở nước ta hiện nay đều đang kinh doanh có lợi nhuận. Trong đó, hơn 70% số DN khảo sát báo cáo kinh doanh có lãi, 18% DNXH hòa vốn và chỉ có khoảng 12% DNXH hoạt động thua lỗ (các DN lỗ và hòa vốn là những DN được thành lập năm 2016, 2017 và đang ở giai đoạn khởi sự kinh doanh)³⁵.

Bên cạnh các đóng góp về kinh tế, DNXH còn có nhiều đóng góp về giá trị xã hội. Mặc dù Việt Nam đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình nhưng những vấn đề xã hội mà chúng ta đang phải đối mặt thì ngày càng phức tạp. Những năm gần đây, sự gia tăng và diễn biến phức tạp của các vấn đề xã hội như sự bất bình đẳng giới, tệ nạn xã hội, tình trạng thiếu việc làm, bạo lực học đường, ô nhiễm môi trường, thực phẩm bẩn, trẻ em lang thang cơ nhỡ... đã gây nên tình trạng bất ổn cho xã hội và ngày càng tạo áp lực lớn cho Nhà nước. Chính phủ không thể tự giải quyết hết được các vấn đề xã hội này và sự hỗ trợ của các DN có mục tiêu tạo tác động xã hội được coi là một giải pháp bổ sung cần thiết. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đang rút dần ra khỏi thị trường Việt Nam, nguồn viện trợ từ nước ngoài cho các tổ chức từ thiện giảm xuống thì việc ra đời các DNXH hoặc sự chuyển đổi của các tổ chức phi chính phủ trong nước sang hình thức DNXH là một tất yếu. DNXH với mục tiêu và sứ mệnh của mình đã rất tích cực hỗ trợ Nhà nước để giảm tải áp lực giải quyết các vấn nạn xã

³⁵ Hội đồng Anh, Tổ chức DNXH Vương quốc Anh và CIEM, *Báo cáo hiện trạng DNXH tại Việt Nam, 2019*

hội. Theo một khảo sát khác được tiến hành năm 2018 của nhóm nghiên cứu do PGS, TS. Trương Thị Nam Thắng làm trưởng nhóm thực hiện về khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội thì có đến 50% số doanh nghiệp tham gia khảo sát có mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, tiếp đó là 46,7% có mục tiêu tạo cơ hội việc làm cho nhóm ngoài lề, 32% doanh nghiệp có mục tiêu bảo vệ môi trường...³⁶



Hình 1.6. Các vấn đề xã hội được giải quyết bởi khu vực DN tạo tác động xã hội

Từ những phân tích trên đã cho thấy, DNXH tuy hạn chế về quy mô và số lượng hoạt động nhưng cũng đã có nhiều đóng góp thiết thực cho nền kinh tế và xã hội nước ta thời gian qua. DNXH chính là trụ thủ đắc lực của Nhà nước trong việc đảm bảo an sinh xã hội, hướng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Thứ hai, quy định ưu đãi, hỗ trợ DNXH là phù hợp với xu hướng quốc tế

Nhận thức được tầm quan trọng của DNXH nên các quốc gia trên thế giới đã có những chính sách và kế hoạch hành động thiết thực phát triển mô hình DNXH. Trên thế giới, có rất nhiều quốc gia đã ban hành các văn bản pháp luật riêng để điều chỉnh DNXH, chẳng hạn như Luật xúc tiến DNXH (Act of promotion social enterprises) Hàn Quốc năm 2007, Luật về DNXH (Finnish Act on Social Enterprises 1351/2003) ban hành ngày 30/12/2003 tại Phần Lan... Thậm chí, nhiều quốc gia đã xây dựng các Kế hoạch, Chiến lược nhằm phát triển DNXH trong từng giai đoạn. Đi kèm với các văn bản pháp lý đó là các quy định cụ thể về hình thức ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH như miễn/giảm thuế, ưu tiên mua sắm công, hỗ trợ

³⁶ Trương Thị Nam Thắng, Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam, 2018.

nhân lực và chính sách tiền lương... Điển hình như Vương quốc Anh, từ năm 2002, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển DNXH³⁷. Còn ở Thái Lan, Kế hoạch tổng thể về xúc tiến DNXH giai đoạn 2010 - 2014 được ban hành đã đưa ra 3 định hướng chính: (i) Xây dựng sự hiểu biết về DNXH tại Thái Lan; (ii) Nâng cao năng lực nhằm phát triển hình thức và phạm vi tác động của DNXH; (iii) Phát triển cách thức tiếp cận nguồn vốn đầu tư và các nguồn lực khác³⁸. Trên cơ sở Chiến lược quốc gia phát triển DNXH, pháp luật Thái Lan cũng quy định nhiều biện pháp cụ thể để hỗ trợ DNXH. Tại cộng hòa Croatia, Chiến lược phát triển DNXH giai đoạn 2015-2020 cũng đã được thông qua vào năm 2015³⁹. Tương tự như vậy, Scotland cũng xây dựng Chiến lược DNXH giai đoạn 2016-2026⁴⁰, Cộng hòa Ireland cũng ban hành Chính sách quốc gia về DNXH giai đoạn 2019 - 2022⁴¹.

Như vậy có thể thấy, xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới hiện nay là quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích mô hình DNXH phát triển. Chính vì vậy, việc quy định và hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở nước ta là hoàn toàn phù hợp với xu hướng chung của quốc tế.

Thứ ba, trong bối cảnh nguồn vốn viện trợ nước ngoài đang ngày càng sụt giảm thì việc ưu đãi, hỗ trợ giúp DNXH phát triển và đảm bảo giải quyết các vấn đề xã hội một cách ổn định, lâu dài càng phải được đề cao

Kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã có bước tăng trưởng đột phá, từ một trong những nước nghèo, kém phát triển vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp vào năm 2009, với chỉ số Tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người tương ứng tăng từ 130 USD/người lên 1.100 USD/người⁴². Việt Nam trở thành nước thu nhập trung bình và có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, nhiều nhà tài trợ song phương đã ngừng các chương trình tài trợ như Hà Lan năm 2012, Thụy Điển năm 2013, Đan Mạch năm

³⁷ British Council, CIEM, CSIP, Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam: khái niệm, bối cảnh và chính sách, 2012, tr.37

³⁸ https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/state_of_social_enterprise_in_thailand_2020_final_web.pdf

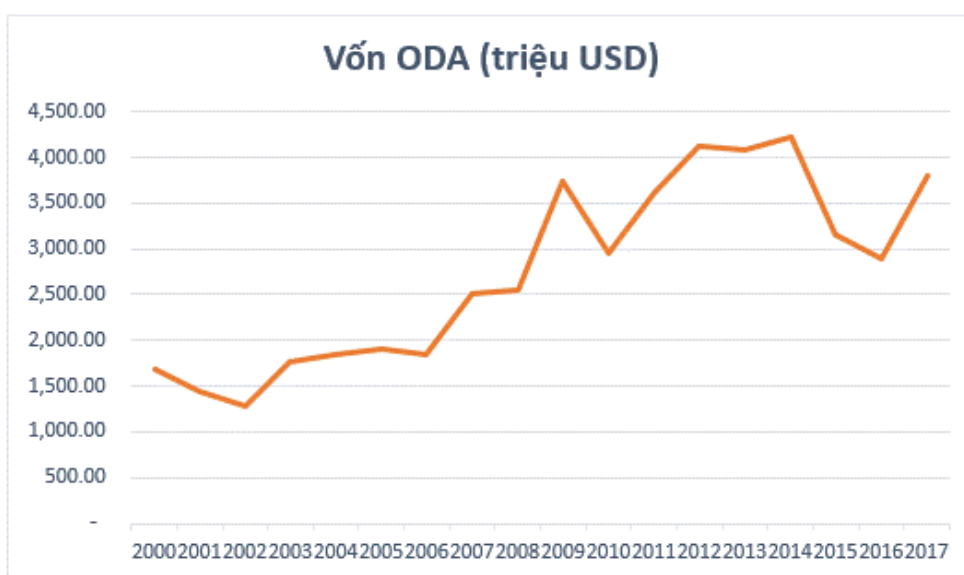
³⁹ <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/9789264268500-7-en.pdf?expires=1719199651&id=id&accname=guest&checksum=597D964EDBFFC5698016AA0021AFB689>

⁴⁰ <https://www.gov.scot/publications/scotlands-social-enterprise-strategy-2016-2026/>

⁴¹ <https://assets.gov.ie/19332/2fae274a44904593abba864427718a46.pdf>

⁴² Ngân hàng Thế giới 2009, “GNI bình quân đầu người, phương pháp Atlas (USD hiện hành)“, Truy cập vào tháng 3/2022

2015 và Cơ quan phát triển quốc tế Anh (DFID) năm 2016. Kể từ năm 2017, Việt Nam đã không còn thuộc phân loại quốc gia được hỗ trợ ưu đãi của Ngân hàng Thế giới và 18 tháng sau cũng ra khỏi danh mục phân loại tương đương của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB). Bên cạnh đó, nguồn vốn ODA đã sụt giảm mạnh từ năm 2014, cơ cấu của luồng vốn ODA cũng có sự thay đổi với tỷ trọng vốn vay ngày càng tăng lên. Với thực tế các nguồn viện trợ đang dần trở nên kém ưu đãi, lãi suất tăng lên, kỳ hạn vay giảm xuống, các điều kiện ràng buộc ngày càng nhiều, Việt Nam hiện đang và sẽ phải đối mặt với áp lực tăng cao của việc trả nợ.⁴³



Hình 1.7. Tổng vốn viện trợ chính thức (ODA) ở Việt Nam (2000 - 2017)

Nguồn: OECD

Từ thực tế trên, nếu chúng ta tiếp tục trông mong và phụ thuộc vào nguồn vốn viện trợ bên ngoài thì Việt Nam sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt vốn nghiêm trọng cho các hoạt động phát triển cộng đồng. Trong khi đó, việc huy động tài chính từ khu vực tư nhân còn rất hạn chế, các hoạt động thiện nguyện còn mang tính tự phát và không bền vững. Chính vì vậy, thay vì việc trông chờ vào những nguồn tài trợ trong và ngoài nước, chúng ta cần một mô hình đảm bảo giải quyết được các vấn đề xã hội một cách lâu dài. Trong bối cảnh đó, DNXH với đặc thù là mô hình kinh doanh dựa trên nguyên tắc và động lực của thị trường để giải quyết

⁴³ Nguyễn Thị Quý Nhi, *Tiềm năng từ khu vực tư nhân cho phát triển cơ sở hạ tầng ở Việt Nam*, xem tại: <https://phatthinhrating.com/tiem-nang-tu-khu-vuc-tu-nhan-cho-phat-trien-co-so-ha-tang-o-viet-nam/>, truy cập ngày 9/3/2022.

chính những thất bại của thị trường và các vấn đề xã hội. Nói cách khác, DNXH giải quyết được cả hai mục đích xã hội và kinh tế, trong đó, mục tiêu xã hội là mục tiêu chủ đạo, đạt được mục tiêu kinh tế là phương tiện để đạt được mục tiêu xã hội ở quy mô lớn hơn một cách bền vững.

Với những đóng góp của DNXH cả về kinh tế và xã hội, trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn như trên và với mục tiêu của pháp luật quốc gia là đem đến lợi ích tốt nhất cho xã hội, do vậy, Nhà nước cần sớm quy định chi tiết và hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH để khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy khu vực DNXH phát triển về số lượng và nâng cao về chất lượng hoạt động.

1.2. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1.2.1. Khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Pháp luật về DNXH là một chủ đề đã được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH lại là một đề tài còn khá mới mẻ và cho đến nay chưa có tác giả nào đề cập đến khái niệm này. Một số công trình nghiên cứu tuy không trực tiếp đề cập đến khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nhưng cũng đã nhắc đến nội dung pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH như một bộ phận không thể thiếu của pháp luật về DNXH. Trong đề tài “Pháp luật về DNXH và thực tiễn thi hành tại Việt Nam”⁴⁴, nhóm tác giả cho rằng: Nội dung cơ bản của pháp luật về DNXH bao gồm: quyền và nghĩa vụ của DNXH (trong đó bao gồm quyền được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển DNXH); quyền thành lập và trình tự, thủ tục thành lập DNXH; quy định về vốn của DNXH; tổ chức lại, giải thể, phá sản DNXH. Trong công trình khoa học khác, khi nghiên cứu về địa vị pháp lý của DNXH, tác giả Nguyễn Thị Diễm Anh cho rằng địa vị pháp lý của DNXH bao gồm 5 bộ phận chủ yếu là: (i) Quy định về vị trí, vai trò, chức năng của DNXH; (ii) Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản DNXH; (iii) Quy định về quyền và nghĩa vụ của DNXH; (iv) Quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ DNXH; (v) Quy định về quản trị DNXH.

Từ những kết quả nghiên cứu trên, có thể thấy, các nhà khoa học đều thống nhất quan điểm: pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH là một bộ phận của

⁴⁴ Nguyễn Thị Yến (chủ biên) và nhóm nghiên cứu, *Pháp luật về DNXH và thực tiễn thi hành tại Việt Nam, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017*

pháp luật về DNXH nói chung và góp phần cấu thành nên địa vị pháp lý của DNXH. Tuy nhiên, bên cạnh đó, ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng giống như ưu đãi, hỗ trợ bất kỳ mô hình DN nào khác, đều được nghiên cứu trên cơ sở pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động đầu tư nói chung. Do vậy, nghiên cứu khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH rất cần sự tham khảo, tham chiếu từ khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; khái niệm pháp Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa... Những khái niệm này đã được đề cập đến trong một tài liệu khoa học như giáo trình Luật Đầu tư của Đại học Mở Hà Nội (2018) đã định nghĩa: “Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư được hiểu là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực ưu đãi, hỗ trợ đầu tư”⁴⁵; Trong đề tài “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hỗ trợ DNNVV ở Việt Nam”⁴⁶, khái niệm pháp Luật Hỗ trợ DNNVV đã được tác giả Trần Thị Bảo Ánh nhận định: “là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để ghi nhận các nguyên tắc, các biện pháp hỗ trợ DNNVV và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc hỗ trợ DNNVV”.

Kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước về pháp luật điều chỉnh DNXH và pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DN nói chung, đồng thời theo quan điểm cá nhân, tác giả cho rằng: *Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một bộ phận của pháp luật về DNXH, trong đó bao gồm một hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đầu tư, phát triển DNXH. Hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH gồm nhóm quy định về ưu đãi DNXH và nhóm quy định về hỗ trợ DNXH.*

1.2.2. Cấu trúc về hình thức của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Theo Từ điển Tiếng Việt, hình thức được hiểu là những gì làm thành bề ngoài của sự vật, chứa đựng hoặc biểu hiện nội dung⁴⁷. Dưới góc độ pháp luật thì hình thức của pháp luật được hiểu là những gì thể hiện ra bên ngoài của pháp luật.

⁴⁵ Nguyễn Thị Yến, *Giáo trình Luật Đầu tư*, Viện Đại học Mở Hà Nội, NXB. Lao động xã hội năm 2018;

⁴⁶ Trần Thị Bảo Ánh, *Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2019

⁴⁷ Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng, 1997, tr.427

Do đó, cấu trúc về hình thức của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH chính là những văn bản quy phạm pháp luật chứa đựng các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH.

Tại thời điểm hiện tại, pháp luật về DNXH được nhìn nhận dưới góc độ pháp luật về DN nói chung và thuộc bộ phận cấu thành của pháp luật về kinh doanh thương mại ở Việt Nam⁴⁸. Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH tuy là một bộ phận của pháp luật DNXH nhưng đồng thời cũng là một phần không thể độc lập, tách rời khỏi nội hàm của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ trong hoạt động đầu tư nói chung. Chính vì vậy, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cần được nghiên cứu, đánh giá dưới 02 góc độ: góc độ của pháp Luật Doanh nghiệp và góc độ của pháp luật đầu tư, pháp luật về thuế, pháp luật đất đai, lao động và nhiều văn bản pháp lý khác.

Hiện nay, để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy DNXH phát triển, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh, ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ sự phát triển của DNXH thông qua việc ban hành đạo luật riêng điều chỉnh mô hình DN này. Cụ thể, Thái Lan, Hàn Quốc là những quốc gia ở châu Á đã sớm ban hành cho mình Đạo luật xúc tiến DNXH, trong đó, Hàn Quốc có Luật phát triển doanh nghiệp xã hội (Luật khuyến khích DNXH) năm 2007, Thái Lan thông qua Đạo luật xúc tiến DNXH năm 2019; ngoài châu Á, nhiều quốc gia và tổ chức khác cũng có những luật điều chỉnh riêng như Luật giá trị xã hội 2012 của Vương quốc Anh, Luật DNXH của Italia ban hành năm 2005... Tại Việt Nam, tuy chưa có một văn bản pháp luật điều chỉnh riêng dành cho DNXH nhưng khung pháp lý cơ bản về DNXH đã dần được hình thành, các quy định điều chỉnh liên quan đến DNXH rải rác trong nhiều văn bản pháp luật (bao gồm cả các quy định riêng đối với DNXH và những quy định áp dụng chung cho các loại hình DN). Cụ thể, hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp liên quan đến DNXH nói chung hiện nay gồm các quy định cụ thể sau đây: Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp, Điều 3 đến Điều 6 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Trong đó, nội dung chủ yếu các điều luật trong các văn bản này quy định về tiêu chí nhận diện DNXH, hồ sơ, thủ tục quy trình thành lập, chuyển đổi và các thủ

⁴⁸ Nguyễn Thị Yến, *Pháp luật về doanh nghiệp xã hội và thực tiễn thi hành tại Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017, tr.82

tục hành chính khác của DNXH, quy định về ưu đãi, hỗ trợ cho DNXH gần như không được nhắc đến, trừ quy định về quyền nhận viện trợ, tài trợ của DNXH tại Điều 4 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

Như vậy có thể thấy, pháp Luật Doanh nghiệp hiện nay hầu như không đề cập đến ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH. Quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chủ yếu được vận dụng từ các quy định về ưu đãi, hỗ trợ của pháp Luật Đầu tư nói chung. Cụ thể, theo quy định của Luật Đầu tư, các DN (trong đó bao gồm cả DNXH) nếu thỏa mãn các điều kiện về ưu đãi, hỗ trợ thì có thể được hưởng ưu đãi, hỗ trợ quy định từ Điều 15 đến Điều 20 Luật Đầu tư. Căn cứ theo quy mô hoạt động thì DNXH nếu có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa sẽ được nhận các hỗ trợ theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017. Nhiều văn bản pháp lý khác cũng đề cập đến các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DN như Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối với các DNXH sử dụng lao động là người khuyết tật thì được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 34 Luật Người khuyết tật như được ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, được hỗ trợ vay vốn...

Bên cạnh đó, DNXH cũng có thể hưởng các ưu đãi, hỗ trợ nếu hoạt động trong các lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích xã hội hóa theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008; Thông tư số 135/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

1.2.3. Cấu trúc về nội dung của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối quan hệ nội tại thống nhất với nhau, ghi nhận trực tiếp hoặc gián tiếp các ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Việc nghiên cứu và làm rõ nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bởi lẽ, nó không chỉ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của pháp luật

về ưu đãi, hỗ trợ DNXH mà còn góp phần hoàn thiện nội dung pháp luật điều chỉnh vấn đề này. Theo đó, cấu trúc cơ bản về nội dung của pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH gồm 02 bộ phận chính cần làm sáng tỏ là (i) nhóm quy định về ưu đãi đối với DNXH và (ii) nhóm quy định về hỗ trợ đối với DNXH. Cụ thể như sau:

1.2.3.1. Nhóm quy định về ưu đãi đối với doanh nghiệp xã hội

Như mọi chủ thể kinh doanh khác, DNXH trong quá trình hoạt động được hưởng các quyền lợi về ưu đãi theo quy định chung của pháp luật về ưu đãi đầu tư. Chính vì vậy, nghiên cứu nhóm quy định về ưu đãi DNXH cần làm sáng tỏ các vấn đề về **đối tượng ưu đãi; ngành nghề, địa bàn ưu đãi; hình thức ưu đãi và thủ tục hưởng ưu đãi.**

- *Đối tượng ưu đãi*

Pháp Luật Đầu tư quy định các ưu đãi đối với các chủ thể kinh doanh trong quá trình đầu tư. Tuy vậy, không phải mọi chủ thể kinh doanh hay tất cả các nhà đầu tư đều được hưởng ưu đãi. Để khuyến khích hoạt động đầu tư phát triển theo định hướng mà Nhà nước đề ra, trong đó, bên cạnh mục tiêu phát triển kinh tế còn là mục tiêu phát triển đồng đều về an sinh xã hội, cân bằng kinh tế vùng, miền, thành thị - nông thôn... Chính vì vậy, Nhà nước cần xác định rõ các đối tượng, chủ thể được hưởng ưu đãi đầu tư. Các đối tượng, chủ thể này có thể được xác định dựa theo loại hình pháp lý đăng ký hoặc theo từng dự án đầu tư cụ thể của chủ thể.

- *Ngành nghề, địa bàn ưu đãi*

Quy định về ngành nghề ưu đãi là bộ phận không thể thiếu khi nghiên cứu về pháp luật ưu đãi đầu tư nói chung và pháp luật về ưu đãi DNXH nói riêng. Thông qua các quy định về lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi, Nhà nước sẽ định hướng để các nhà đầu tư tham gia vào các ngành nghề, lĩnh vực mà Nhà nước khuyến khích và khi nhà đầu tư lựa chọn đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề đó thì sẽ được hưởng những chính sách ưu đãi nhất định. DNXH chính là một chủ thể đầu tư, chính vì vậy, để được hưởng các hình thức ưu đãi của Nhà nước, hiện nay, DNXH cũng cần phải hoạt động trong những ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi mà pháp Luật Đầu tư đã quy định.

Pháp luật về ưu đãi đầu tư hiện nay cũng chỉ tập trung ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong một số địa bàn Nhà nước đang muốn khuyến khích doanh

ngành đầu tư. Việc quy định địa bàn ưu đãi có thể hiểu là khi nhà đầu tư bỏ vốn để đầu tư vào những địa bàn nhất định thì sẽ được hưởng những ưu tiên của Nhà nước. Theo đó, địa bàn ưu đãi đầu tư hiện nay gồm: các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế... Như vậy, với tư cách là một nhà đầu tư như bất kỳ chủ thể đầu tư nào khác, DNXH muốn được hưởng các ưu đãi theo địa bàn thì bắt buộc phải đăng ký và hoạt động kinh doanh tại các địa phương thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư kể trên.

- *Hình thức ưu đãi*

Có thể nói, hình thức hay các biện pháp ưu đãi là vấn đề cốt lõi, trung tâm của pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung. Hiện nay, để ưu đãi trong hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp nói chung và đối với DNXH nói riêng, Nhà nước quy định các biện pháp ưu đãi, bao gồm: ưu đãi về thuế và ưu đãi về đất đai.

Ưu đãi về thuế được hiểu là việc Nhà nước tạo ra một số điều kiện nhất định cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ trong các lĩnh vực, địa bàn, loại hình mà Nhà nước khuyến khích phát triển nhằm giảm bớt gánh nặng về thuế, thu hút đầu tư, hỗ trợ, giúp đỡ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Theo Trương Bá Tuấn, trong các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, ưu đãi về thuế là hình thức được sử dụng phổ biến hiện nay trên thế giới⁴⁹. Chính sách ưu đãi về thuế có thể làm tăng tính hấp dẫn của thị trường, thu hút được nguồn vốn đầu tư, từ đó, góp phần thực hiện mục tiêu điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước. Ưu đãi về thuế được triển khai linh hoạt theo các hình thức như: áp dụng thuế suất ưu đãi; giảm thuế hoặc miễn thuế.

Việc áp dụng ưu đãi về thuế đối với DNXH là hình thức hỗ trợ trực tiếp và có hiệu quả lâu dài đối với DNXH. Bởi cũng giống như các DNTM, DNXH trong những năm đầu thành lập thường gặp rất nhiều khó khăn từ tìm kiếm khách hàng, ổn định sản xuất và tìm kiếm thị trường... Không những vậy, DNXH còn gặp các

⁴⁹ Trương Bá Tuấn (2019), *Chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam: những vấn đề đặt ra và khuyến nghị*, Tạp chí Tài chính online, ngày 04 tháng 02 năm 2019. Link tham khảo: <https://tapchitaichinh.vn/ chinh-sach-uu-dai-thue-tai-viet-namnhung-van-de-dat-ra-va-khuyen-nghi.html>

khó khăn khác từ đặc điểm về nhân lực như đã phân tích ở trên và việc đảm bảo mục tiêu xã hội như đã cam kết. Chính vì vậy, DNXH cần được Nhà nước quan tâm và tạo điều kiện về chính sách thuế nói chung và áp dụng các hình thức ưu đãi về thuế nói riêng.

Ngoài ưu đãi về thuế, Nhà nước còn có thể áp dụng biện pháp ưu đãi về đất đai đối với DNXH, bởi lẽ, để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, DNXH cũng giống như các DNTM, cần sử dụng diện tích mặt bằng nhất định. Tuy vậy, chi phí thuê mặt bằng cũng là một gánh nặng tài chính đối với DNXH. Do đó, để giảm bớt gánh nặng tài chính cho các DN, Nhà nước quy định việc ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho các DN khi đầu tư vào một số địa bàn nhất định hoặc có mục đích sử dụng đất phù hợp với chính sách ưu đãi thu hút đầu tư. Các quy định cụ thể về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước được ghi nhận trong pháp Luật Đất đai và pháp Luật Đầu tư.

- *Thủ tục hưởng ưu đãi*

Để được hưởng ưu đãi, nhà đầu tư nói chung và DNXH nói riêng ngoài việc chủ động xác định các điều kiện được hưởng ưu đãi, còn phải tiến hành các thủ tục để được hưởng ưu đãi mà Nhà nước đã quy định. Các quy định về thủ tục ưu đãi nêu rõ trường hợp nào DN cần phải xin giấy phép đầu tư, trường hợp nào không phải xin; DNXH cần làm thủ tục như thế nào, phải làm ở đâu và trong thời gian bao lâu; nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trong việc hướng dẫn, giải quyết thủ tục cho các nhà đầu tư.

1.2.3.2. Nhóm quy định về hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội

Để khuyến khích hoạt động đầu tư nói chung và phát triển DNXH nói riêng, bên cạnh các quy định về ưu đãi thì Nhà nước còn có các quy định để hỗ trợ doanh nghiệp. Trong đó, hỗ trợ là việc Nhà nước giúp hoặc tạo những điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi thực hiện hoạt động đầu tư, chính vì vậy, nhóm quy định về hỗ trợ đầu tư chủ yếu tập trung ghi nhận các hình thức (biện pháp) hỗ trợ. Dựa trên quy định chung của pháp Luật Đầu tư, luận án tập trung phân tích các hình thức (biện pháp) hỗ trợ chủ yếu đối với DNXH bao gồm: hỗ trợ nguồn vốn; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ thủ tục hành chính - pháp lý.

- *Hỗ trợ về vốn:*

Một trong những khó khăn của các DN nói chung và DNXH nói riêng khi thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh là vấn đề về vốn. Tại thời điểm thành lập, vốn ban đầu của DNXH do chủ sở hữu hoặc các thành viên đóng góp. Tuy nhiên, xuất phát từ mục tiêu hoạt động và các lĩnh vực, ngành nghề hoạt động nên số vốn đầu tư ban đầu của các DNXH thường không lớn, vì vậy, nếu chỉ dựa vào nguồn lực tài chính của chính chủ sở hữu/ các thành viên DN thì DNXH khó có thể triển khai được hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, với quy mô và tính chất mạo hiểm khi đầu tư nên hoạt động huy động vốn của các DNXH cũng gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, Nhà nước cũng đặt ra vấn đề hỗ trợ DNXH tiếp cận các nguồn vốn để triển khai hoạt động một cách lâu dài, ổn định. Các hỗ trợ về vốn tập trung vào việc xây dựng hành lang pháp lý để DNXH có thể được tiếp nhận các khoản viện trợ, tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các quỹ đầu tư nhằm khuyến khích việc tham gia đầu tư vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc góp vốn vào các quỹ đầu tư, rót vốn vào các DNXH. Ngoài ra, Nhà nước và các tổ chức tín dụng có thể hỗ trợ DNXH thông qua cơ chế hỗ trợ vay vốn tín dụng.

Hỗ trợ về vốn cho DNXH là hình thức hỗ trợ quan trọng và thiết thực, tác động trực tiếp đến khả năng tồn tại và phát triển của DNXH. Tuy nhiên, hình thức hỗ trợ này cũng cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, tránh hiện tượng một số nhà đầu tư, doanh nghiệp lợi dụng việc được nhận hỗ trợ để trục lợi cá nhân.

- *Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực*

Nguồn nhân lực trong DNXH có thể tạm chia thành 2 nhóm là nhân lực quản lý và nhân lực lao động.

Đối với nhóm nhân lực quản lý: xuất phát từ đặc thù của DNXH là mô hình kinh doanh được khởi sự từ ý tưởng của những người làm công tác xã hội hoặc do chính những người yếu thế tự lực thành lập với mong muốn hỗ trợ những người cùng hoàn cảnh nên về cơ bản, chủ sở hữu hay thành viên sáng lập DNXH thường là những người ít có kinh nghiệm quản lý, kinh doanh.

Đối với nhóm nhân lực lao động: DNXH có đặc thù phổ biến là sử dụng lao động bao gồm những nhóm người yếu thế trong xã hội như phụ nữ nông thôn, người khuyết tật, trẻ em không nơi nương tựa... Do các điều kiện về nhận thức, tình

thần sức khỏe và bối cảnh sinh sống cũng như tay nghề lao động hạn chế nên sẽ dẫn đến chất lượng nhân lực và năng suất lao động của các đối tượng này nhìn chung là thấp và thiếu tính ổn định. Để cải thiện chất lượng lao động, DNXH phải đầu tư chi phí để đào tạo, huấn luyện kỹ năng làm việc tối thiểu và các chi phí tổ chức làm việc, chăm sóc cho nhóm người yếu thế.

Chính từ thực tế về nhân lực của DNXH như trên nên việc Nhà nước có các biện pháp hỗ trợ về nhân lực cho DNXH là hết sức cần thiết. Hỗ trợ nhân lực sẽ giúp DNXH ổn định phát triển lâu dài, bền vững, đồng thời, giúp đảm bảo công ăn việc làm và các mục tiêu an sinh xã hội của DNXH được thực hiện hiệu quả nhất, trên cơ sở đó góp phần giảm bớt gánh nặng của Nhà nước. Hỗ trợ về nhân lực có thể được thực hiện thông qua các hình thức cụ thể như tổ chức miễn phí các khóa học về quản lý kinh tế cho lãnh đạo DNXH, hỗ trợ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động làm việc trong DNXH và các phương thức hỗ trợ cụ thể khác.

- Hỗ trợ thủ tục hành chính - pháp lý:

Cũng giống như bất kỳ tổ chức kinh doanh nào khác, trong quá trình hoạt động, DNXH cũng cần phải tiến hành các thủ tục hành chính - pháp lý để làm cơ sở cho quá trình hình thành và hoạt động. Tuy vậy, với đặc thù của DNXH là thường được thành lập dựa trên ý tưởng của các cá nhân hoạt động xã hội nên các chủ thể này có thể có nhiều hạn chế về hiểu biết pháp luật và tổ chức kinh doanh. Xuất phát điểm kinh doanh của các cá nhân hoạt động xã hội là từ những hoài bão, mong muốn giúp đỡ những người khó khăn, giúp ích cho cộng đồng, nhiều trường hợp chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng cho hoạt động đầu tư, kinh doanh một cách chuyên nghiệp. Nhiều nhà đầu tư vì chưa biết hoặc chưa rõ về mô hình, thủ tục thành lập, quản lý DNXH nên còn e ngại hoặc lúng túng khi thành lập và điều hành DNXH.

Chính vì vậy, trong quá trình khởi nghiệp, các doanh nhân xã hội rất cần được Nhà nước hỗ trợ về hồ sơ, quy trình để tiến hành các thủ tục hành chính - pháp lý, như thủ tục thành lập DNXH, thủ tục chuyển đổi thành DNXH từ các loại hình tổ chức pháp lý khác, thủ tục đề cấp giấy phép, chứng chỉ và các giấy tờ liên quan khác trong trường hợp pháp luật yêu cầu.

1.2.4. Vai trò của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, mô hình DNXH đang góp phần chia sẻ trách nhiệm và gánh nặng xã hội với Nhà nước bằng con đường riêng đầy sáng tạo, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả, đồng thời giúp bù đắp được một khiếm khuyết khó khắc phục của cơ chế thị trường là vận hành bởi động cơ lợi nhuận. Các doanh nghiệp này đã và đang có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho những người yếu thế cũng như góp phần bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, việc tạo điều kiện khuyến khích DNXH ra đời và phát triển là rất cần thiết. Trong đó, hoàn thiện quy chế pháp lý, đặc biệt là hoàn thiện pháp luật ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH là nội dung quan trọng nhất để khuyến khích mô hình DNXH phát triển tại Việt Nam. Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có vai trò quan trọng cấu thành nên địa vị pháp lý của DNXH là vì, từ những quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt của Nhà nước dành riêng cho DNXH sẽ hình thành nên các quyền và nghĩa vụ đặc thù của DNXH trong tổ chức và hoạt động. Không những vậy, các quy định này còn góp phần bảo đảm sự công bằng trong tổ chức và hoạt động giữa DNXH với các doanh nghiệp thương mại, chủ thể kinh doanh khác.

Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH có ý nghĩa thiết thực, quan trọng không chỉ đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của các DNXH mà còn đối với cả vai trò quản lý của Nhà nước. Cụ thể:

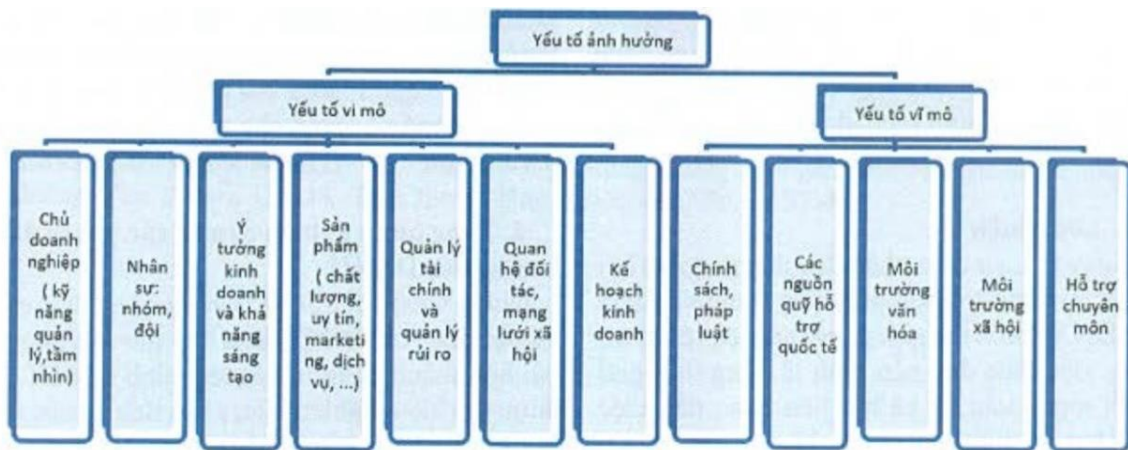
- *Đối với Nhà nước*

Từ góc độ là cơ quan quản lý, Nhà nước có chức năng kinh tế và chức năng xã hội. Thực tế cho thấy, xã hội luôn tồn tại những vấn đề mà Nhà nước khó có thể giải quyết hiệu quả, và doanh nghiệp tư nhân thì không mặn mà. Do đó, đây chính là nơi mà DNXH đóng vai trò nổi bật. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH một mặt giúp cho Nhà nước khuyến khích và phát triển được mô hình DNXH và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, thu hút đầu tư của các nhà đầu tư, thông qua đó phát triển kinh tế, đóng góp nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Mặt khác, dưới góc độ đảm bảo an sinh xã hội, khi DNXH gia tăng về chất lượng và số lượng thì đồng thời cũng hỗ trợ Nhà nước trong việc đảm bảo công ăn việc làm cho một

bộ phận lao động (đặc biệt là lao động khuyết tật, nhóm người yếu thế) trong xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội khác như vấn đề môi trường. Chính vì vậy, mục tiêu phát triển DNXH thông qua hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có đóng góp, hỗ trợ rất lớn cho Nhà nước.

- *Đối với DNXH*

Hơn bất kỳ chủ thể nào khác, DNXH là đối tượng thụ hưởng trực tiếp các quyền và lợi ích từ pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Theo nghiên cứu của Phạm Vũ Thắng và Cao Tú Oanh khi tổng hợp kết quả nghiên cứu của nhiều công trình khoa học nước ngoài về các yếu tố tác động đến DNXH thì pháp luật được coi là một trong các yếu tố vĩ mô quan trọng tác động đến sự tồn tại và phát triển của DNXH.



Hình 1.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến DNXH

Nguồn: Phạm Vũ Thắng, Cao Tú Oanh tổng hợp⁵⁰

Nhận thức được vai trò quan trọng của pháp luật đến sự phát triển của DNXH và sự phát triển chung của nền kinh tế - xã hội đất nước, nhiều quốc gia trên thế giới như Vương quốc Anh, Thái Lan, Singapore, Ấn Độ... đã sớm công nhận chính thức địa vị pháp lý của DNXH và tạo lập khung khổ pháp lý, ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Việc chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật về DNXH là hướng đi đúng đắn, điều đó được minh chứng qua thực tiễn phát triển DNXH tại các quốc gia kể trên. Ngược lại, trong một nghiên cứu của

⁵⁰ Phạm Vũ Thắng, Cao Tú Oanh, *Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp xã hội - kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Quản lý kinh tế số 66 (3+4/2015), tr.35

Roitter và Vivas (2009) đã chỉ ra môi trường pháp lý đã cản trở sự phát triển của các DNXH tại Argentina⁵¹.

Như vậy, có thể khẳng định, hoàn thiện pháp luật về DNXH nói chung và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ nói riêng dành cho DNXH có vai trò đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp đến sự tồn tại, hoạt động và phát triển của mô hình DNXH tại mỗi quốc gia. Nếu khu vực DNXH phát triển, Nhà nước cũng được hỗ trợ đắc lực và hiệu quả hơn trong việc thực hiện các mục tiêu xã hội.

1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một bộ phận quan trọng của khung pháp lý điều chỉnh DNXH. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một vấn đề quan trọng, góp phần định hướng đề xuất các giải pháp hợp lý, trọng tâm để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi hỗ trợ DNXH. Trong quá trình nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cho thấy, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó yếu tố đầu tiên và vô cùng quan trọng, đó chính là chính sách, quan điểm phát triển DNXH nói chung của Đảng và Nhà nước. Ưu đãi, hỗ trợ là ưu tiên dành cho DNXH những quyền và lợi ích nhất định, chính vì vậy, tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước cũng như nguồn lực của Nhà nước đảm bảo cho hoạt động ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng là những yếu tố mà Nhà nước cần quan tâm khi xây dựng và hoàn thiện nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Cụ thể như sau:

(i) Chính sách, quan điểm phát triển DNXH của Đảng và Nhà nước

Theo PGS, TS. Lê Chi Mai⁵², chính sách là chương trình hành động do các nhà lãnh đạo hay các nhà quản lý đề ra để giải quyết một vấn đề nào đó thuộc phạm vi thẩm quyền của mình. Chính sách mang tính định hướng và là nền tảng của pháp luật. Vì vậy, chính sách phải phản ánh một cách trung thực, khách quan điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước ở thời điểm hiện tại và dự báo khả năng, khuynh hướng phát triển trong tương lai. Điều này rất quan trọng, vì nếu chính sách

⁵¹ Roitter, M. and Vivas, A. (2009), 'Argentina', in J. Kerlin (ed) *Social Enterprise: A Global Comparison (DNXH: so sánh toàn cầu)*, Lebanon, NH: Tufts University Press.

⁵² <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/chinh-sach-la-gi-883-93770-article.html>, truy cập ngày 13/7/2023

không đảm nhận được vai trò này sẽ dẫn đến tình trạng: khi thể chế các chính sách thành các văn bản quy phạm pháp luật thì pháp luật hoặc sẽ không có tính khả thi, hoặc sẽ kìm hãm sự phát triển của các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội⁵³. Ở Việt Nam, quan điểm về DNXH đã được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp, đó là Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ DNXH. Tuy vậy, để cụ thể hóa các hình thức khuyến khích và hỗ trợ DNXH, Đảng và Nhà nước cần có chính sách cụ thể về vấn đề phát triển DNXH, trong đó xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể để hiện thực hóa các ưu đãi, hỗ trợ dành cho mô hình kinh doanh này. Chính sách phát triển DNXH là cơ sở nền tảng để Nhà nước xây dựng, hoàn thiện pháp luật về DNXH nói chung và các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói riêng. Pháp luật về DNXH nói chung và các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói riêng sẽ không thể được ban hành một cách có hệ thống và đầy đủ nếu nếu chính sách phát triển DNXH nói chung không được ban hành kịp thời hoặc nội dung chính sách ban hành thiếu đúng đắn, khách quan, không phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và nhu cầu thực tế của DNXH. Ngược lại, nếu chính sách, quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển DNXH được ban hành cụ thể, rõ ràng, sẽ là cơ sở vững chắc để pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH được quan tâm xây dựng, hoàn thiện hiệu quả, đồng bộ và toàn diện.

Về nội dung, chính sách phát triển DNXH cần được cụ thể hóa và thống nhất với các chính sách liên quan đến DNXH như chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường...; chính sách thuế như miễn thuế, giảm thuế đối với DN và các chính sách khác nhằm hỗ trợ, phát triển DNXH.

(ii) Tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước

Tình hình phát triển kinh tế, xã hội của một quốc gia luôn là điều kiện nền tảng để Nhà nước đưa ra các quyết định quản lý phù hợp. Mỗi quốc gia khác nhau với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau thì quy định về hỗ trợ, ưu

⁵³ Đặng Văn Khanh, *Mối quan hệ giữa chính sách và pháp luật*, xem tại: <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208794#:~:text=Trong%20m%E1%BB%91i%20quan%20h%E1%BB%87%20gi%E1%BB%AFa,d%E1%BB%A5ng%20n%E1%BA%BFu%20thi%E1%BA%BFu%20ph%C3%A1p%20lu%E1%BA%ADt.>

đãi DNXH chắc chắn sẽ khác nhau. Lấy ví dụ về điều kiện xã hội, nếu quốc gia có tỷ lệ dân số là nhóm người yếu thế như người khuyết tật, người nghèo... nhiều hơn các quốc gia khác thì Nhà nước càng cần quan tâm, khuyến khích các chủ thể kinh doanh có khả năng hỗ trợ Nhà nước tạo công ăn việc làm, giảm bớt gánh nặng về an sinh xã hội cho cộng đồng người yếu thế. Ngược lại, đối với các quốc gia phát triển thì việc quan tâm, ưu đãi và hỗ trợ các DNXH từ phía Nhà nước sẽ có điều kiện thuận lợi hơn nhiều so với các quốc gia còn khó khăn, hạn chế về tiềm lực kinh tế.

Nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chính là việc Nhà nước tạo các điều kiện để DNXH được hưởng những ưu tiên, quyền lợi nhiều hơn so với các DNTM truyền thống. Chính bởi vậy, muốn ưu tiên, muốn tạo điều kiện về thuế, về tài chính, về đất đai hay các ưu đãi khác thì cần phải bám sát vào điều kiện về kinh tế, xã hội của quốc gia ở giai đoạn đó. Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chịu sự ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, xã hội chung của đất nước, điều này được thể hiện ở góc độ: quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH thấp hơn hoặc cao hơn điều kiện vật chất, nguồn nhân lực của đất nước đều ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Nếu quy định ưu đãi, hỗ trợ cao hơn điều kiện kinh tế đất nước, sẽ dẫn đến việc khó đảm bảo thực thi ưu đãi, hỗ trợ một cách triệt để; ngược lại, nếu quy định mức ưu đãi, hỗ trợ thấp hơn điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước, sẽ không đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội cũng như các quyền con người, tính cộng đồng mà các quốc gia đều hướng tới xây dựng.

(iii) Nguồn lực bảo đảm thực hiện các quy định thể hiện sự ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho DNXH

Các nguồn lực đảm bảo thực thi pháp luật bao gồm nguồn lực tài chính và nguồn lực con người. Trong hai nguồn lực trên thì nguồn lực tài chính có ý nghĩa quan trọng hơn cả và có tính quyết định đến hiệu quả của việc thực thi chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH. Để triển khai các quy định của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH một cách đồng bộ và có hiệu quả, đòi hỏi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải chuẩn bị đầy đủ một số nguồn lực tài chính cần thiết như xây dựng quỹ đất đai, xây dựng quỹ hỗ trợ DNXH, thực hiện các chương trình tài khóa, ưu đãi thuế, xây dựng chương trình hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phổ biến kiến thức

pháp lý cho các cá nhân giữ chức vụ điều hành, quản lý trong DNXH... Nếu ngân sách Nhà nước và ngân sách địa phương có đủ nguồn lực tài chính thì pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH sẽ được thực hiện đầy đủ, đồng bộ hiệu quả và ngược lại. Bên cạnh nguồn lực tài chính thì nguồn lực về con người cũng là một yếu tố vô cùng quan trọng, tác động lớn đến nội dung pháp luật và hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Nguồn lực về con người ở đây bao gồm 2 nhóm: nhóm nhân lực thực thi pháp luật (cơ quan, cán bộ quản lý Nhà nước) và nhóm nhân lực quản lý, lãnh đạo DNXH. Nếu nguồn lực thực thi các quy định về ưu đãi, hỗ trợ dành cho DNXH còn thiếu và mỏng thì không thể đảm bảo rằng các quy định ưu đãi, hỗ trợ sẽ được triển khai rộng rãi đến mọi DNXH. Đồng thời, nếu nguồn nhân lực này không có trình độ chuyên môn phù hợp, thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng nghiệp vụ thì hiệu quả triển khai các quy định này đến các DNXH sẽ không cao và khó có thể đạt được các mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Theo kinh nghiệm phát triển DNXH ở Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, vai trò hỗ trợ và thi hành pháp luật của Nhà nước là rất quan trọng. Không có các thiết chế chuyên trách nhằm thực thi pháp luật về DNXH sẽ khiến hoạt động của mô hình doanh nghiệp đặc biệt này gặp khó khăn. Trong bối cảnh hiện tại ở Việt Nam, các thiết chế này chưa được độc lập so với các thiết chế thực thi pháp Luật Doanh nghiệp thông thường. Bên cạnh đó, năng lực và khả năng tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của DNXH được đảm bảo thông qua trình độ học vấn, kinh nghiệm, kiến thức pháp luật của các nhà quản lý, lãnh đạo DNXH. Nếu các nhà quản lý DNXH hạn chế về trình độ học vấn, thiếu kinh nghiệm, không am hiểu pháp luật, không chủ động trình bày những khó khăn, vướng mắc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc tổ chức thực thi các quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ DNXH hoặc không kiên quyết đấu tranh chống lại những tiêu cực trong quá trình thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH thì việc thực thi những quy định này sẽ gặp rất nhiều khó khăn, không hiệu quả và ngược lại. Để thúc đẩy DNXH ra đời, phát triển thì các quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ dành riêng cho DNXH phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản như tính cụ thể, tính khả thi, tính thống nhất và tính phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước. Điều này thể hiện ở chỗ, chính sách ưu đãi, hỗ trợ

DNXH phát triển phải cụ thể, rõ ràng và khi được ban hành phải có khả năng thực hiện được. Nếu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH quy định quá chung chung sẽ khiến cho công tác thực thi pháp luật gặp nhiều khó khăn, thậm chí không thực hiện được. Bên cạnh đó, các quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước đối với DNXH phải được ghi nhận nhất quán trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau và phải xuất phát từ tính đặc thù của DNXH. Nếu các quy định thể hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ DNXH phát triển được thể hiện thiếu thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật hoặc không xuất phát từ tính đặc thù của DNXH sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các chính sách đó trên thực tế và không đảm bảo được sự công bằng của DNXH so với DNTM trong tổ chức và hoạt động.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong Chương 1 - “Lý luận về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội”, NCS đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ DNXH và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Cụ thể:

1. Qua việc phân tích cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc ưu đãi, hỗ trợ DNXH, NCS đã xây dựng khái niệm ưu đãi, hỗ trợ DNXH, theo đó: ưu đãi, hỗ trợ DNXH là toàn bộ những biện pháp, cách thức được quy định trong các văn bản pháp luật nhằm tạo ra các lợi ích nhất định hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho các DNXH, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước, của nền kinh tế xã hội và của các chủ thể kinh doanh.

2. Trên cơ sở khái niệm pháp luật nói chung và khái niệm về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, NCS cũng đã xây dựng khái niệm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH, theo đó: *Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội là một bộ phận của pháp luật về doanh nghiệp xã hội, trong đó bao gồm một hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hoạt động đầu tư, phát triển DNXH.* Đồng thời, NCS cũng phân tích các nội dung cơ bản liên quan đến pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, bao gồm cấu trúc của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH; vai trò của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH và các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung của pháp

luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Trong đó, cấu trúc của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH bao gồm cấu trúc về hình thức và cấu trúc về nội dung. Xét về cấu trúc hình thức, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Xét về cấu trúc nội dung, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH bao gồm 02 nhóm quy định: nhóm các quy định về ưu đãi DNXH và nhóm các quy định hỗ trợ DNXH. Các yếu tố ảnh hưởng đến nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH bao gồm: chính sách phát triển DNXH của Đảng và Nhà nước, nguồn lực và tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước.

Những vấn đề lý luận về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là cơ sở để nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH tại Việt Nam hiện nay trong các chương tiếp theo của luận án.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

2.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

Ở nước ta hiện nay, các quy định về DNXH còn rất hạn chế trong Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Về quyền lợi của DNXH, Luật Doanh nghiệp cũng ghi nhận “Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội”, tuy nhiên, cho đến nay chính sách khuyến khích, hỗ trợ DNXH vẫn chưa được Nhà nước cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật. Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng pháp luật về ưu đãi đối với DNXH phải dựa trên nền tảng là các quy định chung của pháp luật về ưu đãi trong đầu tư, kinh doanh. Luật Đầu tư 2020 và văn bản hướng dẫn hiện nay quy định rất cụ thể các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư và hình thức ưu đãi đầu tư⁵⁴. Theo đó, quy định về ưu đãi đầu tư gồm các nhóm quy định về đối tượng hưởng ưu đãi; ngành nghề, địa bàn ưu đãi; hình thức ưu đãi và thủ tục hưởng ưu đãi. Pháp Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác như Luật Thuế TNDN, Luật Đất đai đều không đề cập đến việc dành riêng ưu đãi cho đối tượng là DNXH. Vì vậy, nghiên cứu về ưu đãi đối với DNXH cần dựa trên nghiên cứu pháp luật ưu đãi dành cho các DN nói chung, trong đó, các quy định về ưu đãi doanh nghiệp nằm rải rác trong pháp luật đầu tư, pháp luật về thuế, pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật liên quan khác.

2.1.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư

Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư được liệt kê tại khoản 2 điều 15 Luật Đầu tư năm 2020 và điều 19 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Theo đó, DNXH không được xem là đối tượng được nhận ưu đãi đầu tư mà điều này phụ thuộc vào việc dự án đầu tư của DNXH có thuộc trường hợp được nhận ưu đãi đầu tư hay không. Mặc dù Luật DN năm 2020 xem DNXH là một loại chủ thể kinh doanh, nhưng các ưu đãi đầu tư quy định trong Luật Đầu tư 2020 chủ yếu xác định dựa trên “hành vi”

⁵⁴ Xem khoản 2, điều 15 Luật Đầu tư 2020 và Điều 19 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

của doanh nghiệp thông qua đặc trưng của dự án đầu tư. Do đó, không phải DNXH nào cũng có thể nhận được ưu đãi đầu tư, điều này dẫn tới một số bất cập, hạn chế. Nếu dựa vào đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2020 thì nhiều DNXH khó có thể đáp ứng được. Chẳng hạn, đối với “dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên”⁵⁵, “dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động thường xuyên bình quân hàng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng)”⁵⁶. Thực tiễn cho thấy, tính đến cuối năm 2019, ước tính các DNXH tại Việt Nam có dưới 20 nhân viên chiếm tới 70%.⁵⁷ Hơn nữa, theo các quy định trên thì các lao động này phải đạt tiêu chuẩn “thường xuyên bình quân hàng năm” cho nên để đạt tới mức sử dụng 500 lao động trở lên thì rất hiếm DNXH đạt được.

Trường hợp đối với “Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động”⁵⁸. Mức quy định như vậy là khá cao, hiện nay tại Việt Nam, chưa có một DNXH nào ở nước ta có khả năng đáp ứng được tiêu chí này.

Luật Đầu tư 2020 đã đưa đối tượng hưởng ưu đãi là các dự án đầu tư sử dụng lực lượng lao động là người khuyết tật. Tuy nhiên, pháp luật về ưu đãi đầu tư hiện nay chưa đề cập đến ưu đãi dành cho các dự án đầu tư sử dụng lao động thuộc nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương - lực lượng lao động mà nhiều DNXH hướng tới nhằm giải quyết việc làm. Nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương rất đa dạng, bao gồm: người ăn xin, nạn nhân của các loại tội phạm, thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi, người nghèo, người thất nghiệp, người lang thang cơ nhỡ, nạn nhân bị quấy rối và lạm dụng tình dục, nạn nhân buôn bán người, các đối tượng

⁵⁵ Điểm d khoản 2 điều 15 Luật Đầu tư năm 2020

⁵⁶ Điểm b khoản 4 điều 10 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP

⁵⁷ *Hội đồng Anh, Tổ chức doanh nghiệp xã hội Vương quốc Anh, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) (2019). Báo cáo nghiên cứu Hiện trạng doanh nghiệp xã hội (DNXH) tại Việt Nam, Hà Nội.*

⁵⁸ Điểm c khoản 2 điều 15 Luật Đầu tư năm 2020

mắc bệnh xã hội, trẻ em bị ảnh hưởng HIV/AIDS. Có thể thấy, các đối tượng thuộc nhóm yếu thế rất đa dạng, không chỉ có ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn mà còn có mặt ở hầu khắp các địa phương, kể cả tại các đô thị lớn. Hiện nay, rất nhiều DNXH ở nước ta hoạt động nhằm giải quyết việc làm hoặc cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nhóm đối tượng yếu thế có thể làm cho DNXH gặp nhiều khó khăn hơn so với DN thông thường, tốn kém nguồn lực để đầu tư, chăm sóc, nâng cao trình độ, kỹ năng của họ. Do đó, việc Luật Đầu tư 2020 không đưa dự án đầu tư sử dụng các đối tượng này để dành các ưu đãi đầu tư có thể làm cho DNXH thiệt thòi so với DN thông thường.

2.1.2. Ngành nghề, địa bàn hưởng ưu đãi

2.1.2.1. Ngành nghề hưởng ưu đãi

Bản chất của hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng là tìm kiếm lợi nhuận từ hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, trong số các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của DN, có những lĩnh vực mà sự phát triển của nó không chỉ giúp chủ doanh nghiệp thu lợi nhuận mà còn góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước. Vì vậy, với vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, Nhà nước luôn khuyến khích DN đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề này.

Luật Đầu tư 2020 đã quy định 14 lĩnh vực, ngành nghề được hưởng ưu đãi đầu tư⁵⁹. Căn cứ vào quy định của Luật Đầu tư và để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trong từng thời kỳ, Chính phủ đã ban hành Danh mục ưu đãi đầu tư kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, trong đó quy định 4 nhóm ngành, nghề với 32 lĩnh vực được ưu đãi đầu tư đặc biệt (danh mục A) và 5 nhóm ngành nghề với 67 lĩnh vực ưu đãi đầu tư (Danh mục B). Dựa trên các danh mục ưu đãi đầu tư này có thể thấy, pháp luật Việt Nam lựa chọn lĩnh vực ưu đãi đầu tư dựa trên cơ sở vừa đảm bảo sự phát triển đồng bộ của nền kinh tế, vừa chú trọng phát triển những ngành nghề có tính chất tiên phong như lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, phát triển kết cấu hạ tầng, truyền thông, các lĩnh vực đảm bảo tính bền vững như bảo vệ môi trường sinh thái và các lĩnh vực phục vụ nhu cầu xã hội như giáo dục, y tế, dạy nghề...

⁵⁹ Khoản 1 điều 16 Luật Đầu tư 2020

Pháp luật Đầu tư không quy định ưu đãi đầu tư theo đối tượng loại hình kinh doanh cụ thể mà dựa trên tiêu chí là lĩnh vực, ngành nghề mà chủ thể kinh doanh đang hoạt động. Chính vì vậy, DNXH có được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp Luật Đầu tư hay không hoàn toàn phụ thuộc vào lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của DNXH đó. Tuy vậy, các ngành nghề ưu đãi đầu tư không bao quát hết các dự án đầu tư giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đem lại lợi ích cho cộng đồng. Thực tiễn tại Việt Nam còn ghi nhận nhiều DNXH có các hoạt động khác để giải quyết các vấn đề xã hội, tiêu biểu là các DNXH hoạt động tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, chống thuốc lá, phổ biến kiến thức, phát triển kỹ năng, tạo việc làm, giúp hòa nhập, chăm sóc sức khỏe, y tế, kinh doanh dược phẩm, chăm sóc người già.... Theo quy định hiện hành thì không phải hoạt động nào trong số các hoạt động kinh doanh trên cũng được nhận ưu đãi đầu tư.

Tại Việt Nam, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của khu vực DNXH là nông nghiệp (35%), tiếp đến là ngành dịch vụ du lịch - nhà hàng - khách sạn (9%), giáo dục (9%) và môi trường (7%). Ngoài ra, DNXH còn hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác như chăm sóc sức khỏe, bán lẻ, vận tải, công nghiệp sáng tạo...⁶⁰. Như vậy, các lĩnh vực, ngành nghề mà khu vực DNXH ở nước ta đang tập trung hoạt động tuy không hoàn toàn thuộc các lĩnh vực ưu đãi nhưng cũng có nhiều lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích đầu tư, ví dụ như lĩnh vực môi trường, chăm sóc sức khỏe, giáo dục... Tuy vậy, đối với DNXH, pháp luật hiện nay cũng chỉ quy định chung là DN có “*mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng*”, không quy định rõ về ngành nghề, lĩnh vực được xác định là “*giải quyết vấn đề xã hội, môi trường*”. Trong khi đó, như đã trình bày, phạm vi, lĩnh vực kinh doanh của các DNXH hiện nay ở nước ta là vô cùng phong phú. Mặt khác, theo quy định hiện nay, không có cơ quan nào là cơ quan có thẩm quyền xác nhận ngành nghề, lĩnh vực mà DN đang hoạt động có phải vì “*mục tiêu xã hội, môi trường*” không và cũng không có cơ quan nào có thẩm quyền chứng nhận một DN đạt đủ tiêu chí để được công nhận là DNXH. Do đó, không phải tất cả các

⁶⁰ British council, CIEM, Social Enterprise UK, *Social Enterprises in Vietnam* (Báo cáo hiện trạng DNXH ở Việt Nam), 2019, p.41;

DNXH (theo đăng ký) hiện nay đều được hưởng các quyền lợi ưu đãi theo pháp Luật Đầu tư.

Qua nghiên cứu pháp luật của các quốc gia, NCS nhận thấy, pháp luật của các quốc gia khác đều quy định rất rõ về tiêu chí nhận diện và cơ quan có thẩm quyền chứng nhận một doanh nghiệp đủ điều kiện là DNXH. Ví dụ, theo quy định của pháp luật Hàn Quốc, DNXH được xác định dựa trên các tiêu chí sau:

Thứ nhất, DNXH theo đuổi mục tiêu xã hội. Đây là tiêu chí quan trọng nhất, phản ánh đặc trưng cơ bản của DNXH, tạo nên sự khác biệt với các loại hình tổ chức doanh nghiệp khác. Điều 8 Luật Khuyến khích DNXH đã xác định rõ mục đích chính của DNXH là để hiện thực hóa một mục tiêu xã hội, chẳng hạn như nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân địa phương bằng cách cung cấp cho các nhóm dễ bị tổn thương các dịch vụ xã hội hoặc công việc hoặc đóng góp cho cộng đồng địa phương. Trong trường hợp này, tiêu chí chi tiết để đánh giá sẽ được quy định bởi Nghị định; trường hợp có lợi nhuận phân phối cho mỗi năm tài chính, nó nên dành ít nhất 2/3 lợi nhuận cho các mục tiêu xã hội (chỉ áp dụng cho loại hình công ty theo Luật Thương mại)⁶¹. Nhằm đặt ra tiêu chí định lượng mục tiêu của DNXH, Điều 9 Nghị định số 20141⁶² quy định:

- Mục tiêu chính của tổ chức là *cung cấp dịch vụ xã hội* cho nhóm yếu thế được xác định theo một trong hai cách: (i) Căn cứ vào tỷ lệ nhóm yếu thế trong tổng số những người nhận được các dịch vụ xã hội từ tổ chức đó phải chiếm ít nhất 30%, hoặc (ii) căn cứ vào tỷ lệ nhóm yếu thế được tuyển dụng làm việc tại tổ chức trong tổng số người lao động của tổ chức đó phải chiếm ít nhất 50% (đến 31/12/2016 thì tỷ lệ này còn 30%).

-Mục tiêu chính của tổ chức là *đóng góp cho cộng đồng địa phương*, được xác định theo một trong ba cách: (i) Tăng thu nhập và tạo việc làm cho người dân địa phương: đánh giá tỷ lệ người yếu thế tại địa phương nơi tổ chức đặt trụ sở chính được tuyển dụng trên tổng số nhân viên của tổ chức hoặc tỷ lệ người yếu thế trên

⁶¹ Clause 5, Article 8 The Social Enterprise Promotion 2007 Where it has distributable profits for each fiscal year, it should spend at least 2/3 of the profits for social objectives (applicable only to a company under the Commercial Law).

⁶² Nghị định số 20141 năm 2007 của Hàn Quốc đã được sửa đổi vào các năm 2008, 2009, 2010, 2012 và 2013. Bài viết sử dụng “Nghị định số 20141” hợp nhất qua các lần sửa đổi. Xem thêm bảng dịch tiếng Anh tại: <http://www.moleg.go.kr/FileDownload.mo?flSeq=26571>.

tổng số người nhận được các dịch vụ xã hội từ tổ chức đó đạt từ 20% trở lên; (ii) Giải quyết các vấn đề xã hội như nạn đói, vấn đề bị đẩy ra bên lề xã hội, vấn đề tội phạm tại địa phương (đánh giá mức doanh thu hoặc chi tiêu liên quan đến mục tiêu chính của tổ chức trên tổng số doanh thu mà tổ chức kiếm được chiếm từ 40% trở lên); (iii) Cung cấp tư vấn, các dịch vụ thị trường, tài chính,... cho các tổ chức ưu tiên theo đuổi mục tiêu vì xã hội như cung ứng các dịch vụ xã hội hoặc tạo việc làm cho cộng đồng địa phương, hoặc tăng chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương (đánh giá mức doanh thu hoặc chi tiêu liên quan đến mục tiêu chính của tổ chức trên tổng số doanh thu mà tổ chức kiếm được chiếm từ 40% trở lên).

- Mục tiêu chính của tổ chức là *cung cấp việc làm* và *các dịch vụ xã hội* cho nhóm yếu thế: tỷ lệ những người yếu thế được tuyển dụng trên tổng số người lao động của tổ chức và tỷ lệ những người yếu thế trên tổng số người nhận được các dịch vụ xã hội chiếm từ 30% trở lên (đến 31/12/2015 thì giảm còn 20%).

Trong đó, *nhóm người yếu thế* (vulnerable groups) được xác định dựa theo Điều 2 Nghị định số 20141 gồm: (i) Người có thu nhập hàng tháng bằng 60% thu nhập bình quân chung của cả nước hoặc ít hơn, (ii) Người cao tuổi - người từ 55 tuổi trở lên; người tàn tật, nạn nhân buôn bán tình dục, thanh thiếu niên, người được hưởng trợ cấp để tìm việc mới..., (iii) Người cư trú trốn khỏi Triều Tiên, (iv) Nạn nhân bạo lực gia đình, người neo đơn, người nhập cư kết hôn với người nước ngoài ở Hàn Quốc, và các đối tượng khác theo Luật Chính sách việc làm.

Dịch vụ xã hội được xác định theo Điều 3 Nghị định số 20141, gồm: chăm sóc trẻ em; dịch vụ nghệ thuật, du lịch và thể thao; dịch vụ quản lý và bảo tồn rừng; các dịch vụ về điều dưỡng và làm việc tại nhà; dịch vụ liên quan đến bảo quản, sử dụng di sản văn hoá; dịch vụ quản lý cơ sở kinh doanh, như dịch vụ vệ sinh; các dịch vụ khác do Bộ trưởng Bộ Lao động và Việc làm ban hành.

Như vậy, mục tiêu hoạt động vì xã hội của DNXH được xác định thành 04 loại chủ yếu: (i) Tạo việc làm cho nhóm yếu thế, (ii) Cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nhóm yếu thế, (iii) Vừa tạo việc làm và cung cấp dịch vụ thiết yếu cho nhóm yếu thế, và (iv) Đóng góp cho cộng đồng địa phương. Trong đó, nhóm yếu thế được xác định dựa theo Điều 2 Nghị định số 20141.

Ngoài tiêu chí thứ nhất là theo đuổi mục tiêu xã hội thì DNXH theo quy định của pháp luật Hàn Quốc còn phải thỏa mãn hai tiêu chí khác là DNXH sử dụng hoạt động kinh doanh để theo đuổi mục tiêu xã hội và DNXH được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc quy định rất rõ ràng các tiêu chí nhận diện chính là cơ sở để Nhà nước công nhận tư cách của DNXH và có các ưu đãi, hỗ trợ riêng cho đối tượng là DNXH mà không cần gián tiếp căn cứ vào ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi của pháp Luật Đầu tư quy định. Mặt khác, dù hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng theo pháp luật nước ta hiện nay, DNXH vẫn phải đảm bảo sử dụng tỷ lệ lợi nhuận nhất định (theo quy định) từ hoạt động kinh doanh để giải quyết các vấn đề xã hội và đều hướng tới mục tiêu chung là hoạt động vì lợi ích xã hội, thì dù DN đó hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nào cụ thể cũng đều cần được đối xử công bằng và được Nhà nước dành cho các ưu đãi chung như nhau.

2.1.2.2. Địa bàn hưởng ưu đãi

Luật Đầu tư 2020 tuy không trực tiếp liệt kê các đối tượng được hưởng ưu đãi là các loại hình chủ thể kinh doanh nhưng đã gián tiếp quy định đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư là các dự án theo từng địa bàn nhất định. Theo đó, Luật Đầu tư quy định địa bàn đầu tư được hưởng ưu đãi gồm có 02 loại là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, hoạt động đầu tư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cũng là khu vực được hưởng ưu đãi đầu tư⁶³.

Để cụ thể hóa các địa phương được hưởng ưu đãi đầu tư, Chính phủ đã ban hành Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư⁶⁴. Như vậy, nếu xét theo địa bàn đăng ký thì ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, DNXH phải đăng ký hoạt động tại các địa phương thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư thì DN mới được hưởng ưu đãi. Tuy nhiên, theo kết quả tổng hợp từ Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 21/3/2024, trên phạm vi toàn quốc chỉ có tất cả 213 DNXH đăng ký. Cụ thể, số lượng DNXH đã đăng ký hiện phân bổ về các tỉnh/thành phố như sau:

⁶³ Khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư 2020

⁶⁴ Phụ lục III, Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020 quy định về danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư

STT	Tỉnh, thành phố	SL
1	Thành phố Cần Thơ	1
2	Thành phố Hà Nội	63
3	Thành phố Hải Phòng	5
4	Thành phố Hồ Chí Minh	63
5	Thành phố Đà Nẵng	7
6	Tỉnh An Giang	1
7	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2
8	Tỉnh Bình Dương	2
9	Tỉnh Bình Định	2
10	Tỉnh Bắc Giang	3
11	Tỉnh Bắc Kạn	1
12	Tỉnh Bến Tre	4
13	Tỉnh Hà Giang	5
14	Tỉnh Hà Nam	2
15	Tỉnh Hòa Bình	1
16	Tỉnh Hưng Yên	1
17	Tỉnh Hải Dương	2
18	Tỉnh Khánh Hòa	3
19	Tỉnh Kiên Giang	1

STT	Tỉnh, thành phố	SL
20	Tỉnh KonTum	2
21	Tỉnh Long An	1
22	Tỉnh Lâm Đồng	3
23	Tỉnh Nam Định	1
24	Tỉnh Nghệ An	1
25	Tỉnh Ninh Bình	1
26	Tỉnh Phú Yên	1
27	Tỉnh Quảng Bình	5
28	Tỉnh Quảng Nam	5
29	Tỉnh Quảng Trị	3
30	Tỉnh Thanh Hoá	1
31	Tỉnh Thái Nguyên	2
32	Tỉnh Thừa Thiên-Huế	9
33	Tỉnh Trà Vinh	2
34	Tỉnh Tuyên Quang	2
35	Tỉnh Vĩnh Long	2
36	Tỉnh Đắk Lắk	2
37	Tỉnh Đồng Nai	1
Tổng		213

Dựa theo số liệu thống kê trên, có thể thấy, các DNXH ở nước ta hiện đang tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, trong đó thành phố Hồ Chí Minh và thủ đô Hà Nội đều có 63/213 DNXH; tiếp theo là Huế có 9 DNXH và Đà Nẵng là 07 DNXH. Như vậy, xét theo địa bàn đăng ký thì hầu hết các DNXH ở nước ta đang tập trung ở thành phố lớn nên sẽ không thuộc đối tượng để được hưởng chính sách về ưu đãi đầu tư nói chung theo địa bàn. Trên thực tế, qua kết quả khảo sát của tác giả luận án cho thấy, trong số ít các DNXH đã đăng ký hiện nay, thì hiếm hoi vẫn có những DNXH đã và đang được hưởng ưu đãi về thuế dựa theo địa bàn hoạt động, ví dụ như DNXH Sapa O'Chau - doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai - thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Phụ lục III, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (xem Phiếu điều tra, khảo sát DNXH trong Phụ lục luận án).

Mặc dù vậy, với vai trò và ý nghĩa về mục tiêu hoạt động, sự thừa nhận về địa vị pháp lý và những cam kết, nghĩa vụ mà DNXH phải đảm bảo, các DNXH đã đăng ký và hoạt động theo quy định cần phải được hưởng quyền lợi ưu đãi chung dành cho DNXH, bất kể DN đang hoạt động tại địa bàn nào thì cũng vẫn đóng góp “vì mục tiêu xã hội, môi trường” như đúng bản chất của DNXH đã đăng ký.

Tham khảo kinh nghiệm của pháp luật Hàn Quốc, Anh và nhiều quốc gia khác có thể thấy, điểm chung của pháp luật các quốc gia là đều quy định quyền lợi ưu đãi dành cho DNXH đúng theo bản chất, đóng góp của “DNXH” chứ không quy định hay căn cứ vào địa bàn, địa phương mà DN đó thành lập, hoạt động để xét hưởng quyền lợi ưu đãi.

2.1.3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư

Nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư được quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP như sau:

Thứ nhất, các dự án đầu tư có vốn giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 3 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) và các dự án có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng từ 3.000 lao động thường xuyên bình quân hàng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thứ hai, các dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng) và dự án sử dụng từ 30% số lao động thường xuyên bình quân hàng năm trở lên là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật và pháp luật về lao động được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Thứ ba, các dự án đầu tư thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Đối với 3 loại hình dự án này được hưởng mức ưu đãi cụ thể áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

Thứ tư, đối với dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau trong cùng một thời gian thì nhà đầu tư được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

Thứ năm, mức ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với dự án đầu tư được áp dụng ưu đãi đặc biệt như sau: (i) Mức ưu đãi, thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt về thuế TNDN, tiền thuê đất, thuê mặt nước thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và pháp luật về đất đai; (ii) ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt được áp dụng đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và toàn bộ cơ sở trực thuộc đặt ngoài trụ sở chính của Trung tâm; (iii) nhà đầu tư đề xuất áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt phải cam kết đáp ứng các điều kiện về ngành nghề đầu tư, tổng vốn đăng ký đầu tư, mức vốn giải ngân, thời hạn giải ngân và các điều kiện khác ghi tại GCNĐKĐT, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (iv) Thủ tướng Chính phủ quyết định mức, thời gian ưu đãi đầu tư đặc biệt theo các tiêu chí về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi, giá trị sản xuất trong nước đối với các dự án đầu tư được áp dụng ưu đãi đặc biệt.

Thứ sáu, ưu đãi đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế; chia, tách, sáp nhập và chuyển nhượng dự án đầu tư được áp dụng như sau: (i) tổ chức kinh tế được hình thành trên cơ sở tổ chức lại tổ chức kinh tế hoặc nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư được kế thừa các ưu đãi đầu tư áp dụng đối với dự án đầu tư (nếu có) trước khi tổ chức lại hoặc nhận chuyển nhượng nếu vẫn đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư; (ii) dự án đầu tư được hình thành trên cơ sở chia, tách dự án đáp ứng điều kiện hưởng mức ưu đãi đầu tư nào thì được hưởng mức ưu đãi đầu tư đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại của dự án trước khi chia, tách; (iii) dự án đầu tư được hình thành trên cơ sở sáp

nhập dự án được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo các điều kiện hưởng ưu đãi của từng dự án trước khi sáp nhập nếu vẫn đáp ứng điều kiện. Trường hợp dự án được sáp nhập đáp ứng các điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư khác nhau thì nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đầu tư theo từng điều kiện khác nhau đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại.

Thứ bảy, trường hợp khu công nghiệp, khu chế xuất đã được thành lập theo quy định của Chính phủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt đưa ra khỏi quy hoạch hoặc chấp thuận chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác hoặc dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư thì các dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất được tiếp tục hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại giấy phép đầu tư, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có quy định về ưu đãi đầu tư (nếu có một trong các loại giấy tờ đó) hoặc theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất (trong trường hợp không có các loại giấy tờ đó).

Ngoài ra, căn cứ theo Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về khu công nghệ cao, khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng ưu đãi đầu tư áp dụng đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư. Các dự án đầu tư, các hoạt động trong khu công nghệ cao được hưởng mức ưu đãi, hỗ trợ cụ thể áp dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, đất đai, tín dụng và pháp luật có liên quan.⁶⁵

Cần lưu ý rằng, các nguyên tắc trên do Chính phủ Việt Nam quy định. Với các thương nhân đến từ các quốc gia đã ký Hiệp định song phương hoặc Hiệp định đa phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư thì khi đầu tư tại Việt Nam cũng cần áp dụng các nguyên tắc được quy định trong các Hiệp định. Ví dụ, theo Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVIPA), tại Phụ lục 1 quy định các Cơ quan của các Bên có thẩm quyền quyết định ngừng cấp ưu đãi đầu tư mà không

⁶⁵ Điều 12 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về khu công nghệ cao

phải bồi thường cho nhà đầu tư. Đối với Việt Nam, các cơ quan này bao gồm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan hành chính hoặc tòa án. Phụ lục 2 quy định những ngoại lệ của Việt Nam về đối xử quốc gia; theo đó, Việt Nam có quyền ban hành các biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ đối xử quốc gia đối với các ngành được liệt kê trong Phụ lục này với điều kiện biện pháp đó phù hợp với Danh mục cam kết cụ thể của Việt Nam tại Chương 8 của Hiệp định EVFTA.

Với các nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư đầy đủ như trên, Nhà nước đã đáp ứng phần nào sự mong đợi của các nhà đầu tư về một hành lang pháp lý hoàn thiện về ưu đãi đầu tư nói chung và nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư nói riêng. Các nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư rõ ràng, đầy đủ đã giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm hoạt động kinh doanh, đóng góp vào công cuộc phát triển, xã hội hóa đất nước. Tuy vậy, một điểm cũng có thể dễ dàng nhận thấy là mặc dù các nguyên tắc áp dụng ưu đãi đầu tư đã đề cập đến những trường hợp đặc biệt như dự án sử dụng từ 30% số lao động thường xuyên bình quân hàng năm trở lên là người khuyết tật được hưởng ưu đãi đầu tư như quy định đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhưng đối với trường hợp như DNXH cũng không được pháp luật quy định trong nguyên tắc để xác định áp dụng ưu đãi.

2.1.4. Các hình thức ưu đãi

Có thể nói, hình thức ưu đãi là những quy định chủ yếu các DNXH đặc biệt quan tâm bởi quyền lợi của DNXH được đảm bảo bởi các hình thức ưu đãi cụ thể này. Do đó, quy định về hình thức ưu đãi cũng chính là nội dung trọng tâm của pháp luật về ưu đãi DNXH. Căn cứ theo quy định trong pháp luật về ưu đãi đầu tư nói chung thì hình thức ưu đãi mà các DNXH hiện nay có thể được hưởng bao gồm: ưu đãi về thuế, ưu đãi về đất đai (nếu DNXH thuộc đối tượng được nhận ưu đãi đầu tư). Các ưu đãi này được quy định cụ thể bởi các luật chuyên ngành trong lĩnh vực thuế, đất đai.

2.1.4.1. Ưu đãi về thuế

Ưu đãi thuế được hiểu là việc Nhà nước tạo ra một số điều kiện nhất định cho DN thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ trong các lĩnh vực, địa bàn, loại hình mà Nhà nước khuyến khích phát triển nhằm giảm bớt gánh nặng về thuế, thu hút đầu tư, hỗ trợ, giúp đỡ các doanh nghiệp trong quá trình hoạt

động, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Theo Trương Bá Tuấn⁶⁶, trong các chính sách để thu hút đầu tư, ưu đãi về thuế là hình thức được sử dụng phổ biến hiện nay trên thế giới. Ưu đãi về thuế là một trong những hình thức ưu đãi hiệu quả để thu hút đầu tư. Để khuyến khích các DN đầu tư, phát triển, Nhà nước có thể ưu đãi về thuế theo các hình thức như miễn thuế, ưu đãi về thuế suất, ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế.

Trong hệ thống thuế hiện nay, thuế thu nhập doanh nghiệp là sắc thuế trực tiếp tác động vào tài chính của doanh nghiệp nên hình thức ưu đãi phổ biến của Nhà nước đối doanh nghiệp tập trung vào sắc thuế này. Luật Thuế TNDN ở nước ta hiện nay quy định chế độ ưu đãi thuế chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện ưu đãi, vì vậy, không có quy định cụ thể về chế độ ưu đãi thuế TNDN dành riêng cho mô hình DNXH. Luật Thuế TNDN dựa theo nguồn gốc thu nhập của DN để xác định khoản thu nhập nào được hay không được hưởng ưu đãi thuế TNDN (điều 13, điều 14 Luật Thuế TNDN). Căn cứ quy định hiện hành, có thể hệ thống hóa các quy định về ưu đãi thuế TNDN dành cho các DN nói chung (trong đó bao gồm cả DNXH) theo một số trường hợp sau:

** Thu nhập từ các dự án đầu tư, kinh doanh tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn:* Theo đó, tùy vào ngành nghề của DN là trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, thủy sản hay triển khai dự án đầu tư mới và phụ thuộc vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hay khó khăn mà DN có thể được miễn thuế hay được ưu đãi về thuế suất hoặc ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại điều 4, điều 13 và điều 14 Luật Thuế TNDN năm 2008. Cụ thể, Nhà nước áp dụng thuế suất ưu đãi là 10% trong thời gian 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao⁶⁷; áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản này

⁶⁶ Trương Bá Tuấn, *Chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị*, Tạp chí Tài chính, ngày 04/02/2019;

⁶⁷ Khoản 1 điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)

được áp dụng thuế suất 17%)⁶⁸. Ngoài ưu đãi về thuế suất, doanh nghiệp còn được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo⁶⁹.

** Đối với DN thực hiện các hoạt động nhằm hỗ trợ người yếu thế*

Người yếu thế là những người có hoàn cảnh khó khăn và gặp các rào cản trong việc tự giải quyết các nhu cầu hằng ngày dựa trên năng lực bản thân. Chính vì vậy, họ cần phải được Nhà nước quan tâm, hỗ trợ nhằm thực hiện chức năng tái phân phối và đảm bảo công bằng xã hội của Nhà nước. Các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm người yếu thế vượt qua các rào cản xã hội, nhờ đó mà giảm áp lực lên ngân sách Nhà nước, do đó, Nhà nước phải có chính sách hỗ trợ trở lại DN. Trong trường hợp này, tùy thuộc vào đối tượng người yếu thế và hoạt động cụ thể của DN mà Nhà nước có chính sách miễn thuế, giảm thuế hoặc ưu đãi về thuế suất, ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế, được quy định cụ thể tại Điều 4 và Điều 15 Luật Thuế TNDN 2008 (sửa đổi, bổ sung 2013).

Cụ thể, theo quy định tại Điều 4 Luật Thuế TNDN, thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có *từ 30% số lao động bình quân* trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và *có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên* (không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản); Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội là các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN. Bên cạnh đó, Điều 15 Luật Thuế TNDN cũng quy định về việc giảm thuế TNDN đối với DN sử dụng lao động nữ và lao động là người dân tộc thiểu số, cụ thể: Doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ được

⁶⁸ Khoản 3 điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)

⁶⁹ Khoản 1 điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)

giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động nữ; Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số được giảm thuế TNDN bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số.

Bên cạnh Luật Thuế TNDN, Điều 34 Luật Người khuyết tật năm 2010 cũng quy định: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật được miễn thuế TNDN. Có thể thấy, mặc dù cùng thống nhất quy định về việc miễn thuế cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật nhưng giữa nội dung của Luật Thuế TNDN và pháp luật về người khuyết tật đang có những mâu thuẫn về đối tượng được hưởng ưu đãi. Theo đó, Luật Thuế TNDN yêu cầu 02 điều kiện: sử dụng 30% lao động là người khuyết tật và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên; trong khi đó, các văn bản điều chỉnh người khuyết tật thì chỉ đưa ra một điều kiện là sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật. Việc tồn tại mâu thuẫn trong quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về người khuyết tật sẽ gây ra nhiều khó khăn cho các DN sử dụng lao động khuyết tật khi nghiên cứu và thi hành Luật Thuế TNDN. Việc quy định ưu đãi thuế chỉ dành cho các DN có số lao động bình quân trong năm từ 20 lao động trở lên là không phù hợp với thực tế quy mô hoạt động của mô hình DNXH ở nước ta hiện nay. Theo Báo cáo của Ban Các vấn đề xã hội và môi trường của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến cuối năm 2019, ước tính các DNXH có dưới 20 nhân viên chiếm tới 70%⁷⁰. Như vậy, sẽ có rất nhiều DNXH thành lập ra với mục tiêu giải quyết công ăn việc làm cho nhóm người yếu thế và đảm bảo được tỷ lệ 30% tổng số lao động trong DN là người yếu thế, nhưng vì quy mô lực lượng lao động bình quân trong năm của DN còn hạn chế nên không đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi dành cho DN thực hiện các hoạt động hỗ trợ người yếu thế theo quy định của Luật Thuế TNDN. Mặt khác, đặc điểm chung của các DNXH sử dụng lao động là nhóm người yếu thế là tốc độ phát triển rất hạn chế do đặc thù của lực lượng lao động này về trình độ chuyên môn, tay nghề, kỹ thuật lao động hay những khiếm khuyết về cơ thể... đều có thể là nguyên nhân làm giảm hiệu quả năng suất lao động, gây ảnh hưởng chung đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và tốc

⁷⁰ Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Các vấn đề xã hội và môi trường (2019), *Phát triển Doanh nghiệp xã hội tạo tác động tại Việt Nam*. Xem tại: <http://www.ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=21874>

độ phát triển, quy mô của DN. Thực tế, việc duy trì để DN hoạt động ổn định, tạo công việc thường xuyên, liên tục cho người lao động đã là khó khăn của DNXH, chưa nói đến mục tiêu phải phát triển tới một quy mô nhất định. Hơn thế nữa, các DN càng có quy mô nhỏ (siêu nhỏ), càng non trẻ thì càng cần được Nhà nước xem xét cho hưởng ưu đãi, hỗ trợ để DN có động lực xây dựng và phát triển.

Bên cạnh bất cập về yêu cầu quy mô lao động của DN, liên quan đến yêu cầu về tỷ lệ 30% lao động yếu thế DN sử dụng để được hưởng ưu đãi cũng là vấn đề cần xem xét. Tác giả Trần Thị Thủy⁷¹ cho rằng, quy định DN phải sử dụng tối thiểu 30% lao động yếu thế được hưởng ưu đãi còn mang tính cào bằng, vừa không tạo được động lực để các doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật vừa tạo nên sự bất mãn đối với các doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật với số lượng lớn. Ví dụ: Trường hợp DNXH A thành lập không vì mục tiêu giải quyết việc làm cho người khuyết tật nhưng trong quá trình hoạt động, A vẫn sử dụng lao động là người khuyết tật với tỷ lệ chưa đến 30% thì theo quy định hiện hành, DN A sẽ không được hưởng bất kỳ ưu đãi nào mặc dù thực tế, DN A cũng đã và đang góp phần giải quyết các vấn đề xã hội trong đó có giải quyết việc làm cho người khuyết tật. Ngược lại, với những DNXH được thành lập vì mục tiêu giải quyết việc làm cho người khuyết tật. Ở những doanh nghiệp này, tỷ lệ lao động là người khuyết tật thường rất cao. Mặc dù vậy, những ưu đãi về thuế mà DNXH này được hưởng lại cào bằng với các doanh nghiệp đang sử dụng 30% lao động là người khuyết tật. Có thể nhận thấy, quy định đối tượng hưởng ưu đãi thuế TNDN trong trường hợp sử dụng lao động là người khuyết tật còn nhiều bất cập, cần có sự nghiên cứu và điều chỉnh phù hợp để khuyến khích, động viên các DN tăng cường sử dụng lao động là người khuyết tật, thông qua đó giảm áp lực về an sinh xã hội cho Nhà nước.

** Đối với DN hoạt động đầu tư, kinh doanh trong những ngành nghề được Nhà nước khuyến khích xã hội hóa như giáo dục, y tế, môi trường....*

Theo đó, Nhà nước áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế TNDN 10% đối với phần thu nhập của DN từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa. Luật Thuế TNDN cũng quy định: Miễn thuế đối với

⁷¹ Trần Thị Thủy, *Pháp luật về việc làm cho người khuyết tật và thực tiễn thực hiện tại một số tỉnh miền Nam Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017, tr.31.

phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác.

Như vậy, Nhà nước áp dụng chính sách miễn thuế đối với các hoạt động xã hội hóa trong một số ngành nghề, lĩnh vực nêu trên là rất hợp lý, phù hợp với xu hướng khuyến khích đầu tư, phát triển hiện nay. Tuy nhiên, sẽ không công bằng nếu các DNXH - những chủ thể kinh doanh cũng hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi trường như bản chất, sứ mệnh mà Nhà nước đã công nhận cho DNXH lại không được miễn thuế đối với phần thu nhập không chia này. Luật Doanh nghiệp đã quy định: DNXH phải trích tối thiểu 51% lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội. Thậm chí, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Dân sự 2015 còn khẳng định: DNXH là pháp nhân phi thương mại và cũng theo khoản 1 Điều 76, pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên. Quy định về xử lý lợi nhuận của DNXH đang có sự mâu thuẫn trong quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp, tuy nhiên, trong nội dung này cần nhấn mạnh: theo cả quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp, lợi nhuận của DNXH chủ yếu để đầu tư cho các mục tiêu xã hội, vì cộng đồng, thậm chí đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự thì lợi nhuận không được chia cho các thành viên, điều đó được hiểu là 100% lợi nhuận của DNXH sẽ được quay trở lại đầu tư phát triển DN hoặc dành cho các mục tiêu xã hội khác của DN.

Như vậy có thể thấy, mặc dù DNXH phải cam kết hoạt động vì mục tiêu xã hội trong suốt quá trình hoạt động, nhưng phần thu nhập của DN phải vẫn nộp thuế TNDN cho Nhà nước. Điều này là một bất cập đối với các DN có hoạt động vì mục tiêu xã hội và cộng đồng như DNXH, đồng thời chưa đảm bảo sự thống nhất trong tư duy quản lý thuế của Nhà nước.

** Đối với DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*

Thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt tích cực đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, chính vì vậy, Nhà nước ta đặc biệt chú trọng và khuyến khích, tạo điều kiện phát triển đối

với các DN công nghệ cao và DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Để khuyến khích các DN này, Nhà nước cũng áp dụng các hình thức ưu đãi, trong đó có ưu đãi về thuế TNDN. Cụ thể, theo quy định tại điều 13 Luật Thuế TNDN, Nhà nước áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm đối với thu nhập của DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao; Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.

Bên cạnh việc hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, các DN công nghệ cao và DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn được hưởng chế độ miễn thuế và giảm thuế. Cụ thể, Luật Thuế TNDN 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định: Thu nhập của DN công nghệ cao, DN nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo⁷². Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được

⁷² Khoản 8 Điều 1 của Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngoài các trường hợp trên, một số trường hợp khác DN cũng được hưởng ưu đãi về thuế, ví dụ như đối với các khoản tài trợ DN được nhận để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác cũng là một trong các nhóm thu nhập được Nhà nước miễn thuế⁷³.

Theo kết quả khảo sát của tác giả luận án, trong số 05 DNXH tham gia khảo sát thì có 02 DNXH cho biết DN đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN, tuy nhiên, chế độ ưu đãi này được xác định dựa trên cơ sở DN là đơn vị sử dụng lao động khuyết tật hoặc theo địa bàn DN đầu tư, và hoàn toàn không căn cứ vào tư cách hay mục tiêu xã hội của DN (Phụ lục 01). Cụ thể: Công ty TNHH DNXH Sapa O'Chau thành lập từ ngày 09/11/2016 được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đầu tư tại địa bàn của tỉnh Lào Cai; Công ty TNHH DNXH Blind Link thành lập năm 2009, hưởng ưu đãi thuế TNDN do sử dụng lao động chính là người khuyết tật. Qua thực tế trên, có thể thấy, pháp luật Việt Nam đã quy định khá chi tiết về các đối tượng được miễn thuế, giảm thuế TNDN nhưng lại đang bỏ ngỏ đối tượng cũng rất cần được Nhà nước quan tâm, hỗ trợ thông qua chính sách về ưu đãi thuế là DNXH.

Tham khảo kinh nghiệm về ưu đãi thuế của một số quốc gia dành cho DNXH, có thể thấy rằng ưu đãi thuế, đặc biệt ưu đãi thuế TNDN thực sự là một trong những hình thức ưu đãi phổ biến nhất mà hầu hết các quốc gia đều quan tâm và đảm bảo thực thi cho DNXH. Như đã trình bày, Thái Lan phân loại DNXH thành DNXH chia sẻ lợi nhuận và DNXH không chia sẻ lợi nhuận. Chính phủ nước này quy định ưu đãi thuế chỉ được dành cho DNXH không chia sẻ lợi nhuận. Theo Nghị định Hoàng gia về Miễn thuế (Số 621) BE 2559 đã được thông qua vào năm 2016 của Thái Lan, mặc dù một doanh nghiệp có thể thuộc định nghĩa của một DNXH, nhưng để đủ điều kiện được miễn thuế TNDN đối với lợi nhuận ròng của doanh nghiệp, 100% lợi nhuận của doanh nghiệp đó phải được đầu tư vào doanh nghiệp hoặc sử dụng cho lợi ích của các nhóm trên hoặc các mục đích chung khác. Lợi ích phù hợp với các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Tổng cục trưởng

⁷³ Khoản 7 điều 4 Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng cục Thuế quy định. Để được miễn thuế TNDN, DNXH phải thỏa mãn các điều kiện:

- Bao gồm cụm từ “doanh nghiệp xã hội” trong tên doanh nghiệp;
- Được cơ quan do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế quy định chứng nhận là doanh nghiệp xã hội;
- Được Tổng giám đốc phê duyệt đơn đăng ký trở thành doanh nghiệp xã hội theo mẫu quy định;
- Không trả thu nhập chịu thuế theo Mục 40 (4) (b) hoặc (d) của Bộ luật Doanh thu (cổ tức, chia sẻ lợi nhuận hoặc thu nhập từ giảm vốn) cho cổ đông hoặc đối tác;
- Không được điều chuyển tài sản sử dụng trong doanh nghiệp, trừ trường hợp điều chuyển tài sản theo quy định của Tổng giám đốc;
- Không phải là một bên ký kết hợp đồng của cổ đông hoặc đối tác và không được trả bất kỳ khoản thù lao nào cho cổ đông hoặc đối tác của mình, kể cả người có liên quan của cổ đông hoặc đối tác, trừ trường hợp do Tổng giám đốc quy định;
- Không chuyển đổi loại hình hoạt động từ doanh nghiệp xã hội sang loại hình doanh nghiệp khác trước khi hết mười kỳ kế toán, kể từ kỳ kế toán khi doanh nghiệp được chấp thuận là DNXH;
- Tuân thủ các quy tắc, thủ tục và điều kiện khác do Tổng giám đốc quy định.

Trong trường hợp một DNXH không tuân thủ các điều kiện quy định, các ưu đãi về thuế sẽ bị thu hồi ngay từ đầu.⁷⁴

Không chỉ ưu đãi thuế thu nhập cho DNXH, Luật Hỗ trợ DNXH của Thái Lan còn quy định việc ưu đãi thuế cho các nhà đầu tư, các nhà tài trợ của DNXH. Theo đó, các công ty và pháp nhân khác (Companies and juristic partnerships) đầu tư vào DNXH có thể được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với 100% số tiền đầu tư vào DNXH với điều kiện DNXH đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu trên, ngoại trừ trường hợp DNXH có thể sử dụng tới 30% lợi nhuận để trả cổ tức, chia sẻ lợi nhuận hoặc giảm vốn. Việc không đáp ứng những điều trên sẽ dẫn đến việc nhà

⁷⁴ Bangkok Post, *A legal framework to promote social enterprise in Thailand* (khung pháp lý thúc đẩy DNXH ở Thái Lan), tháng 3/2017

đầu tư không được miễn thuế. Tương tự, nếu nhà đầu tư chuyển nhượng cổ phần trong DNXH trước khi giải thể, nhà đầu tư sẽ mất quyền miễn thuế. Công ty và các pháp nhân khác tặng tiền hoặc tài sản cho DNXH có thể được miễn thuế TNDN lên tới 2% lợi nhuận ròng của họ, với điều kiện DNXH đáp ứng tất cả các điều kiện nêu trên, ngoại trừ trường hợp DNXH có thể trả tối đa 30% lợi nhuận dưới dạng cổ tức, chia sẻ lợi nhuận hoặc giảm vốn. Khi xem xét mức giới hạn 2%, các khoản quyên góp đó cho các DNXH phải được gộp chung với các khoản đóng góp từ thiện đủ điều kiện khác. Việc không đáp ứng những điều trên sẽ dẫn đến việc mất quyền miễn thuế cho các nhà tài trợ.⁷⁵ Tương tự Thái Lan, Anh quốc cũng áp dụng giảm thuế đầu tư xã hội. Theo đó, các cá nhân, tổ chức đầu tư vào DNXH sẽ được giảm 30% khoản đầu tư đó vào hóa đơn thuế thu nhập của họ trong năm đó. Tỷ lệ 30% là tỷ lệ tương tự như các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư doanh nghiệp, Quỹ đầu tư mạo hiểm và sẽ thu hút các khoản giảm thuế, tạo ra một sân chơi bình đẳng cho đầu tư vào các DNXH.

Hiện nay, tại Hàn Quốc, DNXH đang nhận được sự hỗ trợ tích cực từ hai cấp là chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Luật xúc tiến DNXH năm 2007 của Hàn Quốc quy định: *Nhà nước và chính quyền địa phương có thể giảm hoặc miễn thuế quốc gia hoặc thuế địa phương theo các điều kiện được quy định tại Luật Quản lý thuế Doanh nghiệp, Đạo luật hạn chế đánh thuế đặc biệt và Đạo luật hạn chế miễn, giảm thuế.* Cụ thể, tại cấp Trung ương, DNXH được giảm hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng hỗ trợ một phần phí bảo hiểm việc làm, phí bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động theo Đạo luật y tế quốc gia và các khoản đóng góp lương hưu theo Đạo luật hưu trí quốc gia.⁷⁶ Tương tự, tại Điều 16 Luật xúc tiến DNXH của Hàn Quốc cũng quy định: *Nhà nước và chính quyền địa phương có thể giảm hoặc miễn thuế quốc gia hoặc thuế địa phương cho các doanh nghiệp liên kết, tập đoàn hoặc cá nhân đóng góp cho DNXH, theo quy định của Luật Quản lý thuế doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế thu nhập.*

⁷⁵ <https://www.tilleke.com/insights/legal-framework-promote-social-enterprises-thailand/>, truy cập ngày 15/8/2022

⁷⁶ Điều 13 Luật xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2007

Tại Trung Quốc, với hình thức điển hình nhất của DNXH là doanh nghiệp phúc lợi xã hội luôn được Chính phủ quan tâm và thúc đẩy nhằm hỗ trợ các cá nhân, đặc biệt là những người khuyết tật. Theo Quy chế tạm thời về quản lý Doanh nghiệp phúc lợi xã hội của Trung Quốc, Doanh nghiệp phúc lợi xã hội là doanh nghiệp đặc biệt có tính chất phúc lợi xã hội được thành lập để sử dụng lao động là người khuyết tật⁷⁷. Điều 16 của Quy chế này cũng quy định rằng: một doanh nghiệp phúc lợi xã hội sẽ được hưởng tất cả các quyền lợi về thuế. Theo thông báo về các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ Tài chính và Cục Quản lý Nhà nước về thuế ban hành năm 2007, nếu số lượng người khuyết tật thực sự được bố trí hàng tháng trong tổng số nhân viên của đơn vị từ 25% trở lên và số lượng người khuyết tật thực sự được bố trí tối thiểu là 10 người lao động thì phần lương thực tế đơn vị trả cho người khuyết tật có thể được khấu trừ theo thực tế trước thuế TNDN, có thể khấu trừ 100% tiền lương thực tế trả cho người khuyết tật. Trường hợp tỷ lệ người khuyết tật thực tế được bố trí hàng tháng trong tổng số lao động của đơn vị dưới 25% (không bao gồm 25%) nhưng cao hơn 1,5% (kể cả 1,5%) và số lượng người khuyết tật thực tế được bố trí nhiều hơn 5 (gồm 5), đơn vị được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN quy định tại Khoản (1) Điều 2 Thông báo này nhưng không được hưởng chính sách ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế doanh nghiệp quy định tại Điều 1 Thông báo này. Đối với các loại thuế khác như thuế giá trị gia tăng, thuế kinh doanh đều được giảm căn cứ theo tỷ lệ nhân viên là người khuyết tật (tối thiểu là 10%). Hợp tác xã chuyên nông có thể được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và các thuế giá trị gia tăng đối với các sản phẩm nông nghiệp, nguyên liệu trong sản xuất nông nghiệp. Các trung tâm dịch vụ cộng đồng như nhà trẻ, nhà điều dưỡng, trung tâm dịch vụ công việc gia đình... cung cấp các dịch vụ giáo dục, nuôi dưỡng và dịch vụ kỹ thuật chuyên môn cũng được hưởng ưu đãi về thuế kinh doanh và thuế thu nhập.⁷⁸

¹⁶ Trung Quốc, Quy chế tạm thời về doanh nghiệp phúc lợi xã hội, điều 2. Xem tại: <http://www.jincao.com/fa/24/law24.53.htm>

⁷⁸ Bộ Tài chính và Cục quản lý thuế Nhà nước Trung Hoa, *Thông báo về chính sách ưu đãi thuế để thúc đẩy việc làm cho người khuyết tật*, ngày 15/6/2007. Xem tại: https://www.chinatax.gov.cn.translate.google.com/translate/cn.translate.google.com/chinatax/n810341/n810765/n812176/n812778/c1194284/content.html?_x_tr_sl=zh-CN&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=vi&_x_tr_pto=sc&_x_tr_sch=http

Có thể thấy, hầu hết các quốc gia đều rất quan tâm và dành cho DNXH cũng như các đối tượng liên quan như nhà đầu tư, khách hàng của DNXH những ưu đãi thuế ở mức độ nhất định. Trong khi đó, như đã phân tích, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay chưa có bất kỳ văn bản nào đề cập đến quy định về ưu đãi thuế dành cho đối tượng là DNXH.

2.1.4.2. Ưu đãi về đất đai

Các ưu đãi về đất đai dành cho DN nói chung theo pháp luật Việt Nam hiện nay gồm hai cách thức ưu đãi phổ biến là: (i) miễn, giảm, hỗ trợ tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; (ii) Miễn, giảm các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai như: thuế đất nông nghiệp, thuế đất phi nông nghiệp, lệ phí trước bạ và các khoản phí, lệ phí khác. Theo Luật Đất đai năm 2013, việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh phụ thuộc vào lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại⁷⁹.

Như vậy, quy định ưu đãi về đất đai hiện nay dành cho các DN được áp dụng căn cứ vào lĩnh vực đầu tư (mục đích sử dụng đất) và địa bàn đầu tư, chưa có quy định về ưu đãi đất đai theo đối tượng cụ thể, do đó, với địa vị pháp lý là DNXH đã được Nhà nước công nhận, DNXH cũng không được hưởng ưu đãi về đất đai. Tương tự như các DNTM truyền thống, DNXH sẽ chỉ được hưởng ưu đãi về đất đai khi đáp ứng các điều kiện về mục đích sử dụng đất và địa bàn nơi có đất theo quy định của pháp luật. Ví dụ: căn cứ vào mục đích sử dụng, Nhà nước miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh (xã hội hóa) thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; hoặc Nhà nước miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁸⁰. Danh mục các lĩnh vực và địa bàn được ưu đãi về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất được quy định chi tiết trong Phụ lục của Luật Đầu tư.

Bên cạnh pháp Luật Đầu tư và pháp Luật Đất đai, một số văn bản pháp luật khác cũng quy định về vấn đề ưu đãi tiền thuê đất cho DN trong một số trường hợp

⁷⁹ Điểm a khoản 1 điều 110 Luật Đất đai năm 2013

⁸⁰ Khoản 1 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013

cụ thể. Ví dụ như, Luật Người khuyết tật năm 2010 quy định: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật được ưu tiên cho thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất, kinh doanh theo tỷ lệ lao động là người khuyết tật, mức độ khuyết tật của người lao động và quy mô doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp này cũng được hưởng những ưu đãi về tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh tùy theo tỷ lệ sử dụng người lao động là khuyết tật. Cụ thể, Nhà nước miễn tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 70% lao động là người khuyết tật trở lên; giảm 50% tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất, kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% đến dưới 70% lao động là người khuyết tật. Cần lưu ý rằng, trong thời gian được miễn, giảm tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước, cơ sở sản xuất, kinh doanh không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước; không được thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, góp vốn liên doanh, liên kết bằng quyền sử dụng đất, mặt bằng, mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc miền núi, Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg quy định về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Cụ thể, về tiền thuê đất, đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 30% đến dưới 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động có mặt làm việc tại đơn vị được giảm 50% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 50% lao động là người dân tộc thiểu số trở lên so với tổng số lao động có mặt làm việc thường xuyên tại đơn vị được miễn 100% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Từ việc phân tích quy định pháp luật cũng như thực tiễn hoạt động của các DNXH tại nước ta trong thời gian qua, có thể thấy, cũng giống như pháp luật về ưu đãi thuế, hệ thống quy định về ưu đãi trong lĩnh vực đất đai chưa có một quy định nào ưu tiên điều chỉnh riêng đối với DNXH, trong khi đó, đất đai, mặt bằng sản xuất luôn là vấn đề trăn trở của các DN nói chung và đặc biệt là với DNXH. Bên cạnh đó, khu vực DNXH ở Việt Nam hiện nay vẫn đang chủ yếu tập trung ở các

thành phố lớn nên hầu hết các DNXH không thể hưởng ưu đãi về đất đai do không thuộc địa bàn được ưu đãi. Trường hợp DN đủ điều kiện hưởng ưu đãi về đất đai theo lĩnh vực hoạt động thì cũng gặp những khó khăn, cản trở khác trong quy trình, thủ tục để được Nhà nước cho thuê hoặc giao đất có thu tiền⁸¹. Hạn chế trong việc tiếp cận nguồn đất công không chỉ là khó khăn của DNXH mà còn là khó khăn chung của các DN khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt đối với các DN có quy mô nhỏ và vừa. Luật Hỗ trợ DNNVV cho phép các doanh nghiệp được hưởng nhiều quyền lợi, trong đó có quyền tiếp cận đất đai. Tuy nhiên, trên thực tế, chưa có bất kỳ báo cáo, thống kê nào đề cập đến số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa được hưởng quyền lợi này theo luật. Vì vậy mà trong thực tế, nhiều DNXH, đặc biệt là nhóm DNXH sử dụng lao động là người khuyết tật, mặc dù đủ điều kiện để hưởng ưu đãi về đất đai do đáp ứng yêu cầu sử dụng từ 30% lao động khuyết tật trở lên nhưng hầu hết các DN đã chủ động sử dụng hình thức thuê đất, thuê mặt bằng, địa điểm sản xuất, kinh doanh từ khu vực tư nhân - điều này đồng nghĩa với việc giá thuê theo thỏa thuận hợp đồng mà DN không được ưu đãi hay hỗ trợ gì từ phía Nhà nước. Qua khảo sát một số DNXH và các chủ thể kinh doanh khác có mục tiêu tạo tác động xã hội cho thấy, hầu hết các đối tượng tham gia khảo sát, đặc biệt là những mô hình kinh doanh hướng tới mục tiêu tạo việc làm cho người khuyết tật đều mong muốn được Nhà nước hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh (4/5 DNXH tham gia khảo sát có nguyện vọng được Nhà nước ưu đãi về đất đai). Cụ thể, theo như ý kiến của chị Thu Thương - đại diện của DNXH Thương Thương handmade thì DNXH không có thông tin và rất ít cơ hội tiếp cận các nguồn đất công phù hợp để thuê và hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, trong khi đó, theo quy định hiện nay, Nhà nước chỉ hỗ trợ khi DN thuê đất công, còn nếu DN tự tìm và thuê khu vực đất tư thì lại không được hỗ trợ. Khó khăn khi xin hỗ trợ về địa điểm kinh doanh cũng là hoàn cảnh chung của chị Nguyễn Thị Lan Hương - người đại diện công ty TNHH DNXH Blind Link (phiếu khảo sát - phụ lục 01).

⁸¹ Phạm Hoàng Linh, *Pháp luật về giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư: một số bất cập và hướng hoàn thiện*, đăng ngày 24/3/2022, truy cập ngày 13/02/2023. Xem tại: <https://vupc.monre.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/4183/phap-luat-ve-giao-dat-cho-thue-dat-de-thuc-hien-du-an-dau-tu-mot-so-bat-cap-va-huong-hoan-thien>

Như đã trình bày, chính phủ Hàn Quốc rất quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy mô hình DNXH phát triển. Không chỉ ưu đãi về thuế, Hàn Quốc còn có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ khác dành cho DNXH, trong đó có quy định về ưu đãi đất đai. Theo Điều 11 Luật Xúc tiến DNXH của Hàn Quốc thì Nhà nước hoặc chính quyền địa phương cung cấp trợ cấp, các khoản vay khi mua đất, cho thuê đất công và đất quốc gia phục vụ quá trình thành lập và hoạt động của DNXH. Theo khoản 4 Điều 22, Luật Kiểm soát đối xử thuế đặc biệt của Hàn Quốc, DNXH được miễn giảm thuế địa phương đến hết năm 2013, bao gồm: 1) miễn 50% thuế thu mua đối với bất động sản nếu bất động sản đó được sử dụng hoàn toàn làm nơi làm việc; 2) trường hợp DNXH đăng ký là tập đoàn thì sẽ được miễn 50% thuế đăng ký kinh doanh và giấy phép; và 3) miễn 25% thuế tài sản nếu mua bất động sản dùng hoàn toàn làm nơi làm việc.

2.1.5. Thủ tục hưởng ưu đãi

Để được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật, nhà đầu tư cần thực hiện các thủ tục pháp lý nhất định. Theo quy định của Luật Đầu tư 2020, thủ tục ưu đãi đầu tư có sự khác biệt đối với dự án thuộc diện và không thuộc diện cấp GCN đăng ký đầu tư hoặc chủ trương đầu tư. Tùy thuộc vào tính chất của dự án đầu tư mà chủ đầu tư xác định thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư. Cụ thể, theo Điều 23 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2020 thì:

* Đối với dự án được cấp GCN đăng ký đầu tư hoặc có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư ghi nội dung ưu đãi đầu tư, căn cứ và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư tại GCN đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. Căn cứ nội dung ưu đãi đầu tư tại một trong các văn bản trên, nhà đầu tư thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư tương ứng với từng loại ưu đãi.

* Đối với dự án không thuộc trường hợp cấp GCN đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thì nhà đầu tư căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp Luật Đầu tư để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính và cơ quan hải quan tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư.

* Đối với một số doanh nghiệp, dự án đầu tư hoạt động trong các lĩnh vực về khoa học, công nghệ hay ứng dụng công nghệ cao quy định tại khoản 5 điều 19 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP thì căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư như sau:

- Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ dựa trên nội dung trong Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là GCN doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao là GCN dự án ứng dụng công nghệ cao;
- Đối với dự án công nghiệp hỗ trợ là Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;
- Đối với dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao là Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo điều 17 Luật Đầu tư năm 2020 quy định về thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư: “Căn cứ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư”. Như vậy, pháp Luật Đầu tư không quy định cụ thể, trực tiếp về thủ tục để nhà đầu tư được hưởng các hình thức ưu đãi cụ thể mà chỉ ghi nhận nội dung ưu đãi đầu tư, căn cứ và điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư trong các văn bản hành chính cấp cho nhà đầu tư. Trên cơ sở nội dung ưu đãi, căn cứ và điều kiện áp dụng ưu đãi đã được quy định, nhà đầu tư sẽ tiến hành các thủ tục để được hưởng ưu đãi cụ thể về thuế, về đất đai theo quy trình, thủ tục quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai. Có thể thấy, quy định về thủ tục thực hiện ưu đãi đầu tư của pháp Luật Đầu tư hiện hành đã tăng thêm quyền chủ động của các nhà đầu tư trong việc tiếp cận các ưu đãi cũng như góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc cấp ưu đãi đầu tư, tiết kiệm thời gian và chi phí cho Nhà nước và doanh nghiệp.

Trên cơ sở quy định chung của Luật Đầu tư về thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư, các văn bản pháp luật chuyên ngành cũng đã có quy định cụ thể về quy trình, thủ tục hưởng ưu đãi. Cụ thể, theo quy định của Luật Thuế TNDN hiện nay, để được hưởng ưu đãi thuế TNDN, doanh nghiệp sẽ tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập tính thuế để tự kê khai và tự quyết toán thuế với cơ quan thuế. Cơ quan thuế khi kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp phải kiểm tra các điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế theo đúng điều kiện thực tế mà doanh nghiệp đáp ứng được. Trường hợp doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định của pháp luật. Có thể thấy, Luật đã đề cao vai trò của các doanh nghiệp trong việc tự khai, tự tính, tự nộp thuế. Nếu các doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định của pháp luật thì công tác thu - nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả, thiết thực; các doanh nghiệp có thể tự mình cập nhật các thông tin pháp luật về chế độ ưu đãi, theo dõi sát sao số thuế phải nộp. Đồng thời, để đề phòng các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, tránh gây tổn thất cho ngân sách Nhà nước, pháp luật cũng trao cho các cơ quan thuế quyền thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh.

Ngoài quy định chung của pháp luật về thuế thì trong một số trường hợp cụ thể, để được hưởng ưu đãi thuế, DN còn cần phải tiến hành một số thủ tục khác để chứng minh thuộc đối tượng hưởng ưu đãi. Ví dụ như trường hợp DN hưởng ưu đãi thuế TNDN khi sử dụng lao động là người khuyết tật thì trước khi tiến hành thủ tục hưởng ưu đãi thuế, DN cần nộp hồ sơ đề nghị công nhận là DN sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật⁸². Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thẩm định và quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật hoặc có văn bản gửi cơ sở sản xuất, kinh

⁸² Điều 1, Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

doanh thông báo lý do không công nhận. Nếu DN đủ điều kiện để được công nhận thì Quyết định công nhận này sẽ có giá trị vô thời hạn. Hàng năm, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội sẽ tiến hành kiểm tra đối với các DN đã được trao Quyết định công nhận để đảm bảo DN vẫn sử dụng tỷ lệ lao động khuyết tật đúng theo quy định. Trên cơ sở có Quyết định công nhận của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, DN sẽ tự tiến hành thủ tục kê khai để được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN.

Tương tự như quy định về thủ tục hưởng ưu đãi của pháp luật về thuế, Luật Đất đai cũng có các quy định riêng về điều kiện để DN hưởng ưu đãi về mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, theo tác giả Phạm Hoàng Linh, “Trường hợp DN đủ điều kiện hưởng ưu đãi về đất đai theo lĩnh vực hoạt động thì cũng gặp những khó khăn, cản trở khác trong quy trình, thủ tục để được Nhà nước cho thuê hoặc giao đất công có thu tiền⁸³. Một trong những khó khăn lớn nhất đối với các DN là việc tiếp cận nguồn đất công. Những khó khăn chủ yếu khi tiếp cận đất đai của các doanh nghiệp được chỉ ra là: quy hoạch đất đai của địa phương chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiều địa phương luôn “thiếu quỹ đất sạch”; thông tin dữ liệu về đất đai thiếu minh bạch; các thủ tục hành chính phức tạp; giá đất theo quy định của Nhà nước cao; công tác giải phóng mặt bằng chậm và việc xử lý hồ sơ về đất đai quá lâu⁸⁴.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

Cũng giống như pháp luật về ưu đãi DNXH, hệ thống quy định về hỗ trợ đối với DNXH hầu như chưa có nên các DNXH hiện nay chỉ được hưởng các quyền lợi hỗ trợ chung theo quy định của pháp Luật Đầu tư. Tuy nhiên, nếu như Luật Đầu tư 2020 quy định khá chi tiết, đầy đủ về các nội dung của pháp luật ưu đãi, bao gồm: lĩnh vực ưu đãi, địa bàn ưu đãi, thủ tục và hình thức ưu đãi thì đối với quy định hỗ trợ đầu tư, Luật Đầu tư 2020 chỉ dành duy nhất một điều luật để quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư (Điều 18). Theo đó, Điều luật này quy định 07 hình thức hỗ trợ

⁸³ Phạm Hoàng Linh, *Pháp luật về giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư: một số bất cập và hướng hoàn thiện*, đăng ngày 24/3/2022, truy cập ngày 13/02/2023. Xem tại: <https://vupc.monre.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/4183/phap-luat-ve-giao-dat-cho-thue-dat-de-thuc-hien-du-an-dau-tu-mot-so-bat-cap-va-huong-hoan-thien>

⁸⁴ <https://kinhtetrunguoc.vn/web/guest/nghien-cuu-trao-doi/ba-diem-nghen-cua-doanh-nghiep-tu-nhan.html>, bài đăng ngày 24/4/2023, truy cập ngày 09/7/2023

dành cho các chủ thể đầu tư nói chung. Ngoài ra, với đặc thù của các DNXH ở nước ta hiện nay chủ yếu là các DN có quy mô nhỏ và vừa nên quyền lợi về hỗ trợ DN cũng dựa trên căn cứ của Luật Hỗ trợ DNNVV. Nội dung này tập trung phân tích 03 hình thức hỗ trợ phổ biến đối với DNXH, bao gồm: hỗ trợ nguồn vốn; hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ các thủ tục hành chính, pháp lý.

2.2.1. Hỗ trợ về vốn

Một trong những khó khăn lớn nhất của các DN nói chung và DNXH nói riêng khi thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh là vấn đề về vốn. Kết quả điều tra cấu trúc tài sản của DNXH cho thấy, phần lớn nguồn vốn của DNXH là vốn tự có (20,3%) và vốn tích lũy từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh (45,4%), một phần nhỏ từ tài trợ (5,3%), vốn vay khác như ngân hàng, gia đình, bạn bè chỉ chiếm 28,8%, trong khi đây là nguồn vốn lưu động quan trọng cho phát triển sản xuất - kinh doanh⁸⁵. Thông thường, tại thời điểm thành lập, vốn ban đầu của DNXH do chủ sở hữu hoặc các thành viên đóng góp. Tuy nhiên, xuất phát từ mục tiêu hoạt động và các lĩnh vực, ngành nghề hoạt động nên số vốn đầu tư ban đầu của các DNXH thường không lớn, vì vậy, nếu chỉ dựa vào nguồn lực tài chính của chính chủ sở hữu/các thành viên DN thì DNXH khó có thể triển khai được hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, với quy mô và tính chất mạo hiểm khi đầu tư nên hoạt động huy động vốn của các DNXH cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Ở nước ta hiện nay, hoạt động hỗ trợ tài chính của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân dành cho DNXH còn rất hạn chế. Việt Nam vẫn là một đất nước đang phát triển với nguồn lực công có hạn nên Nhà nước không thể có khả năng hỗ trợ trực tiếp về tài chính (vốn) cho DNXH. Đặc biệt, trong các năm từ 2020 - 2022, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên Nhà nước đã phải dành một nguồn lực tài chính rất lớn để ứng phó và hỗ trợ người dân trong đại dịch. Bên cạnh đó, các hoạt động đầu tư thuộc phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm của Nhà nước vẫn cần được tiến hành để đảm bảo phát triển ổn định kinh tế, xã hội, chú trọng đầu tư giáo dục, cơ sở hạ tầng, hệ thống y tế... cho toàn dân. Mặc dù không đủ khả năng để hỗ trợ trực tiếp

⁸⁵ Thông tin tài chính, *Phát triển doanh nghiệp xã hội vì sự phát triển bền vững*, Tạp chí nghiên cứu Khoa học kiểm toán (online), xem tại: <http://www.khoahockiemtoan.vn/741-1-ndt/phat-trien-doanh-nghiep-xa-hoi-vi-su-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-ben-vung.sav>, truy cập ngày 10/6/2022

vốn cho DNXH nhưng Nhà nước vẫn có thể nỗ lực hỗ trợ DNXH tiếp cận các nguồn vốn viện trợ, vốn vay để DNXH triển khai hoạt động một cách lâu dài, ổn định. Các hỗ trợ về vốn của Nhà nước tập trung vào việc xây dựng hành lang pháp lý để DNXH có thể được tiếp nhận các khoản viện trợ, tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ, các quỹ đầu tư nhằm khuyến khích việc tham gia đầu tư vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc góp vốn vào các quỹ đầu tư, rót vốn vào các DNXH. Ngoài ra, Nhà nước và các tổ chức tín dụng có thể hỗ trợ DNXH thông qua cơ chế hỗ trợ vay vốn tín dụng và hỗ trợ nhận viện trợ, tài trợ. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc tiếp cận các nguồn vốn kể trên dành cho DNXH là rất hạn chế, mỗi nguồn vốn có những hạn chế và khó khăn riêng trong việc huy động.

Thứ nhất, đối với quy định về nguồn vốn nhận viện trợ, tài trợ dành cho DNXH. Luật DN 2020 ghi nhận các DNXH có quyền được huy động và nhận tài trợ từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác của Việt Nam và nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý và hoạt động xã hội. Có thể nói, quy định về việc DN được “huy động, nhận tài trợ từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và tổ chức khác của Việt Nam, nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý, chi phí hoạt động của doanh nghiệp” là một trong số ít quy định hiếm hoi của pháp luật Việt Nam thể hiện rõ ràng quyền lợi của DNXH. Tuy nhiên, để được hưởng quyền lợi này, DNXH cũng phải đi kèm với khá nhiều trách nhiệm và sự kiểm soát chặt chẽ khác của Nhà nước, bao gồm: trách nhiệm duy trì mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng và sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký trong suốt quá trình hoạt động. Ngoài ra, DNXH còn không được sử dụng các khoản tài trợ huy động được cho mục đích khác ngoài bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã đăng ký; Trường hợp được nhận các ưu đãi, hỗ trợ, DNXH phải định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. DNXH phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi chấm dứt thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường hoặc không sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư theo quy định⁸⁶.

⁸⁶ Khoản 2, 3 Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020

Về quy trình nhận được các khoản viện trợ, tài trợ cũng được pháp luật quy định rất chặt chẽ, với nhiều quy trình khác nhau cho từng nguồn viện trợ, tài trợ.

* *Đối với nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài:* Việc tiếp nhận nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam. Theo đó, các cơ quan, tổ chức thành lập hợp pháp tại Việt Nam chỉ được tiếp nhận viện trợ khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phải định kỳ báo cáo Cơ quan chủ quản để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp khoản viện trợ vẫn chưa triển khai mà không có lý do chính đáng, cấp có thẩm quyền phê duyệt được thu hồi quyết định phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ đã ban hành. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về việc thu hồi quyết định phê duyệt khoản viện trợ. Đối với viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước, việc hạch toán, kế toán và quyết toán thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức và hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ. Chủ dự án lập báo cáo quyết toán khoản viện trợ hàng năm và khi kết thúc dự án trên cơ sở số liệu giải ngân hàng quý đã được đối chiếu với Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiếp nhận viện trợ và Bên cung cấp viện trợ để gửi cơ quan chủ quản phê duyệt quyết toán. Cơ quan chủ quản phê duyệt quyết toán, tổng hợp, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan.

Có thể thấy, để đảm bảo tính minh bạch của việc tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn viện trợ, đồng thời hạn chế trường hợp các tổ chức lợi dụng quyền tiếp nhận viện trợ để sử dụng vào các mục đích bất hợp pháp, Nhà nước đã quy định rất chặt chẽ về quy trình tiếp nhận và sử dụng nguồn vốn viện trợ. DNXH phải thực hiện thủ tục báo cáo, chịu sự kiểm tra từ phía các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Điều này trên thực tế gây cản trở tâm lý, nguyện vọng tiếp nhận viện trợ của DNXH. Để tránh các thủ tục này, một số DNXH chấp nhận xác lập các hợp đồng giả tạo với các tổ chức, cá nhân nước ngoài (chẳng hạn như hợp đồng tư vấn, hợp đồng dịch vụ giáo dục...). Trên cơ sở các giao dịch này, dòng tiền từ các tổ chức, cá

nhân nước ngoài “chảy” về tài khoản của DNXH với các thủ tục đơn giản hơn so với việc tiếp nhận viện trợ nước ngoài.

** Đối với nguồn tài trợ của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam:* Căn cứ theo Điều 4 Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định về việc tiếp nhận viện trợ, tài trợ của DNXH như sau: DNXH được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam. Doanh nghiệp lập Văn bản tiếp nhận tài trợ gồm các nội dung: Thông tin về cá nhân, tổ chức tài trợ, loại tài sản, giá trị tài sản hoặc tiền tài trợ, thời điểm thực hiện tài trợ; yêu cầu đối với doanh nghiệp tiếp nhận tài trợ và họ, tên và chữ ký của người đại diện của bên tài trợ (nếu có). Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tài trợ, doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính về việc tiếp nhận tài trợ; kèm theo thông báo phải có bản sao Văn bản tiếp nhận tài trợ.

Như vậy, căn cứ vào quy định trên, trường hợp DNXH tiếp nhận tài trợ từ một cá nhân để thực hiện mục tiêu xã hội và với giá trị khoản tài trợ bất kỳ thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tài trợ, DNXH cũng phải tiến hành thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi DN đặt trụ sở chính. Thực tế, rất nhiều các DNXH được các mạnh thường quân biết đến nhờ những giá trị về xã hội, môi trường mà DN đang theo đuổi, chính vì vậy, nhiều mạnh thường quân là cá nhân mong muốn được hỗ trợ và chia sẻ những khó khăn về tài chính đối với DNXH, tuy nhiên, giá trị tài trợ có thể không lớn. Chính vì vậy, việc pháp luật quy định DNXH nhận tài trợ phải ký kết văn bản và báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh trong mọi trường hợp là không hoàn toàn hợp lý. Trong nhiều trường hợp, thủ tục hành chính này có thể là một cản trở về mặt tâm lý của các nhà tài trợ và của chính DNXH trong việc trao và nhận tài trợ.

Thực tế, các tổ chức tài trợ, viện trợ đặc biệt là các quỹ đầu tư thường có những yêu cầu riêng, chặt chẽ đối với các tổ chức, các dự án nhận viện trợ, yêu cầu phải thực hiện nhiều thủ tục để đảm bảo việc thực hiện dự án khả thi mục tiêu xã

hội đạt hiệu quả. Chẳng hạn đối với Quỹ đầu tư Oxfarm thì một trong những điều kiện để quỹ này xem xét đầu tư vào một DNXH là yêu cầu doanh nghiệp phải có doanh thu hằng năm từ 6 tỷ đồng trở lên và tỷ suất sinh lợi ổn định hay Quỹ Lotus Impact thì lại xem xét những yếu tố cơ bản như lịch sử doanh nghiệp, năng lực doanh nghiệp và tính khả thi của mô hình kinh doanh trước khi quyết định đầu tư⁸⁷. Trong khi đó, các DNXH ở nước ta phần lớn có quy mô vừa và nhỏ, 70% doanh nghiệp có dưới 20 nhân viên, năng lực quản trị còn nhiều hạn chế nên khi làm hồ sơ đề nghị viện trợ, tài trợ thường không đáp ứng được các yêu cầu cao của các quỹ đầu tư.

Theo tác giả Nguyễn Thị Dung⁸⁸, pháp luật Việt Nam hiện nay không có quy định nào ngăn cản quyền nhận tài trợ của một doanh nghiệp thông thường, vấn đề quan trọng là ở khả năng thuyết phục nhà tài trợ của doanh nghiệp. Về lý thuyết, lợi ích chủ yếu có được từ việc đăng ký DNXH là việc công khai cam kết thực hiện mục tiêu xã hội sẽ giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, thực tế để tiếp cận được những nguồn vốn này, DNXH cũng phải đáp ứng rất nhiều các điều kiện khó khăn mà các tổ chức, nhà tài trợ đưa ra. Trong khi đó, nếu chỉ là một DN thông thường và thỏa mãn các tiêu chí, điều kiện thì vẫn có quyền và cơ hội tiếp cận các nguồn tài trợ mà không cần thực hiện nghĩa vụ thông báo và công khai cam kết thực hiện mục tiêu xã hội. Pháp luật hiện hành chỉ ràng buộc DNXH với nghĩa vụ thông báo công khai thực hiện mục tiêu xã hội và các quy định chặt chẽ khác về việc nhận và sử dụng nguồn vốn tài trợ, viện trợ, trong khi đó các DN thông thường khác không bị ràng buộc bởi những nghĩa vụ pháp lý này, điều đó dẫn đến khả năng các DNTM lợi dụng quyền tiếp cận các nguồn vốn viện trợ, tài trợ để trục lợi mà không sử dụng số vốn đó đúng mục đích như yêu cầu.

Trong những năm qua, mặc dù Nhà nước luôn đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhưng vẫn thiếu một cơ sở hạ tầng đồng bộ, chưa có cơ chế nào để cập

⁸⁷ Đức Tâm (2015), *Doanh nghiệp xã hội thêm điều kiện hoạt động*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn. Link: <http://www.thesaigontimes.vn/125011/Doanh-nghiep-xa-hoi-them-dieu-kien-hoat-dong.html>, ngày truy cập 25/4/2022

⁸⁸ Nguyễn Thị Dung, *Đánh giá khả năng thực thi pháp luật hiện hành về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 1.2017 (tr.12- tr.20)

nhật công khai các thông tin, yêu cầu của các tổ chức phi chính phủ hay các quỹ đầu tư một cách có hệ thống. Thay vào đó, các thông tin về các khoản tài trợ, viện trợ lại tồn tại một cách riêng lẻ vụn vặt. Do đó, các DNXH nhất là những doanh nghiệp còn non trẻ rơi vào thế bị động khi nắm bắt thông tin, xây dựng kế hoạch, thường phải tự mình “bơi” trong việc tìm kiếm thông tin, huy động viện trợ nhưng bị từ chối vì không đạt yêu cầu và phải bắt đầu lại. Điều này làm cho các DNXH rất tốn kém về mặt thời gian, nhân lực. Do đó, thực tế hiện nay nguồn vốn của các doanh nghiệp xã hội chủ yếu là vốn của chủ sở hữu và lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh; vốn từ tài trợ, viện trợ chỉ chiếm một phần nhỏ. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn từ năm 2015-2019, không có DNXH tại Việt Nam tiếp cận được các nguồn vốn viện trợ của nước ngoài hay viện trợ trong nước.

STT	Nguồn vốn	2015	2016	2017	2018	2019
1.	Nguồn vốn viện trợ nước ngoài	0	0	0	0	0
2.	Nguồn vốn viện trợ trong nước	0	0	0	0	0
3.	Trái phiếu Chính phủ	0	0	0	0	0
4.	Nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại	0	0	22	43	106
5.	Nguồn vốn vay của các tổ chức, cá nhân khác trong nước	0	1	12	24	82
6.	Nguồn khác	0	0	11	9	16

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 2.1. Cơ cấu nguồn vốn vay và tài trợ của các DNXH ở Việt Nam (2015-2019)

Như vậy có thể thấy, quyền nhận tài trợ, viện trợ là một số ít quyền lợi rõ ràng pháp luật ghi nhận cho DNXH, tuy nhiên, quy trình đảm bảo thực hiện quyền lợi này trong thực tế còn nhiều bất cập với việc hạn chế về kênh thông tin hỗ trợ DNXH và quy trình, thủ tục nhận viện trợ, tài trợ còn nhiều phức tạp, dẫn đến rất ít DNXH tiếp cận được các nguồn vốn viện trợ, tài trợ này. Mặt khác, nhiều khoản viện trợ, tài trợ đến từ các cá nhân (mang tính không thường xuyên và giá trị nhỏ) như một món quà ủng hộ mục tiêu xã hội của DN nhưng pháp luật cũng quy định cần phải ký kết văn bản và thông báo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi DNXH đặt trụ sở chính trong 5 ngày kể từ ngày nhận viện trợ, tài trợ thì thực sự là một rào cản pháp lý đối với DNXH khi tiếp nhận tài trợ. Mặt khác, như đã phân tích, thực tế mỗi tổ chức tài

trợ, viện trợ cũng có những quy định rất khắt khe đối với các dự án, đơn vị nhận tài trợ, viện trợ. Vì vậy, bản thân DNXH muốn nhận được khoản tài trợ cũng phải tự mình chứng minh được năng lực và mục tiêu xã hội mà mình theo đuổi, nên việc quy định quy trình khắt khe, phức tạp là một rào cản hành chính đối với các DNXH, khó đảm bảo quyền nhận viện trợ, tài trợ của DNXH. Theo kết quả khảo sát của tác giả luận án, 5/5 DNXH tham gia khảo sát đều cho rằng quy trình tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật hiện nay chưa tạo thuận lợi cho các DNXH (phụ lục 01).

Thứ hai, đối với nguồn vốn vay dành cho DNXH

Theo đánh giá của bà Phạm Kiều Oanh - Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng CSIP, DNXH rất khó huy động nguồn vốn vay ngân hàng vì phần lớn DNXH hoạt động ở quy mô nhỏ nên không có tài sản, nhà xưởng, thế chấp, hoặc nếu có vay được thì lãi suất vay của ngân hàng cao hơn nhiều so với khả năng sinh lợi của DNXH⁸⁹. Thêm nữa, do đặc thù về mục tiêu hoạt động nên thời gian hoàn vốn thường kéo dài hơn các dự án thông thường. Ở Việt Nam hiện nay, các tổ chức tín dụng phổ biến hoạt động theo hình thức ngân hàng thương mại, chỉ có một bộ phận nhỏ là những ngân hàng có mục đích hỗ trợ phát triển xã hội thuộc sở hữu Nhà nước như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank), Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (VBSP) nhưng vì DNXH được xác định tư cách pháp lý là một doanh nghiệp nên dù có thực hiện hoạt động xã hội khi thực hiện vay vốn ngân hàng, DNXH vẫn phải thực hiện theo cơ chế như một doanh nghiệp thông thường. Một số trường hợp có dự án hỗ trợ vay vốn ưu đãi, cấp vốn cho DNXH song điều kiện quá ngặt nghèo dẫn đến số lượng các dự án xã hội được duyệt cấp vốn là quá ít so với nhu cầu. Chẳng hạn hiện nay, Quỹ Hỗ trợ DNNVV - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang triển khai chương trình hỗ trợ đầu tư cơ bản cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhiều lĩnh vực. Để được xem xét vay vốn từ Quỹ, doanh nghiệp đều phải đáp ứng các yêu cầu bao gồm: (i) phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa, (ii) có thời gian hoạt động trên hai năm kể từ khi đăng ký doanh nghiệp, (iii) phải đáp ứng tiêu chí tại Điều 6 Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT, (iv) đồng thời

⁸⁹ Thu Trang, *Mở lối cho doanh nghiệp xã hội phát triển*, xem tại: <https://csip.vn/chi-tiet/mo-loi-cho-doanh-nghiep-xa-hoi-phat-trien-72.html>, truy cập ngày 10/7/2022

phải có phương án sản xuất, kinh doanh vay vốn, mục đích vay để đầu tư cơ bản phục vụ sản xuất⁹⁰. Mặc dù phương án vay vốn rất hấp dẫn nhưng với các DNXH non và trẻ thì sẽ khó đáp ứng.

Hoặc ngược lại, đối với một số Quỹ khác với những tiêu chuẩn, điều kiện vay vốn khác nhau thì các DNXH cũng khó có thể tiếp cận các nguồn quỹ này, ví dụ như Quỹ Quốc gia về việc làm. Theo Luật Việc làm năm 2013, đối tượng được vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm bao gồm: DN nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, người lao động. Trong đó, nếu các chủ thể kinh doanh này sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc người dân tộc thiểu số nhưng bị khuyết tật thì sẽ được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn. Như vậy, DNXH dù có sử dụng những đối tượng lao động yếu thế như trên thì cũng chỉ có thể tiếp cận được nguồn vốn vay này khi thỏa mãn tiêu chí quy mô là DN vừa và nhỏ. Theo quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/3/2018 hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiêu chí đánh giá DNNVV hiện nay dựa trên cơ sở tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu và số lao động sử dụng. Nếu DNXH sử dụng quá 300 người lao động hoặc quá 200 người tùy theo lĩnh vực hoạt động thì sẽ không nằm trong đối tượng có thể vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm. Đây thực sự là một bất cập bởi một trong những mục tiêu hoạt động của DNXH là xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho những đối tượng dễ bị tổn thương, yếu thế trong xã hội. Việc DN có thể thu hút càng nhiều lao động tham gia, mở rộng quy mô hoạt động càng góp phần hỗ trợ Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội, giảm bớt gánh nặng cho Nhà nước. Tuy vậy, quy định về đối tượng được tiếp cận vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm như trên thực sự là một bất cập mà có thể một số DNXH do không phù hợp tiêu chí quy mô lao động của DN nhỏ và vừa sẽ không thể tiếp cận, đồng nghĩa với việc không khuyến khích được mô hình DNXH phát triển và giải quyết được nhiều mục tiêu xã hội hơn nữa.

Trong Hội thảo “Doanh nghiệp xã hội cộng đồng: Thực trạng và giải pháp”, do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) tổ chức năm 2019, chi

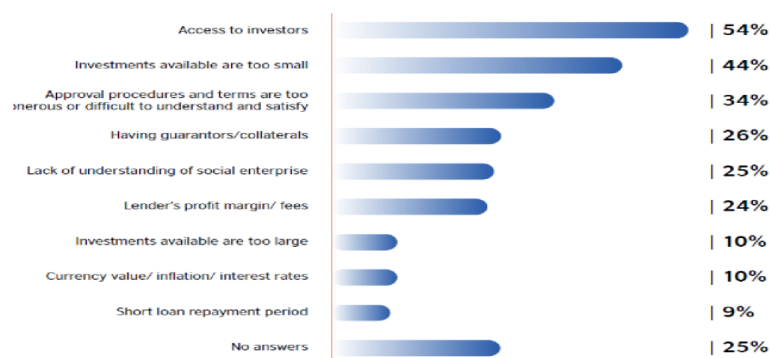
⁹⁰ Thúy Hiền (2017), *Tiếp tục hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa*, xem tại: <http://www.baomoi.com/tiep-tuc-ho-tro-tai-chinh-doi-voi-doanh-nghiep-nho-va-vua/c/21760272/epi>, ngày truy cập 25/4/2022

Tần Thị Su - Giám đốc DNXH du lịch Sapa O'Chau (Lào Cai) đã chia sẻ những khó khăn khi tìm cách tiếp cận các nguồn vốn vay trong quá trình xây dựng và điều hành DNXH của mình. Chị Tần Thị Su là người dân tộc H'Mông và từng lọt vào danh sách tôn vinh 30 gương mặt trẻ Việt Nam dưới 30 tuổi năm 2016 do Forbes Việt Nam bình chọn. Với cương vị là Giám đốc DNXH Du lịch Sapa O'Chau, chị Tần Thị Su mong muốn có thêm vốn để đầu tư vào các homestay ở trong bản, mở rộng mạng lưới kinh doanh homestay nhằm đem lại thu nhập cho bà con, từ đó mới có thể giúp đỡ nhiều trẻ em trong bản được đến trường. Tuy nhiên, nguồn vốn vay chị có thể tiếp cận là từ các ngân hàng chính sách với số vốn vay ít ỏi là 50 triệu đồng. Theo chị Su, việc vay vốn cũng là gánh nặng nên DN của chị phải làm thật tốt để trả, tuy nhiên, nếu được vay 100 - 200 triệu đồng để đầu tư thì mới hiệu quả và cũng không làm lãng phí vốn của Nhà nước. Mặc dù số vốn vay được từ Ngân hàng Chính sách không nhiều nhưng đây là khoản vay không cần thế chấp mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa như Sapa O'Chau được hưởng. Chị Su khẳng định: “danh xưng “doanh nghiệp xã hội” mà Sapa O'chau đăng ký theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 không giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn về nguồn vốn vay”⁹¹. Rõ ràng, những khó khăn về vốn và nhiều yếu tố khác trong giai đoạn khởi nghiệp đã làm cho DNXH của chị Su phần nào giảm bớt tính hiệu quả trong tổ chức và hoạt động kinh doanh cũng như theo đuổi mục tiêu xã hội của DN.

Bên cạnh việc tiếp cận nguồn vốn vay của các Ngân hàng và các quỹ hỗ trợ vốn của Nhà nước, vay vốn từ các Quỹ đầu tư tạo tác động cũng là mục tiêu của DNXH. Theo Global Impact Investing Network (GIIN) (2012), “Đầu tư tác động là việc đầu tư của các công ty, tổ chức, quỹ với kỳ vọng tạo ra những tác động về xã hội và môi trường song song với thu nhập tài chính”. Như vậy, mục tiêu đầu tư của các quỹ đầu tư tạo tác động rất phù hợp với mục tiêu hoạt động của DNXH, hay nói cách khác, về lý thuyết, các DN nói chung nếu hoạt động tạo được tác động xã hội sẽ là đối tượng vay vốn mà các quỹ đầu tư tạo tác động hướng tới. Tuy vậy, thực tế hiện nay, hoạt động đầu tư tạo tác động vẫn chưa thực sự sôi động tại Việt Nam, điều đó đồng nghĩa với việc không có nhiều DNXH tiếp cận được nguồn vốn của

⁹¹ Khánh An, *Doanh nghiệp xã hội vẫn “vô hình”*, xem tại: <https://baodautu.vn/doanh-nghiep-xa-hoi-van-vo-hinh-d96628.html>, đăng ngày 11/3/2019, truy cập ngày 10/7/2022

các quỹ đầu tư tạo tác động. Các quỹ đầu tư mong muốn tiền vốn bỏ ra phải sinh lời, thậm chí sinh lời nhiều, kể cả những quỹ đầu tư tác động, bởi họ xuất phát điểm vẫn là những nhà đầu tư thuần túy. Tuy nhiên, các DNXH hiện nay ở Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, trong đó, nhiều DN hoạt động với mô hình riêng lẻ và sản phẩm kinh doanh truyền thống, thiếu sự kết nối với nhau nên khả năng thu hồi vốn đầu tư là rất khó khăn⁹². Chính vì vậy, các quỹ đầu tư tạo tác động rất ít bị thuyết phục đầu tư vào các DN này, mặc dù các DN đó chứng minh được mục tiêu tạo tác động xã hội (sức khỏe, giáo dục, người khuyết tật, phụ nữ) của mình. Theo kết quả khảo sát điều tra trong Báo cáo nghiên cứu “Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam” (2018), tính đến tháng 5/2018, tại thị trường Việt Nam chỉ có duy nhất 1 Quỹ đầu tư tác động là Lotus Impact, thuộc Vina Capital là quỹ dành riêng cho thị trường Việt Nam. Hiện tại quỹ này cũng mới chỉ đầu tư duy nhất vào DN KoTo. Bên cạnh đó có Patamar là quỹ đầu tư mạo hiểm tập trung vào các DN tạo tác động ở khu vực Đông Nam Á, quỹ này đã đầu tư vào các DN như Topica, iCare Benefits (Mobivi), Jupviec.vn...



Hình 2.2. Các khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay của DNXH tại Việt Nam

Nguồn: British Council, *Social Enterprise in Vietnam*, 2019, tr.45

Có thể thấy, theo số liệu khảo sát của British Council năm 2019 về DNXH, các khó khăn chính mà DNXH tại Việt Nam gặp phải khi tiếp cận các nguồn vốn vay là: i) tiếp cận tới các nhà đầu tư vốn (54%); ii) khoản vốn vay quá nhỏ (44%); iii) thủ tục cho vay khó đáp ứng hoặc khó hiểu (34%); iv) yêu cầu về tài sản bảo đảm (26%); v) thiếu sự hiểu biết đối với hoạt động của DNXH (25%)... Điều này

⁹² Huyền Trang, *Doanh nghiệp của người khuyết tật: vật lộn để sống giữa “đại dương đỏ”*, xem tại: <https://doanhnhantvietnam.vn/doanh-nghiep-cua-nguoi-khuyet-tat-va-ton-de-song-giua-dai-duong-do-d9275.html>, đăng ngày 05/8/2021, truy cập ngày 10/7/2022

cho thấy các yếu tố và quy định pháp luật về tạo điều kiện hỗ trợ về vốn đối với các DNXH chưa thực sự được thực hiện tốt. Vấn đề này cần các cơ quan và tổ chức có liên quan quan tâm để tháo gỡ, giúp DNXH tiếp cận nguồn vốn dễ dàng hơn. Qua khảo sát của đề tài, 05/05 DNXH đều không thể kể tên bất kỳ một quỹ nào về hỗ trợ DNXH, đồng thời, các DNXH cũng cho biết chưa từng được nhận bất kỳ khoản viện trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (trừ một vài DN đã từng nhận được khoản hỗ trợ theo chương trình riêng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Giai đoạn 2020 - 2022, do ảnh hưởng của đại dịch Covid nên nhiều DN gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Để hỗ trợ các DN khắc phục phần nào khó khăn này, ngày 28/4/2022, Bộ Các vấn đề toàn cầu Canada, Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đã chính thức ra mắt gói hỗ trợ doanh nghiệp tạo tác động xã hội ứng phó với COVID-19. Trong khuôn khổ dự án hỗ trợ doanh nghiệp tạo tác động xã hội ứng phó với COVID-19 (ISEE-COVID), doanh nghiệp được nhận hỗ trợ tài chính; mở rộng thị trường; kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ, nhà đầu tư... Đặc biệt, dự án ưu tiên đơn vị do phụ nữ và các nhóm yếu thế làm chủ. Dự kiến, trong giai đoạn 2022 - 2024, 300 DN tạo tác động xã hội thuộc nhóm ngành giáo dục, y tế, du lịch, nông nghiệp sẽ hưởng lợi từ dự án. Ngay trong năm 2022, chương trình sẽ hỗ trợ 30 doanh nghiệp tạo tác động xã hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp và du lịch. Điều kiện để tham gia gói hỗ trợ là DNXH, các công ty khởi nghiệp tạo ra tác động xã hội hoặc các doanh nghiệp vừa và nhỏ⁹³. Có thể thấy, gói hỗ trợ doanh nghiệp tạo tác động xã hội ứng phó với COVID-19 là một trong những gói hỗ trợ hiếm hoi có đối tượng thụ hưởng trực tiếp là DNXH (bên cạnh các chủ thể thụ hưởng khác cũng tạo ra tác động xã hội). Đây được coi là một tín hiệu đáng mừng cho khu vực DNXH khi đã bắt đầu được Chính phủ quan tâm hơn về vị trí, vai trò trong nền kinh tế, xã hội quốc gia.

Ngoài việc hỗ trợ DNXH tiếp cận nguồn vốn vay, Chính phủ cũng hoàn toàn có thể hỗ trợ DN tăng thêm doanh thu và tự cải thiện nguồn vốn đầu tư từ chính DN bằng cách tạo điều kiện để DNXH được tiếp cận các dịch vụ công. Tuy nhiên, theo

⁹³ Hà Quân, *Doanh nghiệp vì xã hội có cơ hội nhận hỗ trợ hạt giống 100 triệu*, xem tại: <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-vi-xa-hoi-co-co-hoi-nhan-ho-tro-hat-giong-100-trieu-dong-20220428141058564.htm>, truy cập ngày 28/6/2022

Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, thì khi DNXH có nhu cầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải thông qua một trong các phương thức như đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch⁹⁴. Quy định này có ưu điểm là lựa chọn được những cá nhân, tổ chức có năng lực để cung ứng dịch vụ công ích cho xã hội. Tuy nhiên, DNXH với sứ mệnh luôn đặt trách nhiệm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường lên hàng đầu thì việc được tham gia cung ứng một số dịch vụ như: quản lý công viên, trồng và chăm sóc, quản lý cây xanh, thu gom và phân loại chất thải rắn, vệ sinh công cộng, dịch vụ vận tải công cộng là hoàn toàn phù hợp. Vì vậy, Nhà nước ưu tiên để DNXH được tham gia cung ứng dịch vụ công cũng là một phương án hỗ trợ về tài chính để DNXH duy trì hoạt động.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, các quốc gia muốn phát triển DNXH thì Nhà nước đều cần lập ra các Quỹ hỗ trợ phát triển DNXH, ví dụ như EU thành lập các Quỹ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, trong đó DNXH được nhận các khoản thanh toán/tài trợ từ Quỹ khi tham gia vào hoạt động hỗ trợ cung cấp các dịch vụ xã hội. Chính phủ Singapore xây dựng Quỹ doanh nghiệp ComCare (ComCare Enterprise Fund -CEF): hỗ trợ các DNXH mới thành lập thông qua việc cung cấp việc làm, cơ hội đào tạo cho cư dân khuyết tật người Singapore; DNXH mới thành lập thỏa mãn điều kiện của Quỹ CEF sẽ được hỗ trợ tới 80% tổng chi phí dự án (mua sắm trang thiết bị và chi phí hoạt động trong 2 năm đầu), ước khoảng 300.000 đôla Singapore.⁹⁵ Để hỗ trợ tài chính cho DNXH, Bộ Phát triển xã hội và gia đình của Singapore (MSFD) đã quyết định cung cấp gói hỗ trợ 22,2 triệu USD trong 5 năm. Hỗ trợ tài chính này được cung cấp dưới dạng các khoản tài trợ và đầu tư để hướng tới các giai đoạn phát triển kinh doanh khác nhau. Tại Singapore, nguồn doanh thu của DNXH đến từ cộng đồng chiếm 43%, 27% doanh thu đến từ các doanh nghiệp khác và 14% đến từ khu vực công⁹⁶. Kết quả này cho thấy, Chính phủ, người dân và các tổ chức hỗ trợ đã rất quan tâm tạo điều kiện để DNXH phát

⁹⁴ Xem khoản 1, Điều 5 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

⁹⁵ Lê Thanh Tú, Cục quản lý đăng ký kinh doanh, *Kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào Việt Nam trong thành lập, hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội*. 2015

⁹⁶ Trương Thị Nam Thắng, Đoàn Thanh Nga, *Phát triển DNXH tại Singapore và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, tháng 2/2021

triển, không chỉ hỗ trợ về vốn, khu vực công cũng rất ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của DNXH.

Tại Hàn Quốc, Chính phủ đã giao toàn bộ quyền quản lý và hỗ trợ DNXH cho Bộ Lao động và Việc làm Hàn Quốc, chính vì vậy, Điều 14 Luật Xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2007 quy định: (1) Bộ trưởng Bộ Lao động và Việc làm có thể cung cấp hỗ trợ tài chính cho DNXH cung cấp dịch vụ xã hội trong giới hạn ngân sách, đối với chi phí nhân sự, chi phí hoạt động, phí tư vấn và các chi phí khác phát sinh trong quá trình vận hành DNXH đó thông qua thư mời mở và sàng lọc. (2) Khi Bộ trưởng Bộ Lao động và Việc làm cung cấp hỗ trợ theo khoản (1) cho một DNXH được hỗ trợ bởi một doanh nghiệp liên kết hoặc chính quyền địa phương liên quan, ông/bà ấy có thể cung cấp hỗ trợ bổ sung về chi phí làm việc, xem xét tình trạng hỗ trợ tài chính được cung cấp bởi doanh nghiệp liên kết hoặc chính quyền địa phương liên kết. (3) Các vấn đề cần thiết về yêu cầu lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện nhận hỗ trợ tài chính, thủ tục sàng lọc và các vấn đề liên quan khác sẽ do Pháp lệnh của Bộ Lao động và Việc làm quy định. Bên cạnh đó, để đẩy mạnh tính bền vững và liên kết các nguồn lực khác, Chính phủ Hàn Quốc còn thiết kế rất nhiều các gói vay và thành lập rất nhiều các quỹ hỗ trợ DNXH (bao gồm cả nguồn vốn từ khu vực công và khu vực tư). Ví dụ như Quỹ đầu tư xã hội Seoul do chính quyền thủ đô Seoul thành lập năm 2012 với số vốn ban đầu bao gồm 500 triệu USD của thành phố Seoul cộng thêm 30 triệu USD do khu vực tư nhân đóng góp. Chính quyền cũng hỗ trợ các DNXH về chi phí phát triển kinh doanh như nghiên cứu thị trường, quảng cáo và tiếp thị. Quỹ tín dụng vi mô Nụ cười và tập đoàn doanh nghiệp nhỏ cung cấp các khoản vay cho các DNXH được chứng nhận. Giới hạn cho vay là 4,5 triệu Won, lãi suất hàng năm giao động từ 3% đến 4,5% thời gian hoàn trả từ 5 đến 8 năm. Ngoài ra, Quỹ Bảo lãnh tín dụng Khu vực và Quỹ bảo lãnh tín dụng KODIT cũng mở rộng bảo lãnh tín dụng cho các khoản nợ của các DNXH có triển vọng nhưng thiếu tài sản thế chấp hữu hình.⁹⁷

Không chỉ trực tiếp hỗ trợ về tài chính cho DNXH, để DNXH tự có được nguồn tài chính ổn định và vững mạnh từ chính hoạt động kinh doanh của mình, Luật Xúc tiến DNXH của Hàn Quốc cũng quy định việc người đứng đầu của mỗi tổ

⁹⁷ Bùi Đức Thọ, Trương Thị Nam Thắng, *DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam*, tr.62

chức công được khuyến khích ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ do DNXH sản xuất hoặc cung ứng. Người đứng đầu mỗi tổ chức công phải thông báo cho Bộ trưởng Bộ Lao động và Việc làm về kế hoạch mua hàng để tăng lượng mua các sản phẩm do DNXH sản xuất và hồ sơ mua hàng trong năm trước đó.⁹⁸

Tại Vương quốc Anh, hầu hết các chương trình hỗ trợ DNXH đều thu hút nguồn lực cộng đồng thông qua mô hình đầu tư tạo tác động (impact investment) và hỗ trợ cho DNXH dưới dạng nguồn lực tài chính. Đầu tư tạo tác động là việc đầu tư vào các công ty, tổ chức và quỹ nhằm mục đích tạo ra các tác động xã hội và môi trường bên cạnh việc thu về lợi ích tài chính. Một số quỹ đầu tư tạo tác động nổi bật tại Anh như Quỹ ươm tạo xã hội, Quỹ sẵn sàng hợp đồng và đầu tư (ICRF - Investment and contract readiness fund), Quỹ tác động xã hội... Các quỹ này sẽ hỗ trợ đầu tư không chỉ về mặt tài chính mà còn đầu tư vào các DNXH dưới dạng chương trình riêng biệt, như đào tạo, cố vấn, ươm tạo... Để khuyến khích hoạt động đầu tư tạo tác động, Chính phủ Anh còn ban hành quy định về việc giảm thuế đầu tư xã hội. Điều khoản giảm thuế đầu tư xã hội giúp các cá nhân và tổ chức khi đầu tư vào các DNXH đủ điều kiện sẽ được giảm 30% thuế thu nhập trong năm từ khoản đầu tư đó. Ngoài việc thành lập các Tổ chức trung gian, các quỹ hỗ trợ tài chính, các biện pháp chính sách khác cũng được Vương quốc Anh áp dụng, bao gồm việc phát triển trái phiếu tác động xã hội và việc ban hành Đạo luật Dịch vụ công cộng (Luật giá trị xã hội) năm 2012 nhằm tăng cường cơ hội cung cấp sản phẩm, dịch vụ của DNXH cho khu vực công. Đạo luật này yêu cầu tất cả các đơn vị công ở Anh phải xem xét tác động của các dịch vụ mà họ sử dụng lên tình trạng kinh tế, xã hội và môi trường. Mục đích là để bảo đảm rằng sức mua của khu vực công không chỉ hướng tới hiệu quả tài chính mà còn hướng tới việc đạt được các lợi ích xã hội và môi trường. Qua khảo sát điều tra của Liên minh DNXH Vương quốc Anh (SEUK) năm 2017 cho thấy, nhờ Đạo luật Dịch vụ công cộng mà có đến 20% DNXH tại vương quốc Anh có nguồn thu nhập chủ yếu từ khu vực công và 54% DNXH có hoạt động kinh doanh với Chính phủ⁹⁹.

Hỗ trợ về vốn (tài chính) cho DNXH là hình thức hỗ trợ quan trọng và thiết

⁹⁸ Điều 12 Luật xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2007

⁹⁹ Liên minh DNXH Vương quốc Anh (SEUK), *Báo cáo tác động DNXH* năm 2017

thực, tác động trực tiếp đến khả năng tồn tại và phát triển của DNXH. Chính vì vậy, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, Nhà nước ta cần sớm có những quan tâm đặc biệt đến hình thức hỗ trợ vốn (tài chính) cho DNXH, tạo điều kiện để khuyến khích, phát triển các Quỹ hỗ trợ trong và ngoài nước, huy động và thu hút mạnh mẽ nguồn vốn hỗ trợ từ cộng đồng, xã hội quan tâm đến mô hình DNXH. Tuy vậy, để hạn chế việc nhà đầu tư lợi dụng tư cách DNXH để kêu gọi và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ một cách bất hợp pháp, Nhà nước cũng cần có cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc kêu gọi và sử dụng các khoản tài trợ, hỗ trợ này.

2.2.2. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

DNXH có những đóng góp cho xã hội ở nhiều phương diện và dưới nhiều hình thức khác nhau. Một trong những đóng góp tích cực, nổi bật không thể phủ nhận của DNXH là đã tạo công ăn, việc làm cho rất nhiều lao động là nhóm người yếu thế, người thuộc “nhóm lề” trong xã hội như người nhiễm HIV, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và các cộng đồng xã hội đặc biệt khác.

Việc sử dụng lao động là nhóm người yếu thế sẽ hạn chế rất nhiều hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thậm chí đến chất lượng sản phẩm của DN. Mặc dù vậy, nhiều DNXH đã lựa chọn nhóm lao động này vì mục tiêu của DNXH là mong muốn đóng góp cho cộng đồng và tạo việc làm cho lao động yếu thế. Chính vì lý do đó, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực là một trong những cách thức để Nhà nước tạo điều kiện, khuyến khích các DN (trong đó có DNXH) sử dụng lao động là người yếu thế.

Thực tế hiện nay, pháp luật nước ta chưa có ưu đãi dành riêng cho DNXH khi sử dụng lao động là nhóm người yếu thế. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với DN sử dụng lao động là nhóm người yếu thế được áp dụng chung cho tất cả mọi hình thức DN thỏa mãn các điều kiện pháp luật quy định. Những ưu đãi, hỗ trợ này có thể bằng nhiều hình thức như: ưu đãi về thuế, ưu đãi về đất đai, hỗ trợ về nguồn vốn hoặc hỗ trợ đào tạo và các chế độ bảo hiểm. Đối với các hình thức ưu đãi thuế, đất đai hay nguồn vốn dành cho các DN sử dụng lao động yếu thế, tác giả đã trình bày ở các mục riêng. Do đó, trong nội dung này, tác giả chỉ tập trung nêu và phân tích các quy định về hỗ trợ chế độ đào tạo, bảo hiểm, tiền lương để phát triển nguồn

nhân lực đối với các DN nói chung và DNXH nói riêng khi sử dụng lao động là nhóm người yếu thế.

(i) Đối với đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc miền núi:

Theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 3 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học thực tế), cho việc đào tạo nghề đối với lao động phổ thông là người dân tộc thiểu số, đủ điều kiện tuyển dụng vào làm việc theo yêu cầu phải đào tạo trong kế hoạch tuyển dụng, đào tạo của đơn vị sử dụng lao động. Về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và 20% định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số.

Để cụ thể hóa Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg, ngày 13/6/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 58/2017/TT-BTC hướng dẫn một số chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Một trong các nội dung nổi bật của Thông tư 58/2017/TT-BTC là việc hỗ trợ đơn vị sử dụng lao động đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động là người dân tộc thiểu số. Theo đó, lao động là người dân tộc thiểu số thuộc diện phải đào tạo theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo của đơn vị sử dụng lao động được hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng) mỗi người một lần. Kinh phí hỗ trợ đào tạo được cấp trực tiếp cho đơn vị sử dụng lao động theo kế hoạch đào tạo đã được cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt. Việc đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động được thực hiện tại các cơ sở đào tạo đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. Đối tượng hỗ trợ và mức hỗ trợ cụ thể như sau: Hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học, đối với người dân tộc thiểu số tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học; Hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người học

là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã, thôn, bản thuộc địa bàn kinh tế, xã hội khó khăn hoặc địa bàn kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Trường hợp đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì chỉ được hưởng chính sách cao nhất.

(ii) Đối với đơn vị sử dụng lao động là người khuyết tật:

Nhà nước đã ban hành nhiều quy định về đào tạo nghề cho người khuyết tật để họ có thể chủ động tạo việc làm hoặc gia nhập vào thị trường lao động, giúp người khuyết tật có được một kỹ năng nghề nghiệp nhất định, đáp ứng yêu cầu công việc, nhưng những quy định này vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng đã quy định cụ thể về điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo. Theo đó, Điều luật này đưa ra điều kiện về người học nghề phải trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi), có trình độ học vấn, phải có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi và nhiều điều kiện khác. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, những tiêu chí này chưa thực sự phù hợp với thực tiễn hiện nay, chưa tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia các chương trình đào tạo nghề.

Về yêu cầu thứ nhất, người học phải trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi). Hiện nay, Bộ luật lao động năm 2019 đã chính thức có hiệu lực, theo đó, độ tuổi lao động của nữ là từ đủ 15-60 tuổi vào năm 2035; nam từ đủ 15-62 tuổi vào năm 2028. Do đó, quy định về độ tuổi để hưởng hỗ trợ đào tạo giới hạn đến 55 tuổi đối với lao động nữ và 60 tuổi đối với lao động nam là không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Về yêu cầu thứ hai, người học được hỗ trợ đào tạo cần phải đáp ứng yêu cầu về trình độ học vấn. Tuy nhiên, văn bản này cũng không quy định cụ thể “trình độ học vấn” tối thiểu người học cần đáp ứng là gì? Mặt khác, đối với những cá nhân bình thường, việc yêu cầu về trình độ học vấn có thể là điều kiện cần nhưng đối với người khuyết tật, việc đặt ra yêu cầu trình độ học vấn sẽ giới hạn cơ hội được đào tạo nghề của đối tượng này. Bởi sự hạn chế, khiếm khuyết cơ thể dẫn đến các rào cản về giao tiếp và tham gia các hoạt động xã hội nên rất ít người khuyết tật đạt được một trình độ giáo dục nhất định.

Yêu cầu thứ ba, người học cần có phương án tự tạo việc làm sau học nghề và phải đảm bảo tính khả thi. Quy định này chưa phù hợp đối với người khuyết tật, bởi lẽ, vì những “khiếm khuyết” trên cơ thể nên rất hiếm người khuyết tật có thể có “phương án tự tạo việc làm” cho bản thân mình, thậm chí, tìm kiếm một cơ hội việc làm đối với họ còn là khó khăn. Chính vì vậy, quy định yêu cầu người khuyết tật phải có phương án tự tạo việc làm sau khi được hỗ trợ học nghề chính là một rào cản ngăn người khuyết tật đến với cơ hội được đào tạo nghề. Hơn nữa, quy định phương án tự tạo việc làm sau học nghề phải “đảm bảo tính khả thi” thực sự rất khó định lượng và đảm bảo thực hiện.

Bên cạnh đó, về kinh phí hỗ trợ đào tạo, theo Quyết định 46/2015/QĐ-TTg quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, thì mức hỗ trợ tiền đi lại cho người khuyết tật là: 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên¹⁰⁰. Mức hỗ trợ này chưa phù hợp với đối tượng hỗ trợ là người khuyết tật và với thực tế tốc độ lạm phát, sự biến động về giá xăng dầu, dịch vụ vận chuyển như hiện nay. Người khuyết tật thường gặp khó khăn lớn về di chuyển (đặc biệt với những người khuyết tật chân), do đó, chi phí này không thể đủ để chi trả cho việc đi lại trong suốt khóa học và có thể là một nguyên nhân cản trở người khuyết tật tham gia các khóa học.

(i) Đối với nhân lực quản lý trong DNXH

Qua những chính sách trên có thể thấy, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc đảm bảo quyền lợi, hỗ trợ dành cho lao động là nhóm người yếu thế. Tuy nhiên, ngoài nhóm lao động là người yếu thế thì DNXH còn gặp những khó khăn khác về công tác nhân sự như hạn chế về kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành của nhóm lao động quản lý trong DNXH; khó khăn về tài chính để chiêu mộ nhân tài và với một số DNXH đặc thù do bà con dân tộc thiểu số sáng lập thì còn là khó khăn về việc tìm kiếm nhân sự vừa có trình độ, vừa am hiểu văn hóa địa phương.

Nguyên nhân của việc hạn chế về năng lực quản lý trong bộ máy lãnh đạo DNXH có lẽ một phần xuất phát từ lý do khái niệm DNXH được tuyên truyền và ghi nhận khá muộn ở nước ta. DNXH được một số tổ chức như Hội đồng Anh,

¹⁰⁰ Điểm b, khoản 2, điều 5 Quyết định 46/2015/QĐ-TTg quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng

Trung tâm CSIP giới thiệu và tuyên truyền rộng rãi ở Việt Nam từ năm 2010, tuy nhiên, phải đến năm 2014, thuật ngữ DNXH mới chính thức được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp với một điều luật duy nhất (Điều 10). Chính việc xuất hiện và được pháp luật công nhận khá muộn ở Việt Nam nên phần lớn các DNXH ở Việt Nam hiện nay đều là các DN còn non trẻ. Mặt khác, ý tưởng thành lập doanh nghiệp chủ yếu xuất phát từ các doanh nhân xã hội - những người hướng tới mục tiêu xã hội trên cơ sở kinh doanh nhưng trong số đó, nhiều người còn thiếu kỹ năng quản trị, điều hành, kỹ năng kinh doanh và gọi vốn hay kiến thức pháp lý. Chính việc thiếu hụt các kiến thức và kỹ năng này cũng là một nguyên nhân khiến cho DNXH khó tiếp cận với các nguồn lực ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

Mặt khác, với những khó khăn tài chính đặc thù nên nhiều DNXH cũng khó tìm kiếm được lao động sẵn sàng hi sinh lợi ích cá nhân và chung tay cùng khát vọng phát triển doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu xã hội bên cạnh mục tiêu lợi nhuận. Theo ông Lê Việt Cường, người đồng sáng lập 2 doanh nghiệp dành cho người khuyết tật là KymViet và Vụn Art (cung cấp các sản phẩm tái chế từ vụn) cho biết, khó khăn của các DNXH là không có đủ tài chính để chiêu mộ các nhân sự tốt, ở những vị trí quan trọng như quản trị, tài chính, phát triển sản phẩm... chính vì vậy, hoạt động kinh doanh không thể bứt phá¹⁰¹. Đây cũng là khó khăn chung của nhiều DNXH, trong đó có DNXH KOTO - một trong những DNXH ra đời đầu tiên tại Việt Nam và sau nhiều năm ra đời vẫn đang phát triển tốt. Trong một bài chia sẻ, ông Jimmy Phạm - nhà sáng lập, Chủ tịch điều hành KOTO - đã cho biết: dù là DNXH thì KOTO cũng phải cạnh tranh với bên ngoài về lương. Ví dụ, một em dù rất yêu KOTO nhưng chưa chắc đã chấp nhận lương 3-4 triệu/tháng, trong khi bên ngoài trả cao hơn¹⁰². Mức lương hạn chế cũng cản trở việc DN tuyển dụng nguồn nhân lực có kỹ năng cao, đặc biệt đối với vị trí quản lý.

Cũng liên quan đến khó khăn về công tác nhân sự nhưng nhiều DNXH khác lại gặp vướng mắc trong việc tuyển dụng, đào tạo nhân sự có trình độ cao do những

¹⁰¹ Huyền Trang, *Doanh nghiệp của người khuyết tật: vật lộn để sống giữa “đại dương đỏ”*, xem tại: <https://doanhnhantrevietnam.vn/doanh-nghiep-cua-nguoi-khuyet-tat-va-ton-de-song-giua-dai-duong-do-d9275.html>, đăng ngày 05/8/2021, truy cập ngày 10/7/2022

¹⁰² CSIP (2017), *Thành công theo cách khác - 27 câu chuyện khởi nghiệp vì cộng đồng từ Việt Nam và thế giới*, NXB. Phụ nữ, tr.127

khác biệt về trình độ, văn hóa. Công ty cổ phần kinh doanh cây thuốc bản địa Sapa (tên tiếng Anh là Sapanapro) do anh Lý Láo Lở (người dân tộc Dao) là người sáng lập. Công ty Sapanapro là công ty đầu tiên của người dân bản địa tại Sapa, kinh doanh các sản phẩm bản địa và dịch vụ tắm lá thuốc của người Dao ngay tại địa phương. Thành lập từ năm 2007, đến nay, vượt qua giai đoạn khó khăn của những ngày đầu hoạt động, Sapanapro đã dần đi vào hoạt động ổn định và có lãi, thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước quan tâm trải nghiệm dịch vụ khi đến du lịch Sapa. Tuy vậy, theo chia sẻ của anh Lở, khi công việc phát triển cũng có nghĩa là công ty đòi hỏi nhân sự nhiều hơn, nhân sự có trình độ cao hơn. Có giai đoạn, công ty cần tìm một vị trí “phó giám đốc” và một nhân viên “phát triển thị trường” mà 02 năm không tìm được. Lý do là vì tuyển người Kinh làm quản lý thì khó vì khác biệt văn hóa vùng miền, còn tuyển người đồng bào thì khó đáp ứng yêu cầu về trình độ vì trong bản, người học cao nhất chỉ đến được lớp 9.¹⁰³

Có thể thấy, về lực lượng lao động, các DNXH hiện nay gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo khả năng tài chính để chi trả lương (mức lương phù hợp với thị trường lao động chung), bảo hiểm cho người lao động. Ngoài ra, nhu cầu đào tạo lao động, nâng cao trình độ tay nghề cũng như các kiến thức và kỹ năng quản trị DN cũng là vấn đề nhiều DNXH quan tâm.

Tại Hàn Quốc, công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho lực lượng lao động nhằm phục vụ quá trình thành lập và hoạt động của DNXH được chính phủ Hàn Quốc rất chú trọng. Luật xúc tiến DNXH của Hàn Quốc quy định: Bộ trưởng Bộ Việc làm và Lao động có thể cung cấp giáo dục và đào tạo để nuôi dưỡng nhân viên chuyên môn cần thiết để thành lập và vận hành DNXH và nâng cao khả năng của nhân viên DNXH¹⁰⁴. Để hỗ trợ DNXH trong vấn đề chi trả lương, bảo hiểm xã hội cho người lao động, Nhà nước cung cấp các gói hỗ trợ bảo hiểm xã hội, tiền lương cho người lao động giúp họ giảm gánh nặng về chi phí nhân sự¹⁰⁵. DNXH được hỗ trợ chi phí nhân sự khi tạo việc làm cho người có thu nhập thấp và người nhập cư tại địa phương. Cụ thể, để giải quyết vấn đề việc làm thông qua các DNXH, chính

¹⁰³ CSIP (2017), Thành công theo cách khác - 27 câu chuyện khởi nghiệp vì cộng đồng từ Việt Nam và thế giới, NXB. Phụ nữ, tr.110

¹⁰⁴ Điều 10_2 Luật xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2017

¹⁰⁵ Điều 11 Luật xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2007

quyền Seoul đã tăng cường hỗ trợ tiền lương từ khoảng 7,1 triệu USD năm 2003 lên 1,2 tỷ USD năm 2010¹⁰⁶. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng hỗ trợ một phần phí bảo hiểm việc làm, phí bảo hiểm bồi thường tai nạn lao động theo Đạo luật y tế quốc gia và các khoản đóng góp lương hưu theo Đạo luật hưu trí quốc gia¹⁰⁷. Để nâng cao năng lực của các DNXH, Học viện DNXH là một trong nhiều chương trình phát triển năng lực và nguồn nhân lực do KoSEA cung cấp nhằm đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý của các doanh nhân xã hội. KoSEA cũng thường xuyên tổ chức các cuộc thi nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

2.2.3. Hỗ trợ các thủ tục hành chính, pháp lý

Trong quá trình hoạt động, DNXH cũng giống các chủ thể pháp lý khác cần tiến hành nhiều thủ tục hành chính - pháp lý, từ thủ tục thành lập cho đến các thủ tục khác phát sinh trong quá trình DN hoạt động. Hiện nay, hệ thống quy định về DNXH ở nước ta còn sơ sài, do vậy, các thủ tục hành chính - pháp lý liên quan đến DNXH về cơ bản được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về DN. Tuy vậy, cũng có những yêu cầu riêng về hồ sơ, quy trình hoặc có những ghi nhận chung về quan điểm hỗ trợ của Nhà nước dành cho DNXH trong quá trình tiến hành một số thủ tục. Nội dung này, nghiên cứu sinh tập trung vào 03 thủ tục có những đặc điểm riêng, bao gồm: thủ tục thành lập DNXH, thủ tục chuyển đổi thành DNXH và quy định hỗ trợ DNXH trong thủ tục cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật.

- *Thủ tục thành lập DNXH*

DNXH trước khi bắt đầu hoạt động cũng cần tiến hành thủ tục đăng ký thành lập như bất kỳ chủ thể kinh doanh hợp pháp nào khác. Ở nước ta hiện nay, về mặt pháp lý, DNXH chỉ là một mô hình kinh doanh (đăng ký theo hình thức pháp lý là doanh nghiệp) hướng tới mục tiêu xã hội, không phải chủ thể kinh doanh tồn tại theo loại hình pháp lý độc lập. Các DNXH được đăng ký và hoạt động theo các loại hình doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn.

¹⁰⁶ Bùi Đức Thọ, Trương Thị Nam Thắng, DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr.60

¹⁰⁷ Điều 13 Luật xúc tiến DNXH Hàn Quốc năm 2007

Quy trình, thủ tục thành lập DNXH theo quy định chung của pháp Luật Doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp 2014 trước đây và hiện nay là Luật Doanh nghiệp 2020 đều không có quy định riêng về trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với DNXH. Hồ sơ thành lập DNXH phụ thuộc vào loại hình pháp lý mà DN lựa chọn đăng ký. Tuy nhiên, khác với các hồ sơ thành lập doanh nghiệp thông thường, hồ sơ đăng ký DNXH phải kèm theo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường¹⁰⁸. Phòng Đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm đăng tải Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện nay, thủ tục đăng ký kinh doanh đang được thực hiện theo nguyên tắc “Tiền đăng, hậu kiểm” nên DNXH chỉ phải thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường cho cơ quan đăng ký kinh doanh để công khai trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không cần có sự thẩm định đối với Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát đối với DNXH có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố mình theo cách thức: i) Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp cần thiết; ii) Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo những nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Hiện nay, với việc tăng cường áp dụng chuyển đổi số, các nhà đầu tư có thể đăng ký kinh doanh trực tuyến và nhận kết quả đăng ký sau 3 ngày làm việc. Có thể thấy, các quy định pháp lý hiện nay đã tạo điều kiện thuận lợi cho các DN nói chung và DNXH nói riêng trong việc đăng ký kinh doanh. Mặc dù thủ tục thành lập DNXH về lý thuyết là phức tạp hơn các DN thông thường do yêu cầu hoàn thiện Biểu mẫu cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường, tuy nhiên, kết quả khảo sát khi thực hiện luận án cho thấy, 100% các DNXH tham gia khảo sát cho biết không gặp khó khăn gì khi làm thủ tục đăng ký thành lập DNXH. Việc hoàn thiện biểu mẫu cam kết thực hiện mục tiêu xã hội chỉ mang tính kê khai hình thức vì trong quá trình hoạt động, cũng không thấy có cơ quan Nhà nước nào kiểm tra hay giám sát quá trình hoạt động và đảm bảo các nghĩa vụ đã cam kết của DN

¹⁰⁸ Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp

(Phụ lục 01). Như vậy, quy định về thủ tục thành lập DNXH hiện nay đã được các DNXH đánh giá rất tốt, qua đó tạo thuận lợi để các DNXH được thành lập.

Tuy nhiên, xét ở góc độ quản lý, quy định về thủ tục thành lập DNXH hiện nay chưa đảm bảo được hiệu quả của hoạt động quản lý và giám sát của Nhà nước đối với DNXH. Thủ tục thành lập DNXH tuy nhanh gọn nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro cho hoạt động quản lý của Nhà nước đối với các DNXH. Thời gian để cơ quan đăng ký kinh doanh xử lý hồ sơ và trả GCN ĐKDN là 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cũng chưa thực sự phù hợp với mô hình kinh doanh còn nhiều ràng buộc, cam kết như DNXH. Với số lượng hồ sơ thành lập DN mỗi ngày càng gia tăng theo xu hướng hiện nay thì cơ quan đăng ký kinh doanh khó có đủ thời gian để kiểm tra và xác minh các thông tin trong Bản cam kết của DNXH chỉ trong 3 ngày làm việc. Việc quy định thời gian xét duyệt hồ sơ thành lập DNXH quá nhanh gọn khiến cơ quan quản lý đăng ký kinh doanh khó có thể xác định và đánh giá được doanh nghiệp nào là DNXH thực sự, doanh nghiệp là DNXH “ma”. Thêm vào đó, nếu hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện Cam kết về mục tiêu xã hội, môi trường không chặt chẽ sẽ dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp núp bóng DNXH để thông qua đó cắt giảm các chi phí truyền thông, marketing, quảng cáo, bán hàng và kêu gọi tài trợ. Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của xã hội đối với DNXH, ảnh hưởng đến sự phát triển và tồn tại của mô hình doanh nghiệp mang tính nhân văn này. Vẫn biết Luật Doanh nghiệp 2020 có quy định: DN phải tự “chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo”¹⁰⁹, tuy nhiên, nếu việc xét duyệt hồ sơ thành lập DN nói chung và hồ sơ thành lập DNXH nói riêng chỉ là thủ tục hành chính mang tính hình thức thì hiệu quả quản lý Nhà nước đối với DNXH quả thật khó đảm bảo, đồng thời gây lãng phí nguồn lực và tài sản của DN.

Kinh nghiệm một số quốc gia có sự phát triển mạnh mẽ của mô hình DNXH như Anh, Hàn Quốc cho thấy, để được cấp giấy chứng nhận là DNXH, hồ sơ đăng kí DNXH phải được bộ phận chuyên trách thẩm định đối với các cam kết về phân chia lợi nhuận tại các báo cáo tài chính, kế hoạch chi trả các khoản nợ, vay, tình

¹⁰⁹ Khoản 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp 2020

hình sử dụng lao động... Trường hợp đủ điều kiện, bộ phận chuyên trách thẩm định hồ sơ gửi thông báo cho cơ quan đăng ký doanh nghiệp để cơ quan này tiến hành đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các DNXH¹¹⁰.

Như vậy có thể thấy, mặc dù thủ tục thành lập DN hiện nay được đánh giá là rất thuận tiện và nhanh gọn, tuy nhiên, dường như thủ tục này mới chỉ phù hợp để đảm bảo sự hình thành một DN nói chung, còn đối với DNXH, thiết nghĩ cần một quy trình chặt chẽ hơn để đảm bảo các quyền và nghĩa vụ của mô hình DN này theo đúng quy định của pháp luật.

Thực tế tại Việt Nam hiện nay, mặc dù nhiều tổ chức đã được công nhận rộng rãi bởi cộng đồng là doanh nghiệp phục vụ mục tiêu xã hội hoặc môi trường nhưng các tổ chức này tuyên bố không đăng ký hoặc không thừa nhận là DNXH theo Luật Doanh nghiệp vì tính cứng nhắc của việc phải cam kết tái đầu tư 51% lợi nhuận¹¹¹. Thậm chí, theo kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Nhà nước “DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam” của TS. Trương Thị Nam Thắng và cộng sự (2020), nhóm nghiên cứu đã tổng hợp và khảo sát các tổ chức có mục tiêu hoạt động tạo tác động xã hội ở Việt Nam, kết quả khảo sát cho thấy có đến 40,13% tổ chức không có ý định đăng ký/chuyển đổi thành DNXH. Kết quả phỏng vấn và thảo luận của nhóm nghiên cứu cũng cho thấy, việc các tổ chức chưa đăng ký hoạt động theo luật dưới hình thức DNXH chủ yếu do 2 nguyên nhân: (1) quy định về thành lập và hoạt động của DNXH còn chưa rõ ràng, các DNXH cảm thấy thủ tục thành lập DNXH theo luật còn phức tạp, không được hướng dẫn chi tiết; (2) Cơ chế, chính sách hỗ trợ DNXH chưa rõ ràng, chưa hấp dẫn để chuyển đổi.¹¹² Qua khảo sát một số DN tạo tác động xã hội nhưng không đăng ký hoạt động theo mô hình DNXH cho thấy, các DN này đều chưa có ý định chuyển đổi thành DNXH. Cụ thể, theo Phụ lục 02 của Luận án, 5/5 chủ thể kinh doanh có tác động xã hội (không đăng ký là DNXH) tham gia khảo sát đã đưa ra nhiều lý do khác nhau để giải thích

¹¹⁰ Lê Thanh Tú, *Chuyên đề kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào Việt Nam trong thành lập, hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội*, 2015.

¹¹¹ Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Các vấn đề xã hội và môi trường (2019), “Phát triển Doanh nghiệp xã hội tạo tác động tại Việt Nam”, xem tại <http://www.ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=21874>, truy cập ngày 10/7/2022

¹¹² Bùi Đức Thọ, Trương Thị Nam Thắng, *Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam* (sách chuyên khảo), NXB. Chính trị quốc gia sự thật (2021), tr.107

cho việc mặc dù được xác định là mang bản chất hoạt động vì mục tiêu xã hội nhưng các chủ thể này không đăng ký hoạt động theo mô hình DNXH vì không cảm thấy cần thiết hoặc ngại các nghĩa vụ báo cáo của DNXH hoặc do nhận thấy DNXH cũng không có quyền lợi ưu đãi hơn so với mô hình kinh doanh hiện tại của họ. Trường hợp DN điển hình như công ty cổ phần Kym Việt - thành lập từ năm 2013, là cơ sở đào tạo, sản xuất và kinh doanh hàng thủ công do những người khuyết tật sáng lập để tạo việc làm cho người khuyết tật. Ngày 02/11/2017, công ty KymViet đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp quyết định công nhận là cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật. Thực tế hiện nay, DN này đang sử dụng tổng số 36 lao động, trong đó có 30 lao động là người khuyết tật. Ngày 08/11/2016, công ty được Hội đồng Anh trao giải thưởng “Doanh nghiệp xã hội có yếu tố hòa nhập cao”, giải thưởng về đóng góp tạo yếu tố thúc đẩy sự bình đẳng, đa dạng và hòa nhập và rất nhiều các thành tích, đóng góp khác trong công tác xã hội. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh, tuy được nhận giải thưởng dành cho DNXH do Hội đồng Anh trao tặng¹¹³ nhưng Công ty KymViet lại hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần thương mại mà không đăng ký là DNXH. Lý do mà lãnh đạo DN này chia sẻ là nhận thấy quy chế pháp lý dành cho DNXH hiện nay có quá nhiều ràng buộc, nghĩa vụ nhưng hầu như DNXH chưa được hưởng chế độ ưu đãi, hỗ trợ gì đặc biệt. Hiện tại, công ty cổ phần Kym Việt cũng đang hưởng chế độ miễn thuế TNDN nhưng theo đối tượng là DN sử dụng trên 30% lao động là người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật. Như vậy, việc không đăng ký hay chuyển đổi thành DNXH không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của DN.

Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới quy định về hồ sơ, thủ tục thành lập DNXH chặt chẽ hơn, tuy việc này có thể ảnh hưởng đến tâm lý e ngại của các doanh nhân xã hội khi thành lập nhưng lại giúp Nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của các DNXH tốt hơn, trên cơ sở đó có các ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với khu vực DNXH và với các nhóm DNXH đóng góp được giá trị kinh tế, xã hội khác nhau. Tại Hàn Quốc, thủ tục đăng ký DNXH do Hội đồng Chính sách việc làm trực tiếp thực hiện việc thẩm định hồ sơ trước khi trình cho Bộ trưởng Lao động và Việc

¹¹³ Xem Báo cáo thành tích của Công ty cổ phần KymViet năm 2022

làm xem xét lần cuối, những doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trở thành DNXH sẽ được Bộ trưởng Lao động và Việc làm ra quyết định cấp Giấy chứng nhận DNXH. Theo quy định của khoản 1 Điều 9 Luật xúc tiến DNXH, hồ sơ đăng ký thành lập DNXH phải có đầy đủ các thông tin sau¹¹⁴:

(a) *Đơn đăng ký thành lập* (tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp lựa chọn, ví dụ (i) nếu doanh nghiệp là tập đoàn hoặc hiệp hội thì dùng mẫu theo Luật Dân sự, (ii) công ty hoặc hữu hạn hoặc hợp danh thì dùng mẫu theo Luật Thương mại, (iii) tập đoàn hay tổ chức tư phi lợi nhuận thì dùng mẫu của Luật chuyên ngành).

(b) *Văn bản thể hiện các cuộc họp quan trọng* của Đại hội cổ đông, Ban giám đốc, Ban điều hành, Hội đồng quản lý nhân sự để đưa ra các quyết định về các bên liên quan: đại diện người lao động, đại diện người hưởng lợi các dịch vụ xã hội, đại diện chính quyền địa phương,...

(c) *Văn bản chứng minh cho các hoạt động kinh doanh về thu nhập và chi phí*, trong đó yêu cầu tổng thu nhập từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong 6 tháng gần nhất trước ngày đăng ký thành lập DNXH chiếm trên 30% tổng chi phí lao động, bao gồm:

- *Về thu nhập*: Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo thu nhập, Báo cáo sản xuất); Chứng nhận thuế VAT của cơ quan thuế; Sổ cái (Sổ kế toán, Sổ doanh số, Sổ tiền mặt,...); Báo cáo đóng (Closing Statement),...

- *Về chi phí lao động*: Các báo cáo tài chính; Bảng lương,...

(d) *Điều lệ DNXH* cần có đầy đủ các thông tin sau: tên doanh nghiệp, mục đích, nội dung kinh doanh, địa điểm trụ sở chính, loại hình, phương thức hoạt động, phương thức ra các quyết định quan trọng, phương án chia sẻ lợi nhuận và tái đầu tư, phương án huy động vốn và các khoản vay, phương án bố trí, đề cử và sa thải người lao động, phương án giải thể và thanh toán nợ (khi công ty tặng cho ít nhất 2/3 toàn bộ tài sản còn lại cho DNXH khác hoặc cho quỹ vì lợi ích công), các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, quy trình cấp đăng ký DNXH tại Hàn Quốc được tách biệt với cấp đăng ký cho doanh nghiệp thông thường. Đối với doanh nghiệp thông thường, việc đăng ký được thực hiện tại Cơ quan đăng ký doanh nghiệp quốc gia (National

¹¹⁴ Korea, Article 9 *The Social Enterprise Promotion 2007*.

Business Register), trong khi đó, DNXH phải đăng ký thành lập tại Bộ Lao động và Việc làm¹¹⁵.

Có thể thấy, mặc dù pháp Luật Doanh nghiệp Việt Nam đã rất tiến bộ với những quy định về tính nhanh gọn trong quy trình, thời gian đăng ký thành lập DN nói chung và DNXH nói riêng, tuy nhiên, với các yêu cầu riêng về hồ sơ đăng ký thành lập DNXH, cộng với thực trạng về chính sách ưu đãi, hỗ trợ dành cho mô hình DNXH còn chưa rõ ràng nên nhiều cá nhân, tổ chức chưa thực sự mong muốn thành lập và hoạt động theo danh nghĩa là DNXH. Đăng ký là DNXH mà không có sự rõ ràng về chính sách ưu đãi, trong khi lại phải tuân thủ nhiều quy định về báo cáo hay thanh tra, kiểm tra..., thì sẽ rất khó cho hoạt động của mô hình này. Đồng thời, pháp luật cũng chưa quy định bất kỳ công cụ nào để đánh giá hiệu quả tác động xã hội của DNXH hàng năm, vì vậy, việc giám sát DN có đảm bảo tỷ lệ tái đầu tư tối thiểu 51% cho mục tiêu xã hội như cam kết hay không là chưa hiệu quả.

- *Thủ tục chuyển đổi thành DNXH*

Pháp Luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cho phép các doanh nghiệp thương mại thuần túy, hộ kinh doanh, cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được chuyển đổi phương thức hoạt động sang mô hình DNXH nếu có nhu cầu và thỏa mãn các điều kiện về mục tiêu hoạt động của DNXH¹¹⁶. Quy định cho phép DNXH được chuyển đổi từ các loại hình tổ chức khác được đánh giá là một điểm tiến bộ của pháp luật hiện hành, góp phần đảm bảo quyền tự do kinh doanh, tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư của chủ doanh nghiệp và chủ sở hữu hộ kinh doanh; đồng thời tận dụng được lợi thế tiếp cận nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện khi chuyển đổi sang mô hình DNXH để vừa tiếp tục thực hiện mục tiêu xã hội, vừa tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, quy định về chủ thể (i) và hồ sơ (ii) được chuyển đổi thành DNXH hiện nay còn một số bất cập sau đây:

¹¹⁵ Lê Thanh Tú, “Chuyên đề kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào Việt Nam trong thành lập hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội”. Xem tại:

<https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/Pages/chitiettin.aspx?groupID=599&IDNews=3543&tieude=chuyen-de-kinh-nghiem-quoc-te-va-ap-dung-vao-viet-nam-trong-thanh-lap--hoat-dong-va-ho-tro-doanh-nghiep->, truy cập ngày 8/1/2022.

¹¹⁶ Xem điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

(i) Về chủ thể được quyền chuyển đổi thành DNXH

Cụ thể, Điều 5 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp ghi nhận: “*Cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được dùng toàn bộ tài sản, quyền và nghĩa vụ để chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện*”. Bên cạnh đó, Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Thông tư số 04/2020/TT-BNV quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP cũng có quy định cho phép các quỹ xã hội, quỹ từ thiện chuyển đổi thành DNXH. Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP quy định về thẩm quyền giải quyết các thủ tục về quỹ, theo đó Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tùy phạm vi hoạt động của quỹ mà thuộc thẩm quyền quản lý các cấp khác nhau) có các quyền hạn gồm: “*cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên quỹ; đình chỉ có thời hạn hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; mở rộng phạm vi hoạt động và kiện toàn, chuyển đổi quỹ; thu hồi giấy phép thành lập*”. Như vậy, quy định của các văn bản pháp luật hiện nay đã đảm bảo thống nhất về nội dung, thẩm quyền cho phép chuyển đổi các quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành DNXH. Bên cạnh đó, quy trình, hồ sơ chuyển đổi quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành DNXH cũng đã được quy định rất rõ ràng trong Luật Doanh nghiệp 2020¹¹⁷.

Tuy nhiên, về vấn đề chuyển đổi hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội thành DNXH còn đang tồn tại nhiều bất cập. Cụ thể, hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội hiện nay đang chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội. Theo Nghị định trên, các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội gồm: 1- Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi; 2- Cơ sở bảo trợ

¹¹⁷ Xem khoản 7 điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; 3- Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật; 4- Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; 5- Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội; 6- Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội; 7- Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật. Hay nói cách khác, cơ sở trợ giúp xã hội ngoài 5 loại cơ sở bảo trợ xã hội (đã liệt kê ở phần trên) còn bao gồm Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội và các cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật. Thực tế, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP được ban hành thay thế cho Nghị định số 68/2008/NĐ-CP quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội. Như vậy, thuật ngữ “cơ sở bảo trợ xã hội” là cách gọi cũ, được sử dụng trong các văn bản pháp lý trước đây, còn hiện tại pháp luật ghi nhận thuật ngữ “cơ sở trợ giúp xã hội” với nội hàm rộng hơn thuật ngữ “cơ sở bảo trợ xã hội”. Cách sử dụng thuật ngữ cơ sở bảo trợ xã hội trong Nghị định 47/2021/NĐ-CP như hiện nay là không chính xác.

Mặt khác, Nghị định số 103/2017/NĐ-CP tuy là văn bản điều chỉnh trực tiếp về tổ chức và hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội nhưng lại không có bất kỳ quy định nào trực tiếp nhắc tới việc cho phép các cơ sở trợ giúp xã hội (trong đó bao gồm các cơ sở bảo trợ xã hội) được chuyển đổi thành DNXH. Tại Điều 8 Nghị định 103/2017/NĐ-CP quy định về quyền hạn của cơ sở trợ giúp xã hội, theo đó, các cơ sở trợ giúp xã hội có các quyền: Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho người có nhu cầu theo quy định; Từ chối yêu cầu cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng nếu không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở, trừ trường hợp có quyết định của cơ quan hoặc người có thẩm quyền; Lựa chọn các biện pháp nghiệp vụ trợ giúp xã hội để trợ giúp đối tượng theo quy định của pháp luật và Các quyền khác theo quy định của pháp luật. Có thể hiểu, quy định cơ sở trợ giúp xã hội có “các quyền khác theo quy định của pháp luật” là một quy định mở và không mâu thuẫn với quyền chuyển đổi thành DNXH theo ghi nhận của pháp Luật

Doanh nghiệp. Nhưng thiết nghĩ, văn bản điều chỉnh trực tiếp về một đối tượng luôn cần thiết là văn bản cụ thể nhất, rõ ràng nhất về đối tượng đó, đặc biệt là các quyền và nghĩa vụ.

Ngoài các loại chủ thể hiện nay pháp luật cho phép được chuyển đổi thành DNXH (bao gồm: DN thông thường, hộ kinh doanh, cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện) thì còn có một số chủ thể khác cũng có nhu cầu này, ví dụ như các tổ chức phi lợi nhuận. Điển hình trong trường hợp này có thể nhắc đến Trung tâm Craft Link. Craft Link là một trong những tổ chức phi lợi nhuận và công bằng thương mại đầu tiên của Việt Nam, thành lập từ năm 1996 và hiện đang trợ giúp 70 nhóm sản xuất trên khắp cả nước trong việc sản xuất và bán sản phẩm thủ công nhằm ổn định công việc, tăng thu nhập cho những người nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, nhóm người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn. Theo bà Trần Tuyết Lan, Giám đốc điều hành Trung tâm Craft Link, ngay khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực, Ban Điều hành Craft Link đã cân nhắc việc chuyển đổi thành DNXH để có được các quyền lợi mà mô hình DNXH nhận được, nhất là các ưu đãi về thuế, để giảm bớt khó khăn trong hoạt động, nhưng có quá nhiều câu hỏi khiến kế hoạch này bị lùi lại. Craft Link tự thấy đủ điều kiện để đăng ký hoạt động là DNXH theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhưng vẫn không biết cần phải làm những gì để đăng ký/chuyển đổi thành DNXH¹¹⁸. Từ ví dụ của Craft Link có thể thấy, quy định về chuyển đổi từ các loại hình pháp lý sang DNXH hiện nay còn chưa bao quát được hết các đối tượng có nhu cầu chuyển đổi, vì vậy, pháp luật cần có sự điều chỉnh phù hợp và linh hoạt hơn trong thời gian tới.

(ii) Về hồ sơ chuyển đổi thành DNXH:

Hồ sơ chuyển đổi từ DNTM thành DNXH và hồ sơ đăng ký thành lập DNXH trên cơ sở chuyển đổi từ cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được quy định tại điều 28 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, pháp luật yêu cầu các bộ hồ sơ đều cần kèm theo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường do người đại diện theo pháp luật của tổ chức ký. Như

¹¹⁸ Khánh An, *Văng doanh nghiệp xã hội do lung tung về thủ tục*, xem tại: <https://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, đăng ngày 20/9/2016, truy cập ngày 10/7/2022

vậy, quy định về hồ sơ chuyển đổi từ DN thành DNXH hiện nay khá đơn giản và hầu như không khác gì với hồ sơ chuyển đổi giữa các loại hình DN. Tuy nhiên, việc hoàn thiện Bản cam kết này có lẽ là trở ngại lớn nhất đối với bất kỳ DN hay chủ thể nào khác khi muốn chuyển đổi thành DNXH. Bởi lẽ như đã phân tích, Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường là một loại tài liệu khá mới mẻ với các nhà đầu tư, trong đó các nhà đầu tư phải đăng ký mục tiêu mà DNXH theo đuổi, đồng thời cam kết tỷ lệ lợi nhuận mà doanh nghiệp dùng để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội. Trong khi đó, tại thời điểm thành lập, các nhà đầu tư chưa thể nắm được hiệu quả thực tế của DN nên chưa thể tính toán được tỷ lệ lợi nhuận có thể dùng để tái đầu tư mục tiêu xã hội, đồng thời pháp luật cũng chưa có bất kỳ quy định gì về sự khác nhau giữa các DNXH với mức đóng góp về tỷ lệ lợi nhuận dành cho mục tiêu xã hội, chính vì vậy, yêu cầu DN cam kết về tỷ lệ lợi nhuận tái đầu tư là một sự “làm khó” cho các DN.

Theo pháp luật của nhiều quốc gia như Anh, Hàn Quốc, Thái Lan hay Trung Quốc, DNXH đều được ghi nhận tồn tại dưới nhiều hình thức pháp lý chứ không bắt buộc phải đăng ký là DN, miễn chủ thể thỏa mãn các tiêu chí, mục tiêu xã hội mà pháp luật quy định thì đều có thể được coi là DNXH và hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ mà pháp luật quy định. Chính vì vậy, pháp luật của hầu hết các quốc gia không gặp vướng mắc, bất cập trong vấn đề yêu cầu các chủ thể (mang các đặc điểm phù hợp với DNXH) chuyển đổi thành DNXH.

- *Quy định hỗ trợ cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật*

Cũng giống như các chủ thể kinh doanh thông thường, trong quá trình hoạt động, nếu DNXH kinh doanh những ngành nghề có điều kiện thì cũng cần phải tiến hành các thủ tục pháp lý để chứng minh DN đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề đó, ví dụ như giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh... Để khuyến khích hoạt động của mô hình DN này, Luật Doanh nghiệp 2020 đã có quy định: “Chủ sở hữu, người quản lý DNXH được xem xét, tạo thuận lợi và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan

theo quy định của pháp luật”¹¹⁹. Như vậy, pháp Luật Doanh nghiệp hiện nay đã ghi nhận một trong những hỗ trợ cụ thể về thủ tục, hành chính dành cho DNXH là việc tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ sở hữu và người quản lý của DNXH trong các thủ tục cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan. Tuy nhiên, trên thực tế, với cơ chế ưu tiên, tạo điều kiện này, các cá nhân quản lý DNXH được thuận lợi hơn điếm gì thì hệ thống pháp luật hiện nay chưa hướng dẫn cụ thể. Thông thường, được cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề và các loại giấy chứng nhận có liên quan, chủ sở hữu và người quản lý doanh nghiệp phải tuân theo quy trình, thủ tục và đáp ứng các điều kiện mà pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý giấy phép, chứng chỉ hành nghề và giấy chứng nhận của lĩnh vực đó quy định và quản lý. Theo Hội thảo công bố Báo cáo “Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp”, diễn ra tại Hà Nội (ngày 20/4/2021), Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho biết: chương trình cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết của Chính phủ để đạt mục tiêu cắt giảm 50%, đã đạt được kết quả đáng kể. Theo đó, tỷ lệ doanh nghiệp xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có xu hướng tăng trở lại lên 52% trong năm 2019 và 59% trong năm 2020. Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tiếp tục có xu hướng giảm xuống chỉ còn 32% trong năm 2020. Dù vậy, với tỷ lệ 32% doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh cho thấy dư địa cải cách trong lĩnh vực này vẫn còn rất lớn. Các điều kiện đầu tư kinh doanh không minh bạch, định tính, có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau vẫn còn tồn tại trong nhiều văn bản pháp luật¹²⁰.

Qua báo cáo số liệu trên cho thấy, mặc dù thời gian qua, Nhà nước ta đã rất nỗ lực trong việc rà soát, giảm bớt các điều kiện, thủ tục gây khó khăn, phiền hà cho hoạt động kinh doanh của DN. Tuy nhiên, vẫn có một tỷ lệ rất lớn (32%) doanh nghiệp phản ánh gặp khó khăn khi xin giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh

¹¹⁹ Điều a Khoản 2 điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020

¹²⁰ Vũ Lê Minh, “Điểm danh” những quy định bất cập trong 29 Luật đang gây khó hoạt động sản xuất, kinh doanh (kỳ 1), xem tại: <https://phaply.net.vn/diem-danh-nhung-qui-dinh-bat-cap-trong-29-luat-dang-gay-kho-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-ki-1-a253026.html>, truy cập ngày 6/5/2022

doanh. Thủ tục hành chính xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh là khó khăn chung đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp, trong đó không loại trừ đối với mô hình DNXH.

Tham khảo kinh nghiệm của Ấn Độ, hiện nay Chính phủ Ấn Độ đã nói lỏng một số quy định, quy trình đăng ký và hoạt động của DNXH, chẳng hạn như: giảm số lượng mẫu đơn đăng ký, trợ cấp 10% khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, chính phủ chịu 50% chi phí đăng ký bằng sáng chế¹²¹. Theo khoản 4 Điều 22, Luật kiểm soát đối xử thuế đặc biệt của Hàn Quốc, DNXH nếu đăng ký là tập đoàn thì sẽ được miễn 50% thuế đăng ký kinh doanh và các loại giấy phép.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Mặc dù Luật Doanh nghiệp Việt Nam đã ghi nhận “*Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội*” nhưng thực tế, DNXH không được hưởng bất kỳ một hình thức ưu đãi, hỗ trợ nào riêng biệt so với các DN thương mại truyền thống khác. Các ưu đãi, hỗ trợ như ưu đãi về thuế, ưu đãi đất đai, hỗ trợ thủ tục hành chính - pháp lý, hỗ trợ đào tạo nhân lực hay hỗ trợ về vốn đều chỉ được xác định trên cơ sở vận dụng các quy định chung, rải rác trong nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như Luật Đầu tư, Luật Thuế TNDN, Luật Hỗ trợ DNNVV, Luật Người khuyết tật... mà chưa có cơ chế ưu đãi, hỗ trợ riêng dành cho DNXH. Về pháp luật ưu đãi, nhóm quy định về đối tượng, địa bàn, ngành nghề hay nguyên tắc hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đầu tư đều không đề cập đến ưu đãi dành cho DNXH. Về thủ tục ưu đãi, DNXH nói riêng và các DN nói chung còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các thủ tục ưu đãi về đất đai. Các hình thức ưu đãi đối với DNXH được áp dụng theo các hình thức ưu đãi chung mà pháp Luật Đầu tư quy định nếu DNXH thỏa mãn các điều kiện theo quy định của pháp Luật Đầu tư, trong đó bao gồm hình thức ưu đãi về thuế và ưu đãi về đất đai. Nhóm quy định về hỗ trợ DNXH cũng chưa có quy định cụ thể, trong đó các hình thức về hỗ trợ nguồn vốn, hỗ trợ các thủ tục hành chính - pháp lý

¹²¹ Đỗ Hải Hoàn, *Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội ở Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo “Thực trạng phát triển DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam, 2019, tr.55

và hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực đều là các vấn đề được nhiều DNXH đặc biệt quan tâm.

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, pháp luật của nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Thái Lan, vương quốc Anh... đã xây dựng khung pháp lý riêng để điều chỉnh DNXH, đặc biệt, trong đó có quy định cụ thể các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH, đồng thời cũng quy định chặt chẽ về điều kiện, cơ chế công nhận và giám sát DNXH.

Kết quả khảo sát một số DNXH ở nước ta hiện nay cho thấy mô hình DN đăng ký hoạt động với danh nghĩa là DNXH ở Việt Nam hiện đang gặp rất nhiều khó khăn và cần Nhà nước quy định các hình thức ưu đãi, hỗ trợ cụ thể dành cho mô hình kinh doanh này.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo tính bền vững

Như đã phân tích, các quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH được trải rộng trong nhiều văn bản pháp lý với các thời điểm ban hành và hiệu lực pháp lý khác nhau. Các văn bản này cũng có phạm vi điều chỉnh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Do đó, Nhà nước cần quan tâm tới việc hệ thống lại các quy định để đảm bảo tính thống nhất, loại bỏ các quy định gây mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở việc áp dụng pháp luật của các chủ thể liên quan. Các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nếu được ban hành mới cần đảm bảo sự thống nhất, phù hợp về nội dung với đường lối, chủ trương của Đảng, các quy định trong Hiến pháp và các quy định của các văn bản pháp luật liên quan. Trường hợp nếu quy định mới phát sinh những nội dung không phù hợp với các luật liên quan thì cần nghiên cứu, sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật.

Bên cạnh đó, khi xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng cần chú trọng đến tính bền vững của các quy định. Tính bền vững ở đây được hiểu là các quy định được ban hành mới hay được sửa đổi cần đảm bảo giá trị áp dụng pháp luật lâu dài, không phải liên tục sửa đổi do không phù hợp thực tế. Trên cơ sở đó, pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi DNXH có thể giúp cộng đồng DNXH phát triển ổn định, bền vững. Để đạt được mục tiêu này, đòi hỏi ngay từ giai đoạn xây dựng pháp luật, các nhà làm luật phải có tầm nhìn, dự liệu được các tình huống và xu hướng phát triển của xã hội để soạn thảo nội dung pháp luật phù hợp.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo tính khả thi

Tính khả thi của quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là khả năng, hiệu quả của các quy định khi thực hiện trong thực tiễn. Từ thực trạng quy định về

ưu đãi, hỗ trợ DNXH ở Việt Nam hiện nay và thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DN nói chung ở nước ta cho thấy, một số quy định về ưu đãi, hỗ trợ DN còn chưa đảm bảo tính khả thi khiến cho quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH chưa phát huy được hết vai trò trong việc điều chỉnh và thúc đẩy DNXH phát triển. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH còn sơ sài, chưa cụ thể, chưa đồng bộ và chưa phù hợp với kinh tế, xã hội của đất nước. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn có ý nghĩa rất lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bởi lẽ, chỉ khi nào các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH được thực thi hiệu quả thì hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH mới đảm bảo được đúng vai trò, sứ mệnh của nó đối với DNXH cũng như với nền kinh tế, xã hội của đất nước.

Để đảm bảo tính khả thi của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH trong thực tiễn, yêu cầu hoàn thiện các quy định này cần phải đảm bảo các vấn đề sau:

Một là, cần xác định mục tiêu, đối tượng ưu đãi, hỗ trợ là DNXH - trên cơ sở có sự định danh thống nhất và tiêu chí nhận diện cụ thể đối với DNXH. Xây dựng hệ thống pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ có tính tập trung, tránh dàn trải trên nhiều đối tượng, quy định trong nhiều văn bản. Làm được điều này nghĩa là Nhà nước đã xác định được định hướng phát triển rõ ràng cho DNXH, loại bỏ các mục tiêu không tập trung, hạn chế việc phát triển theo nhiều hướng khác nhau của DN, gây khó khăn cho hoạt động quản lý của Nhà nước cũng như tránh lãng phí nguồn tài nguyên, tài chính và con người.

Hai là, hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải gắn liền với việc giải quyết các khó khăn hiện hữu của DNXH. Thực tiễn hoạt động của DNXH hiện nay cho thấy DNXH đang gặp rất nhiều khó khăn, bên cạnh các khó khăn chung xuất phát từ khách quan của nền kinh tế thị trường, những khó khăn đến từ đặc thù hoạt động của DN thì xét riêng về pháp luật ưu đãi, hỗ trợ, DNXH cũng đang gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình cố gắng được ghi nhận và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ này. Qua kết quả báo cáo khảo sát của nhiều nhóm nghiên cứu và qua kết quả phỏng vấn sâu nhiều DNXH, có thể thấy: mặc dù Nhà nước đã có chủ trương rất cụ thể về việc khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho DNXH phát triển, tuy nhiên,

thực tế các DNXH chưa nhận được bất kỳ ưu đãi, hỗ trợ cụ thể nào từ phía Nhà nước. Nhiều DN khẳng định đang rất khó khăn về vốn, khó khăn về địa điểm hoạt động hay nguồn nhân lực... Chính vì vậy, yêu cầu hoàn thiện pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải ưu tiên đảm bảo giải quyết được những khó khăn hiện hữu này của các DNXH, trong đó đặc biệt ưu tiên nghiên cứu các ưu đãi về thuế, ưu đãi về đất đai hay các hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ để DNXH nâng cao nguồn nhân lực.

Ba là, hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH không chỉ là hoàn thiện, khắc phục những hạn chế, bất cập của nội dung quy định pháp luật mà phải gắn việc hoàn thiện nội dung pháp luật với đảm bảo xây dựng cơ chế thực thi pháp luật một cách hiệu quả, thông qua việc hoàn thiện bộ máy quản lý, hoàn thiện quy trình, thủ tục để hưởng ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Ở nước ta hiện nay, các DN nói chung đều thuộc sự quản lý của nhiều cơ quan như cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế và các cơ quan quản lý khác. Với tính chất là một mô hình kinh doanh đặc thù, lợi nhuận thu về hoàn toàn có thể tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, chính vì vậy, việc thiết lập một cơ chế quản lý, hỗ trợ riêng cho DNXH là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, pháp luật đã ghi nhận và bổ sung các hình thức ưu đãi, hỗ trợ cụ thể dành cho DNXH thì cũng cần song song quy định và hướng dẫn DNXH các quy trình, thủ tục cần thiết để DNXH có thể được hưởng ưu đãi, hỗ trợ mà Nhà nước đã quy định. Tránh trường hợp quy định có nhưng không có cơ chế thực thi, DNXH sẽ gặp nhiều khó khăn, lúng túng, không đảm bảo tính khả thi của nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải gắn với việc hoàn thiện tổng thể pháp luật về doanh nghiệp xã hội và phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế, xã hội đất nước

Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một bộ phận quan trọng và không thể tách rời của pháp luật về DNXH, do đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải gắn liền với việc hoàn thiện pháp luật nói chung về DNXH. Thực tiễn hoạt động của các DNXH hiện nay cho thấy, DNXH không chỉ gặp khó khăn về các vấn đề ưu đãi, hỗ trợ mà pháp luật về DNXH còn tồn tại nhiều bất cập nói chung khác như bất cập về quy chế thành lập, về khái niệm pháp lý và cơ chế quản lý, giám sát... Xuất phát từ thực tiễn đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật DNXH là

một vấn đề trọng tâm mà Nhà nước cần giải quyết trong thời gian tới. Nếu chỉ hoàn thiện nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH mà không nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện tổng thể hệ thống pháp luật về DNXH thì khó đảm bảo tính hiệu quả, đồng bộ để phát triển DNXH.

Bên cạnh đó, hoạt động ưu đãi, hỗ trợ luôn cần đảm bảo phù hợp với nguồn lực của Nhà nước và xã hội. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, đặc biệt sau 2 năm ảnh hưởng của đại dịch COVID nên nền kinh tế - xã hội đất nước ta cũng còn nhiều hạn chế, khó khăn, đặc biệt về nguồn lực tài chính. DNXH phát triển sẽ hỗ trợ đắc lực Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, vì vậy, việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực DNXH thông qua các chính sách ưu đãi, hỗ trợ là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, các hình thức ưu đãi, hỗ trợ này phải được xây dựng trên cơ sở phù hợp với nguồn lực của Nhà nước, đồng thời tận dụng sự ủng hộ, hỗ trợ từ phía cộng đồng, xã hội.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu của nền kinh tế thị trường. Bất kỳ một quốc gia nào hiện nay muốn phát triển đều phải tham gia và tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy vậy, khi tham gia sân chơi quốc tế, các quốc gia đều phải tuân thủ luật chơi quốc tế, cũng như nghiên cứu, học hỏi quy định của pháp luật quốc tế để hoàn thiện khung khổ pháp lý của quốc gia mình. Pháp luật ưu đãi, hỗ trợ DN nói chung và DNXH nói riêng rất cần sự khéo léo, linh hoạt của Nhà nước để vừa có thể tạo điều kiện cho khu vực DN cần khuyến khích phát triển, vừa đảm bảo các cam kết của pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Trong hai thập kỷ qua, tiến trình hội nhập toàn diện của Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế lớn như ASEAN (ngày 25/7/1995), ASEM (tháng 03/1996), APEC (tháng 11/1998) và WTO (ngày 11/01/2007). Đồng thời, Việt Nam cũng tham gia ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA), trong đó có các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: FTA Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và

tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các FTA ASEAN + 1.... Các FTA thế hệ mới không chỉ điều chỉnh các chủ đề thương mại truyền thống mà theo Báo cáo của Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO năm 2011 đã chỉ ra, các FTA thế hệ mới trong phạm vi nghiên cứu của báo cáo đã điều chỉnh tới 38 vấn đề mang tính chất phi thương mại như môi trường, lao động, bảo vệ người tiêu dùng, sức khỏe và quyền con người...¹²² Đặc biệt, nhiều nội dung phi truyền thống như môi trường, lao động, bảo vệ người tiêu dùng... lại là những nội dung mà khi doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội của mình sẽ góp phần không nhỏ để thực thi các cam kết của Nhà nước về các vấn đề có liên quan.

Mặc dù hiện nay chưa có một cam kết quốc tế nào Việt Nam tham gia đề cập trực tiếp đến DNXH, tuy nhiên, các FTA kể trên đều chỉ ra rằng: DN luôn phải đảm bảo các trách nhiệm xã hội trong kinh doanh. Và như vậy, mô hình kinh doanh vì mục tiêu xã hội của DNXH là mô hình DN phù hợp nhất với tinh thần mà các cam kết quốc tế đang hướng tới. Bên cạnh đó, với đặc thù kinh doanh nên đa phần các DNXH đều có quy mô nhỏ và vừa. Theo Báo cáo hiện trạng DNXH tại Việt Nam do Hội đồng Anh, Tổ chức doanh nghiệp xã hội Vương quốc Anh và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) tiến hành năm 2019, hầu hết các DNXH ở Việt Nam hiện nay đều có quy mô nhỏ, cả về nguồn nhân lực, tài chính và doanh thu. Tính đến cuối năm 2019, ước tính các DNXH có dưới 20 nhân viên chiếm tới 70%. Thực tế này rất thuận lợi cho việc đảm bảo ưu đãi, hỗ trợ DNXH khi các cam kết FTA đều cho phép bảo lưu về các biện pháp dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (đặc biệt là trong các khía cạnh về trợ cấp, hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, ưu tiên trong lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm công, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực). Tuy vậy, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH trong thời gian tới cần phải tiếp tục rà soát, nghiên cứu để đảm bảo các quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH vừa đảm bảo khuyến khích DNXH phát triển, vừa đảm bảo công bằng trong kinh doanh và phù hợp với pháp luật quốc tế.

Như đã phân tích, DNXH là mô hình kinh doanh đã ra đời từ rất sớm trên thế giới và cho đến nay, với những ưu điểm nổi bật của mô hình kinh doanh này,

¹²² World Trade Organization, World Trade Report 2011: The WTO and preferential trade agreements: From co-existence to coherence”, Geneva, 2011, p.129

các DNXH đã và đang phát triển rất thành công tại nhiều quốc gia như vương quốc Anh, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ, Hàn Quốc... Mặc dù mô hình kinh doanh này cũng đã có ở Việt Nam từ rất sớm (thông qua hình thức như Hợp tác xã) thì tên gọi “DNXH” cũng mới chỉ chính thức được ghi nhận ở văn bản pháp luật của nước ta từ năm 2014. Và với những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật nước ta về DNXH thì mô hình này hiện vẫn hoạt động rất hạn chế ở Việt Nam. Chính vì lẽ đó, quá trình hoàn thiện pháp luật về DNXH nói chung và pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH nói riêng rất cần phải tham khảo, học hỏi kinh nghiệm xây dựng và thực thi pháp luật về DNXH của các quốc gia đã phát triển mô hình này.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

3.2.1. Hoàn thiện quy định về ưu đãi doanh nghiệp xã hội

3.2.1.1. Hoàn thiện quy định về đối tượng, ngành nghề và địa bàn ưu đãi

Như đã phân tích, pháp luật của một số quốc gia như Hàn Quốc đã xác định rất rõ tiêu chí nhận diện DNXH cả về mục tiêu hoạt động và giấy chứng nhận. Theo đó, các DN bắt buộc phải thuộc một trong các nhóm mục tiêu cụ thể mà Nhà nước quy định thì mới được công nhận là DNXH và trên cơ sở đó để được Nhà nước cho hưởng ưu đãi, hỗ trợ. Tại Việt Nam, quy định về DNXH trong pháp Luật Doanh nghiệp vẫn còn rất chung chung về “mục tiêu xã hội”. Chính vì vậy, khi gắn mục tiêu xã hội vào các ngành nghề, lĩnh vực để được hưởng ưu đãi đầu tư theo pháp Luật Đầu tư thì rất khó xác định và không đảm bảo sự đồng nhất. Do đó, nhiều DNXH cam kết hoạt động vì mục tiêu xã hội, đảm bảo tối thiểu số lợi nhuận hàng năm dùng để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội nhưng vẫn không được hưởng ưu đãi chung theo quy định của pháp Luật Đầu tư do không có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp để được hưởng ưu đãi.

Để định danh và kiểm soát các DNXH được thuận lợi hơn, Nhà nước cần quy định rõ tiêu chí nhận diện DNXH, cụ thể hóa phạm vi các “mục tiêu xã hội” mà DNXH có thể theo đuổi. Trên cơ sở đó, bổ sung những nhóm ngành nghề, lĩnh vực còn thiếu thuộc phạm vi “mục tiêu xã hội” vào nội dung quy định của pháp Luật Đầu tư để đảm bảo sự thống nhất giữa các quy định, đồng thời là cơ sở pháp lý vững chắc để DNXH được hưởng ưu đãi khi tham gia hoạt động đầu tư kinh doanh.

Thực tế hiện nay, các hoạt động kinh doanh nhưng đem lại lợi ích cho cộng đồng, giải quyết vấn đề xã hội là hết sức phong phú và đa dạng. Theo Cẩm nang thiết kế khung pháp lý về DNXH của OECD, các DNXH hiện nay đang hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, đưa ra các giải pháp sáng tạo cho những thách thức cấp bách và mục tiêu hoạt động đa dạng. Ví dụ như DNXH giúp giải quyết thay đổi nhân khẩu học liên quan đến dân số già (Ý, Luxembourg); biến đổi khí hậu; phát triển khu vực và hồi sinh các cộng đồng xa xôi (Slovakia, Tây Ban Nha); hội nhập của người di cư (Pháp, Tây Ban Nha); các hoạt động chăm sóc, giáo dục, phát triển cộng đồng, môi trường và năng lượng, nhà ở xã hội (Pháp)¹²³. Như vậy có thể thấy, bên cạnh các nhóm mục tiêu xã hội quen thuộc của DNXH như tạo việc làm cho nhóm người yếu thế, giải quyết vấn đề môi trường thì mục tiêu xã hội mà DNXH theo đuổi trên thực tế là hết sức phong phú và đều mang lại những lợi ích lớn lao cho cộng đồng và xã hội. Như đã trình bày, Đạo luật xúc tiến DNXH của Hàn Quốc cũng có quy định rất cụ thể các mục tiêu xã hội của DNXH. Chính vì vậy, để thuận lợi cho quá trình cấp chứng nhận cũng như làm căn cứ để DNXH được hưởng ưu đãi, hỗ trợ, cơ quan lập pháp cần quy định mang tính chất gợi ý, liệt kê các mục tiêu mà DN hướng tới được xác định là mục tiêu xã hội. Trong đó, có thể chia mục tiêu xã hội thành ba (03) nhóm: (i) nhóm mục tiêu tạo việc làm cho người yếu thế (trong đó cần quy định rõ nhóm yếu thế gồm những đối tượng nào), (ii) nhóm mục tiêu các ngành nghề Nhà nước đang khuyến khích xã hội hóa (giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường) và (iii) nhóm ngành nghề tạo mục tiêu tác động khác (nhóm này sẽ linh hoạt do cơ quan có thẩm quyền xác định và được hoàn thiện dựa theo thực tiễn đăng ký hoạt động của các DNXH). Trên cơ sở các mục tiêu xã hội đã được quy định cụ thể, cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét cấp Giấy chứng nhận DNXH cho DN, làm cơ sở để DN được xét hưởng ưu đãi, hỗ trợ.

Trong quá trình DNXH hoạt động, để xác định mức độ ưu đãi, hỗ trợ phù hợp, Nhà nước còn cần có sự phân loại DNXH dựa theo tỉ lệ tái đầu tư lợi nhuận cho xã hội của DN. Tham khảo kinh nghiệm quản lý DNXH của các quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc cho thấy, cần thiết phải xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chứng nhận riêng cho DNXH và tiến hành phân loại, cấp nhãn hiệu chứng nhận cho

¹²³ OECD, *Designing Legal Frameworks for Social Enterprises*, 2022, p.9

DNXH. Tùy theo tỷ lệ cam kết tái đầu tư lợi nhuận phục vụ mục tiêu xã hội và môi trường hàng năm mà DNXH sẽ được cơ quan quản lý phân loại và cấp “nhãn hiệu DNXH loại A - loại B - loại C” khác nhau, trên cơ sở đó cũng được hưởng các mức ưu đãi, hỗ trợ tương ứng với từng loại. Ví dụ: các DNXH đáp ứng đủ các yêu cầu của hệ thống chứng nhận và cam kết dành 100% tỷ lệ lợi nhuận không chia để tái đầu tư vì mục tiêu xã hội sẽ được xếp loại A và được cấp chứng nhận riêng; Loại B là các DNXH đáp ứng đủ các yêu cầu của hệ thống chứng nhận và cam kết dành từ 75% đến dưới 100% tỷ lệ lợi nhuận không chia để tái đầu tư vào mục tiêu xã hội; DNXH loại C là DN đáp ứng đủ các yêu cầu của hệ thống chứng nhận và cam kết dành từ 51% đến dưới 75% tỷ lệ lợi nhuận không chia để tái đầu tư vì mục tiêu xã hội. Việc cung cấp một hệ thống tiêu chuẩn chứng nhận cho DNXH sẽ giúp các cơ quan quản lý đảm bảo được hiệu quả thực hiện mục tiêu xã hội của DNXH. Một DNXH muốn có được nhãn hiệu chứng nhận thì phải đáp ứng toàn bộ những yêu cầu của hệ thống chứng nhận và yêu cầu liên quan với việc được nhận nhãn hiệu chứng nhận của Cơ quan chuyên trách về DNXH. Nhãn hiệu chứng nhận DNXH loại A, B, C sẽ là một lợi thế lớn đối với việc mở rộng phạm vi hoạt động, mô hình kinh doanh và lấy được lòng tin từ phía công chúng của DNXH, bên cạnh đó, nhãn hiệu của DNXH do Cơ quan chuyên trách về DNXH cũng đảm bảo hoạt động quản lý có tính hệ thống, rõ ràng, minh bạch hơn. Tóm lại, một hệ thống tiêu chuẩn chứng nhận cho DNXH được áp dụng để nhận diện sự tồn tại của DNXH một cách thực tế và cẩn thận thay vì lý thuyết quy định các tiêu chí tại Điều 10 LDN 2020 như hiện nay. Khi được cấp chứng nhận này, các DNXH sẽ được hưởng các ưu đãi như thuế, vốn (tài chính), hỗ trợ pháp lý... mà pháp luật quy định.

Ngoài ra, với vai trò và ý nghĩa về mục tiêu hoạt động, sự thừa nhận về địa vị pháp lý và những cam kết, nghĩa vụ mà DNXH phải đảm bảo, các DNXH đã đăng ký và hoạt động theo quy định cần phải được hưởng quyền lợi ưu đãi chung dành cho DNXH, bất kể DN đang hoạt động tại địa bàn nào thì cũng vẫn đóng góp “vì mục tiêu xã hội, môi trường” như đúng bản chất của DNXH đã đăng ký. Pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc, Anh và nhiều quốc gia khác, đều có điểm chung là không quy định hay căn cứ vào địa bàn, địa phương mà DN đó thành lập, hoạt động để xét hưởng quyền lợi ưu đãi. DNXH được hưởng ưu đãi

theo đối tượng ưu đãi vì DN đó là DNXH (đã được Nhà nước công nhận). Thực tế khảo sát tại Việt Nam cũng cho thấy, hầu hết các DNXH ở nước ta tập trung tại khu vực các thành phố lớn, chính vì vậy, nếu căn cứ vào địa bàn hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư thì hầu như các DNXH hiện nay đều không thuộc đối tượng để được hưởng ưu đãi.

Xuất phát từ thực tiễn hoạt động đó cũng như kinh nghiệm quốc tế, tác giả đề xuất bổ sung DNXH vào đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư tương tự như các doanh nghiệp đặc thù khác (doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ), tuy nhiên, việc xét hưởng ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH cần bám sát vào ngành nghề, lĩnh vực hoạt động cũng như cam kết về tỉ lệ lợi nhuận tái đầu tư vì mục tiêu xã hội của DN. DNXH dù hoạt động tại địa bàn nào, miễn đảm bảo mục tiêu xã hội thì sẽ đều được hưởng ưu đãi và hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Trong thời gian hưởng ưu đãi, DNXH không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư thì không được hưởng ưu đãi đầu tư cho thời gian không đáp ứng được điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư. Trường hợp DNXH đáp ứng điều kiện hưởng nhiều mức ưu đãi đầu tư khác nhau trong cùng một thời gian thì DNXH được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi cao nhất.

Các ưu đãi đầu tư khác nếu DNXH đáp ứng được thì DNXH có thể thực hiện thủ tục để hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật. Nói cách khác, việc nhìn nhận DNXH là đối tượng được hưởng các ưu đãi đầu tư không loại trừ các ưu đãi khác dành cho mọi DN.

3.2.1.2. Hoàn thiện quy định về hình thức ưu đãi

Các quy định về hình thức ưu đãi đối với DNXH chính là nội dung trọng tâm của pháp luật về ưu đãi DNXH, là vấn đề được các DNXH đặc biệt quan tâm vì phản ánh quyền lợi cụ thể mà các DNXH được hưởng. Tuy vậy, các quy định về ưu đãi thuế và ưu đãi về đất đai (mặt bằng sản xuất, kinh doanh) đối với DNXH hiện nay còn nhiều bất cập cần hoàn thiện.

**** Về ưu đãi thuế***

Ưu đãi thuế TNDN có ý nghĩa rất lớn đối với DNXH khi nguồn doanh thu của DN được tận dụng để tiếp tục tái đầu tư vì mục tiêu xã hội, giảm gánh nặng tài chính cho DNXH. Tuy nhiên, pháp luật nước ta hiện nay không có một điều khoản

nào quy định chi tiết về ưu đãi thuế đối với DNXH. Như đã phân tích ở Chương 2, các ưu đãi thuế hiện nay DNXH được hưởng là tương tự như các doanh nghiệp truyền thống, theo đó, DNXH có được hưởng ưu đãi thuế hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như địa bàn, lĩnh vực hoạt động, tỷ lệ lao động khuyết tật DN đang sử dụng... Rõ ràng rằng, các DNXH được thành lập nhằm giải quyết các vấn đề xã hội thay vì tối đa hóa lợi nhuận như các DN thông thường và do hình thức kinh doanh đặc thù nên theo quy định, hồ sơ thành lập DNXH cũng phức tạp hơn nhiều so với các DN khác, nhưng DNXH lại không được hưởng hình thức ưu đãi, hỗ trợ đặc thù. Do đó, khi tham gia vào thị trường cạnh tranh công bằng, có một sự đối đãi chưa công bằng đối với DNXH khi chính DN đang thực hiện những mục tiêu cao cả có tầm quan trọng và bền vững đối với cộng đồng xã hội và môi trường nhưng lại không được quan tâm, chia sẻ. Hơn thế nữa, quy định về ưu đãi thuế dành cho DN nói chung hiện nay cũng rất dàn trải, vì vậy, rất khó khăn cho DNXH khi tìm hiểu các ưu đãi về thuế mà DN có cơ hội được hưởng. Với tính đặc thù của DNXH và đặc biệt là với những đóng góp về mặt xã hội có tính lâu dài của mô hình DN này, Nhà nước cần sớm nghiên cứu bổ sung DNXH trở thành chủ thể đặc biệt hưởng ưu đãi thuế TNDN. Có như vậy thì dù DNXH kinh doanh trong lĩnh vực gì, địa bàn ở đâu, quy mô lớn hay nhỏ... miễn DN thỏa mãn các tiêu chí để được công nhận là DNXH thì đều được xét hưởng ưu đãi về thuế. Tuy nhiên, tỷ lệ miễn thuế, giảm thuế đối với DNXH cần tương ứng với khoản lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp giữ lại tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký. Đồng thời, Nhà nước sẽ chỉ miễn thuế đối với phần thu nhập không chia của DNXH, do đó, cần quy định rõ thu nhập không chia của DNXH là phần thu nhập để lại để đầu tư phát triển DNXH, phục vụ mục tiêu môi trường, xã hội và vì lợi ích cộng đồng.

Đối với các DN sử dụng lao động là người khuyết tật, Luật Thuế TNDN đã có quy định miễn thuế cho các DN đáp ứng được điều kiện: sử dụng 30% lao động là người khuyết tật và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật hiện nay, khi sử dụng lao động là người khuyết tật, các DN cũng phải đảm bảo chế độ ưu đãi về giờ làm, giờ nghỉ ngơi cho lao động khuyết tật. Điều này gây trở ngại cho các DN thực hiện sản xuất theo quy trình khép

kín. Vì thế, cũng không nhiều chủ DN sẵn sàng tuyển dụng lao động khuyết tật vào làm việc, và vô tình tạo thành một rào cản, khiến lao động khuyết tật càng khó khăn khi tìm việc làm. Chính vì vậy, chỉ cần các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% lao động bình quân trong năm là người khuyết tật đã rất đáng khuyến khích và cần được miễn thuế TNDN. Luật Thuế TNDN nên lược bỏ điều kiện DN phải có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên, vì nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ không đáp ứng được tiêu chí này và sẽ không được hưởng ưu đãi thuế, mặc dù có sử dụng 30% lao động là người khuyết tật. Ngoài ra, để tạo nên sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp sử dụng lao động là người khuyết tật, cần quy định mức độ hưởng ưu đãi cần tương ứng với tỷ lệ lao động là người khuyết tật. Ví dụ, doanh nghiệp sử dụng 15% lao động là người khuyết tật thì sẽ được hưởng 15% chính sách ưu đãi. Quy định này tạo nên sự linh hoạt trong việc hỗ trợ ưu đãi đối với các doanh nghiệp cũng như giúp người khuyết tật có cơ hội làm việc nhiều hơn. Đặc biệt, đối với các DNXH sử dụng lao động là người khuyết tật thì càng cần được ưu tiên, hỗ trợ vì DNXH vốn đã gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động, việc sử dụng lao động khuyết tật càng hạn chế hiệu quả hoạt động, sản xuất của DN.

Tại các quốc gia lân cận Việt Nam như Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc, quy định về ưu đãi thuế cho DNXH đã được quy định khá chi tiết và đầy đủ (xem trình bày tại chương 2). Tuy nhiên, các quốc gia này đều thống nhất quan điểm: không phải DNXH nào cũng được ưu đãi thuế, ví dụ: Thái Lan chỉ áp dụng ưu đãi thuế cho nhóm DNXH không chia sẻ lợi nhuận. Chính sách miễn thuế chỉ được chính phủ Thái Lan ưu tiên dành cho những DNXH đã có chứng nhận bởi một cơ quan thứ ba có thẩm quyền, đồng thời DN còn phải đáp ứng rất nhiều tiêu chí chặt chẽ khác (ví dụ phải tái đầu tư 100% lợi nhuận vào hoạt động của doanh nghiệp, tài sản bị hạn chế chuyển nhượng). Như vậy, không phải DNXH nào cũng được hưởng chính sách ưu đãi thuế như nhau. Chính vì vậy, đề xuất việc cấp Giấy chứng nhận DNXH và dựa theo cam kết tỷ lệ tái đầu tư lợi nhuận cho mục tiêu xã hội để phân loại DNXH loại A, loại B, loại C sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định mức độ ưu đãi thuế đối với DNXH tại Việt Nam. Tuy nhiên, căn cứ vào thực trạng hoạt động của khu vực DNXH ở Việt Nam hiện nay cho thấy, khu vực DNXH còn khá non trẻ với chủ yếu các DNXH quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Chính vì vậy, để tạo

điều kiện cho các DNXH, Nhà nước nên quy định miễn thuế trong 3 năm đầu cho tất cả các chủ thể kinh doanh đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận DNXH, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận DNXH. Từ năm tài chính thứ 4 trở đi, DNXH được xem xét miễn thuế hoặc giảm thuế theo phân loại cụ thể, dựa theo mức độ tái đầu tư lợi nhuận để thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của DN.

Tham khảo kinh nghiệm của Thái Lan, ngoài việc quy định về ưu đãi thuế TNDN cho DNXH, để khuyến khích nguồn vốn đầu tư xã hội dành cho DNXH, pháp luật Việt Nam cũng cần bổ sung quy định miễn, giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vốn trong DNXH. Cụ thể, 100% số tiền nhà đầu tư đầu tư vào DNXH sẽ được miễn thuế. Nếu nhà đầu tư chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong DNXH trước khi giải thể, nhà đầu tư sẽ mất quyền miễn thuế. Trường hợp các tổ chức, pháp nhân tặng tiền hoặc tài sản cho DNXH cũng có thể được miễn thuế tương ứng với một tỷ lệ % lợi nhuận ròng của pháp nhân đó.

Ngoài ra, tương tự như chính sách thuế đang áp dụng đối với các ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển khác, Nhà nước có thể xem xét tạo điều kiện giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với hàng hóa, dịch vụ của DNXH. Giảm thuế VAT đầu ra là cách để thu hút thị trường sẵn sàng chi trả nhiều hơn cho sản phẩm, dịch vụ của DNXH, từ đó tạo điều kiện thúc đẩy DNXH phát triển.

** Về ưu đãi đất đai*

Qua thực tế hoạt động của các DNXH hiện nay cho thấy, nhiều DNXH đang rất khó khăn về địa điểm hoạt động vì các lý do như không đủ chi phí để thuê địa điểm cố định hoặc nếu DNXH sử dụng lao động khuyết tật thì phải đảm bảo các điều kiện về nơi làm việc phù hợp với đối tượng người khuyết tật, thậm chí ngoài đảm bảo về cơ sở tại nơi làm việc, DNXH còn phải đảm bảo đủ chỗ ăn, nghỉ vì nhiều người khuyết tật rất hạn chế trong việc di chuyển, đi lại. Chính vì vậy, các ưu đãi về mặt bằng sản xuất, kinh doanh là rất quan trọng và thiết thực với nhu cầu của DNXH hiện nay.

Tuy vậy, pháp Luật Đất đai của Việt Nam hiện nay quy định ưu đãi về đất đai được dành cho các DN căn cứ vào mục đích sử dụng đất và địa bàn nơi có đất mà không có bất kỳ một ưu đãi nào về đất đai dành riêng cho đối tượng là DNXH. Trong khi đó, qua nghiên cứu pháp luật quốc tế cho thấy, nhiều quốc gia trên thế

giới hiện nay đã quy định: chỉ có DNXH mới được giao sử dụng, khai thác các khu đất trống, tòa nhà cũ xây dựng, sửa chữa, chuyển đổi thành các không gian cung cấp dịch vụ cộng đồng, chia sẻ chung bởi cộng đồng dân cư địa phương¹²⁴.

Tại Việt Nam, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện quản lý, vì vậy, cũng cần có những ưu đãi về sử dụng đất cho các DNXH. Hiện nay, pháp luật chỉ mới quy định về việc miễn tiền thuê đất đối với các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số (tùy theo tỷ lệ lao động sử dụng để có mức độ miễn.giảm thuế khác nhau). Tuy nhiên, chính sách miễn tiền thuê đất này cũng chỉ hỗ trợ được nếu DN có cơ hội tiếp cận thông tin để thuê các khu đất công. Trong thực tế, qua khảo sát các DNXH cho thấy, việc tiếp cận nguồn đất công là không dễ dàng hoặc nếu có thì cũng có thể vị trí đất không phù hợp với đặc thù kinh doanh, đặc điểm lao động của DN, do đó, DNXH cũng chọn phương án tìm và thuê đất tư. Mặt khác, các DNXH trong những năm đầu thành lập đều gặp những khó khăn như nhau, đặc biệt đối với các DNXH sử dụng lao động là người khuyết tật, chính vì vậy, việc ưu đãi tiền thuê đất hay miễn/giảm tiền thuế sử dụng đất cần được quy định chung cho tất cả các DNXH trong 3 năm đầu thành lập. Cụ thể, Nhà nước sẽ miễn toàn bộ tiền thuê đất và thuế sử dụng đất đối với các dự án đầu tư của DNXH trong vòng 3 năm đầu thành lập. Từ các năm tiếp theo, tùy theo phân loại DNXH hay tùy theo tỷ lệ % lợi nhuận tái đầu tư của DNXH mà DN được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất. Ngoài việc quy định miễn tiền thuê đất đối với quỹ đất công thì Nhà nước giao trách nhiệm Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nơi DNXH đặt trụ sở chính hỗ trợ một phần kinh phí nếu DNXH ký hợp đồng thuê mặt bằng từ quỹ đất tư. Mức kinh phí hỗ trợ cần được nghiên cứu, xem xét cụ thể dựa theo quy mô DN và giá trị hợp đồng thuê mặt bằng.

Ngoài ra, pháp luật hiện nay cũng đã có quy định, DNXH được Nhà nước hỗ trợ kinh phí cải tạo môi trường làm việc phù hợp cho người khuyết tật, tuy nhiên, hiện nay, mức hỗ trợ, thủ tục nhận hỗ trợ chưa có quy định cụ thể nên DNXH cũng còn nhiều khó khăn, lúng túng trong thủ tục nhận hỗ trợ này. Vì vậy, Nhà nước cần có hướng dẫn về hỗ trợ kinh phí cải tạo môi trường làm việc phù hợp cho người

¹²⁴ Bùi Đức Thọ, Trương Thị Nam Thắng, Sách chuyên khảo “Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam”, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr. 222

khuyết tật. Cơ quan có thẩm quyền cần quy định cụ thể về vấn đề này để giúp doanh nghiệp nói chung và DNXH nói riêng dễ dàng tiếp cận thông tin, từ đó “cởi mở” hơn trong việc sử dụng lao động là người khuyết tật. Chính phủ cần quy định cụ thể, thống nhất về chế độ và thủ tục hỗ trợ kinh phí cải thiện điều kiện làm việc đối với DNXH sử dụng lao động khuyết tật. Theo đó, đề xuất mức hỗ trợ căn cứ vào số lượng lao động khuyết tật DN sử dụng, tuy nhiên, cần có sự theo dõi và xác nhận về tỷ lệ lao động khuyết tật của Sở lao động, thương binh và xã hội địa phương DNXH đăng ký trụ sở. Trên cơ sở xác nhận này, DN nộp hồ sơ xin đề nghị hỗ trợ. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố có trách nhiệm lập Quỹ hỗ trợ DNXH, kêu gọi từ sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nguồn kinh phí hỗ trợ DNXH cải thiện điều kiện làm việc được trích từ nguồn quỹ này. Tuy nhiên, việc quản lý và sử dụng Quỹ cần được xây dựng chặt chẽ để đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng số lượng, đảm bảo hiệu quả và lòng tin tưởng, ủng hộ của các mạnh thường quân.

3.2.2. Hoàn thiện quy định về hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Như đã phân tích ở chương 2, các quy định về hỗ trợ đối với doanh nghiệp nói chung tập trung chủ yếu vào nội dung các hình thức hỗ trợ. Đối với DNXH, do pháp luật hầu như chưa có quy định hỗ trợ riêng dành cho mô hình kinh doanh đặc biệt này nên chế độ hỗ trợ đối với DNXH được áp dụng chung theo các quy định về hỗ trợ DN trong pháp Luật Đầu tư, pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quy định liên quan khác. Hệ thống quy định này chủ yếu đề cập đến các hình thức hỗ trợ DN, chính vì vậy, việc hoàn thiện quy định về hỗ trợ DNXH cũng chủ yếu hướng tới hoàn thiện nội dung các quy định về các hình thức hỗ trợ cụ thể như hỗ trợ về tài chính (vốn), hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ các thủ tục hành chính - pháp lý dành cho DNXH.

3.2.2.1. Hoàn thiện quy định về hỗ trợ vốn

Một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay của các DNXH là thiếu vốn và khả năng huy động vốn hạn chế. Bảo toàn được vốn là thách thức lớn đối với DNXH, đặc biệt trong 2 năm gần đây do ảnh hưởng của dịch Covid -19 nên phần lớn các DN đều gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong khi đó, DNXH vẫn phải dành tối thiểu 51% lợi nhuận để tái đầu tư vì mục tiêu xã hội. Vì

vậy, Nhà nước cần có chính sách tài chính đặc thù để hỗ trợ phần nào rủi ro kinh doanh cho nhà đầu tư, đồng thời cũng là để những người lao động yếu thế được ổn định công việc, có thu nhập đảm bảo cuộc sống cho gia đình. Theo Báo cáo hiện trạng DNXH năm 2019, khó khăn lớn nhất của DNXH là tiếp cận tới các nhà đầu tư vốn (54%)¹²⁵, vì vậy, để khắc phục khó khăn này, Nhà nước cần sớm hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin đồng bộ, trong đó cập nhật công khai thông tin, yêu cầu về các khoản vay/ hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ hay các quỹ đầu tư mà DNXH có thể tiếp cận một cách có hệ thống. Giải pháp này sẽ giúp nhiều DNXH có đầy đủ thông tin về các gói vay hay chương trình hỗ trợ vốn, thuận lợi, linh hoạt hơn trong quá trình tiếp cận tới các nhà đầu tư.

Thực tế, nguồn vốn của DNXH là rất đa dạng, tuy nhiên, mỗi nguồn vốn lại có những khó khăn khác nhau trong việc tiếp cận nên cần có giải pháp phù hợp để khắc phục những khó khăn cụ thể đối với từng nguồn vốn hiện nay.

Thứ nhất, đối với nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng

Thực tế hiện nay, các DNXH tại Việt Nam với tính chất dự án mới, giá trị tài sản thế chấp nhỏ thì chỉ có thể tiếp cận một số khoản vay rất hạn chế của các tổ chức tín dụng và thường giá trị khoản vay được không nhiều dẫn đến DN không đủ tiền để có thể thực hiện tốt được các dự án. Chính vì vậy, để hỗ trợ DNXH tiếp cận nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước có thể xem xét mở rộng bảo lãnh tín dụng cho các khoản nợ có triển vọng nhưng thiếu tài sản thế chấp. Cụ thể, Quỹ của Chính phủ sẽ là bên bảo lãnh, bên đi vay là DNXH và bên cho vay là các tổ chức tài chính. Nếu DNXH không có khả năng trả nợ, Quỹ sẽ có trách nhiệm thanh toán nghĩa vụ bảo lãnh cho tổ chức tín dụng.

Thứ hai, bổ sung DNXH là đối tượng được vay vốn của một số Quỹ hỗ trợ hiện nay

Ở nước ta, một số Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp cũng đã hình thành như Quỹ quốc gia về việc làm, tuy nhiên, như đã phân tích, DNXH muốn tiếp cận với nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm thì bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay dựa trên cơ sở tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu và số lao động sử dụng. Có nghĩa, nếu

¹²⁵ British Council, CIEM, Báo cáo hiện trạng DNXH tại Việt Nam, năm 2019

DNXH có sử dụng lao động quá 300 người hoặc quá 200 người tùy theo lĩnh vực hoạt động thì sẽ không nằm trong đối tượng có thể vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm. Đó thực sự là một bất cập khi mục tiêu hoạt động của DNXH là nhằm xóa đói giảm nghèo, giải quyết công ăn việc làm cho những đối tượng bị tổn thương, yếu thế hay nhân rộng mô hình kinh doanh bảo vệ sinh thái bền vững, việc có thể thu hút càng nhiều lao động tham gia và càng mở rộng quy mô hoạt động càng góp phần giải quyết chia sẻ hiệu quả các gánh nặng mà Nhà nước đang phải gánh chịu. Vì vậy, cũng nên bổ sung quy định về đối tượng được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo hướng bổ sung DNXH vào đối tượng được vay của Quỹ này chứ không phải họ được vay vốn vì lý do họ là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ ba, hình thành Quỹ hỗ trợ dành riêng cho DNXH

Thực tế DNXH hoạt động tại nhiều quốc gia cho thấy, DNXH rất cần sự quan tâm, hỗ trợ về vốn không chỉ từ Chính phủ mà còn cần thành lập các Quỹ riêng dành cho DNXH, tiêu biểu như Singapore. Hiện nay ở nước ta chưa có bất kỳ một Quỹ nào dành riêng cho DNXH, vì vậy, để tạo điều kiện về vốn cho DNXH, Việt Nam cũng cần phải có các Quỹ đầu tư dành riêng cho DNXH. Trong đó, tài chính của Quỹ có thể vận động, huy động từ các doanh nghiệp khác mong muốn đầu tư, đóng góp cho xã hội và môi trường nhưng không phải là DNXH, đổi lại, Nhà nước đảm bảo khoản đầu tư được thực hiện đúng mục đích có ích cho xã hội và môi trường, đồng thời, DN đầu tư được Nhà nước hỗ trợ truyền thông quảng bá để xây dựng hình ảnh. Ngoài ra, việc thành lập Quỹ cũng có thể dựa trên việc huy động từ các cá nhân, tổ chức có tài chính nhàn rỗi trong xã hội và mong muốn đóng góp, đầu tư vào các DN có mục tiêu giải quyết các vấn đề về xã hội và môi trường như mô hình DNXH.

Thứ tư, đối với nguồn vốn nhận viện trợ, tài trợ

Như đã phân tích, bên cạnh quyền nhận viện trợ, tài trợ của DNXH thì pháp luật nước ta hiện nay không có quy định nào ngăn cản quyền nhận tài trợ của các doanh nghiệp thông thường, vấn đề quan trọng là ở khả năng thuyết phục nhà tài trợ của doanh nghiệp. Như vậy, dù là DNXH hay DN thương mại thì đều có quyền nhận tài trợ, viện trợ, tuy nhiên, DNXH bên cạnh quyền lại phải kèm thêm nghĩa vụ thông báo công khai thực hiện mục tiêu xã hội và các quy định chặt chẽ khác về

việc nhận và sử dụng nguồn vốn tài trợ, viện trợ như nghĩa vụ thông báo với cơ quan quản lý Nhà nước. Nhà nước chỉ quản lý chặt chẽ đối với hoạt động nhận tài trợ của DNXH mà không quy định rõ cơ chế kiểm soát đối với hoạt động nhận tài trợ của các DN thương mại dễ dẫn đến nguy cơ một số doanh nghiệp sử dụng không đúng mục đích, số tiền tài trợ hay lợi dụng nguồn tài trợ để làm lợi riêng. Chính vì vậy, đối với nguồn vốn viện trợ và tài trợ, pháp luật cần có quy định rõ ràng về việc có hay không cho phép các DN thông thường nhận viện trợ, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nếu có, cần quy định chung cơ chế kiểm soát việc nhận và sử dụng nguồn viện trợ, tài trợ đối với tất cả các doanh nghiệp (không chỉ quy định cơ chế kiểm soát đối với DNXH như hiện nay).

Ngoài hỗ trợ nguồn vốn kinh doanh cho DN, để DNXH chủ động tài chính hoạt động, Nhà nước cần có cơ chế tạo điều kiện, hỗ trợ DNXH mở rộng thị trường để đảm bảo hoạt động và tạo ra nguồn doanh thu ổn định. Theo đó, Nhà nước cần thiết lập các nền tảng thông tin và giao dịch thương mại điện tử quốc gia, bảo đảm DNXH được nhận biết và giao thương trên nền tảng đó. Trong đó, cùng với giải pháp cấp chứng nhận và phân loại DNXH đã trình bày ở phần trên sẽ giúp DNXH nâng cao năng lực cạnh tranh trên các trang thương mại điện tử này. Nhà nước cũng cần có chính sách ưu tiên DNXH tham gia đấu thầu, cung cấp hàng hóa và dịch vụ công. Theo báo cáo “Hiện trạng DNXH tại Việt Nam” năm 2019 do Hội đồng Anh¹²⁶ khảo sát, hiện thị trường chủ yếu của DNXH vẫn là khu vực dân cư và cộng đồng nói chung (chiếm >53%), trong đó, thị trường khu vực công (bao gồm các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước) mới chỉ chiếm 18% thị trường của DNXH. Như vậy, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp công hoàn toàn có thể trở thành các khách hàng ủng hộ hoạt động của DNXH thông qua việc Nhà nước tạo điều kiện để DNXH được tham gia vào các hoạt động đấu thầu và cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu vực công. Nhờ đó, mở rộng thị trường và doanh thu cho DNXH, giúp DN tự đảm bảo được nguồn vốn kinh doanh cho DN mà giảm sự phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

3.2.2.2. Hoàn thiện quy định về hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

Trong mọi DN, nhân lực luôn được coi là một “nguồn vốn” quan trọng và thường được gọi là vốn con người. Đã có nhiều công trình nghiên cứu chứng minh

¹²⁶ British council, CIEM, Social Enterprise UK, *Social Enterprises in Vietnam*, 2019

nguồn vốn con người có ảnh hưởng trực tiếp và quan hệ mật thiết với năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế của doanh nghiệp. Theo quan điểm của Romer, nguồn vốn con người được định nghĩa là một nguồn lực cơ bản tạo ra năng suất kinh tế¹²⁷. Chính vì vai trò quan trọng của nguồn vốn con người mà việc hỗ trợ các DNXH nâng cao chất lượng nguồn nhân lực càng trở nên cần thiết. Với nguồn nhân lực được Nhà nước hỗ trợ, DN chắc chắn sẽ có cơ hội hoạt động ổn định lâu dài và phát triển bền vững hơn.

DNXH với đặc trưng xuất phát từ ý tưởng khởi nghiệp của các doanh nhân xã hội và nhiều DNXH hướng tới mục tiêu đào tạo, tạo công ăn việc làm cho những người yếu thế, vì vậy mà năng lực quản trị doanh nghiệp và chất lượng của nhóm lao động yếu thế thường không cao. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong DNXH, Nhà nước cần tập trung vào các hỗ trợ dành riêng cho hai đối tượng là nhân lực quản lý và nhân lực lao động (chủ yếu là nhóm lao động yếu thế).

- *Đối với các nhân lực lao động là nhóm người yếu thế*

Hiện nay, pháp luật của nước ta đã rất quan tâm và tạo điều kiện cho nhóm lao động là người khuyết tật với các quy định về hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, tay nghề. Tuy nhiên, một số quy định về hỗ trợ hiện nay không còn phù hợp thì cần được rà soát, sửa đổi.

Một là, sửa đổi điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo. Theo đó, cần sửa đổi độ tuổi lao động được hỗ trợ đào tạo đúng với quy định về độ tuổi lao động trong Bộ luật Lao động năm 2019 (nữ từ đủ 15-60 tuổi vào năm 2035; nam từ đủ 15-62 tuổi vào năm 2028; từ ngày 01/01/2021 cứ mỗi năm tăng thêm 3 tháng đối với lao động nam và 4 tháng đối với lao động nữ). Thứ hai, nên quy định trình độ học vấn theo hướng là tiêu chí khuyến khích chứ không phải là điều kiện cần đối với người khuyết tật. Bởi người khuyết tật rất khó đạt được một trình độ giáo dục nhất định. Cuối cùng, không nên quy định điều kiện bắt buộc “có phương án tự tạo việc làm” đối với người khuyết tật. Bởi chính sách Nhà nước luôn là “khuyến khích” người khuyết tật tự tạo việc làm.

¹²⁷ Romer, P. (1990). *Endogenous Technological Change*. *Journal of Political Economy*, 98(5), 71-102.

Ngoài vấn đề hỗ trợ chi phí đào tạo, một trong các khó khăn khác của người khuyết tật đó chính là vấn đề đi lại. Hiện nay, quy định về kinh phí hỗ trợ đi lại cho người khuyết tật đã có, tuy nhiên, mức chi hỗ trợ khó đảm bảo tính khả thi, vì vậy, Nhà nước cần quy định kinh phí hỗ trợ đi lại phù hợp thực tế hơn. Việc hỗ trợ kinh phí đi lại cần xem xét dựa trên nhiều yếu tố như dạng tật, tỷ lệ tật và khoảng cách địa lý; không nên đặt ra một mức tiền hỗ trợ cụ thể.

Về vấn đề thời gian và ngành nghề đào tạo: cần quy định linh hoạt về thời gian đào tạo. Nhà nước cần có chính sách định hướng để các trung tâm dạy nghề có thời gian đào tạo linh hoạt; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của người khuyết tật; đảm bảo chất lượng đầu ra sau mỗi khóa học; cần chú trọng mở rộng ngành nghề đào tạo. Danh mục ngành nghề đào tạo cần được quy định cụ thể và mở rộng sang các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định về hỗ trợ nhân lực lao động là người yếu thế trong các DNXH thì để tạo điều kiện cho người lao động nói chung khi làm việc trong DNXH, Nhà nước cần bổ sung thêm các biện pháp hỗ trợ lao động nói chung trong DNXH. Do nguồn thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh còn nhiều hạn chế nhưng DNXH vẫn phải cạnh tranh về thị trường tuyển dụng lao động với các DN khác nên DNXH thường gặp rất nhiều khó khăn khi tuyển dụng lao động, đặc biệt đối với nguồn lao động có năng lực, tay nghề cao. Chính vì vậy, pháp luật của nhiều quốc gia có quy định việc hỗ trợ lao động trong các DNXH như Hàn Quốc cung cấp các gói hỗ trợ Bảo hiểm xã hội, tiền lương cho người lao động làm việc trong DNXH. Ở nước ta, nguồn lực của ngân sách Nhà nước còn hạn chế, do đó, việc hỗ trợ tiền mặt cho các DNXH để trả lương cho người lao động là không phù hợp, tuy vậy, hỗ trợ phần nào chi phí Bảo hiểm xã hội để bù lại chênh lệch về thu nhập của người lao động khi làm việc trong DNXH với các DN thông thường là điều có thể và cần nghiên cứu bổ sung.

- *Đối với nhóm nhân lực quản lý*

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào, nhân lực quản lý luôn đóng góp vai trò quan trọng, là đầu não dẫn dắt, lãnh đạo sự tồn tại và phát triển của DN. DNXH chủ yếu xuất phát từ ý tưởng của các thương nhân xã hội - những người tìm đến kinh doanh trước tiên vì mong muốn giúp ích cho những người khó khăn và cho cộng đồng,

chứ không phải vì mục tiêu lợi nhuận. Chính vì vậy, ở giai đoạn đầu thành lập, các thương nhân xã hội thường quản lý, vận hành DNXH bằng tình cảm nhiều hơn bằng kiến thức và việc thiếu kỹ năng quản lý, vận hành DN là điều dễ hiểu và thông cảm. Không chỉ thiếu kỹ năng quản lý, nhiều lãnh đạo DNXH còn thiếu các kiến thức về kinh doanh, marketing sản phẩm, dịch vụ... Trong khi đó, việc tuyển thêm đội ngũ nhân lực hỗ trợ lãnh đạo lại rất khó vì DN khó đảm bảo mức thu nhập cạnh tranh với các DN thương mại khác. Vì vậy, để hỗ trợ DNXH phát triển, Nhà nước còn cần quan tâm với việc hỗ trợ đào tạo khối lãnh đạo, quản lý của DNXH. Cụ thể, Nhà nước định kỳ mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng dành cho lãnh đạo, quản lý của các DNXH, các lớp này cần được mở miễn phí trên cơ sở sự kết hợp hỗ trợ của các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu và các doanh nhân xã hội đã thành công. Nhà nước cũng cần quy định: việc tham gia hỗ trợ DNXH là một trong các nhiệm vụ của các đơn vị đào tạo bậc đại học, từ đó hình thành mạng lưới kết nối để hỗ trợ DNXH, giúp DN nghiên cứu thị trường, phân tích tình hình, lập kế hoạch, tổ chức hội thảo và mở các khóa đào tạo.

3.2.2.3. Hoàn thiện quy định về hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý

Như đã phân tích tại chương 2, nội dung các quy định để hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý đối với DNXH ở nước ta hiện nay còn rất nhiều hạn chế. Cơ chế hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý đối với DNXH từ lúc thành lập cho đến các thủ tục phát sinh trong quá trình hoạt động gần như không có. Thậm chí, do tính chất đặc thù về cam kết sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội nên nhiều thủ tục pháp lý của DNXH còn quy định phức tạp hơn so với các DN thông thường. Vì vậy, để hỗ trợ thủ tục pháp lý trong việc thành lập DNXH, học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, DNXH không nhất thiết phải đăng ký là DNXH ngay tại thời điểm thành lập. Thủ tục đăng ký thành lập DNXH có thể chia thành 2 giai đoạn, trong đó, giai đoạn 1 là chủ thể kinh doanh đăng ký kinh doanh theo thủ tục thông thường và giai đoạn 2 là chủ thể kinh doanh đăng ký để được công nhận là DNXH. Ở giai đoạn 1, việc quản lý hồ sơ thành lập DN nói chung (trong đó bao gồm cả DNXH) vẫn do cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành với các yêu cầu về quy trình, hồ sơ, thời gian theo quy định chung. Tuy nhiên, giai đoạn 2, sau khi được cấp GCN ĐKDN, tùy theo mục tiêu hoạt động và các điều kiện, tiêu chí DN tiếp tục làm thủ

tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận là DNXH tại Cơ quan có thẩm quyền quản lý chuyên trách theo quy định.

Pháp Luật Doanh nghiệp cũng có quy định về việc tạo thuận lợi và hỗ trợ DNXH trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan cho DNXH. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có bất kỳ một hướng dẫn nào cụ thể liên quan đến quy định này, chính vì vậy, Chính phủ cần sớm cụ thể hóa các quy định về hỗ trợ thủ tục cấp giấy phép, chứng chỉ và các loại giấy chứng nhận (nếu cần) cho DNXH. Việc pháp luật quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ DN trong việc cấp giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh là một hình thức động viên, khuyến khích rất lớn đối với các thương nhân xã hội. Ấn Độ là quốc gia đã quy định và thực hiện trợ cấp kinh phí đăng ký nhãn hiệu hay giảm 50% chi phí đăng ký bằng sáng chế cho các DNXH¹²⁸. Tham khảo kinh nghiệm đó, tác giả đề xuất việc bổ sung quy định về việc miễn/giảm các chi phí hành chính đối với DNXH khi làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan. Ngoài việc hỗ trợ chi phí hành chính, Nhà nước cần giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý chuyên môn để mở các Văn phòng hỗ trợ DNXH. Văn phòng hỗ trợ DNXH sẽ trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh/thành phố để kịp thời tư vấn, hỗ trợ về hồ sơ, thủ tục hành chính và giải đáp các vướng mắc pháp lý cho DNXH.

Đối với những bất cập về vấn đề chuyển đổi từ các loại hình kinh doanh khác sang DNXH, nếu khái niệm DNXH được điều chỉnh, hình thức pháp lý đăng ký của DNXH được mở rộng theo hướng DNXH là mô hình kinh doanh vì mục tiêu xã hội, chứ không bắt buộc DNXH phải đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp thì sẽ xóa bỏ được tất cả các bất cập về vấn đề chuyển đổi loại hình hoạt động của các tổ chức khác sang DNXH. Khi đó, các tổ chức hiện nay đang hoạt động vì mục tiêu xã hội nhưng đăng ký theo loại hình trung tâm, hợp tác xã... đều có thể đủ điều kiện để được công nhận là DNXH mà không cần làm thủ tục chuyển đổi. Việc mở rộng hình thức pháp lý của DNXH cũng đồng thời đảm bảo tính linh hoạt, thuận tiện trong quá trình hoạt động, kinh doanh của mô hình này.

Đối với vấn đề chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội và quỹ từ thiện thành

¹²⁸ Đỗ Hải Hoàn, *Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội ở Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo “Thực trạng phát triển DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam, 2019, tr.55

DNXH là một quy định mới và tiến bộ của pháp luật Việt Nam, tuy nhiên cũng cần quy định rõ các điều kiện, thủ tục bởi vốn dĩ, các tổ chức trên không phải là chủ thể kinh doanh. Quy định chuyển đổi sang DNXH giúp cho các cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có cơ hội được lựa chọn mô hình hoạt động, làm sao cho phù hợp điều kiện, khả năng và hoạt động đặc thù nhất, có thể mang lại hiệu quả tối ưu trong hoạt động nội bộ và hoạt động thực hiện mục tiêu xã hội. Vì vậy, quy định tiêu chí cụ thể để các tổ chức này chuyển đổi thành DNXH là rất quan trọng. Pháp luật cần đưa ra các điều kiện, tiêu chí cụ thể để các chủ thể trên có thể trở thành DNXH thay vì quy định “sau khi có Quyết định cho phép chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện”, để tránh việc cơ quan có thẩm quyền lạm dụng quyền lực gây khó khăn hay chính các chủ thể không nắm rõ mình có thể chuyển đổi được hay không để thực hiện việc chuyển đổi. Các tiêu chí cần phải bao hàm được các nội dung sau đây: Các chủ thể này phải có khả năng kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận; không chuyển đổi nhằm mục đích thực hiện các hành vi lách luật hay trốn tránh các nghĩa vụ; sau khi chuyển đổi, chủ thể phải đủ khả năng về tài chính và năng lực quản lý để duy trì và phát triển DNXH, tránh rủi ro khi vừa thực hiện chuyển đổi sang mô hình DNXH, thì chỉ tồn tại được trong một thời gian ngắn đã sụp đổ. Đồng thời, cách sử dụng thuật ngữ cơ sở bảo trợ xã hội trong Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp là không thống nhất với các văn bản pháp lý khác, vì vậy, cần sửa đổi, thay thế thuật ngữ này bằng cụm từ “cơ sở trợ giúp xã hội” để đảm bảo sự thống nhất giữa pháp Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý liên quan. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định cụ thể về việc cho phép cơ sở trợ giúp xã hội được chuyển đổi thành DNXH trong văn bản điều chỉnh trực tiếp việc thành lập, tổ chức, hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội.

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

Từ góc độ quản lý, Nhà nước quy định cụ thể các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH là điều rất cần thiết, tuy vậy, các ưu đãi, hỗ trợ này có thể được thực thi hiệu quả, thành công và thực sự khuyến khích phát triển mô hình DNXH được hay

không còn phụ thuộc vào sự kết hợp, chung tay của rất nhiều các chủ thể khác, như vai trò của cộng đồng và của các tổ chức trung gian hỗ trợ. Vì vậy, để khuyến khích DNXH. Nhà nước cần có những giải pháp mang tính vĩ mô để kêu gọi sự ủng hộ, đồng thuận của cả xã hội vào mục tiêu hỗ trợ phát triển DNXH. Cụ thể, nghiên cứu sinh đề xuất một số giải pháp sau:

3.3.1. Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Hệ sinh thái hỗ trợ DNXH là một thuật ngữ không còn xa lạ với nhiều nhà nghiên cứu DNXH trên thế giới và cũng đã được nhiều quốc gia quan tâm, xây dựng. Tuy nhiên, thuật ngữ này còn khá xa lạ tại Việt Nam. Theo quan điểm của Ủy ban Châu Âu, hệ sinh thái DNXH bao gồm các cấu phần tạo môi trường hỗ trợ cho DNXH, trong đó có khả năng giải quyết các vấn đề và thách thức chính mà DNXH gặp phải. Như vậy, hệ sinh thái cho DNXH được thiết lập để nhằm mục đích giúp DNXH có thể tồn tại, phát triển và đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng. Việc xác định cụ thể các chính sách hỗ trợ phát triển DNXH có vai trò quan trọng và được nhiều quốc gia trên thế giới tập trung nghiên cứu.

DNXH cũng hoạt động kinh doanh như mọi doanh nghiệp khác nhưng lại đặt sứ mệnh giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường làm trọng tâm cho nên cần một hệ sinh thái đặc thù hơn để thúc đẩy sự phát triển tinh thần kinh doanh và sáng tạo xã hội. Hệ sinh thái hỗ trợ DNXH là môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển DNXH, trong đó có sự tham gia của Nhà nước, các tổ chức tài chính, các cơ sở giáo dục và truyền thông. Thiết lập và phát triển hệ sinh thái DNXH là một trong các nhiệm vụ thuộc chiến lược phát triển DNXH của các quốc gia trên thế giới hiện nay. Năm 2006, Chính phủ Anh ban hành Kế hoạch hành động về DNXH. Theo đó, Chính phủ Anh đã vận động tối đa sự tham gia của các cơ quan có liên quan để thúc đẩy và hỗ trợ DNXH như Bộ Kinh doanh, Bộ Doanh nghiệp và Cải cách thể chế, Bộ Y tế, Bộ Trẻ em, Bộ Trường học và Gia đình, Các chính sách hỗ trợ DNXH của hệ sinh thái này tập trung vào các vấn đề như nuôi dưỡng tinh thần DNXH, tư vấn thành lập và phát triển DNXH, cải thiện hiệu quả tiếp cận nguồn vốn tài chính, tăng cường hợp tác giữa DNXH với chính phủ.

Tại Việt Nam, thuật ngữ DNXH tuy được thừa nhận trong Luật Doanh nghiệp từ năm 2014, tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa được đông đảo cộng đồng xã

hội biết đến nhiều, chính vì vậy, sự ủng hộ, hỗ trợ của xã hội dành cho mô hình DN này chưa cao. Mọi hỗ trợ mang tính rời rạc, thiếu quy mô và kết nối, ví dụ như các cơ quan quản lý, viện nghiên cứu thì tập trung các đề tài nghiên cứu về DNXH, một số tổ chức phi chính phủ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hỗ trợ về vốn và đào tạo cho DNXH, đặc biệt vai trò của các đơn vị đào tạo chưa thực sự mạnh mẽ. Chính vì vậy, xây dựng và phát triển Hệ sinh thái DNXH thực sự là một giải pháp quan trọng để kết nối Nhà nước - DNXH và các tổ chức trung gian hỗ trợ, các đơn vị đào tạo nghiên cứu cùng chung tay hỗ trợ DNXH về mọi khía cạnh, từ pháp lý đến đào tạo, quảng bá, kêu gọi tài trợ hay tìm đầu ra cho sản phẩm, dịch vụ... Hệ sinh thái hỗ trợ DNXH phát triển tốt thì gánh nặng về hỗ trợ DNXH của Nhà nước cũng được giảm bớt và thay bằng các hỗ trợ có tính pháp lý sẽ là các hình thức hỗ trợ phi chính thức đến từ các cá nhân, tổ chức và cộng đồng xã hội.

Tại Thái Lan, để thúc đẩy các DNXH phát triển, Đạo luật xúc tiến DNXH Thái Lan được ban hành năm 2019 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập ba thiết chế gồm: Ủy ban xúc tiến DNXH quốc gia (National Social Enterprise Promotion Committee), Văn phòng Doanh nghiệp Xã hội Quốc gia (Office of Social Enterprise Promotion - viết tắt là OSEP) và Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp xã hội (Social Enterprise Promotion Fund) để cùng kết hợp hỗ trợ DNXH. Trong đó, thiết chế cốt lõi là Văn phòng xúc tiến DNXH - OSEP, cơ quan này chịu trách nhiệm về việc cấp đăng ký DNXH và triển khai các kế hoạch khuyến mại, các nội dung liên quan đến DNXH. Ủy ban Xúc tiến Doanh nghiệp Xã hội chịu trách nhiệm thiết kế các chính sách và kế hoạch liên quan đến thúc đẩy DNXH ở Thái Lan và đưa ra khuyến nghị cho Nội các để cải thiện các quy định liên quan. Quỹ hỗ trợ DNXH chịu trách nhiệm hỗ trợ tài chính, xét duyệt hồ sơ cho vay và trợ cấp cho các DNXH đã đăng ký.¹²⁹

3.3.2. Giao cơ quan chuyên trách quản lý doanh nghiệp xã hội

Ở nước ta hiện nay, cùng với việc đăng ký doanh nghiệp, DNXH phải thông báo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường cho cơ quan đăng ký kinh doanh để công khai trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Mọi hoạt

¹²⁹ https://www.tilleke.com/wp-content/uploads/2017/03/2017_Mar17_Legal-framework-to-promote-social-enterprises-in-thailand.pdf

động khác DNXH cũng thực hiện như một doanh nghiệp thông thường. Tuy nhiên, DNXH có những đặc thù riêng nên việc quản lý theo cơ chế chung như các DN thông thường là chưa phù hợp, gây trở ngại cho cả phía cơ quan đăng ký kinh doanh và phía DNXH. Về phía cơ quan đăng ký kinh doanh, xuất phát từ nguyên nhân khách quan của quy định về DNXH hiện nay còn chung chung, thiếu hướng dẫn cụ thể nên phần lớn cán bộ quản lý còn chưa hiểu biết rõ về DNXH, dẫn đến những bất cập trong quá trình quản lý DNXH. Về phía DNXH, vốn mang tâm lý chung của các DN mới và nhân sự đặc thù nên rất thường e ngại thủ tục hành chính. Mặt khác, thủ tục, hồ sơ của DNXH cũng có những quy định riêng nên nếu không có cơ quan chuyên trách hỗ trợ thì áp lực và thủ tục hành chính có thể là trở ngại lớn nhất để DNXH được hình thành và phát triển.

Thực tế kinh nghiệm phát triển DNXH ở các quốc gia hiện nay cho thấy, rất nhiều quốc gia đã thành lập cơ quan/bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động của các DNXH. Tuy nhiên, tùy theo mô hình quản lý mà mỗi quốc gia sẽ quy định khác nhau về giới hạn hoạt động của cơ quan này, cơ quan chuyên trách về DNXH vừa có trách nhiệm quản lý, vừa có trách nhiệm hỗ trợ cho DNXH hay cơ quan quản lý DNXH và bộ phận hỗ trợ DNXH là độc lập. Ví dụ như ở Anh thì có Cơ quan đăng ký kinh doanh (Companies House), ở Mỹ có cơ quan quản lý Nhà nước của Bang (Secretary of State) hay ở Hàn Quốc có Ủy ban Hỗ trợ DNXH của Bộ Lao động; năm 2006, Singapore thành lập Phòng Doanh nghiệp xã hội trực thuộc Bộ Phát triển Cộng đồng, Thanh niên và Thể thao (Nay là Bộ Phát triển gia đình và xã hội - Ministry of Social and Family Development). Ngoài ra, để thúc đẩy sự phát triển DNXH, Singapore còn thành lập Hiệp hội DNXH và Trung tâm phát triển DNXH - The Social Enterprise Development Centre (SEDC) nhằm phục vụ công tác đào tạo và tư vấn năng lực thể chế cho DNXH.

Việc có nên chăng giao cơ quan chuyên trách về DNXH tại Việt Nam là một vấn đề cần đặc biệt lưu tâm và có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình thúc đẩy mô hình DNXH phát triển ở nước ta. Thực tế hiện nay, do không có một cơ quan làm đầu mối quản lý về DNXH nên việc tìm kiếm các số liệu chính thức về DNXH rất khó khăn. Sự quan tâm của các cơ quan Nhà nước đến mô hình DNXH vẫn còn rất mờ nhạt, ngay trong các tài liệu chính thống nhất như Sách trắng doanh nghiệp

Việt Nam hay Niên giám thống kê được Tổng cục Thống kê công bố định kỳ hàng năm cũng không thể tìm thấy bất kỳ một thông tin hay số liệu tổng hợp nào về DNXH. Các số liệu về DNXH chỉ có thể có được thông qua các báo cáo khảo sát của các nhóm nghiên cứu trong quá trình thực hiện các đề tài, đề án có sự tài trợ của các Tổ chức phi chính phủ như Trung tâm hỗ trợ sáng kiến cộng đồng (CSIP) hoặc Hội đồng Anh tại Việt Nam. Và vì vậy, số liệu các nhóm nghiên cứu có được thường trên cơ sở vừa tổng hợp từ cơ quan quản lý Nhà nước, vừa thu thập từ thực tiễn điều tra, khảo sát nên không mang tính chính thức và toàn diện. Thực tế hiện nay, nhiều lãnh đạo DNXH đã không ít lần chia sẻ mong muốn tại Việt Nam có một cơ quan quản lý và hỗ trợ DNXH, giúp đỡ DN các vấn đề về pháp lý trong quá trình thành lập cũng như các hỗ trợ khác trong quá trình hoạt động của DN. Chị Tản Thị Su (Người sáng lập DNXH Sapa O'Châu) trong một Hội thảo đã chia sẻ mong muốn có một ban tư vấn cấp tỉnh hoặc cấp huyện dành cho các DNXH, các doanh nghiệp nhỏ, các mô hình khởi nghiệp tại cộng đồng¹³⁰. Như vậy, việc giao cho một cơ quan chuyên trách về DNXH là yêu cầu cần thiết, giải pháp này vừa đảm bảo hiệu quả quản lý, vừa đáp ứng nguyện vọng của các doanh nhân xã hội ở nước ta hiện nay. Nghiên cứu sinh đề xuất bộ phận chuyên trách về DNXH sẽ thuộc sự quản lý của Cục phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Bộ phận này sẽ là đầu mối quản lý, đồng thời cũng chịu mọi trách nhiệm liên quan đến DNXH ở Việt Nam, bao gồm việc xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin, hỗ trợ thủ tục hành chính cho DNXH trong quá trình thành lập và hoạt động, đề ra các tiêu chuẩn và thực hiện cơ chế giám sát đảm bảo mục tiêu xã hội của DNXH, xét duyệt đề xuất công nhận và phân loại DNXH, thực hiện các chương trình bảo vệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của DNXH trong nền kinh tế thị trường, thực hiện ươm mầm và đào tạo nguồn doanh nhân xã hội có kiến thức chuyên môn và tận tâm với sáng kiến của họ. Việc thành lập bộ phận chuyên trách về DNXH sẽ góp phần giải quyết những hạn chế mà hiện tại đang là rào cản khiến các DNXH e ngại trước việc chuyển đổi mô hình hoặc thành lập tổ chức dưới dạng DNXH. Do vậy, việc thiết kế và xây dựng một bộ phận quản lý riêng cho DNXH, chịu trách nhiệm về toàn bộ

¹³⁰ Khánh An, *Doanh nghiệp xã hội vẫn “vô hình”*, xem tại: <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/doanh-nghiep-xa-hoi-van-vo-hinh-post207653.html>

những hoạt động liên quan đến mô hình DN này là một giải pháp cần được thực hiện nhanh chóng, khẩn cấp để có thể phát triển mạnh mẽ mô hình DNXH trên cả nước. Nhu cầu về việc có một cơ quan chuyên trách quản lý, hỗ trợ DNXH cũng là nguyện vọng của nhiều DNXH hiện nay. Kết quả khảo sát của tác giả luận án cho thấy, có 4/5 DNXH tham gia khảo sát bày tỏ nguyện vọng này (Phụ lục 01).

3.3.3. Nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội

Để pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH đạt hiệu quả thực thi cao, các cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan như cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, cơ quan quản lý lao động... chính là những cầu nối then chốt, có vai trò vô cùng quan trọng. Do đó, việc hoàn thiện và nâng cao về trình độ, nhận thức, năng lực, tổ chức của đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước trong việc hỗ trợ DNXH là hết sức cần thiết. Không những vậy, cần phải tăng cường, đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức Nhà nước toàn hệ thống từ Trung ương đến địa phương, loại bỏ thái độ thờ ơ, những nhiều khi DNXH tiến hành các thủ tục để hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hoặc DNXH cần các tư vấn về pháp lý, hành chính từ phía các cơ quan Nhà nước. Để đảm bảo điều này, Nhà nước cần quy định hệ thống chế tài cụ thể, nghiêm khắc đối với các hành vi trái pháp luật, những nhiều của cán bộ, công chức khi làm việc trực tiếp với doanh nghiệp.

Chính phủ cùng các bộ, ngành cần phát động, chỉ đạo các địa phương thực hiện các chương trình tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao năng lực hỗ trợ DNXH, phát triển hệ sinh thái hỗ trợ DNXH. Các chương trình tập huấn là cơ hội để đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước tiếp nhận, cập nhật thông tin kịp thời về chủ trương, chính sách mới; đồng thời tăng cường hiểu biết về vai trò, sứ mệnh của DNXH cũng như ý nghĩa của hoạt động hỗ trợ đối với mô hình kinh doanh này.

Bên cạnh đó, Nhà nước cần có sự phân công, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền trong công tác thực hiện pháp luật về hỗ trợ, thúc đẩy DNXH. Thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNXH phải được phân định rõ ràng, tránh chồng chéo. Việc này sẽ giúp kịp thời sửa chữa và quy trách nhiệm khi xảy ra sai phạm, khắc phục được tình trạng đùn đẩy trách nhiệm - một hiện tượng khá phổ biến hiện nay. Với quy định rõ ràng như vậy, các DNXH sẽ dễ

dàng tìm đến đúng đầu mối để giải quyết khó khăn, vướng mắc của DN trong quá trình hoạt động.

Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ứng với cuộc cách mạng công nghiệp số hiện nay, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức và các cơ quan Nhà nước phải không ngừng sáng tạo, đổi mới phương thức làm việc, quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học công nghệ, tiến tới xây dựng “Chính phủ điện tử”, hạn chế tối đa việc thực hiện các thủ tục hành chính và quản lý, lưu trữ hồ sơ theo phương thức truyền thống. Việc cập nhật đồng bộ các dữ liệu, đổi mới cách thức quản lý hiệu quả, đồng nghĩa với việc sẽ tiết kiệm thời gian, chi phí cho DN và cả các cơ quan Nhà nước. Việc tích hợp đồng thời tất cả các thông tin về DN nói chung sẽ góp phần rất lớn trong việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê về DNXH, cũng như phân loại, đánh giá hiệu quả mục tiêu xã hội của DN. Theo đó, việc tra cứu, phân loại DNXH tạo tiền đề để Nhà nước và các tổ chức có các ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với từng DNXH cụ thể.

Ngoài các giải pháp từ phía Nhà nước thì bản thân DNXH cũng cần có những thay đổi về nhận thức, năng lực để phối hợp cùng Nhà nước nâng cao hiệu quả thực thi của các quy định về ưu đãi, hỗ trợ. Cụ thể, các DNXH cần có ý thức nâng cao hiểu biết pháp luật, các kiến thức và kỹ năng trình độ cho nhóm lao động quản lý và nhân viên. DNXH cần tích cực tham gia các buổi tọa đàm, các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp lý, kỹ năng nghiệp vụ, tập huấn về đào tạo quản lý nhân lực, tập huấn quản lý tài chính, kỹ năng marketing... để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động độc lập cao hơn. Ngoài ra, trước làn sóng phát triển của khoa học công nghệ như hiện nay, mỗi DNXH cũng cần thường xuyên cập nhật, ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, không ngừng đổi mới sáng tạo trong phương thức kinh doanh. Bên cạnh các chương trình hỗ trợ từ phía Nhà nước và các tổ chức, DNXH cũng cần đẩy mạnh kết nối, lan tỏa tiềm năng và giá trị của cộng đồng DNXH, chủ động, tích cực hơn nữa trong việc tìm kiếm các chương trình hỗ trợ. Để làm được điều này, DNXH cần thường xuyên cập nhật thông tin để tiếp cận nhanh nhất với các cơ chế hỗ trợ DN mà Nhà nước và các tổ chức dành cho DNXH.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Để phát triển DNXH, các quốc gia hiện nay đều không ngừng tìm kiếm và áp dụng các giải pháp nhằm ưu đãi, hỗ trợ và khuyến khích DNXH. Ở nước ta, khu vực DNXH hoạt động còn rất hạn chế về số lượng và nhỏ về quy mô, do đó, yêu cầu làm rõ quan điểm và các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng như giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là rất cần thiết. Trong đó, để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, cần bám sát và đảm bảo các quan điểm sau đây: Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải đảm bảo tính bền vững, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH phải đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn; Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội phải gắn với việc hoàn thiện tổng thể pháp luật về doanh nghiệp xã hội và phù hợp với nền kinh tế, xã hội của đất nước và Hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải gắn với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và phù hợp với các cam kết quốc tế.

Để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cần 02 nhóm giải pháp.

Thứ nhất, nhóm giải pháp hoàn thiện nội dung pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Đề xuất chỉnh sửa theo hướng mở rộng khái niệm DNXH, theo đó, DNXH là một thực thể kinh doanh vì mục tiêu xã hội, không nhất thiết phải đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, cần hoàn thiện quy định về điều kiện công nhận, thủ tục thành lập và cấp giấy chứng nhận, phân loại DNXH; hoàn thiện các quy định cụ thể về ưu đãi thuế, ưu đãi đất đai, hỗ trợ về vốn, hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý và hỗ trợ phát triển nhân lực trong DNXH.

Thứ hai, nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Nhà nước cần sớm ban hành Chiến lược quốc gia về DNXH, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ và khung pháp lý riêng điều chỉnh DNXH, thành lập hoặc giao cơ quan chuyên trách quản lý và hỗ trợ DNXH tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và nghiên cứu mô hình DNXH trong các cơ sở giáo dục đào tạo để mô hình này được đông đảo người dân và các nhà đầu tư biết đến cũng như quan tâm, hỗ trợ hơn.

KẾT LUẬN

Sau khi thực hiện nghiên cứu đề tài “**Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam**”, NCS rút ra một số kết luận sau đây:

1. Doanh nghiệp xã hội là thuật ngữ pháp lý được chính thức ghi nhận ở Việt Nam từ Luật Doanh nghiệp 2014. So với lịch sử ra đời DNXH của các quốc gia trên thế giới thì sự thừa nhận pháp lý của DNXH tại Việt Nam là khá muộn. Hiện nay trên thế giới và ngay tại Việt Nam vẫn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về DNXH. Trong đó, đa phần quốc gia đều cho rằng DNXH là mô hình kinh doanh vì mục tiêu xã hội và sử dụng phần lớn lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội của doanh nghiệp. Kế thừa quan điểm của các quốc gia đi trước, pháp luật Việt Nam không trực tiếp đưa ra khái niệm DNXH mà đề cập đến DNXH dựa theo 3 tiêu chí quy định tại Điều 10 Luật DN, theo đó, về mặt pháp lý DNXH bắt buộc phải đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong phạm vi luận án, DNXH được nghiên cứu theo quan điểm của các nhà lập pháp Việt Nam, theo đó: *“DNXH là tổ chức kinh doanh có hình thức pháp lý là doanh nghiệp, được thành lập để tiến hành các hoạt động kinh doanh, lấy kinh doanh làm nền tảng để phục vụ mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội.”* Để hỗ trợ và thúc đẩy khu vực DNXH phát triển, việc nghiên cứu pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trong đó, tác giả cho rằng: *Pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH là một bộ phận của pháp luật về DNXH, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, quy định về các điều kiện nhận diện và hình thức ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH, nhằm đẩy mạnh hoạt động đầu tư, phát triển của DNXH, thông qua đó, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân.* Xét về cấu trúc nội dung, pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH gồm hai bộ phận là pháp luật về ưu đãi DNXH và pháp luật về hỗ trợ DNXH. Trong đó, pháp luật về ưu đãi đối với doanh nghiệp xã hội (bao gồm quy định về các lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn ưu đãi; quy định về thủ tục ưu đãi; quy định về các hình thức ưu đãi. Pháp luật về hỗ trợ DNXH tập trung chủ yếu trong các quy định về hình thức hỗ trợ, bao gồm hỗ

trợ về thủ tục hành chính - pháp lý; hỗ trợ nguồn vốn, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực đối với DNXH.

2. Pháp Luật Doanh nghiệp đã quy định: “*Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội*”, tuy nhiên cho đến nay, hệ thống quy định về ưu đãi, hỗ trợ DNXH của nước ta vẫn còn rất sơ khai. Các quy định để nhận diện DNXH còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Thủ tục đăng ký DNXH chưa đảm bảo được hiệu quả quản lý đối với mô hình kinh doanh đặc biệt này. Giấy chứng nhận đăng ký DN của DNXH cũng chỉ mang ý nghĩa “khai sinh”, chứ chưa mang ý nghĩa “công nhận” đó là DNXH, chính vì vậy, rất khó nhận diện các DNXH thực chất để từ đó Nhà nước có những ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối tượng. Các hình thức ưu đãi thuế, ưu đãi về đất đai đều theo quy định chung của pháp Luật Đầu tư, phụ thuộc vào địa bàn và đối tượng đầu tư - trong đó không đề cập đến đối tượng là DNXH. Các hình thức hỗ trợ, bao gồm hỗ trợ về thủ tục hành chính, pháp lý, hỗ trợ về nhân sự, hỗ trợ về tài chính đều chưa có quy định cụ thể. Chính những khoảng trống pháp lý này tạo ra sự bất bình đẳng giữa DNXH và các DNTM, đồng thời thể hiện sự thiếu thống nhất trong nội dung của các văn bản pháp luật. Bên cạnh hạn chế về nội dung của pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, thực tiễn thi hành pháp luật của các DNXH hiện nay cũng còn gặp nhiều bất cập về thủ tục đăng ký thành lập, chuyển đổi sang DNXH, cũng như thủ tục hưởng ưu đãi về đất đai hay hỗ trợ về vốn còn rất hạn chế.

3. Từ thực trạng quy định hiện hành về ưu đãi, hỗ trợ DNXH cũng như thực tiễn thi hành các quy định này ở Việt Nam cho thấy, cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Việc hoàn thiện các quy định này phải theo quan điểm, định hướng cơ bản như: hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH phải trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, phải đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn, phải gắn với việc hoàn thiện tổng thể pháp luật về DNXH và phù hợp với nền kinh tế, xã hội của đất nước, đồng thời phải gắn với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế. Dựa trên những định hướng cụ thể như trên, tác giả đề xuất 2 nhóm giải pháp, bao gồm: thứ nhất là

nhóm các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH và thứ hai là nhóm các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH tại Việt Nam. Đối với nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật, tác giả đề xuất xây dựng khung pháp lý điều chỉnh riêng dành cho DNXH, trong đó hoàn thiện các quy định về điều kiện nhận diện và các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH. Đối với nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ DNXH, tác giả đề xuất Nhà nước cần quan tâm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ DNXH, đồng thời giao cơ quan chuyên trách quản lý và hỗ trợ DNXH tại Việt Nam./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lưu Thị Tuyết (2022), *Thực trạng hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý đối với doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số chuyên đề tháng 8.
2. Lưu Thị Tuyết (2022), *Hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ phát triển nhân lực trong doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số định kỳ tháng 12, (370).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Các vấn đề xã hội và môi trường, *Phát triển Doanh nghiệp xã hội tạo tác động tại Việt Nam*, 2019;
2. Bùi Đức Thọ, Trương Thị Nam Thắng, Sách chuyên khảo “*Doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam*”, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021;
3. Công ty Cổ phần Kym Việt, *Báo cáo thành tích hoạt động năm 2022*;
4. Chu Thị Thanh An, Phạm Thị Hiền, *Giám sát doanh nghiệp xã hội theo pháp luật vương quốc Anh và một số đề xuất cho Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2018, tr.39-48;
5. Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Đầu tư, 2011, NXB. Công an nhân dân.
6. Đình Khoa, *Vấn còn dư địa hỗ trợ DN nhỏ và vừa*, xem tại: <https://daibieunhandan.vn/van-con-du-dia-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-usqdira5ah-79477>, truy cập ngày 05/02/2022;
7. Đỗ Hải Hoàn, *Hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp xã hội ở Ấn Độ và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo “Thực trạng phát triển DNXH đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội ở Việt Nam, 2019;
8. Đức Tâm, *Doanh nghiệp xã hội thêm điều kiện hoạt động*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 2015. Xem tại: <http://www.thesaigontimes.vn/125011/Doanh-nghiep-xa-hoi-them-dieu-kien-hoat-dong.html>, ngày truy cập 25/4/2022;
9. Hà Quân, *Doanh nghiệp vì xã hội có cơ hội nhận hỗ trợ hạt giống 100 triệu*, xem tại: <https://tuoitre.vn/doanh-nghiep-vi-xa-hoi-co-co-hoi-nhan-ho-tro-hat-giong-100-trieu-dong-20220428141058564.htm>, truy cập ngày 28/6/2022;
10. Hồ Xuân Sang, *Pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo*, Luận văn thạc sỹ Luật học tại trường Đại học Luật, ĐH Huế, 2018.
11. Hoàng Vũ, *Tiềm năng to lớn của nền kinh tế số Việt Nam*, xem tại: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/cac-van-de/tiem-nang-to-lon-cua-nen-kinh-te-so-viet-nam-678400>, truy cập ngày 24/4/2022;

12. Hoàng Xuân Trường, *Cơ chế pháp lý thúc đẩy doanh nghiệp xã hội sử dụng lao động là người khuyết tật*, Tạp chí công thương, số 17 (tháng 7/2020), tr.31-tr.35;
13. Hội đồng Anh, *Cẩm nang thành lập doanh nghiệp xã hội*;
14. Hội đồng Anh, CIEM, Đại học Kinh tế quốc dân, *Điển hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, 2016.
15. Huyền Trang, *Doanh nghiệp của người khuyết tật: vật lộn để sống giữa “đại dương đỏ”*, xem tại: <https://doanhnhantrevietnam.vn/doanh-nghiep-cua-nguoi-khuyet-tat-vat-lon-de-song-giua-dai-duong-do-d9275.html>, đăng ngày 05/8/2021, truy cập ngày 10/7/2022;
16. Khánh An (2016), *Vắng doanh nghiệp xã hội do lúng túng về thủ tục*, link: <https://baodautu.vn/vang-doanh-nghiep-xa-hoi-do-lung-tung-ve-thu-tuc-d51666.html>, đăng ngày 20/9/2016;
17. Khánh An, *Doanh nghiệp xã hội vẫn “vô hình”*, xem tại: <https://baodautu.vn/doanh-nghiep-xa-hoi-van-vo-hinh-d96628.html>, đăng ngày 11/3/2019;
18. Khánh Vân, *Hàn Quốc: Tăng trưởng của các doanh nghiệp xã hội dưới thời Covid-19*, xem tại: <https://ncov.vnnet.vn/tin-tuc/han-quoc-tang-truong-cua-cac-doanh-nghiep-xa-hoi-duoi-thoi-covid-19/bbe2a1b9-ce9c-4895-ad98-af499d5dee0c>, truy cập ngày 26/2/2022;
19. Lê Huy, *Doanh nhân xã hội (Social Entrepreneur) là ai? Tinh thần doanh nhân xã hội*, xem tại: <https://vietnambiz.vn/doanh-nhan-xa-hoi-social-entrepreneur-la-ai-tinh-than-doanh-nhan-xa-hoi-20200622033434865.htm>, truy cập ngày 4/3/2022.
20. Lê Nhật Bảo, Phạm Thị Mỹ Duyên, *Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Hàn Quốc và những gợi mở cho Việt Nam*, xem tại: <http://www.lappphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210931>, truy cập ngày 25/8/2022;
21. Lê Thanh Tú, Cục quản lý đăng ký kinh doanh, *Kinh nghiệm quốc tế và áp dụng vào Việt Nam trong thành lập, hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội*. 2015;

22. Liên minh DNXH Vương quốc Anh (SEUK), *Báo cáo tác động DNXH năm 2017*;
23. Ngọc An, Ngọc Hiền, “Cởi trói” cho doanh nghiệp xã hội, xem tại: <https://tuoitre.vn/coi-troi-cho-doanh-nghiep-xa-hoi-20191012101529819.htm>, truy cập ngày 07/6/2022;
24. Ngọc An, Ngọc Hiền, *Những doanh nghiệp lạng lẽ*, xem tại: <https://tuoitre.vn/nhung-doanh-nghiep-lang-le-20191010225215011.htm>, đăng ngày 11/10/2019, truy cập ngày 13/7/2022;
25. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, *Các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư năm 2014*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, 2017;
26. Nguyễn Thị Diễm Anh, *Địa vị pháp lý của doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, 2021.
27. Nguyễn Thị Dung, *Đánh giá khả năng thực thi pháp luật hiện hành về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 1.2017;
28. Nguyễn Thị Quý Nhi, *Tiềm năng từ khu vực tư nhân cho phát triển cơ sở hạ tầng ở Việt Nam*, xem tại: <https://phatthinhrating.com/tiem-nang-tu-khu-vuc-tu-nhan-cho-phat-trien-co-so-ha-tang-o-viet-nam/>, truy cập ngày 9/3/2022;
29. Nguyễn Thị Yến, *Pháp luật về doanh nghiệp xã hội và thực tiễn thi hành tại Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017;
30. Nguyễn Toàn Thắng, *Nghiên cứu so sánh chế định doanh nghiệp xã hội trong hệ thống pháp luật của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Đại học Luật Hà Nội;
31. Phạm Mạnh Cường, *Huy động nguồn lực tài chính dành cho doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ ĐH Fullbright, 2024;
32. Phạm Thị Hạnh, Phùng Thị Quỳnh Trang, *Kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội tại Anh và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, tháng 10/2020;

33. Phạm Vũ Thắng, Cao Tú Oanh, *Các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp xã hội - kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí quản lý kinh tế số 66 (3+4/2015);
34. Quanny Nguyễn, *Câu chuyện về Imagtor - Người xây dựng hình ảnh tương lai*, xem tại: <https://www.brandsvietnam.com/18397-Cau-chuyen-ve-Imagtor-nguoi-xay-dung-hinh-anh-tuong-lai>, truy cập ngày 07/6/2022;
35. Thông tin tài chính, *Phát triển doanh nghiệp xã hội vì sự phát triển bền vững*, Tạp chí nghiên cứu Khoa học kiểm toán (online), xem tại: <http://www.khoahockiemtoan.vn/741-1-ndt/phan-trien-doanh-nghiep-xa-hoi-vi-su-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-ben-vung.sav>, truy cập ngày 10/6/2022;
36. Thu Trang, *Mở lối cho doanh nghiệp xã hội phát triển*, xem tại: <https://csip.vn/chi-tiet/mo-loi-cho-doanh-nghiep-xa-hoi-phat-trien-72.html>, truy cập ngày 10/7/2022;
37. Thúy Hiền (2017), *Tiếp tục hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Link tham khảo: <http://www.baomoi.com/tiep-tuc-ho-tro-tai-chinh-doi-voi-doanh-nghiep-nho-va-vua/c/21760272/epi>;
38. Tình hình đăng ký doanh nghiệp tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2022, xem tại: <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/6203/tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-thang-6-va-6-thang-dau-nam-2022.aspx>
39. Trần Thị Bảo Ánh, *Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2019;
40. Trần Thị Thủy, *Pháp luật về việc làm cho người khuyết tật và thực tiễn thực hiện tại một số tỉnh miền Nam Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2017;
41. Trịnh Diệu Ly, *Một số vướng mắc trong quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội*, Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức, số 48.2020;
42. Trương Bá Tuấn, *Chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị*, Tạp chí Tài chính, ngày 04/2/2019;
43. *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 1999;
44. Viện Đại học Mở Hà Nội, *Giáo trình Luật Đầu tư*, 2018 NXB. Lao động xã hội;

45. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, 1997.
46. Viện ngôn ngữ học (2018), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội.
47. Võ Thị Hoài, *Góp phần hoàn thiện quy định pháp luật nhằm bảo đảm cho sự phát triển của mô hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Tạp chí nhân lực khoa học xã hội, số 8/2020, tr.51- tr.58;
48. Vũ Lê Minh, “*Điểm danh*” những quy định bất cập trong 29 Luật đang gây khó hoạt động sản xuất, kinh doanh (kỳ 1), xem tại: <https://phaply.net.vn/diem-danh-nhung-qui-dinh-bat-cap-trong-29-luat-dang-gay-kho-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-ki-1-a253026.html>, truy cập ngày 6/5/2022;

II. Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài:

49. Aleksandra Szymanska và Marc Jegers, *State Aid to Social Enterprises: The Polish Case (Viện trợ nhà nước cho doanh nghiệp xã hội, trường hợp của Ba Lan)*, EstAL 4/2015;
50. Aikaterini Argyrou, *Providing Social Enterprises with Better Access to Public Procurement: The Development of Supportive Legal Frameworks (Cung cấp cho Doanh nghiệp xã hội khả năng tiếp cận tốt hơn đối với Mua sắm công: Sự phát triển của Khung pháp lý hỗ trợ)*, tạp chí EPPPL số 3/2017;
51. Bangkok Post, *Legal framework promote social enterprise Thailand (Khung pháp lý hỗ trợ DNXH Thái Lan)*, 2017;
52. British council, CIEM, Social Enterprise UK, *Social Enterprises in Vietnam (Báo cáo hiện trạng DNXH ở Việt Nam)*, 2019;
53. British Council, *The state of social enterprise in India (Thực trạng DNXH ở Ấn Độ)*, 2016, xem tại: https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/bc-report-ch4-india-digital_0.pdf
54. British Council, United Nations ESCAP, *Social Enterprise UK, The state of social enterprise in South East Asia (Thực trạng doanh nghiệp xã hội ở Đông Nam Á)*, 2021;
55. China Social Enterprise and Impact Investment Forum, Narada Foundation, *China Social Enterprise and Social Investment Landscape Report 2019 (Báo cáo toàn cảnh DNXH và đầu tư xã hội Trung Quốc năm 2019)*;

56. Department of Rural and Community Development, *National Social Enterprises Policy for Ireland 2019 - 2022* (Chính sách quốc gia về DNXH ở Ireland giai đoạn 2019 - 2022), 2022.
57. European Commission, *Social Enterprises and their ecosystems in Europe - Country Report United Kingdom (DNXH và Hệ sinh thái DNXH ở Châu Âu - Báo cáo quốc gia Vương quốc Anh)*, 2019
58. GIIN, *Core Characteristics of Impact Investing (Đặc điểm cốt lõi của đầu tư tác động)*, 2012;
59. Haarich, S. et al. (2020), *Impact of the European Commission's Social Business Initiative (SBI) and its Follow-up Actions (Tác động của Sáng kiến kinh doanh xã hội (SBI) và các hành động tiếp theo của châu Âu)*, European Commission, Luxembourg.
60. Henry Peter, Carlos Vargas Vasserot, Jaime Alcalde Silva, *The International Handbook of Social Enterprise Law (Cẩm nang quốc tế về DNXH)*;
61. Hyejin Kwon, Youngok Choi và Busayawan Lam, *The design and social enterprise ecosystem: How can design be applied to a developing social enterprise ecosystem? (Thiết kế và hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội: làm thế nào thiết kế có thể áp dụng cho hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội đang phát triển?)*, Design Research Society 2018,
62. International Labor Office, *Disability Compensation System - People's Republic of China (Hệ thống bồi thường khuyết tật - Cộng hòa nhân dân Trung Hoa)*;
63. Korea Social Enterprise Promotion Agency, *Korea Social Economy*, 2019, p.9;
64. Lauren Ker, *The concept of social enterprise: An analysis of the current tax environment and proposed enabling tax incentives to aid the social enterprise (Khái niệm về doanh nghiệp xã hội: Phân tích môi trường thuế hiện tại và đề xuất khuyến khích thuế để hỗ trợ doanh nghiệp xã hội)*, Luận văn thạc sỹ ngành thương mại, Đại học Cape Town (UCT), 2014;
65. Luc Schmeber, Rene Tonnisson & Mart Velisté, *Social economy and support to social enterprises in the European Union* (Kinh tế xã hội và hỗ trợ doanh nghiệp xã hội tại khu vực châu Âu), 2021;

66. Luca Bagnoli và Cecilia Megali, *Measuring Performance in Social Enterprise (Đo lường hiệu suất trong doanh nghiệp xã hội)*, Nonprofit & Voluntary Sector Q. 149 (2011);
67. Mario Calderini, Magali Fia, Francesco, “*Organizing for transformative innovation policies: The role of social enterprises. Theoretical insights and evidence from Italy*” (Tổ chức thực hiện các chính sách đổi mới mang tính chuyển đổi: Vai trò của doanh nghiệp xã hội. Những hiểu biết lý thuyết và bằng chứng từ Ý), *Research Policy* 52 (2023) 104818
68. Melodena Stephens, *Business with purpose: advancing social enterprise (Kinh doanh có mục đích: thúc đẩy doanh nghiệp xã hội)*, World Scientific Publishing, 2020;
69. Michelle M. Kwon, “*To Tax or Not to Tax Social Enterprises*” (*Thuế hay không thuế cho doanh nghiệp xã hội*), *The Tennessee Journal of Business Law* (Vol.20, 2019).
70. Mohd Rizal Palil, Ida Suriya Ismail, Nor Hazila Mohd Zain, Allif Anwar Abu Bakar, *Social Enterprise and Taxation Policy: A Systematic Literature Review*” (Doanh nghiệp xã hội và chính sách thuế, nghiên cứu tổng quan có hệ thống), tạp chí BestuuR, số 2/2021;
71. OECD, *Designing legal frameworks for social enterprises (Thiết kế khung pháp lý cho doanh nghiệp xã hội)*, 2022, p.7
72. PLF Law Firm, *Corporate Income Tax Exemption for Social Enterprises (Miễn thuế TNDN cho DNXH)*, xem tại <https://plf.vn/corporate-income-tax-exemption-for-social-enterprises/5/>, truy cập ngày 15/5/2022;
73. Fergus Lyon và Leandro Sepulveda, *Government, SMEs and Entrepreneurship Development - Policy, Practice and Challenges* (Chính phủ, Doanh nghiệp vừa và nhỏ và Phát triển doanh nhân - chính sách, thực tiễn và thách thức), 2015;
74. Republic of Korea, Enforcement Decree of the Act on Social Enterprises Promotion (Decree No. 20141) (Nghị định số 20141 hướng dẫn Luật xúc tiến DNXH của Hàn Quốc);
75. Republic of Korea, *Social Enterprise Promotion Act (Luật xúc tiến Doanh nghiệp xã hội của Hàn Quốc)*, 2007;

76. Richard Summerfield, *The impact of social entrepreneurship on economic growth (Tác động của doanh nghiệp xã hội đến tăng trưởng kinh tế)*, Tạp chí Toàn cầu tài chính, tháng 5/2020;
77. Roitter, M. & Vivas, A. (2009), *Social Enterprise A global comparison (Doanh nghiệp xã hội - so sánh toàn cầu)*, University Press of New England, Argentina.
78. Romer, P. (1990). *Endogenous Technological Change (Thay đổi công nghệ nội sinh)*, Journal of Political Economy (Tạp chí Kinh tế chính trị), 98(5);
79. Romer, P. (1990). *Endogenous Technological Change (Thay đổi công nghệ nội sinh)*, Journal of Political Economy, 98(5), 71-102.
80. SEUK, *Social Enterprise Impact Report (Báo cáo tác động doanh nghiệp xã hội)*, 2017;
81. Swiss Agency for Development and Cooperation (SDC), Roots of impact (2016), *Social Impact Incentives (SIINC) White Paper (Các khuyến khích tác động xã hội (SIINC) Sách trắng)*;
82. The Malaysian Global Innovation and Creativity Central (MaGIC), *Social Enterprise 101 at 4 (Trung tâm sáng tạo và đổi mới toàn cầu Malaysia, Doanh nghiệp xã hội)*;
83. The United Kingdom, *Companies (Audit, Investigations and Community Enterprise) Act (Luật Công ty (kiểm toán, điều tra và doanh nghiệp cộng đồng))*, 2004;
84. The United Kingdom, *The Social Enterprise Development Strategy (Chiến lược phát triển doanh nghiệp xã hội)*, 2002;
85. World Trade Organization, *World Trade Report 2011: The WTO and preferential trade agreements: From co-existence to coherence*, Geneva, 2011, p.129;
86. Yunlin Cheng, *The development of social entrepreneurship in China (Sự phát triển của Doanh nhân xã hội tại Trung Quốc)*, University of San Francisco, 2017.
87. Vince Heaney, Katie Hill, *Investing in Social Enterprise: The role of tax incentives (đầu tư trong DNXH: quy tắc của ưu đãi thuế)*;

88. Zhang Xiaomeng, *Institutional Transition from Welfare Enterprise to Social Enterprise: the Localization of Legislation and Policy in Chinese Context* (Chuyển đổi thể chế từ doanh nghiệp phúc lợi sang doanh nghiệp xã hội: Nội luật hóa pháp luật và chính sách trong bối cảnh Trung Quốc), *Journal of Institutional Studies* 8(1):121-131, 2016;

III. Các website tham khảo

89. China Social Enterprise and Impact Investment Forum, Narada Foundation, *China Social Enterprise and Social Investment Landscape Report 2019* (Báo cáo bối cảnh đầu tư xã hội và doanh nghiệp xã hội Trung Quốc 2019), xem tại: <http://www.cseif.cn/Uploads/file/20190623//5d0f4381b9d97.pdf>
90. . Financier Worldwide Magazine, *The impact of social entrepreneurship on economic growth* (Tác động của doanh nghiệp xã hội tới tăng trưởng kinh tế), xem tại: <https://www.financierworldwide.com/the-impact-of-social-entrepreneurship-on-economic-growth#.Y9DXr3ZBw2w>
91. 社会企业行业评价操作指南 (*Hướng dẫn đánh giá doanh nghiệp xã hội*), xem tại: <https://www.csedaily.com/identification>, truy cập ngày 20/4/2024;
92. Scotland Social Enterprises Strategy 2016 - 2026 (Chiến lược doanh nghiệp xã hội Scotland giai đoạn 2016 - 2026), xem tại: <https://socialenterprisescotland.org.uk>, truy cập ngày 26/7/2022;
93. <https://www.oecd.org/cfe/leed/social-economy/social-entrepreneurship.htm#:~:text=Social%20enterprises%20are%20identified%20by,capacity%20for%20bringing%20innovative%20solutions>, bài đăng ngày 11/12/2023, truy cập ngày 15/2/2022;
94. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/doanh-nghiep-xa-hoi-va-phat-trien-ben-vung-533277.html>, bài đăng ngày truy cập ngày 05/1/2022;
95. <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/chinh-sach-la-gi-883-93770-article.html>, đăng ngày 17/4/2023, truy cập ngày 13/7/2023;

PHỤ LỤC

Phụ lục 01

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT THỰC TIỄN
THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP XÃ HỘI (DNXH) Ở VIỆT NAM**

(Mẫu A - phiếu điều tra, khảo sát DNXH đăng ký theo Luật Doanh nghiệp)

TT	Câu hỏi	Câu trả lời	Tỷ lệ
1	Anh/chị vui lòng cho biết mục tiêu xã hội mà DN của anh/chị đang theo đuổi	a. Đào tạo và tạo việc làm cho người yếu thế	3/5
		b. Giải quyết các vấn đề xã hội như môi trường, giáo dục, vệ sinh thực phẩm	0/5
		c. Kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận hỗ trợ các hoạt động xã hội	1/5
		d. Các mục tiêu khác: chăm sóc sức khỏe cộng đồng, phòng chống HIV - AIDS và phát triển cộng đồng LGBTIQ	1/5
2	Anh/chị có gặp khó khăn, vướng mắc về thủ tục khi thành lập/chuyển đổi thành DNXH không?	a. Có	0/5
		b. Không (Nếu “Không”, anh/chị vui lòng bỏ qua câu 3)	5/5
3.	Anh/chị gặp vướng mắc gì khi làm thủ tục thành lập/ chuyển đổi thành DNXH?	0/5
4	Anh/chị có thấy cần được Nhà nước hỗ trợ thủ tục thành lập DNXH không?	a. Có	2/5
		b. Không	3/5

TT	Câu hỏi	Câu trả lời	Tỷ lệ
5	Theo anh/chị, pháp luật có cần liệt kê các mục tiêu xã hội, môi trường mà DNXH hướng đến giải quyết không?	a. Có	4/5
		b. Không	1/5
6	Từ khi thành lập đến nay, DNXH của anh/chị đã thực hiện hoạt động kinh doanh hay chưa? Nếu chưa thì vì sao?	a. Đã thực hiện hoạt động kinh doanh	4/5
		b. Chưa từng thực hiện hoạt động kinh doanh Vì: ngại các thủ tục báo cáo hoạt động với Nhà nước	1/5
7	Thực tế hoạt động, DNXH của anh/chị có chịu sự kiểm soát về việc đảm bảo cam kết sử dụng tối thiểu 51% lợi nhuận sau thuế cho các mục tiêu xã hội không?	a. Có	0/5
		b. Không	5/5
8	Mức tổng lợi nhuận sau thuế mà DNXH của anh/chị trích lại để thực hiện nghĩa vụ tái đầu tư nhằm giải quyết các vấn đề xã hội do cơ quan nào hướng dẫn	a. Cơ quan đăng ký kinh doanh	0/5
		b. Văn phòng luật	0/5
		c. Chi cục thuế nơi DNXH đặt trụ sở chính	2/5
		d. Ý kiến khác: - DN chưa hoạt động nên không có hướng dẫn - DN tự xác định - Không có hướng dẫn	3/5
B. Nhóm câu hỏi về các hình thức ưu đãi, hỗ trợ DNXH			
9	Anh/chị có biết những ưu đãi, hỗ trợ nào dành riêng cho DNXH không?	a. Có	0/5
		b. Không (nếu KHÔNG, anh/chị vui lòng bỏ qua câu 10)	5/5
10	Anh/chị vui lòng kể tên một số ưu đãi, hỗ trợ chỉ dành riêng cho DNXH mà anh/chị biết.		0/5

TT	Câu hỏi	Câu trả lời	Tỷ lệ
11	Anh/chị có hài lòng với các quy định về ưu đãi, hỗ trợ hiện nay dành cho DNXH không?	a. Có (Nếu “Có”, anh/chị vui lòng bỏ qua câu 12)	0/5
		b. Không	5/5
		c. Ý kiến khác	0/5
12	Lý do vì sao anh/chị không hài lòng với quy định hiện hành về ưu đãi, hỗ trợ DNXH?	Vì hiện nay Nhà nước chưa quy định ưu đãi, hỗ trợ nào dành cho DNXH	3/5
13	DN của anh/chị có đang được hưởng ưu đãi về thuế TNDN không? Nếu có thì ưu đãi thuế TNDN theo đối tượng nào?	a. Có Đối tượng hưởng ưu đãi thuế TNDN: ưu đãi thuế theo địa bàn đầu tư và ưu đãi thuế theo quy định của Luật Người khuyết tật	2/5
		b. Không	3/5
14	Trong quá trình điều hành DNXH, anh/chị có nhận được hỗ trợ nào từ phía các cơ quan Nhà nước không? Nếu có, vui lòng liệt kê các hỗ trợ doanh nghiệp của anh/chị đã được nhận?	a. Có. Các hỗ trợ gồm:.....	0/5
		b. Không	5/5
15	Trong quá trình hoạt động, DNXH của anh/chị đã từng nhận được sự tài trợ, viện trợ của cá nhân, tổ chức nào chưa?	a. Có (nhận từ một số cá nhân hoặc gói hỗ trợ của Bộ KH&ĐT)	2/5
		b. Không	3/5
16	Theo anh/chị, quy trình tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật hiện nay đã tạo thuận lợi cho các DNXH không? Nếu không thì vì sao?	a. Có	0/5
		b. Không. Vì: - Quy trình, thủ tục tiếp nhận tài trợ, viện trợ rất phức tạp, không phù hợp với các khoản tài trợ nhỏ từ cá nhân. - Phải đề xuất dự án và báo cáo, trong khi đó nhiều khoản tài trợ rất nhỏ. - Chưa từng được nhận tài trợ, viện trợ	5/5

TT	Câu hỏi	Câu trả lời	Tỷ lệ
17	Anh/chị hãy kể tên một số Quỹ hỗ trợ DNXH mà anh/chị biết?	Không biết	5/5
18	DNXH của anh/chị đã từng được Nhà nước tạo điều kiện, ưu đãi, hỗ trợ về mặt bằng sản xuất, kinh doanh chưa?	a. Có	0/5
		b. Không	5/5
19	DNXH của anh/chị đã từng được tham gia chương trình nào về đào tạo nguồn nhân lực không?	a. Có	0/5
		b. Không	5/5
20	Anh/chị có nguyện vọng được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ gì dành riêng cho DNXH trong thời gian tới?	a. Ưu đãi thuế	4/5
		b. Ưu đãi về đất đai	4/5
		c. Hỗ trợ vốn/tài chính	3/5
		d. Hỗ trợ thủ tục hành chính, pháp lý	3/5
		e. Hỗ trợ đào tạo nhân sự	3/5
		f. Các đề xuất khác: Hỗ trợ kinh phí dạy nghề	0/5
21	Theo anh/chị, quy định về ưu đãi, hỗ trợ trong pháp luật hiện nay đã thực sự rõ ràng và thúc đẩy DNXH phát triển chưa?	a. Có	0/5
		b. Không	5/5
22	Để phát triển DNXH, theo anh/chị, Nhà nước cần thực hiện các giải pháp nào sau đây:	a. Ban hành chiến lược quốc gia về DNXH	3/5
		b. Ban hành Văn bản pháp lý riêng điều chỉnh DNXH	4/5
		c. Thành lập/giao cơ quan chuyên môn quản lý, hỗ trợ DNXH	4/5
		d. Thiết lập mạng lưới DNXH	2/5
		e. Thành lập các quỹ hỗ trợ tài chính	5/5
		f. Phương án khác:.....	0/5

TT	Câu hỏi	Câu trả lời	Tỷ lệ
23	DNXH của anh/chị đã từng gặp khó khăn, bất cập gì trong quy trình, thủ tục hưởng ưu đãi, hỗ trợ không?	<p>a. Có. Khó khăn, bất cập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khó khăn khi xin hỗ trợ về địa điểm kinh doanh; - Thiếu nhân lực làm hồ sơ hưởng ưu đãi (vì 100% lao động là người khuyết tật) và không tiếp cận được nguồn đất công phù hợp để thuê mặt bằng sản xuất. 	2/5
		b. Không	
24	Anh/chị có đề xuất gì để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ đối với DNXH không?	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu đãi thuế và mặt bằng; - Cần quy định cụ thể các mục tiêu xã hội của DN; - Nhà nước hỗ trợ 50% giá trị tiền thuê mặt bằng (trường hợp thuê đất của tư nhân); - Nên định danh lại thuật ngữ DNXH và chia DNXH thành các nhóm DNXH thuần túy và DNXH vừa kinh doanh kết hợp nhận viện trợ để quản lý phù hợp; - Giảm thuế và hỗ trợ pháp lý. 	

Phụ lục 02

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT
CHỦ THỂ KINH DOANH TẠO TÁC ĐỘNG XÃ HỘI -
KHÔNG ĐĂNG KÝ THEO MÔ HÌNH DNXH (Mẫu phiếu B)**

TT	Câu hỏi	Trả lời	Kết quả
1	Anh/chị có cho rằng về bản chất, doanh nghiệp của anh/chị là DNXH?	a. Có	5/5
		b. Không Nếu “không”, anh/chị vui lòng bỏ qua câu 3	0/5
2	Mục tiêu mà doanh nghiệp của anh/chị đang theo đuổi là gì?	Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và tạo việc làm cho người khuyết tật	
		Bảo tồn và phát triển cây thuốc, bài thuốc Nam, tạo thu nhập cho người nông dân từ việc trồng cây thuốc	
		Đạy vẽ và đào tạo nghề cho trẻ em khuyết tật, tự kỷ, mồ côi..., trích % lợi nhuận để hỗ trợ trẻ em thiệt thòi	
		Tạo việc làm cho người khuyết tật thông qua việc đào tạo, sản xuất và kinh doanh hàng thủ công	
		Tạo việc làm cho người khuyết tật và tận dụng các nguyên liệu thừa trong sản xuất để bảo vệ môi trường	
3	Vì sao mang bản chất doanh nghiệp xã hội nhưng anh/chị không đăng ký hoạt động doanh nghiệp theo mô hình DNXH?	Vì không biết và chưa hiểu rõ về DNXH	
		Không biết đến mô hình DNXH và cũng không thấy cần thiết chuyển đổi	
		Vì thấy không cần thiết, đăng ký và quyền lợi DNXH không khác công ty cổ phần đang hoạt động	
		Vì không thấy DNXH được ưu đãi gì hơn so với mô hình kinh doanh đang hoạt động hiện tại và ngại các nghĩa vụ báo cáo của DNXH	
		Không cảm thấy cần thiết vì quyền lợi DNXH không khác gì so với các mô hình kinh doanh khác	

TT	Câu hỏi	Trả lời	Kết quả
4	Doanh nghiệp của anh/chị đã và đang nhận được ưu đãi, hỗ trợ gì từ phía Nhà nước không?	a. Có	2/5
		b. Không Nếu “không” vui lòng bỏ qua câu 5	3/5
5	Anh/chị hãy liệt kê các ưu đãi, hỗ trợ đã từng được nhận từ Nhà nước?	<ul style="list-style-type: none"> - Từng nhận được hỗ trợ tài chính (100%) từ Bộ KH&ĐT năm 2022 - Nhận ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp vì sử dụng lao động là người khuyết tật 	
6	Doanh nghiệp của anh/chị đã từng nhận được viện trợ, tài trợ từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước chưa?	a. Có	1/5 (Hỗ trợ khởi nghiệp và đào tạo từ Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng CSIP)
		b. Không	3/5
7	Anh/chị có cho rằng Nhà nước cần mở rộng khái niệm DNXH là tất cả các chủ thể kinh doanh có mục tiêu xã hội (bao gồm cả hợp tác xã, các doanh nghiệp có mục tiêu xã hội)	a. Có	5/5
		b. Không	0/5
8	Anh/chị có cho rằng: Nhà nước cần có những ưu đãi, hỗ trợ chung cho các chủ thể kinh doanh có mục tiêu xã hội không?	a. Có	5/5
		b. Không	0/5
9	Theo anh/chị, các chủ thể kinh doanh có mục tiêu xã hội cần được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ gì? (anh/chị vui lòng sắp xếp theo thứ tự ưu tiên)	Hỗ trợ mặt bằng kinh doanh (đất đai)	5/5
		Hỗ trợ tiếp cận vốn vay ưu đãi	4/5
		Hỗ trợ pháp lý	2/5
		Hỗ trợ tiếp cận thị trường	2/5
		Ưu đãi thuế	2/5
		Tập huấn đào tạo kiến thức về DNXH	1/5